

LOẠI SÁCH
DANH NHÂN
VIỆT NAM

Những vĩ sao Đất nước



tập một

THANH NIÊN

VĂN LANG — QUỲNH CƯ — NGUYỄN ANH

NHỮNG VÌ SAO ĐẤT NƯỚC

(Tựa của VĂN TÂN)

thuongmaitruongxua.vn

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

TỔ QUÂN

lự hào về những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, v.v... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng».

Đầu năm 1964, nhân dịp kỷ niệm 200 năm ngày sinh của Nguyễn Du, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng lao động Việt-nam đã ra chỉ thị nêu rõ: «Việc kỷ niệm lần thứ 200 năm sinh của Nguyễn Du trong năm nay, cũng như việc kỷ niệm 520 năm ngày mất của Nguyễn Trãi trong năm 1962, kỷ niệm lần thứ 75 ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu trong năm 1963 và việc kỷ niệm các anh hùng dân tộc, các liệt sĩ cách mạng đều nhằm mục đích chung là biểu dương những thành tựu rực rỡ của nhân dân ta trên các mặt chính trị, quân sự và văn hóa, giáo dục các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh niên về truyền thống lịch sử vẻ vang của nước ta, do đó nâng cao thêm lòng tự tin và tự hào dân tộc để tiến lên hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trước mắt».

Thực hiện chủ trương của Đảng và Đoàn giáo dục những truyền thống tốt đẹp của dân tộc cho đoàn viên và thanh niên, Nhà xuất bản Thanh niên xuất bản bộ sách «Những vì sao đất nước», gồm 5 tập, giới thiệu những nhân vật lịch sử tiêu biểu của dân tộc ta qua các thời đại. Phương pháp viết sách của các tác giả là sử dụng một số hình thức văn học để trình bày nội dung lịch sử—một nội dung lịch sử cố gắng theo sát những kết quả nghiên cứu mới nhất hiện nay. Trong mỗi tập sách, chúng tôi thống nhất với các tác giả, cố gắng lựa chọn những nhân vật tiêu biểu về từng mặt ở các thời đại khác nhau, bảo đảm tỷ lệ cân đối giữa các nhân vật lịch sử về quân

sự, chính trị, ngoại giao, văn học nghệ thuật, khoa học, đạo đức và các thủ lĩnh nông dân khởi nghĩa.

Cách giới thiệu này sẽ giúp bạn đọc qua từng cuốn sách cũng thấy được phần nào những biểu hiện tốt đẹp về truyền thống của dân tộc. Đọc trọn bộ sẽ giúp cho bạn đọc thấy được những tấm gương cao đẹp về lòng yêu nước, thương nòi, tinh thần dũng cảm, xả thân vì độc lập, tự do của Tổ quốc, về con đường trau dồi đạo đức, tài năng và trí thông minh sáng tạo, cũng như phẩm chất lao động cần cù, giản dị tiết kiệm của ông cha ta xưa kia, càng thêm gần bó và tự hào về lịch sử dân tộc, kế thừa và phát huy nó trong sự nghiệp cách mạng hiện nay.

Hoàn cảnh làm bộ sách «Những vì sao đất nước» là những năm 1970 — 75 có nhiều biến động lớn lao của lịch sử dân tộc, trong đó, thuận lợi đã nhiều mà khó khăn cũng lắm. Hơn nữa đây lại là thử nghiệm đầu tiên của việc làm sách theo hình thức và nội dung này. Trong quá trình xuất bản bộ sách, chúng tôi đã nhận được nhiều ý kiến xây dựng của bạn đọc. Các tác giả cũng đã có ý định sửa chữa, viết lại tác phẩm để cho lần tái bản sắp tới có thể hoàn thiện hơn. Lần tái bản này, do nhu cầu của tình hình, chúng tôi thống nhất với Nhà xuất bản in lại những tập đầu của bộ sách mà chưa thực hiện những thay đổi gì lớn.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc thân yêu và mong đợi những ý kiến xây dựng của các bạn.

NHÀ XUẤT BẢN
THANH NIÊN

LỜI GIỚI THIỆU

Ở thế kỷ XV, Lê Thánh Tôn nói về Nguyễn Trãi :
« Ưc Trai tâm thượng quang Khuê tảo » — (Lòng
Ưc Trai sáng như sao Khuê). Bước vào thế kỷ XIX,
nhân dân ta lại ca ngợi về Phan Bá Vành như sau :
« Trên trời có ông sao tua, ở dưới hạ giới có vua
Ba Vành ». Đến năm 1963, nhân dịp kỷ niệm 75 năm
ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu, Thủ tướng Phạm
Văn Đồng đã viết : « Trên trời có những vì sao có
ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng
ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy và càng nhìn
thì càng thấy sáng. Văn thơ Nguyễn Đình Chiểu
cũng vậy ».

Từ xưa đến nay, hình tượng các vì sao được đặt
ngang tầm với danh nhân đất nước. Vì lẽ đó Nhà
xuất bản Thanh niên lấy tên chung cho bộ sách giới
thiệu những danh nhân Việt-nam là « Những vì sao
đất nước ».

Danh nhân là những tinh hoa của đất nước, là
những ngôi sao sáng chói, tiêu biểu cho truyền thống
tốt đẹp muôn hình muôn vẻ của dân tộc.

Hồ Chủ tịch rất trân trọng các truyền thống ưu
tú của dân tộc ta, Người nói : « Chúng ta có quyền

TỰA

Dân tộc Việt-nam tồn tại và phát triển cho đến nay đã được bốn nghìn năm. Trong thời gian đó, ông cha chúng ta đã đổ bao nhiêu máu và mồ hôi để gìn giữ và xây dựng nên non sông đất Việt-nam này.

Trong lịch sử dân tộc chúng ta, sự nghiệp đấu tranh giữ nước và sự nghiệp đấu tranh dựng nước gắn bó chặt chẽ với nhau. Thực tế đã chứng minh: không giữ được nước thì không làm gì có điều kiện để dựng nước, không dựng được nước thì không làm gì có cơ sở để giữ nước.

Suốt quá trình hình thành và phát triển của dân tộc chúng ta, sự nghiệp đấu tranh giữ nước và sự nghiệp đấu tranh dựng nước luôn luôn quyện vào nhau, cái nọ là điều kiện của cái kia. Giữ nước và dựng nước xét cho cùng chỉ là hai mặt khác nhau của một sự nghiệp đấu tranh: đấu tranh với thiên nhiên để cải tạo thiên nhiên, đấu tranh chống áp bức xã hội và đấu tranh chống ngoại xâm. Ba cuộc đấu tranh diễn ra ở ba lĩnh vực khác nhau nhưng cùng nhằm một mục đích: làm cho dân tộc có thể tồn tại và phát triển, đất nước thêm giàu thêm đẹp.

Có trường hợp những nhân vật lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống áp bức xã hội, đến khi đất nước bị xâm lăng, lại trở thành lãnh tụ của phong trào đánh giặc cứu nước. Nguyễn Huệ là một trong nhiều thí dụ.

Sự nghiệp đấu tranh giữ nước và sự nghiệp đấu tranh dựng nước của dân tộc chúng ta suốt bốn nghìn năm lịch sử đã làm nảy sinh ra hàng nghìn, hàng nghìn những nhân vật lỗi lạc, kiệt xuất trong các lĩnh vực quân sự, chính trị, ngoại giao, văn học, khoa học v.v...

Chúng ta tự hào vì lịch sử dân tộc chúng ta đã sản sinh ra các nhân vật như vậy. Các nhân vật đó, khác nào các vì sao trên bầu trời Việt-nam, đã làm cho lịch sử Việt-nam sáng ngời và vô cùng đẹp đẽ.

Các nhân vật lịch sử kiệt xuất của chúng ta có người lớn, có người nhỏ, họ sống trong các thời kỳ lịch sử khác nhau, họ có những hoài bão khác nhau, cảnh ngộ của họ cũng khác nhau. Trong đấu tranh, có người đã thắng lợi vẻ vang, có người lại thất bại. Nhưng tất cả có một điểm giống nhau: Họ đều khẳng khái, bất khuất, họ đều yêu nước, yêu nhân dân, yêu lẽ phải, họ đều ghét sự áp bức, sự bất công, và căm thù bọn xâm lược. Việc làm của họ hoặc nhiều hoặc ít đã góp phần làm cho dân tộc ta lớn lên, đất nước ta thêm giàu, thêm đẹp.

Các nhân vật lịch sử kiệt xuất của chúng ta từ thời đại này qua thời đại khác, bằng các hoạt động của mình, bằng cuộc đấu tranh của mình, đã góp phần làm hình thành nhiều truyền thống tốt đẹp mà chúng ta vẫn gọi là truyền thống dân tộc của Việt-nam.

Các truyền thống này có thể chia làm hai loại: Truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất để giữ nước và truyền thống đấu tranh để dựng nước.

Đây là những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc chúng ta. Đây là tinh hoa của dân tộc suốt mấy nghìn năm lịch sử. Nhân dân ta từ thời này qua thời khác vẫn kế thừa và phát huy các truyền thống đó.

Trong quá khứ, các truyền thống đó đã nhiều lần động viên, cổ vũ nhân dân ta trong đấu tranh giữ nước cũng như trong đấu tranh dựng nước.

Hiện tại, các truyền thống đó đang có tác dụng tích cực trong sự nghiệp đấu tranh chống Mỹ, cứu nước và trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta.

Từ lâu, Đảng ta đã đề ra chủ trương học tập và phát huy truyền thống dân tộc. Trong nhân dân và cán bộ đang có phong trào học tập và phát huy truyền thống dân tộc.

Để đáp ứng phần nào yêu cầu học tập truyền thống dân tộc càng ngày càng lớn của mọi người, nhất là của thanh niên. Nhà xuất bản Thanh niên có sáng kiến biên soạn và xuất bản bộ sách mang tên là *Những vì sao đất nước*, chuyên miêu thuật cuộc đời của các nhân vật kiệt xuất trong lịch sử Việt-nam.

Tác giả sách là các bạn Văn Lang, Quỳnh Cư và Nguyễn Anh. Các bạn này đã dùng hình thức văn học để miêu tả các nhân vật và bối cảnh lịch sử trong đó nhân vật sống, chiến đấu và lao động.

Những vì sao đất nước, vì vậy, không phải chỉ là bộ sách viết về tiểu truyện (biographie) các nhân vật lịch sử, mà là một tác phẩm nhằm thông qua các nhân vật lịch sử để nêu lên một cách sinh động các truyền thống dân tộc tốt đẹp của chúng ta.

Để dựng lại các nhân vật, tác giả *Những vì sao đất nước* đã vận dụng nhiều nguồn tư liệu khác nhau: tư liệu lịch sử, tư liệu khảo cổ học, tư liệu dân tộc học, tư liệu văn học dân gian v.v... Như thế có nghĩa là trong khi làm sống lại các nhân vật lịch sử, các bạn Văn Lang, Quỳnh Cư, Nguyễn Anh đã phần nào dựa vào hư cấu. Nhưng đây là thứ hư cấu xây dựng trên cơ sở những tư liệu cụ thể của lịch sử, của khảo cổ học, của dân tộc học, của văn học dân gian. Hư cấu đó, vì vậy rất gần sự thật lịch sử, nếu không nói nó là sự thật lịch sử. Chỉ đọc *Hai Bà Trưng* thôi, các bạn cũng sẽ thấy hư cấu của các tác giả *Những vì sao đất nước* khác hẳn hư cấu của các nhà tiểu thuyết; các bạn cũng sẽ thấy các bạn Văn Lang, Quỳnh Cư và Nguyễn Anh đã đề công phu nghiên cứu nhiều nguồn tư liệu khác nhau rồi mới « phục chế » được các nhân vật của mình, không phải là những nhân vật cần như thế hay nên như thế (les personnalités telles qu'elles doivent être ou devraient être) mà là những nhân vật như đã xuất hiện trong lịch sử (les personnalités telles qu'elles furent).

Những vì sao đất nước rõ ràng không phải là cuốn tiểu thuyết lịch sử, nhưng nó lại có sức hấp dẫn như một cuốn tiểu thuyết lịch sử, vì các nhân vật mà nó miêu tả, luôn luôn được trình bày trong một bối cảnh xã hội cụ thể với đầy đủ các đường nét, nhằm làm cho mọi người có thể hiểu nhân vật một cách rõ ràng.

Chúng tôi không dám nói rằng đây là một cách phổ biến truyền thống dân tộc hiệu nghiệm nhất vào quần chúng nhân dân. Chúng tôi chỉ nói đây là một trong những hình thức đưa truyền thống dân tộc vào tình cảm và tư tưởng của mọi người.

Tác giả *Những vì sao đất nước* tỏ ra trân trọng truyền thống dân tộc, nhưng như thế không có nghĩa là chủ trương chỉ dừng lại ở truyền thống đó.

Lê-nin, người thầy vĩ đại của cách mạng thế giới, đã dạy chúng ta một bài học về thái độ đối với truyền thống. Người đã vạch ra rằng: Giai cấp công nhân « không giữ gìn di sản⁽¹⁾ như kiểu những người lưu trữ văn thư giữ gìn giấy tờ cũ. Giữ gìn di sản không có nghĩa là bám chặt lấy di sản »⁽²⁾.

Chúng ta kế thừa truyền thống dân tộc là để từ các truyền thống đó tiến lên phía trước, nhằm làm cho truyền thống của chúng ta mỗi ngày một phong phú thêm ra, đất nước chúng ta mỗi ngày một thêm giàu thêm đẹp.

Giăng Giô-rét (Jean Jaurès), một lãnh tụ phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp hồi đầu thế kỷ XX, đã nói về thái độ của các chiến sĩ xã hội chủ nghĩa đối với truyền thống như sau: « Trung thành với truyền thống không phải là quay trở lại những thời kỳ đã tắt như để ngắm nghía một dãy dài những bóng ma, mà trái lại là đem hết sức mình tiến về tương lai, cũng như phải tiến ra biển thì con sông mới trung thành với ngọn nguồn của nó »⁽³⁾.

Đối với truyền thống dân tộc, thái độ của chúng ta là học tập truyền thống để làm hơn truyền thống.

Trên thực tế, Đảng ta từ lâu đã xử lý truyền thống dân tộc đúng như chỉ thị của Lê-nin và ý kiến của Giăng Giô-rét.

Từ rất sớm, trong đánh giặc giữ nước, ông cha ta đã có truyền thống lấy ít đánh nhiều, lấy yếu chống mạnh, Đảng ta đã vận dụng tài tình truyền thống đó.

1. Nên hiểu di sản nói đây là di sản tinh thần trong đó có truyền thống.

2. Lê-nin toàn tập, tập II bản tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật năm 1959, trang 693.

3. Être fidèle à la tradition ce n'est pas se retourner vers les siècles éteints comme pour contempler une longue chaîne de fantômes, mais au contraire c'est se rédiger de toutes ses forces vers l'avenir comme c'est en allant vers la mer que le fleuve est fidèle à sa source.

Theo *Congrès de Tours* (1920) do Annie Kriegel trình bày trang 19C, Collection Archives.

Năm 1945 nhân dân ta hầu như tay không, đã đứng lên đánh thực dân Pháp xâm lược và đến tháng 5 năm 1954, chúng ta đi đến chiến thắng Điện-biên-phủ vĩ đại. Ngày nay trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân miền Nam lại phát huy đến cao độ truyền thống lấy ít đánh nhiều, lấy yếu chống mạnh của ông cha chúng ta, và đã làm phá sản tất cả các kế hoạch xâm lược của đế quốc Mỹ, đẩy chúng càng ngày càng lún sâu vào con đường nằm không lối thoát.

Tục ngữ ta có câu: « Con hơn cha là nhà có phúc ».

Về mặt đánh giặc giữ nước, không những chúng ta không hề thẹn với ông cha, mà còn làm hơn cả ông cha nữa. Dân tộc chúng ta quả là có phúc.

Về mặt dựng nước, chúng ta đã cố gắng và đang cố gắng để không những xứng đáng với các vua Hùng, với các nhân vật kiệt xuất thời Lý, thời Trần, thời Lê sơ, thời Tây Sơn đã làm cho đất nước Việt Nam trở nên hùng mạnh, mà còn vượt cả ông cha ta nữa.

Giữa lúc nhân dân và cán bộ đang có phong trào học tập sôi nổi về truyền thống dân tộc, bộ sách *Những vì sao đất nước* xuất bản tập đầu. Chúng tôi mong rằng bộ sách sẽ giúp một phần nhỏ vào việc tìm hiểu thêm truyền thống dân tộc Việt-nam, một dân tộc từ mấy nghìn năm nay sống và chiến đấu gian khổ, nhưng vô cùng anh hùng ở miền Đông-nam châu Á.

Tháng 5-1971

VĂN TÂN

HAI BÀ TRUNG

Cánh bay vùn vụt của chim *Mơ-ling* đã nghìn năm lướt trên miền đất có hai cực Đông — Tây là hai trái núi Tam-đảo và Ba-vi lớn nhất đất nước. Và cả ba dòng sông Cái, sông Đà, sông Lô lớn nhất đất nước cùng dồn chảy qua miền này, từ nghìn năm nay cũng in bóng chim *Mơ-ling* sải cánh vùn vụt. Người ở đây đã lấy hình con chim tảo tợn, dũng mãnh và nhanh nhẹn như tia chớp ấy làm vật tượng trưng cho dân mình, lấy tên con chim ấy đặt tên cho đất mình. Đây là địa bàn gốc của những người Việt xưa đã theo các vua Hùng dựng nước Văn Lang. Và quốc đô Phong Châu của các vua Hùng xưa cũng đóng ở miền này.

Xâm chiếm nước Văn Lang của các vua Hùng xưa, nhà Hán đã biến đất đai của bộ lạc *Mơ-ling* cũ thành *huyện Mê-linh*⁽¹⁾ của quận Giao Chỉ⁽²⁾. Và xây ở đây một tòa Đô úy trị⁽³⁾ tua tủa gươm giáo, tinh kỳ. Trong khi đó,

1. *Mê-linh* hay *Mi-linh* hay *Ma-linh* là tên phiên âm sang tiếng Hán cổ của tiếng Việt cổ đại, chỉ một giống chim, âm cũ đọc là *M'ling*.

2. Đời Hán, dải đất từ Hoa Nam chạy dài đến hết Trường-Sơn, địa bàn cư trú cũ của các giống người Việt, bị đặt thành một *Châu*: châu Giao Chỉ, và chia thành 9 *quận* trong đó Giao Chỉ (miền Bắc-bộ ngày nay) là quận lớn nhất, gồm có 10 *huyện*.

3. Cơ quan thống trị về mặt quân sự của cả một quận.

ở chếch xa về phía Tây-nam, trên vùng cư trú cũ của bộ lạc Dâu từ thuở các vua Hùng, thành Liên-lâu⁽¹⁾ mới chính là một nơi đặt Quận trị⁽²⁾ của nhà Hán.

Nước Văn Lang xưa của các vua Hùng tuy đã bị nhà Hán đặt làm quận huyện, nhưng dân Việt vẫn còn giữ được những người cầm đầu các bộ lạc cũ của họ — dòng dõi các lạc hầu, lạc tướng của vua Hùng. Đến những năm đầu công nguyên, từ miền đất đai có bóng chim *Mơ-ling* thiêng liêng ấy, từ dòng dõi lạc hầu lạc tướng của các vua Hùng ấy, đã xuất hiện hai người con gái kiệt xuất của đất Việt: Trưng Trắc và Trưng Nhị.

Tòa Đô úy trị của nhà Hán trấn ngự trên đất Mê Linh, gươm giáo tinh kỳ sáng lóa mà vẫn thấp thỏm không yên. Cái tham vọng khổng lồ, đối phó với miền cư dân quan trọng nhất đất Giao Chỉ này của nó, đang phấp phồng trước một mối đe dọa hiểm nghèo, cứ mỗi ngày một lớn mãi lên.

I

Tiếng trống đồng ầm ào gầm lên như tiếng sấm. Dân Mê-linh mở hội lớn. Trai tráng, và cả những cô gái nữa, rìu đồng giáo sắt nắm trong tay, những chiếc lông chim cắm ngất ngưởng trên đầu, bộ áo lông chim xòe rộng quanh người, theo nhịp trống đồng dồn dập,

1. *Liên-lâu* hay *Luy-lâu* là tên phiên âm sang tiếng Hán cổ, của tiếng Việt cổ đại, chỉ cây dâu, âm cũ có từ gốc đọc là *Lâu*.

2. Cơ quan thống trị về mặt hành chính của một quận.

vừa hò hét, vừa uốn mình, vung tay, lặp lại các động tác bay lượn của chim *Mơ-ling*⁽¹⁾.

Những âm thanh náo nức ủa vào trong ngôi nhà làng, mái cong vút như hình thuyền⁽²⁾. Trên sân nhà cao, Trưng Trắc, Trưng Nhị đang tiếp khách quý.

Chàng trai tuần tú là khách từ xa, tận phương Nam tìm đến. Vâng lời cha, đương chức lạc tướng huyện Chu Diên⁽³⁾, Thi Sách, chàng trai ấy, đã dẫn một toán thân binh tới Mê-linh từ mấy hôm nay. Và hội vui cũng đã mở ngay từ ngày hôm ấy.

Bấy giờ đang là mùa xuân. Theo tục lệ cổ truyền của người Việt, đây là những ngày vui chơi của mọi người, và là những ngày yêu đương của những đôi trai gái. Quận trị và Đô úy trị của nhà Hán từ lâu đã muốn bỏ những ngày hội như thế này. Vì nó khác với phong tục của người Hán. Nhất là tòa Đô úy trị thì lại càng không muốn có những điệu nhảy múa vũ trang kia. Nhưng mặc! Thóc mùa đã nộp xong vào kho thuế. Lúa chiêm trên các thửa ruộng lạc⁽⁴⁾ đã xanh mướt chờ làm đòng. Mùa săn tìm chim quý, thú lạ và các cây thuốc thần để cống nạp, còn đang đợi mở. Tục lệ hội hè của ta, ta cứ giữ!

Buổi trưa, từ rừng sâu, toán thân binh của Thi Sách và trai tráng Mê Linh đã lặc lè khiêng về một con cạp văn cực lớn. Trưng Trắc, Trưng Nhị và Thi Sách mỗi một nhưng hả hê, nối nhau đi sau con mỗi một quãng ngắn.

1. 2. Những điều mô tả này có nguồn gốc từ những cảnh tượng tương tự, thấy khắc họa trên những chiếc trống đồng cổ, có niên đại 2, 3 nghìn năm trước.

3. Đất Chu Diên nằm dọc sông Đáy, sông Hồng, trên các tỉnh Hải Hưng Hà Tây bây giờ. Trung tâm của nó có thể là vùng thành Quên (Quốc-oai) ngày nay.

4. Tiếng cổ, chỉ một loại ruộng nước của ta.

Mùa săn chưa được lệnh của Đô úy tri cho mở, nhưng nhân có khách quý, Trưng Trắc đã đứng ra bày cuộc đấu sức này. Và kết quả thật đã vượt quá ước mong. Nỗi vui mừng đột ngột đầy bùng cả ngày hội của dân Mê Linh. Cuộc múa vũ trang mừng chiến thắng cổ truyền đã kéo dài đến đêm khuya. Con cọp vẫn treo chéo bên ngôi nhà làng, trước vòng múa nhảy tung bừng của trai tráng và các cô gái làng. Hai mũi lao dài vẫn cắm sâu lút vào giữa ức và sát mang tai cọp. Cán lao có một khoang nhuộm đen và một khoang bôi vàng: dấu hiệu riêng của con trai quan lạc tướng Chu Diên đó!

Trên sân cao ngôi nhà làng, cây đuốc tầm nhựa thông đã cháy đỏ. Khuôn mặt của Trưng Trắc, Trưng Nhị và Thi Sách đều hồng sáng dưới ánh lửa. Men rượu cũng đã khiến cả ba đều ngà ngà say. Riêng Thi Sách dường như say nhiều hơn cả. Hạnh phúc và niềm vui tràn trề, chàng trai trẻ đã uống quá bội mức thường. Hạ được chúa rừng ngay trước mắt chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị, việc đó há chẳng phải là niềm vui lớn? Nhưng hạnh phúc còn lớn hơn nữa, chính là thái độ ân cần, mặn mà của những người nữ chủ đất Mê Linh.

Rời Chu Diên lên đường, Thi Sách vừa khấp khởi mừng, vừa hồi hộp lo. Tiếng tăm của hai chị em họ Trưng, lâu rồi, đã từ Mê Linh bay đi rất xa. Và ý của quan lạc tướng Chu Diên truyền cho con trai lại cũng đã rõ: kết thân được với họ Trưng thì chẳng những chỉ tốt lành chuyện vợ chồng, mà còn may mắn cho non sông đang rên siết dưới ách giặc. Bởi thế lực của hai miền đất Chu Diên và Mê Linh cùng đem gắn bó chặt được thành một mối, sức mạnh của người Việt sẽ nhân lên gấp bội. Sức mạnh ấy, một khi đem ra xoay chuyển tình thế; phá đổ ách đô hộ của nhà Hán mà khôi phục lại nước cũ của người Việt, ắt là nên việc lớn!

Trong một thoáng định thần, Thi Sách vụt nhớ lại những lời dặn của cha già, và chợt ngừng uống, ngược mắt đăm đăm nhìn Trưng Trắc. Chàng trai cũng gặp ngay một cặp mắt như thế đang nhìn mình, lâu, rất lâu, vừa khoan hòa, ấm áp, vừa như muốn nói mãi một điều gì thật lớn, thật nghiêm. Mấy hôm nay, Thi Sách đã nhiều lần gặp cái nhìn ấy, nửa như tin cần, thân thiết, nửa như còn muốn dò hỏi, cây trồng nhiều hơn nữa. Nhưng không có chút màu mè, khách khí nào.

Ngực cồn lên, Thi Sách lại uống nữa. Khuôn mặt Trưng Trắc đã nhòa đi thành hai. Nhưng đấy lại là Trưng Nhị đang ghé sát bên chị:

— Chàng say rồi!

Thi Sách chỉ còn thoáng nghe được câu ấy, như một hơi gió ấm lướt qua. Chàng trai trẻ đất Chu Diên không còn nghe tiếp được lời trò chuyện của nàng em đang níu lấy vai chị, giọng cọt dừa:

— Em biết tại sao hồi trưa chị ién nhờ mũi tên của chị rồi!

Trưng Trắc quay nhanh xuống nhìn em, mặt càng ửng đỏ, rồi lại ngẩng lên, đưa mắt qua đầu Thi Sách, nhìn mãi về phía xa... Việc ấy thế ra Trưng Nhị cũng đã biết! Phải, hồi trưa vừa nhắc thấy bóng cọp chồm tới, Trưng Trắc đã nhanh tay thả một mũi tên xuyên nát một bên mắt cọp. Chúa rừng đã khựng lại ngay giữa đà nhảy dữ dội của nó, và nhận tiếp luôn hai mũi lao hiểm của Thi Sách. Nhưng chính Trưng Trắc, chạy tới bên thú dữ trước tiên, đã kín đáo nhờ biển ngay mũi tên lợi hại của mình, giữa lúc con vật khổng lồ còn đang vật vã giãy giụa⁽¹⁾...

1. Chuyện Trưng Trắc nhường công giết cọp cho Thi Sách, thấy truyền tụng và ghi lại trong thần tích vùng Hạ Lôi, Vĩnh Phú.

Vẫn giữ nguyên luồng mắt nhìn ra xa, sau một lúc trầm ngâm, Trưng Trắc bỗng hạ giọng, nói rành rẽ:

— Phải! Nhưng bởi ta còn muốn nhắm con thú khác, to hơn!

★
★★

Con thú lớn ấy, ngay sau đấy đã xuất hiện. Và mùa vuốt nhe nanh, trợn trạo thật càn rỡ.

Mùa xuân năm ấy, thái thú Tô Định, người thay mặt hoàng đế nhà Hán cai trị quận Giao Chỉ, theo đúng lệ định cho các chức thái thú biên quận mùa xuân phải đi tuần các huyện, đã từ Liên Lâu đến thẳng Mê Linh trước tiên.

Giữa tòa Đô úy trị⁽¹⁾, sau khi đã xem xét kỹ lưỡng các kho tàng, tiền của, Tô Định liền cho triệu bọn thuộc hạ quanh huyện Mê Linh đến hỏi han về tình hình chi em Trưng Trắc, Trưng Nhị. Vừa nghe tin con trai quan lạc tướng Chu Diên đến chơi đất Mê Linh, mới giết được cọp dữ, Tô Định bỗng giật mình biến sắc. Linh tính của tên quan cai trị cáo già khiến Tô Định cảm thấy ngay nỗi lo ngại bấy lâu của hắn, nay dường như đã gặp điềm báo ứng. Chẳng phải chỉ là việc một con mồi quý bị hạ trước khi có lệnh mở mùa săn. Mà chính là người đã hạ thủ chúa rừng kia: con trai lạc tướng Chu Diên, có chí tới tận đây mà lại được cử động ngang nhiên làm vậy? Chị em họ Trưng đang mưu tính gì mà mạn mà với khách lạ nhường ấy?

Lập tức, Tô Định dẫn quân tướng xộc thẳng xuống ngôi làng chủ của đất Mê Linh.

1. Năm Kiến Vũ thứ 6 (30 sau Công nguyên), nhà Hán bổ chức quan Đô úy, giao cho Thái thú kiêm nhiệm chức này.

Tòa nhà làng mái cong đồ sộ, lừng ngất hiện ra trước mắt viên thái thú nhà Hán. Sàn cao, bãi rộng, không một bóng người. Chỉ có chiếc trống đồng lớn, treo trước nhà là khẽ rung đưa theo nhịp rung từ những gót giày hùng hổ leo nhanh lên sàn cao của Tô Định.

Vừa bước vào nhà, một tấm da cọp căng vàng rực hắt một góc sàn đã đập ngay vào mắt Tô Định. Từ trước đến nay, viên thái thú nhà Hán chưa bao giờ được thấy tấm da cọp nào vừa lớn, lại vừa đẹp đến thế! Màu da còn tươi rói. Hắn đây là con cọp mới bị Thi Sách săn hạ. Và Tô Định bỗng nhiên thấy ngốt người lên. Một cơn thèm muốn thật lớn đã choán hết cả trí não viên quan cai trị nhà Hán, như đã bao lần, đứng trước những cửa quý, vật lạ của đất này. Tô Định vẫn còn mang máng thấy cần phải tra tìm việc con trai lạc tướng Chu Diên đến lộng hành ở đất Mê Linh. Hắn cũng vẫn còn mang máng nhớ đến mối lo ngại bấy lâu canh cánh trong lòng. Những tấm da cọp kia mới thật là việc đáng quan tâm lúc này⁽¹⁾. Lập tức, Tô Định quát gọi thuộc hạ, một mặt truyền nổi lửa đốt ngay ngôi nhà làng để răn đe dân man, một mặt vào gõ nhanh tấm da cọp, mang đi.

Từ trong làng xa, thấy lửa khói bốc lên từ ngôi nhà làng, Trưng Trắc, Trưng Nhị và dân Mê Linh vừa kéo đến xem sự thể, thì chứng kiến hành động ngang ngược của Tô Định. Dân Mê Linh bỗng chồn bứt rứt, hết nhìn ngôi nhà làng đang cháy rừng rực và tấm da quý đang bị cướp sống, lại nhìn người nữ chủ. Trưng Nhị, trong một tư thế hết sức căng thẳng, cũng đảo mắt rất nhanh, vừa tìm mắt chị, vừa nhìn đám dân của mình. Nhưng

1. Sách *Đông quan Hán ký* của phong kiến Trung-hoa chép lời Mã Viện nhận xét về Tô Định: « Thái thú Tô Định là người giương mắt mà trông tiền, nhắm mắt mà đánh giặc... ».

vừa lúc Trưng Nhị toan phác một cử động quyết liệt thì Trưng Trắc đã nắm chắc lấy cánh tay em gái. Đứng rất thẳng người. Trưng Trắc yên lặng để mặc Tô Định và đám thuộc hạ kéo đi.

Khi đám quan quân nhà Hán đã khuất sau đồi cây trước làng, Trưng Nhị bỗng giật giọng hỏi chị:

— Tại sao lại như thế? Tại sao lại để chúng can rõ mãi thế? Nhà làng của ta, chúng đốt đã bao lần...

— Ta sẽ dựng lại! — Trưng Trắc ngắt lời em — Mà sẽ còn dựng cả thành cao hào sâu kia!

— Nhưng còn tấm da? Chị đã dành để chàng Thi Sách đưa về dâng quan lạc tướng Chu Diên...

— Ta sẽ lấy lại! — Trưng Trắc lại ngắt lời em. Và nói mỗi lúc một dần tiếng — Nhưng giờ chưa phải lúc. Mà cũng là để chàng Thi và dân Chu Diên sẽ cùng ta đi lấy lại. Và cả dân cư khắp đất Việt này cũng sẽ đi lấy lại. Mà cũng không phải chỉ lấy lại một tấm da đâu!

II

Mùa xuân năm sau, bắt đầu cuộc tuần thú hàng năm của hãn, Tô Định lại từ Liên Lâu đến thẳng Mê Linh.

Năm nay, dân Mê Linh cũng như dân các huyện, đều không được phép mở hội xuân nữa. Nhưng cho dù không có lệnh cấm ngăn ấy, dân Mê Linh cũng khó mà vui chơi được. Bởi mùa săn đã được lệnh phải mở sớm hơn mọi năm. Và các khoản cống phẩm khoán cho Mê Linh phải nộp sang triều đình nhà Hán, lại tăng thêm một đôi sừng tê, kích thước phải dài từ 9 tấc trở lên,

và một đôi ngà voi, kích thước phải dài từ 3 thước⁽¹⁾ trở lên! Một chức *quất quan* được Tô Định chọn ngay trong đám người Hán mới chạy loạn Vương Mãng sang Giao-chỉ⁽²⁾, cho ăn lương hàng năm hai trăm thạch⁽³⁾ lúa lấy của dân, chỉ để chuyên đốc thúc việc bắt dân trồng quít, và tổ chức chuyên chở thóc quả lạ mà quý của phương nam ấy, về tận kinh đô nhà Hán, dâng cống cho triều đình!

Gánh nặng thuế má, cống nạp tưởng đã làm dân Việt nghệt thở. Ở miền rừng thì khổ vì phải tìm chim quý thú lạ. Còn ở biển thì mất xác vì phải mò tìm đồi mồi, ngọc châu. Mà hầu hết sức lực để chịu đựng gánh nặng ấy, trông cả vào ruộng nương, thì ruộng nương lại bị bọn người từ Trung-nguyên xô xuống, ỷ vào thế lực Quận trị, Đô úy trị, cướp đoạt mất tất cả những nơi màu mỡ nhất. Chuyện hãm hại, hà hiếp, giết chóc dân lành xảy ra như cơm bữa. Khắp cõi Giao Châu, uất khí bốc lên ngùn ngụt.

Thái thú Tô Định, vào dịp này, càng vơ vét cướp đoạt được nhiều, càng cảm thấy trong lòng không yên⁽⁴⁾. Và Mê Linh lại cũng vẫn là nơi mà Định bận khoăn nhất. Bởi

1. Đơn vị đo lường cổ. Ở đời Hán, một tấc bằng 2,5cm. Một thước bằng 25cm.

2. Vương Mãng là một qui tộc ngoại thích, năm thứ 3 sau Công nguyên giết vua Hán, cướp ngôi và thi hành một loạt cải cách, gây rối loạn trong triều, ngoài nước. Rất đông đảo, quí tộc, địa chủ, sĩ đại phu và cả nhân dân Trung-quốc, vào dịp đó, đã chạy xuống Giao-châu, sống lâu dài ở đây để lánh nạn và làm giàu.

3. Đơn vị đo lường cổ. Một thạch bằng 17 lít. Lương bổng của Tô Định, qui định trên giấy tờ, là hai nghìn thạch lúa mỗi năm.

4. Sách *Hậu Hán thư* của phong kiến Trung-hoa chép về tình hình đất Giao-chỉ: «Các Thú sử trước sau phần lớn đều không thanh liêm. Trên thì bợ đỡ kẻ quyền quí, dưới thì thu vét của cải của dân, đến khi đầy túi, liền xin đổi».

tiếng đồn đại về hai chị em họ Trưng vẫn cứ từ đất Mê Linh bay đi khắp xứ. Sắc đẹp thì đã đành. Nhưng tính khí ngang tàng, tài thu phục lòng người và đức quảng giao thì lại cũng chẳng kém gì bậc trượng phu⁽¹⁾. Mà khá lạ thay cho người xứ này! Trong khi ở Trung-nguyên, phụ nữ đều đã phải vào khuôn phép lễ giáo, phu xướng phụ tùy, thì ở đây, đàn bà con gái đâu đâu cũng vẫn cứ thấy làm đủ những công việc hết như của đàn ông⁽²⁾. Sự giáo hóa của thiên triều xem chừng còn lâu mới uốn nắn được!

Mùa xuân năm Kiến Vũ thứ 15⁽³⁾, khi Tô Định đến Mê Linh, thì bỗng được tin Trưng Trắc quả đã cùng Thi Sách ở Chu Diên kết nghĩa vợ chồng. Hôn lễ vẫn theo đúng lệ cũ của người Việt: vợ chồng tuy đã thành thân nhưng người nào vẫn ở lại đất của người ấy⁽⁴⁾. Một lần nữa, Tô Định lại bất giác giật mình. Và nổi cơn giận dữ thật sự. Bởi lẽ từ hàng chục năm nay, kể từ khi thái thú Tích Quang trị nhậm đất Giao Chỉ, các thái thú đã thấy không thể để dân Việt sống khác mãi với tục lệ của người Hán được. Vậy nên, trước tiên là thể thức hôn nhân phải định lại. Phải có mối lái, sinh lễ, cưới

1. Sử sách cũ của phong kiến Trung-hoa cũng đều phải khen chị em họ Trưng là người "thậm hùng dũng" (*Hậu Hán thư*) Sách *Giao Châu ngoại vực ký* còn ghi rõ: «Trắc vi nhân hữu đảm dũng» (Trưng Trắc là người gan dạ, dũng cảm).

2. Đặc điểm của lịch sử Việt-nam buổi đầu Công nguyên là như vậy. Từ thời đại Hùng Vương, chế độ phụ quyền đã xác lập, nhưng trong xã hội, phụ nữ vẫn được coi trọng.

3. Năm 39 sau Công nguyên.

4. Tục lệ này, đến thế kỷ XV vẫn còn phổ biến, và Lê Thánh Tông, thấy trái với điển lễ phong kiến, mới ráo riết ngăn cấm. Vào thời gian đầu Công nguyên, tục lệ hôn nhân này về khách quan, có lợi cho việc bố trí lực lượng lãnh đạo khởi nghĩa.

hỏi, ăn ở theo đúng điển lễ Trung Hoa. Kế tục Tích Quang, bây giờ ở Giao Chỉ có Tô Định, và ở Cửu Chân⁽¹⁾ thì thái thú Nhâm Diên, bạn đồng liêu với Định, đều ra sức giáo hóa dân Việt phải theo điển lễ hôn nhân Hán tộc. Vậy, họ Trưng, họ Thi là dòng dõi các lạc tướng mà vẫn ngang nhiên giữ lệ cũ, không chịu vào khuôn phép mới, thế thì thử hỏi dân man còn giáo hóa làm sao?

Lập tức, Tô Định lại theo gương Tích Quang, tìm trong đám người Hán ở Giao Chỉ, đặt một chức *môi quan*.

Đây là người sẽ thay mặt triều đình, kiểm soát các cuộc hôn nhân của người Việt, buộc phải theo đúng điều lệ của nhà Hán!

Tin ấy đến tai hai chị em họ Trưng giữa lúc những người nữ chủ đất Mê Linh đang dạo một lượt các hộ chăn tằm trong làng⁽²⁾. Tằm mùa xuân đang một nhân hai, hai nhân bốn, bốn nhân tám,.. Cuộc hôn nhân giữa Trưng Trắc và Thi Sách, mỗi người chủ trương một phương, kết liên thế lực hai miền đất lớn của người Việt đang nhân bội sức mạnh chống ách đô hộ hà khắc của ngoại bang. Bão táp sẽ từ đây bùng ra. Bọn đô hộ lại muốn dùng điển lễ hôn nhân của chúng để gò bó dân ta chăng? Trưng Trắc chỉ nắm chặt bàn tay em, cười nhạt⁽³⁾. Và càng dội lên trong lòng nỗi nhớ yêu chồng.

★
★

1. Nay là miền Thanh — Nghệ — Tĩnh.

2. Thần tích làng Lâu Thượng (Vĩnh Phú) chép: Gia đình họ Trưng có nghề chăn tằm. Nghề tằm gọi kén dầy là kén chắc, kén mỏng là kén nhí. Tên gọi Trắc và Nhị của chị em họ Trưng do đây mà ra.

3. Sách *Hậu Hán thư* của phong kiến Trung Hoa chép: «Thái thú Giao-chỉ là Tô Định lấy phép luật ràng buộc, (Trưng) Trắc oán giận cho nên làm phản».

Làm đúng theo những điều đã cùng Trưng Trắc bàn bạc, Thi Sách từ khi ở Mê Linh trở về, dốc sức ngày đêm biến Chu Diên thành chỗ dựa bền chắc của Mê Linh trong cuộc khởi nghĩa sắp tới.

Đất Chu Diên là nơi lắm ruộng nhiều vườn. Các làng chạ trong miền, theo lệnh của Thi Sách, dồn góp thóc lúa hoa màu trữ lại một nơi. Và rèn sắt đúc đồng, sửa soạn vũ khí. Những câu chuyện thăm thi, những cặp mắt nhìn kín đáo, và cả những cử chỉ cố gắng kìm hãm. Người người nô nức và âm thầm, bồn chồn chờ ngày khởi nghĩa lấy lại nước cũ.

Tin đi tin về giữa Chu Diên và Mê Linh vẫn đều đặn và ngày càng tăng. Những con thuyền mũi cong, đuôi én, chèo lái vùn vụt⁽¹⁾, xuôi sông Đáy, ngược sông Cái đưa Trưng Trắc về Chu Diên gặp chồng, đưa Thi Sách lên Mê Linh gặp vợ. Vượt biển khơi, băng rừng núi, những cử súa thân cận của lạc tướng các huyện xa mãi trong các quận Cửu Chân và Nhật Nam⁽²⁾ ở phía Nam, các huyện ngoài biển Đông của cõi Giao Chỉ, các huyện xa trên quận Hợp Phố⁽³⁾ ở mạn Bắc, tất cả cũng đều tìm về Mê Linh, và đón những cử súa của Trưng Trắc, Trưng Nhị từ Mê Linh đưa đi, bàn định việc nghĩa.

Những con dân của nước Văn Lang xưa, cùng chung nỗi hoạn nạn, theo nếp cũ, chỉ chờ dịp gặp được người kiệt liệt đứng ra xướng xuất việc lớn, là lại tụ hội với nhau thành một mối, tự nhiên như ngày nào.

*
**

1. Hình những con thuyền này cũng thấy khắc họa trên nhiều trống đồng cổ.

2. Miền Bình — Trị — Thiên vào tới Quảng-nam ngày nay.

3. Miền Quảng Đông ở Trung-quốc ngày nay.

Một mùa xuân nữa đã đến. Mùa xuân năm 40 sau Công nguyên.

Vào những ngày mùa xuân năm ấy, Trưng Trắc và Trưng Nhị bận tất bật. Dân Việt khắp nơi đã khổ đủ bề cùng cực. Và lòng mong nước cũ, nhớ đời sống tự do xưa, càng nấu nung. Người người hướng cả về Mê Linh, chờ đợi chị em họ Trưng hành động.

Dân Mê Linh, được lệnh của nữ chủ tướng, từ lâu cũng đã sẵn sàng.

Giữa lúc ấy, một con thuyền quấy mình ngược sông hồi hải lao về Mê Linh. Tin dữ từ Chu Diên đưa tới: chàng Thi Sách đã bị Tô Định đem quân từ Quận trị về bắt giết! Tên thái thú tham tàn này, từ ngày được biết Trưng Trắc đã cùng Thi Sách kết thân, thì mỗi lúc một bàng hoàng nhận thấy rõ thêm rằng đây không phải là một cuộc hôn nhân thường. Những dấu hiệu biến động của người Việt ở khắp nơi từ sau cuộc hôn nhân ấy, càng khiến Tô Định hoảng hốt. Lúng túng tìm cách đối phó với Mê Linh mà hắn thừa biết là nguồn cội của cơn dông bão đang ì ăm sùi sục, chưa dám động tới những người con gái mà hắn còn kiêng dè, Tô Định vội vã thử tìm cách triệt vây cánh của Mê Linh. Đưa đại binh đột ngột kéo về Chu Diên, bắt giết Thi Sách, Tô Định nghĩ rằng đây là hành động trấn áp phủ đầu đắc sách nhất của hắn⁽¹⁾.

Trưng Trắc và Trưng Nhị khi ấy đang đứng bên tàu voi. Đôi voi trắng khổng lồ, đang độ sung sức, đứng không yên chỗ, hết cuộn vòi lại lắc mình. Chợt con

1. Việc Tô Định giết Thi Sách ở đây chép theo chính sử và truyền thuyết của ta. Còn sử cũ của phong kiến Trung-hoa thì chép Thi Sách vẫn còn sống đến ngày Trưng Trắc khởi binh, thậm chí có cuốn như *Thủy kinh chú* còn chép rằng Thi Sách vẫn sống đến ngày Trưng Trắc đánh thắng Tô Định.

voi lớn bỗng rùng người lùi lại, tung voi rống lên một tiếng lớn: nó vừa thấy người nữ chủ thất sắc, loạng choạng níu vội lấy gốc cây buộc voi khi nghe đám cử súy hốt hoảng rầm rập chạy tới đưa tin dữ từ Chu Diên...

Lặng đi hồi lâu, Trưng Trắc bỗng lắc người chồm dậy, sải những bước lớn, đi thật nhanh về ngôi nhà làng. Trưng Nhị níu vai chị, rảo chân bước theo. Đám cử súy rùng rùng chạy gần ở phía sau.

Từ ngôi nhà làng mái cong vút, tiếng trống đồng đột ngột giắt giọng gầm lên: âm ùng âm, âm âm âm...

Tiếng trống đồng dội lên vòm cây, đập vào sườn đồi, chạy theo suốt dọc đường trẩy quân. Đất đỏ gió tung, cuồn cuộn cuốn bụi bay cùng tiếng trống. Những giọng hò reo chốc chốc lại rộ lên một đợt, chìm tiếng trống vào một biển âm thanh ồn ào, náo động.

Dân Mê Linh, giáo lao, cung nỏ, rìu búa, khiến một cuồn cuộn tràn đi theo bóng voi ẩn hiện mờ mờ qua làn bụi ở phía trước. Tất cả đều ra đi. Chỉ để lại trong các làng những người già yếu và con trẻ.

Trên bành voi cao, Trưng Nhị luôn luôn đưa mắt nhìn sang phía chị. Suốt thời gian dẫn đầu đoàn quân khởi nghĩa kéo đi, Trưng Trắc giữ nguyên thế ngồi, chống thẳng tay nắm chắc lấy bành voi, đẩy người về phía trước. Và đôi mắt mở to, sáng quắc trên khuôn mặt, bừng bừng trong một cơn kích động sục sôi kéo dài. Người nữ chủ tướng Mê Linh mặc giáp phục rực rỡ: bên ngoài bộ xống trùng áo ngắn, là một tấm hộ tâm bằng đồng thau vàng rực, chạm khắc cầu kỳ, và chiếc thắt lưng khóa đồng có đính một chuỗi nhạc nhỏ kêu

lanh canh theo nhịp lắc của lưng voi⁽¹⁾. Trước lúc trẩy quân, trong đám cử súy đã có người xin nữ chủ tướng cho cử tang Thi Sách và mặc tang phục. Trưng Trắc trả lời:

— Việc chiến trận phải quyền biến. Nếu tự làm tiêu tụy thì nhuệ khí ắt tàn theo. Ta sẽ mặc giáp phục đẹp, để dân trông thấy thì phấn khích, mà giặc trông thấy thì kinh hoảng⁽²⁾.

Quả đúng như lời của Trưng Trắc. Dân Mê Linh vốn quý yêu người nữ chủ của mình bao nhiêu, thì càng buồn lo cho nỗi đau tang tóc của nữ chủ bấy nhiêu. Nhưng khi thấy Trưng Trắc, Trưng Nhị xuất hiện trước ngôi nhà làng, đẹp đẽ, lộng lẫy và nhanh nhẹn, hùng dũng bước lên mình voi, khoát mạnh tay ra lệnh nổi trống trẩy quân, thì tất cả đều như sống dậy, hò reo chuyền dất, ào ào bám chân voi, nhìn chủ tướng mà xốc tới.

Khi thế ngất trời ấy của những người khởi nghĩa quả đã làm khiếp đảm quân thù. Tòa Đô úy trị trên đất Mê Linh chỉ gắng gượng chống cự được khoảnh khắc rồi vỡ. Dân Mê Linh trèo qua tường thành, phá tung cổng thành, đập bằng dinh lũy của quân thống trị, đốt cháy tan hoang.

Đám tro tàn của tòa Đô úy trị còn đang vật vờ bốc khói, Trưng Trắc và Trưng Nhị đã lại bước lên mình voi. Và dân Mê Linh lại hò reo náo động theo nhịp trống đồng, theo người nữ chủ tướng, tràn xuống Liên Lâu. Nhưng lúc này, không phải chỉ có dân Mê Linh.

1. Hình ảnh này dựa theo tượng một phụ nữ quý tộc đúc làm chuỗi một thanh đoản kiếm bằng đồng thau, có niên đại khoảng Công nguyên và những di vật đào được ở các di chỉ có niên đại tương đương.

2. Câu nói này của Trưng Trắc có gốc ở sách *Đại Việt sử ký*, ngoại kỷ, quyển 3.

Nhập vào đoàn quân truy đi phá Quân trị Giao Chỉ của nhà Hán, ngày càng có thêm đông đảo, dài dằng dặc, người của những làng xa gần. Vừa nghe tin chị em họ Trưng đánh hạ Đô úy trị Mê Linh, dân Việt khắp nơi đã lập tức cử người của mình kéo tới...

Tiếng trống đồng thêm nhiều âm vang, tiếng hò reo thêm nhiều các giọng. Và bụi đường bốc lên càng dữ dội. Tất cả cuộn cuộn tràn xuống Liên Lâu.

★
★

Thành Liên Lâu cũng không đương nổi cuộc công phá của cả một biển người ào lên xung sát cực kỳ dũng mãnh theo hiệu trống đồng của Trưng Trắc, Trưng Nhị. Một đợt, rồi hai đợt tiến công, bao giờ cũng có Trưng Trắc, Trưng Nhị dẫn đầu, nghĩa quân Việt đã phá tan tòa thành Hán. Trong đám loạn quân, chị em họ Trưng thúc voi xông xáo tìm kiếm Tô Định mà không thấy hui hấn đâu. Con thú lớn ấy đã ôm đầu lủi trốn được⁽¹⁾.

Nghỉ lại ở Liên Lâu một chiều. Trưng Trắc, Trưng Nhị lập tức phái ngay cừ súy của mình đi các nơi thăm thú binh tình. Người đi chưa được bao lâu thì bỗng từ mạn Bắc đã có tiếng reo hò vọng lại. Một đoàn người lô nhô riu giáo, cung nỏ, ồn ào kéo tới, dẫn đầu là một nữ thủ lĩnh còn trẻ măng. Tin vui truyền ngay đến tai Trưng Trắc, Trưng Nhị: nàng Thánh Thiên ở Ngọc Lâm⁽²⁾ vừa nghe tin nữ chủ đất Mê Linh, nổi dậy, cũng

1. Sách *Hậu hán thư* của phong kiến Trung-hoa chép: "Thứ sử Giao Chỉ và các thái thú may mà giữ được mình". Chính-sử của ta chép: Tô Định chạy trốn về Nam Hải. Sách *Đông quan Hán ký* chép: ở Giao Chỉ chạy về, Tô Định bị vua Hán bắt bỏ ngục.

2. Nay thuộc huyện Lạng Giang, Hà-bắc.

đã lập tức dẫn dân vùng mình đánh hạ ngay huyện thành Bắc-dối⁽¹⁾ của nhà Hán, rồi đưa thẳng đoàn người khởi nghĩa về hội quân với chị em họ Trưng!

Nổi mừng vui náo nức còn nóng hổi thì từ mạn Nam, một đoàn quân sĩ nữa cũng đã vượt sông Đuống tiến lên. Hai người con gái giống nhau như hai giọt nước, dẫn đầu đoàn chiến binh ấy, chính là các nàng Nguyệt Thai, Nguyệt Độ ở Mi Thử⁽²⁾, vừa nổi dậy đánh hạ huyện thành An Định⁽³⁾ của nhà Hán, rồi dẫn quân tới hội.

Rồi từ mạn Tây cũng có người kéo về: nàng Thiều Hoa ở động Lăng Xương⁽⁴⁾ với cả một đoàn dũng sĩ phóng lao múa khiên và chạy nhảy như gió, vì hàng ngày vẫn chuyên luyện môn đánh phết hảo hùng. Và từ mạn Đông, nữ tướng Lê Chân, người đã chiêu dân lập ấp, dựng nên trang An Biên⁽⁵⁾ ngay trên sông nước biển Đông, cũng dẫn theo cả một đoàn quân gồm toàn những tay vật nổi tiếng lão luyện. Rồi thì nàng Tia ở Vĩnh Ninh⁽⁶⁾ đưa về một đoàn thuyền chiến và những thủy thủ ở nước như ở cạn. Tướng Nguyễn Tam Chính bấy lâu mở lò vật ở Mai Động⁽⁷⁾, nay đem tất cả môn đệ của mình tới theo Trưng Trắc, Trưng Nhị. Tướng Lã Văn Ất cùng những người dân bộ lạc Trâu cũ, nổi dậy phá tan huyện thành Câu Lậu⁽⁸⁾ rồi cũng dẫn quân tới hội.

Từ quận Cửu Chân, các tướng Đô Dương, Chu Bá tìm ra, cùng một lúc với các cừ súy quận Nhật Nam, đưa

1. Đất miền Bắc Giang bây giờ.

2. Nay thuộc huyện Bình Giang, Hải Hưng.

3. Đất miền Hải Dương bây giờ.

4. Miền Thanh-sơn, Thanh-thủy (Vĩnh-phú) ngày nay.

5. Khu phố Lê Chân thuộc Hải-phòng bây giờ.

6. 7. Nay thuộc huyện Thanh-trì, Hà-nội.

8. *Câu-lậu* là tên phiên âm sang tiếng Hán cổ của tiếng Việt cổ đại, chỉ con trâu, âm cũ đọc là *K'lầu*. Đất huyện Câu-lậu nay là miền Hải Hưng.

tin dân khắp các quận miền trong cũng đã nổi dậy phá tan tành các huyện thành và quận trị. Tin từ Hợp Phố mãi xa trên mạn Bắc đưa về sau cùng: dân Việt ở đây cũng đã đánh tan bọn quan quân nhà Hán và chiếm xong các huyện thành⁽¹⁾.

Tin thắng trận dồn dập, tới tấp truyền về. Nỗi vui mừng quá lớn khiến người ta đứng ngồi đều không yên. Hàng chục đời này rồi, dễ chừng chưa từng có dịp nào được sống tung bừng sung sướng đến như thế! Nước cũ từ thời tổ Hùng vương lại thấy bây giờ là đây! Hội mừng thắng trận mở hết ngày này sang ngày khác. Khắp nước náo động tiếng trống đồng và tiếng hò reo...

III

Ba mùa xuân nữa nối nhau trôi qua, cũng trong tiếng trống đồng và tiếng hò reo mở lại hội vui trên khắp đất Việt.

Đuổi được giặc, lấy lại nước, hai chị em họ Trưng được cả nước tôn lên làm vua. Dòng dõi các vua Hùng xưa, bây giờ lại trị vì đất nước Việt. Trưng nữ vương trở về đất bản bộ của mình, xây thành Mê Linh, đứng

1. Sách *Hậu Hán thư* và chính sử của ta đều chép Hai Bà Trưng đã thu phục được tất cả 65 thành. Đây là một con số phiếm chỉ, tượng trưng cho một số lượng lớn các thành. Vì cộng nốt 9 quận của châu Giao Chỉ từ Quảng Đông, Quảng Tây và đảo Hải Nam vào tới miền Quảng Nam nước ta, nhà Hán cũng chỉ có 56 thành. Thực tế, Hai Bà Trưng chính thức làm chủ 4 quận: Hợp Phố (miền Quảng Đông — Trung-quốc) và Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam (miền Bắc ngày nay và miền Trị — Thiên. (Quảng Nam)).

như điều hứa nguyện của nàng Trưng Trắc ngày nào⁽¹⁾. Người ta làm chủ nước ta. Các nữ thủ lĩnh, các nam cừ dũng, được phong các chức nữ tướng, tướng lĩnh, người nào trở về đất nấy, dốc sức cùng nhân dân xây cuộc đời mới. Riêng Lê Chân giữ chức Tiên phong. Và Nàng Tia được giao cai quản thủy quân.

Trưng Trắc bàn bạc với em gái và các tướng rồi quyết định miễn hẳn thuế khóa cho thiên hạ. Cùng kiệt, khổ nhục dưới ách bạo tàn đã bao lâu, nay vừa được tự do lại khỏi hẳn nạn cống nạp, dân Việt say mê sống cuộc đời mới đã ba mùa xuân mà vẫn bàng hoàng vì niềm hạnh phúc quá lớn. Tiếng hát ca ngợi Trưng vương cất lên từ tất cả những tấm lòng sùng kính say sưa của dân khắp nước.

Vào mùa xuân năm thứ ba ấy, chỉ có Trưng vương là người phải lo nghĩ: vua Hán Quang Vũ đã hạ lệnh động binh lớn, đưa tỷ thư phong cho viên tướng lão luyện Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, đem đại quân sang đánh lại nước Việt, quyết đặt lại quận huyện ở đây một lần nữa.

Buổi chiều mùa xuân năm thứ ba ấy, đứng trên lầu cao thành Mê Linh, nghe tiếng trống đồng ngày hội vọng tới, Trưng Trắc nói với Trưng Nhị:

— Phải quyết sống mái với giặc thôi!



Trận huyết chiến sống mái ấy đã xảy ra ở Lãng Bạc⁽²⁾. Hai vạn quân Hán, gồm 8 nghìn đại binh và 12 nghìn

1. Truyền thuyết cho rằng dấu vết tòa thành này, nay còn ở làng Hạ Lôi, tỉnh Vĩnh Phú.

2. Nay là vùng đất trũng nam Bắc sông Cầu, từ Đông Triều đến Yên Phong (Hà Bắc).

tinh binh của Mã Viện, đã giao chiến dữ dội với dân binh các làng chạ do Trưng vương thống suất, trong một trận đánh tối sầm cả trời đất. Quân Mã Viện đóng sẵn trên các triền đất cao giữa vùng Lãng Bạc lấy lợi, chuẩn bị tiến công Mê Linh⁽¹⁾. Giữa lúc ấy thì Trưng vương đem quân tới chặn đánh. Hơn một vạn người Việt đã ngã và mất trong trận huyết chiến đó⁽²⁾.

Sau trận đánh lớn ở Lãng Bạc, Trưng vương thu quân về giữ Cẩm Khê⁽³⁾. Bọn Mã Viện lại kéo đại quân tới. Và một loạt trận huyết chiến nữa lại nổ ra, máu chảy đỏ sông Hồng. Hơn hai vạn người Việt nữa lại đã bị mất ở đây⁽⁴⁾.

Quyết bảo vệ đất nước và cuộc sống tự do của mình, thà mất hết chứ không quay lại kiếp ngựa trâu, sức lực của người Việt hầu như đã dốc kiệt để sống mái với quân xâm lược theo ý chí của Trưng vương⁽⁵⁾. Những người nữ vương đầu tiên của đất nước, cho đến cùng, vẫn kiên quyết giữ mãi ý chí sống mái với quân thù. Và dòng sông quê hương, sau hết, đã nhận vào lòng nước

1. Sử cũ của phong kiến Trung-hoa chép lời Mã Viện: «Lúc ta đang ở giữa miền Lãng Bạc và Tây Lý, quân địch chưa diệt được, dưới thì nước lụt trên thì mây mù, khí độc bốc lên ngàn ngút, ngẩng trông lên thấy chim diều hầu đang bay sà rơi xuống nước...»

2. Mã Viện truyện chép: Viện chém vài nghìn đầu, bắt hàng hơn vạn người.

3. Vùng Suối Vàng và núi vua Bà (Thạch Thất—Ba Vì, Hà Tây bây giờ).

Lưu Long truyện chép Lưu Long, phó tướng của Mã Viện, chém hơn nghìn đầu, bắt hàng hơn hai vạn.

4. Chiến trường chính chống trả cuộc đàn áp man rợ của Mã Viện là hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân, lúc ấy tổng số dân mới có 91 vạn người trẻ già lớn bé. Vậy mà chỉ trong mấy trận đánh lớn, hơn 4 vạn người Việt đã bị giết và bị bắt.

mát dạt dào chảy mãi về sau ý chí quí báu chói ngời ấy của Trưng vương: phóng những ngọn lao và bắn đến những mũi tên cuối cùng, Trưng Trắc và Trưng Nhị đã lùi đến bờ sông sâu. Và gieo mình xuống đáy nước⁽¹⁾.

Bấy giờ là mùa hè năm 43 sau Công nguyên.

VĂN LANG

1. Về cái chết của hai Bà Trưng, chính sử của ta chép không rõ ràng. Sử cũ của phong kiến Trung-hoa cũng chép không thống nhất: *Thông chí* và *Hậu Hán thư* chép Hai Bà bị chém. *Nam Việt chí* và *Giao Châu ngoại vực ký* chép Hai Bà bị bắt. Ở đây viết theo truyền thuyết dân gian, kể rằng Hai Bà tự vẫn ở Hát-giang.

ĐINH BỘ LĨNH

Từ cánh đồng ngoài xa, có tiếng kêu của ai đó đội về vách đá, vọng vào căn nhà gỗ ven núi:

— Thằng Bộ Lĩnh đánh chết người!

Bà Đàm ngừng tay đưa thoi, lắng nghe. Bà biết rõ con bà lắm. Thằng Bộ Lĩnh đã nhiều lần làm khổ bà vì cái tính nghịch ngợm và bướng bỉnh của nó. Còn giết người thì từ khi sinh ra, Bộ Lĩnh không ở với bố là Đinh Công Trứ đang làm thứ sử ở Hoan Châu⁽¹⁾ mà ở Hoa Lư với bà đã mười bốn năm nay, bà chẳng biết nó hay sao? Con bà không làm chuyện ấy. Lại có tiếng gọi:

— Bà Đàm ra mà đền con cho người ta kia!

Nó lại đánh nhau với con cái nhà ai rồi! Nghĩ vậy, bà Đàm đứng dậy, với tay cầm chiếc roi trên vách.

Vừa ra đến đầu động⁽²⁾ bà đã thấy lũ trẻ chẵn trâu kéo nhau về. Một tốp cưỡi trâu đi trước, đưa nào đưa nấy kết lá làm bánh, ngồi ngất ngêu trên lưng trâu. Tiếp theo, một tốp khác vác cò lau đi như rước hội. Bộ Lĩnh đang chễm chệ ngồi trên tay hai đứa trẻ khoan làm kiểu rước đi giữa, hai bên có mấy đứa cầm cò lau kiếm gỗ hộ vệ. Bà Đàm bực mình, đi thẳng lại chỗ Bộ Lĩnh. Cầm roi trong tay bà vừa vung lên thì

1. Hoan Châu tức Nghệ An ngày nay.

2. Động cũng như sách, bản, nguồn... ở miền ngược, giống như làng, xã, thôn... ở vùng xuôi.

Bộ Lĩnh đã tụt vội xuống đất, luồn qua tay bà, rồi chạy lên phía trước. Bộ Lĩnh nhảy tót lên lưng trâu, thúc trâu tể về phía núi,

Thì ra lũ trẻ chẵn trâu động Hoa Lư cò lau tập trận. Đánh nhau với một lũ trẻ khác, bị cướp mất trâu, Bộ Lĩnh tức giận đuổi bắt thằng bé đầu đàn, quăng xuống sông. Khi thằng bé sắp chìm, Bộ Lĩnh lại nhảy xuống vớt lên...

Bà Đàm vừa giận con lại vừa lo lắng đến việc dạy con.

Lại một hôm, trong lúc cò lau tập trận, đoàn trẻ chẵn trâu Hoa Lư được tin lũ trẻ sách bên đang đi về phía chúng. Lập tức Bộ Lĩnh cho dàn trận, còn mình thì leo lên một mỏm đá đứng chỉ huy, tay cầm bông lau làm cờ hiệu, thanh kiếm gỗ đeo bên sườn. Một trận chiến đấu ác liệt sẽ xảy ra. Không phải thế. Chúng đến để xin nhập bọn. Muốn nhập bọn với Bộ Lĩnh nhưng lại không chịu nhận Bộ Lĩnh làm chủ tướng, nhao nhao đòi đo tài vật xem ai khỏe hơn mới được làm chủ tướng. Tuy bé nhỏ hơn thằng bé đầu đàn của lũ trẻ sách bên, nhưng Bộ Lĩnh không do dự, nhận lời đo sức.

Hai đứa cởi áo xông vào vật nhau. Bộ Lĩnh dùng tài nhanh nhẹn của mình làm cho thằng kia ngã sấp xuống rồi chồm lên lưng hắn ngồi như cỡi trâu. Thằng kia cố sức vùng dậy. Bộ Lĩnh thúc chân vào sườn hắn mà thét:

— Mau lên! Công chủ tướng về hang núi khao quân! Lũ trẻ reo cười nhìn thằng lớn công thằng bé. Có tiếng xì xào: «Thằng Bộ Lĩnh khôn quá, đáng mặt làm chủ tướng».

Thế là đoàn quân trẻ nhỏ lũ lượt điếu binh. Bộ Lĩnh ngồi trên kiệu đi giữa, có tả hữu hộ vệ. Rừng cò lau đi động men theo sườn núi, tiến về hang đá. Đến nơi, Bộ Lĩnh để lũ trẻ đứng đợi, còn mình thì dẫn mười đứa về nhà.

Nhà Bộ Lĩnh ở cạnh đền Sơn Thần, cách động núi chừng nửa dặm. Hôm đó bà Đàm đi vắng, chỉ còn mấy gia đồng ở nhà. Con lợn hai người khiêng đang ở trong chuồng và mấy thúng gạo nếp được lũ trẻ mang đi theo lệnh của Bộ Lĩnh.

Trong hang núi, tiếng lợn kêu vang, khói bốc nghi ngút. Mùi thịt nướng ngầy ngậy, mùi xôi nếp thơm thơm bốc lên quyến rũ. Lũ trẻ háu đói quây quần bên bếp lửa reo hò...

Tuổi niên thiếu của Bộ Lĩnh trôi qua với những ngày sôi nổi: tập trận khao quân rồi lại tập trận khao quân. Cứ như thế, Bộ Lĩnh cùng lũ trẻ chần trâu gấn bó với nhau như cá với nước.

Bà Đàm lo lắng vì Bộ Lĩnh quá nghịch ngợm nhưng bà cũng mừng thầm có đứa con hơn người. Các cụ bô lão truyền cho nhau: « Đứa bé này khí độ như thế tất sẽ làm nên việc lớn, bọn chúng ta nếu không về theo, ngày sau hối không kịp »⁽¹⁾. Còn trẻ chần trâu quanh vùng ngày càng mẫn phục và rủ nhau tìm về với Bộ Lĩnh.

★
★★

Mọi người đang xôn xao vì chuyện cờ lau tập trận của cậu bé họ Đinh thì hàng loạt sự kiện lớn lao rung chuyển núi sông liên tiếp truyền đến Hoa Lư. Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ để đoạt chức Tiết độ sứ⁽²⁾. Rồi Ngô Quyền, thứ sử Ai Châu kéo quân ra hỏi tội kẻ phản trắc. Công Tiễn rước quân Nam Hán về chống lại Ngô Quyền. Cũng năm ấy, Ngô Quyền giết Công Tiễn

1. Nguyên văn trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch của Viện Sử học.

2. Năm 937.

và bố trí trận thủy chiến ở sông Bạch Đằng để chống giặc⁽¹⁾. Đội chiến thuyền của giặc Nam Hán cùng với tên tướng Hoảng Tháo bị chôn vùi dưới sông nước. Sông Bạch Đằng đỏ ngầu máu giặc. Đất nước thanh bình, Ngô Quyền lên ngôi vua và đóng đô ở Cổ Loa⁽²⁾.

Năm ấy cậu bé họ Đinh vừa tròn mười sáu tuổi⁽³⁾.

Cái tuổi mười sáu phơi phơi yêu đời của Bộ Lĩnh không chỉ đủ vui với chuyện cờ lau tập trận nữa. Cậu mơ ước sẽ trở thành người chỉ huy thực sự, và muốn làm nên những công tích rung chuyển đất trời như người khác đã làm được. Đinh Bộ Lĩnh đang say sưa với niềm mơ ước đẹp đẽ của tuổi trẻ thì Đinh Công Trứ — cha của Bộ Lĩnh, qua đời ở Hoan Châu.

Nhưng năm tháng thanh bình chưa được bao lâu, lại có tin sét đánh: Ngô vương Quyền mất ở Cổ-loa⁽⁴⁾. Dương Tam Kha tiến ngôi vua, tự xưng là Bình Vương. Ngô Xương Ngập con trai của Ngô Quyền phải trốn tránh. Thô hão các nơi nổi lên chiếm giữ mỗi người một vùng nhằm thôn tính lẫn nhau.

Thấy cảnh đất nước bị chia xé, nghĩ mình không thể ngồi yên được, Bộ Lĩnh liền họp bạn bè lại mà nói rằng:

1. Ngô Quyền phá giặc Nam Hán trên sông Bạch Đằng vào năm 938.

2. Năm 939.

3. Các sách sử của ta đều chép « Đinh Công Trứ chết, Bộ Lĩnh còn nhỏ » hay « vua còn nhỏ mồ côi cha ». Các sách sử còn cho hay Bộ Lĩnh mất vào năm Kỷ Mão (979) thọ 56 tuổi. Bên cạnh đó, sử còn cho ta biết thêm Đinh Công Trứ, cha Bộ Lĩnh giữ chức thứ sử Hoan Châu dưới thời Ngô Quyền (939 — 944). Như vậy Đinh Bộ Lĩnh sinh vào năm 923, và cho rằng Đinh Công Trứ mất vào năm đầu thời Ngô Quyền đi nữa (939), thì lúc đó Bộ Lĩnh cũng đã 16 tuổi.

4. Năm 944.

— Chúng ta không tập trận giả như trước nữa phải đánh trận thật. Trai thời loạn không thể khoan tay ngồi một xó mà nhìn. Đất nước đang cần đến chúng ta.

Ai nấy đều cho lời nói của Bộ Lĩnh là phải, liền chia nhau đi tập hợp các bạn bè, rủ nhau theo về với Bộ Lĩnh để cùng lo việc nước. Bộ Lĩnh mở bờ khao quân và kéo về đóng ở sách Đào Úc⁽¹⁾.

Cả châu Đại Hoàng⁽²⁾ đã thuộc quyền kiểm soát của Bộ Lĩnh, chỉ còn sách Bông do Đinh Dục chiếm giữ. Bộ Lĩnh đem quân đến thuyết phục. Đinh Dục ở sách Bông nghe tin quân Hoa Lư kéo đến, liền quát:

— Thằng Bộ Lĩnh này láo thật, nó dám đánh lại cả chủ nó! Rồi tung quân ra đuổi đánh.

Thấy vậy, Bộ Lĩnh ngửa mặt lên trời than: «Trời ơi! Ta đâu muốn có chuyện nời da nấu thịt này!». Bộ Lĩnh thu quân chạy. Đinh Dục đuổi đến Đàm Gia, thấy cầu gãy, rút quân về.

Qua nhiều đêm suy nghĩ, Bộ Lĩnh quyết tâm thu phục sách Bông bằng được. Bộ Lĩnh tập hợp dư chúng, thu thập thêm quân sĩ, lại dẫn đại quân đến sách Bông. Tới nơi, Bộ Lĩnh cho người mời Đinh Dục ra nói chuyện. Thấy quân của Bộ Lĩnh đông, Đinh Dục không dám tung quân đuổi đánh mà chỉ ra lệnh đóng chặt cổng, leo lên thành quan sát. Thấy chú, Bộ Lĩnh gọi:

— Chú ơi! Cháu không chống lại chú, sao chú đuổi đánh cháu. Hiện nay đất nước loạn lạc, cả châu Đại Hoàng đều ở trong tay cháu, chỉ còn sách Bông của chú đứng một mình. Nếu mai đây có kẻ khác đến đánh phá, chú cháu ta mỗi người một phương, làm sao mà

1. Thuộc huyện Gia Viễn, Ninh Bình bây giờ.

2. Tức Gia Viễn, Ninh Bình.

chống giữ nổi. Cháu muốn hội quân với chú để cùng lo việc lớn.

Đinh Dục cảm động. Mỗi tình máu mủ ruột thịt sống lại trong lòng ông già. Đinh Dục sai mở cổng đón Bộ Lĩnh vào và giao sách Bông lại cho cháu.

Thu phục được sách Bông, thế lực của Bộ Lĩnh càng lớn mạnh. Nhưng chi lớn của Bộ Lĩnh không dừng lại ở một châu nhỏ hẹp. Từ Hoa Lư, Bộ Lĩnh vẫn hàng ngày theo dõi tình hình loạn lạc đang diễn ra ở khắp nơi trên đất nước rộng lớn. Những tiếng kêu than rên siết vì cảnh nời da nấu thịt, những biến động lục đục ở triều đình Cổ Loa hàng ngày vẫn đến tai Bộ Lĩnh.

Năm ấy ở Cổ Loa, Dương Tam Kha sau khi tiếm ngôi được sáu năm, sai Xương Văn cùng hai quan sứ là Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạc đi đánh dẹp hai thôn ở Thái Bình⁽¹⁾. Đến Thanh Liêm, Xương Văn bàn với tướng sĩ dẫn quân về đánh úp Tam Kha, bắt được giáng làm Trương Đương công. Xương Văn giành lại ngôi vua, xưng là Nam Tấn Vương và đón Xương Ngập về cùng trông coi việc nước.

Thấy thế lực của Bộ Lĩnh ngày một mạnh, triều đình Cổ Loa muốn đánh dẹp để trừ hậu họa. Được tin, Bộ Lĩnh cho con trai là Đinh Liễn đến Cổ Loa để làm kế hòa hoãn. Nam Tấn Vương và Thiên Sách Vương (Xương Ngập) bắt giữ Đinh Liễn rồi cất quân đánh Bộ Lĩnh⁽²⁾. Bộ Lĩnh đóng chặt cửa động, chống cự đến cùng. Đánh nhau với Bộ Lĩnh hơn một tháng trời không hạ được, Nam Tấn Vương bèn treo Đinh Liễn lên ngọn cây dọ: nếu Bộ Lĩnh không hàng sẽ giết chết Đinh Liễn. Thấy vậy Bộ Lĩnh giận dữ quát: «Bạc đại trượng phu lẽ

1. Theo *Cương mục*, thuộc miền Quốc-oai Hà Tây, ở hữu ngạn sông Hát.

2. Năm 951.

nào vì con trẻ mà bỏ việc lớn»⁽¹⁾, rồi sai hơn mười tay nỏ cùng nhắm vào Đinh Liễn chực bắn. Trước quyết tâm của Bộ Lĩnh, Nam Tấn Vương hoảng sợ không dám giết Đinh Liễn mà rút quân về. Bộ Lĩnh cười nói với chư tướng:

— À, ra Bộ Lĩnh này không sợ mất con mà lũ kia lại sợ mất đầu!

Sau đó Đinh Liễn được thả về Hoa-lư.

Đánh lui được quân của triều đình Cồ-loa, uy danh của Bộ Lĩnh càng thêm lừng lẫy. Nhân dân kéo về theo Bộ Lĩnh ngày một đông. Quân dân châu Đại Hoàng càng vui mừng phấn khởi, còn riêng Bộ Lĩnh vẫn chưa vui. Đã nhiều đêm không ngủ, Bộ Lĩnh xách gươm đi tuần tra trong doanh trại. Nhìn núi non hùng vĩ tắm ánh trăng, nghe tiếng cuốc kêu ra rả trong khe núi, Bộ Lĩnh càng sốt ruột vì việc lớn chưa thành. Bộ Lĩnh cho gọi chư tướng đến cùng uống rượu thưởng trăng. Thấy chủ tướng không được vui, có người hỏi, Bộ Lĩnh nói với mọi người:

— Non sông bị chia xé, nhân dân điêu đứng tan tác, cảnh nồi da nấu thịt đang diễn ra, ta e rồi đây chỉ làm mồi cho giặc. Trước tình cảnh ấy, các người bảo ta vui sao được.

Nhiều người bàn nên ra quân, Bộ Lĩnh lại nói:

— Con chim bằng bay xa hàng vạn dặm là nhờ có bộ cánh khỏe. Ta có các người như chim có bộ cánh. Nhưng chim thì bay trên trời còn ta lại vác gươm đi dưới đất. Ra quân, nhưng thế chưa vững, lực chưa mạnh, thì sao cho vẹn toàn!

1. Nguyên văn trong *Việt sử lược*, bản dịch của Nhà XB Sử học.

Bộ Lĩnh quyết định đến cửa Bồ⁽¹⁾ nương nhờ Trần Lãm. Hiện Trần Lãm đang chiếm giữ một vùng rộng lớn ở Bồ-hải-khâu, xưng là Trần Minh Công. Tuy có thể lực mạnh nhưng Trần Lãm đã già yếu, lại không có con, nên ông ta cũng chỉ muốn được yên thân. Chỉ bằng đến nương tựa và tìm cách thuyết phục. Mọi người cho kế đó là phải. Bộ Lĩnh tìm đến gặp Trần Lãm.

Trong một cuộc hội kiến, Trần Lãm hỏi Bộ Lĩnh:

— Đinh tướng quân định đến mượn người mượn đất của ta chăng?

Bộ Lĩnh đáp:

— Thừa sứ quân, đất đai, quân dân ở châu Đại Hoàng hay cửa Bồ đều là của chung thiên hạ, phải đâu riêng của ngài hay của tôi, mà dám nói chuyện vay mượn?

Trần Lãm trừng mắt ngạc nhiên:

— Là của chung?

— Vâng, là của chung. Vì vậy tôi đến đây mong được ngài sai bảo để cùng lo việc chung...

Trần Lãm đắc ý cười:

— Tiếng đồn về người con trai của thứ sử Hoan Châu quả không ngoa.

Trần Lãm nhận Bộ Lĩnh làm con nuôi. Thấy mình đã già yếu không lo được việc lớn nữa, ít lâu sau Trần Lãm giao cả binh quyền lại cho Bộ Lĩnh.

Một dải đất rộng lớn từ châu Đại Hoàng đến Bồ-hải-khâu đều thuộc quyền điều khiển của Bộ Lĩnh.

★
★★

1. Cửa Bồ hay Bồ Hải Khâu, thuộc xã Kỳ Bồ, huyện Vũ Tiên, Thái Bình.

Sau khi mở rộng được địa bàn hoạt động, Bộ Lĩnh lo thu phục nhân tài, rèn luyện quân sĩ, tích lương, chờ thời cơ ra quân để thống nhất đất nước.

Thời cơ đã đến.

Quân do thám cho hay triều đình Cồ Loa sụp đổ. Từ khi Thiên Sách Vương Xương Ngập mất⁽¹⁾, Nam Tấn Vương Xương Văn lên cầm quyền phải xin mệnh lệnh của chúa Nam Hán. Nam Hán phong cho Xương Văn chức Tĩnh hải-quan tiết độ sứ. Thực quyền của triều đình nhà Ngô lúc này không vượt quá một dải đất hẹp. Cách Cồ Loa chưa đầy vài mươi dặm, đã có nhiều người nổi dậy cát cứ xưng hùng. Nam Tấn Vương có ý muốn đánh dẹp các nơi nhưng bất lực. Đến nay trong khi đi đánh hai thôn ở Thái Bình, Xương Văn bị tên nô mai phục bắn chết⁽²⁾. Thấy vậy, nha tướng cũ của Xương Văn là Lữ Xử Bình và thứ sử Phong Châu Kiều Tri Hựu tranh chấp nhau làm vua. Ngô Xương Xi (con Xương Ngập) chạy vào Ái Châu giữ đất Bình Kiều⁽³⁾. Đỗ Cảnh Thạc, nha tướng cũ của Ngô Quyền, từ lâu đã rút về chiếm vùng Đỗ Động⁽⁴⁾, đào hào xây thành tính kế lâu dài.

Trước tình thế đó, Bộ Lĩnh đập bàn quát:

— Phường chó chết! Không sớm quét sạch bọn phá nước hại dân này thì non sông có phen lại rơi vào tay giặc ngoài mắt!

Bộ Lĩnh triệu tập bộ tướng họp bàn việc lớn. Xung quanh bàn rượu, chư tướng tính kế ra quân.

1. Năm 954.

2. Năm 965.

3. Ở huyện Triệu-sơn, Thanh-hóa, mấy chục năm trước đây vẫn còn di tích thành xưa.

4. Thuộc Hà-tây ngày nay.

Đếm trên đầu ngón tay, hiện nay ngoài Cồ Loa còn có mười một sứ quân cần phải thu phục: Kiều Công Hãn giữ Phong Châu⁽¹⁾, Kiều Thuận giữ Hồi Hồ⁽²⁾, Nguyễn Khoan giữ Nguyễn-gia-loan⁽³⁾, Nguyễn Thủ Tiệp giữ Tiên Du⁽⁴⁾, Nguyễn Siêu giữ Phù-liệt⁽⁵⁾, Lý Khuê giữ Siêu-loại⁽⁶⁾, Lữ Đường giữ Tế Giang⁽⁷⁾, Phạm Bạch Hổ giữ Đằng Châu⁽⁸⁾, Ngô Nhật Khánh giữ Đường Lâm⁽⁹⁾, Ngô Xương Xi giữ Bình Kiều, và Đỗ Cảnh Thạc giữ Đỗ Động. Trong tình thế ấy ra quân sao cho toàn thắng? Bộ Lĩnh quyết định trước khi đánh dẹp các sứ quân hãy đánh vào Cồ Loa. Cồ Loa là đất trọng yếu, hiện nay đang rối loạn và hầu như vô chủ. Bình được trung tâm Cồ Loa lòng người các châu quận sẽ hướng về theo, các sứ quân tất có kẻ đến xin hàng mà giặc ngoài cũng không còn cơ hội để dòm ngó nước ta nữa. Chư tướng cho là phải. Bộ Lĩnh cử Đinh Liên cùng Lê Hoàn, Nguyễn Bặc, Đinh Điền đi đánh Cồ Loa.

Quân của Đinh Liên tiến vào Cồ Loa như vào chỗ không người. Lữ Xử Bình và Kiều Tri Hựu bất tài, chưa đánh đã tan. Chỉ có Cảnh Thạc là đáng kể, thì đã rút quân về Đỗ Động. Nghe tin đại quân của Bộ Lĩnh kéo đến, nhân dân Cồ Loa vui mừng đem rượu thịt ra đón

1. Nay còn dấu vết thành cũ ở làng Phù-lâm, huyện Bạch hạc, tỉnh Vĩnh Phú.

2. Huyện Cẩm-kê, Vĩnh Phú, hiện còn dấu thành xưa.

3. Theo *Cương mục*, Nguyễn-gia-loan, là tên núi ở xã Vĩnh-mỗ huyện Yên-lạc, là trị sở của Nguyễn Khoan khi giữ vùng Tam Đái.

4. Nay là Tiên Du, Hà Bắc.

5. Thuộc huyện Thanh Trì, Hà Tây.

6. Nay là Thuận Thành, Hà Bắc.

7. Huyện Văn-giang, Hải hưng, nay còn đền thờ Lữ Tá Công.

8. Thuộc miền Hưng Yên cũ, Hải Hưng ngày nay.

9. Nay là huyện Phúc Thọ, Hà Tây. Có tài liệu nói Ngô Nhật Khánh giữ miền Giao Thủy, nay là Xuân Trường, Nam Hà.

rước. Đinh Liễn, Lê Hoàn, Đinh Điền và Nguyễn Bặc chiếm Cỗ Loa, phủ dụ dân chúng và chia nhau điều khiển công việc.

Sau khi chiếm được Cỗ Loa, Đinh Liễn sai Lê Hoàn đi chinh phục các sứ quân quanh vùng. Lý Khuê ở Siêu-loại, Lữ Đường ở Tế Giang, Nguyễn Siêu ở Phù-liệt xin hàng. Được tin triều đình Cỗ Loa lục đục, Giao-châu loạn lạc, chúa Nam Hán là Lưu Xưởng vì đang lo đối phó với nhà Bắc Tống nên không tính chuyện xâm lược nước ta được. Nhưng khi nghe nói Đinh Liễn đã dẹp yên Cỗ Loa, Lưu Xưởng bèn sai sứ sang phong cho Đinh Liễn làm Giao Châu tiết độ sứ để ràng buộc⁽¹⁾.

Biết chuyện, Bộ Lĩnh đem quân đến Cỗ-loa gặp Đinh Liễn hỏi:

— Ta nghe nói sứ Nam Hán sang, hẳn đến có việc gì?

— Thưa cha, chúa Nam Hán phong cho con làm Giao Châu tiết độ sứ.

Đinh Liễn đưa tờ chiếu của Lưu Xưởng cho cha, Bộ Lĩnh xé nát ra làm nhiều mảnh, nói với Đinh Liễn:

— Có phải đất đai của chúng đâu mà chúng có quyền phong cấp. Giá ăn cướp được nước ta chúng cũng chẳng tha đâu!

Bộ Lĩnh đòi giết chết sứ Nam Hán, nhưng sứ đã về nước. Đinh Liễn, người con trai ngoài hai mươi tuổi, đang say sưa với chiến công đầu, bưng tỉnh trước cơn thịnh nộ của bố.

1. Sách *Việt sử thông giám cương mục, tiền biên*, Q. II. tr. 53, bản dịch của Viện Sử học, xuất bản năm 1957, cho hay: « Theo Ngũ đại sử năm Đại bảo thứ 8 đời Lưu Xưởng, Xương Văn ở Giao-châu mất, người giúp việc là Lữ Xử Bình cùng với thứ sử Phong Châu là Kiều Tri Hựu tranh nhau lên làm vua. Đinh Liễn đem quân đi đánh phá được. Lưu Xưởng cho Đinh Liễn làm tiết độ sứ Giao Châu ».

Bộ Lĩnh dặn dò và giao công việc ở Cỗ Loa cho Đinh Liễn, Nguyễn Bặc rồi cùng Lê Hoàn rút về cửa Bồ.

Quả nhiên binh được Cỗ Loa thế lực của Bộ Lĩnh ngày càng lớn mạnh. Ngô Nhật Khánh ở Giao Thủy, Phạm Phòng Át ở Đằng Châu cũng lần lượt đến xin hàng.

Trong lúc đó lại có tin Kiều Công Hãn ở Phong-châu và Đỗ Cảnh Thạc ở Đỗ Động đang rục rịch định chiếm lại Cỗ-loa, Bộ Lĩnh quyết định phải gấp rút ra quân đánh dẹp. Bộ Lĩnh cho quân do thám bám sát tình hình Đỗ Động và chia quân đánh châu Phong và châu Ai trước.

Ngô Xương Xí ở Bình Kiều chưa đánh đã tan, chỉ có Kiều Công Hãn ở châu Phong đóng cửa thành chống cự. Bộ Lĩnh hạ lệnh cho Lưu Cơ vây thành. Đã hai ngày Công Hãn không chịu hàng. Bộ Lĩnh cho quân lính chuẩn bị mối rơm. Đến ngày thứ ba Công Hãn vẫn chưa chịu hàng. Bộ Lĩnh ra lệnh đốt thành. Nhưng rồi Lưu Cơ lại được lệnh khoan hãy đốt, chỉ tập trung quân phá cổng thành, bắt sống Công Hãn, không được chém giết bừa bãi. Thành bị phá, Kiều Công Hãn bỏ thành theo cổng sau chạy ra bến Bạch Hạc, xuôi thuyền về Giao Thủy.

Sau hàng loạt chiến công, tinh thần quân sĩ thêm phấn chấn. Binh lực của Bộ Lĩnh mạnh như vũ bão, đánh đâu được đấy. Chỉ còn Cảnh Thạc ở Đỗ Động chưa chịu hàng phục. Bộ Lĩnh bàn kế ra quân đánh Cảnh Thạc.

Trong lúc sĩ khí đang lên thì Trần Lãm hấp hối trên giường bệnh. Biết mình không thể sống được nữa. Trần Lãm cho gọi Bộ Lĩnh vào mà nói:

— Tướng quân đến với ta... nay toàn cõi Nam bang đã về tay tướng quân gần hết... Tướng quân xứng đáng là người đảm đương việc lớn của thiên hạ...

Trần Lãm qua đời⁽¹⁾. Chôn cất Trần Lãm xong, Bộ Lĩnh bàn chuyện ra quân.

Trong cuộc họp các tướng lĩnh, mọi người tôn Bộ Lĩnh lên làm Vạn Thắng Vương và bàn dời đại bản doanh về Hoa-lư rồi hăy ra quân.

Một tháng sau, từ Hoa Lư đại quân của Bộ Lĩnh chia làm bốn cánh kéo cờ Vạn Thắng Vương lên đường đi đánh dẹp Cảnh Thạc.

Cảnh Thạc, nha tướng cũ của Ngô Quyền, là người có nhiều mưu trí, đã từ lâu chiếm giữ một vùng rộng lớn, đắp thành ở trang Liệp Hạ⁽²⁾ để trấn giữ mặt tây, mặt đông có thành Bảo Đà⁽³⁾. Ngày đêm Cảnh Thạc lo luyện quân, tích lương, nuôi chí mưu đồ vương bá.

Đại quân Hoa Lư do Đinh Bộ Lĩnh chỉ huy chia làm bốn mũi tấn công thành Đỗ Động. Thành bị hạ, tướng giữ thành chạy trốn. Hôm đó Cảnh Thạc đang ở Bảo Đà nên thoát chết. Mất thành, Cảnh Thạc thu thập dư chúng quyết tâm kéo về chiếm lại, thế sống mái với Bộ Lĩnh.

Bộ Lĩnh bàn mưu cho Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Lê Hoàn chia quân đến Bảo Đà khiêu chiến và đón Cảnh Thạc ở dọc đường. Theo kế hoạch của Bộ Lĩnh, gặp Cảnh Thạc các tướng sĩ giả thua chạy để nuôi lòng kiêu ngạo và chủ quan của hắn, tìm mọi cách dẫn về Đỗ Động, Cảnh Thạc mắc mưu. Đến nơi thấy cổng thành Đỗ Động đóng chặt, từ trong thành tên bắn ra như mưa. Ngọn cờ Vạn Thắng Vương bay phấp phới trên đỉnh cột càng làm cho Cảnh Thạc thêm phần uất.

1. Cũng có tài liệu nói Trần Lãm còn sống cho đến khi Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua, ít lâu sau mới mất.

2. Xã Tuyết Nghĩa, huyện Quốc Oai, Hà Tây còn có dấu thành cũ của Cảnh Thạc, tục gọi là thành Quên.

3. Nay ở làng Bảo Hà, huyện Thanh Oai, Hà Tây còn dấu thành cũ.

Cảnh Thạc thúc quân vây thành, cố đánh phá, quyết bắt sống Bộ Lĩnh. Bỗng nhiên có tiếng reo hò vang dậy từ tứ phía. Quân của Lê Hoàn, Nguyễn Bặc, Đinh Điền đã kéo về đánh mặt sau. Bộ Lĩnh liền tung quân dũng mãnh trong thành đánh ra. Bị kẹp vào giữa, Cảnh Thạc liều chết trà trộn vào đám loạn quân cùng vài người thân cận lọt được vòng vây, nhắm hướng Bắc chạy thoát.

Toàn thắng, Bộ Lĩnh dẫn đại quân về Hoa-lư.

*
**

Đánh dẹp được Cảnh Thạc, Đinh Bộ Lĩnh chấm dứt thời kỳ loạn mười hai sứ quân kéo dài hơn hai mươi năm trời⁽¹⁾. Đất nước trở lại thống nhất và thanh bình. Nhân dân vui mừng được an cư lạc nghiệp.

Trong lúc khắp nơi tung bừng vui hội thống nhất non sông, thì ở Hoa Lư, Bộ Lĩnh lên ngôi vua. Bề tôi dâng tôn hiệu Đại Thắng Minh Hoàng đế.

Lên ngôi, nhà vua băn khoăn tìm đất định đô và đặt tên nước. Trong một tiệc rượu có đông đủ bộ tướng và mưu sĩ, Bộ Lĩnh nói với mọi người:

— Chọn đất định đô là việc hệ trọng. Ta vẫn có ý muốn chọn Đàm Gia nhưng Đàm Gia tuy bằng phẳng mà không lợi địa thế, còn Hoa Lư thì hiểm trở nhưng lại hẹp.

Mọi người suy nghĩ. Lê Hoàn bàn nên đóng đô ở Hoa Lư⁽²⁾.

1. Kể từ khi Ngô Quyền mất (944) đến khi Bộ Lĩnh thống nhất được đất nước (968) gồm 24 năm.

2. Bộ Lĩnh xây bình ở động Hoa Lư, cách kinh đô Hoa Lư gần 20 cs, về phía Tây Bắc. Ở kinh đô Hoa Lư, thuộc xã Trường Yên, huyện Gia Khánh, Ninh Bình hiện nay, mới khai quật được dấu vết thành lũy cũ.

Hoa Lư tuy có hẹp nhưng hiểm trở. Từ Hoa Lư vươn tay ra mặt Bắc cũng gần. Mặt sau dựa lưng vào Hoan Ái vững chắc. Vả lại một khi giặc tràn sang, từ Hoa Lư ta có đủ thì giờ để trở tay đối phó.

Bộ Lĩnh cho là phải. Ngô Chân Lưu, một nhà sư trước đây đã có dịp cùng Bộ Lĩnh hội kiến, hôm nay cũng có mặt ở đây, nhìn Lê Hoàn thâm phục viên võ tướng có tài mà lời nói cử chỉ lại giống như một văn quan.

Khi bàn đến việc chọn tên nước, Bộ Lĩnh chỉ vào Ngô Chân Lưu:

— Nhà sư học rộng biết nhiều, hãy cho ta biết ý nhà người ra sao?

Ngô Chân Lưu đáp:

— Tàu hoàng đế, cứ như kẻ bần tăng này, thì nước ta rộng, dân ta đông, tuy trước đây đã nhiều năm bị đô hộ dưới ách ngoại bang, nhưng cũng nhiều phen dân ta nổi dậy đánh đuổi chúng, giành lại độc lập. Hiện nay một dải non sông tươi đẹp vẫn hiện ngang con đó, ta nên đặt tên nước là Đại Việt.

Bộ Lĩnh nghe nói, gõ gươm xuống bàn cười:

— Nhà sư nói hợp ý ta! Họ có đất nước, có vua, có kinh đô của họ, ta cũng có nước, có kinh đô của ta, chịu thua kém gì ai. Rồi đây còn phải đặt niên hiệu riêng của ta nữa chứ ⁽¹⁾!

Mọi người cười vang.

Như chợt nhớ điều gì, nhà vua lại nói tiếp:

— Đại Việt đã là hay nhưng toàn chữ của nước người. Ta phải nói sao cho cả bản dân thiên hạ hiểu và biết rằng nước ta to lớn. Ta đặt tên nước Đại Cồ Việt ⁽²⁾ có phải hay hơn không?

1. Năm Canh Ngọ (970), Đinh Tiên Hoàng đặt niên hiệu là Thái Bình.

2. «Cồ», tiếng Việt cồ của ta có nghĩa là to lớn.

Ai nấy cười vui sướng với tên nước Đại Cồ Việt, nghe gần gũi với mình hơn. Cho đến vô rượu cuối cùng dốc cạn, nhà vua và mọi người vẫn chưa hết cười nói rộn ràng chung quanh chuyện định đô ở Hoa Lư và đặt tên nước là Đại Cồ Việt.

Mấy hôm sau, một ngày đẹp trời, nhà vua làm lễ lên ngôi hoàng đế ⁽¹⁾. Tại Hoa Lư giữa hai hàng gươm giáo tuốt trần, Đinh Tiên Hoàng ngồi trên chiếc kiệu cửu long tiến về bệ rồng xây bằng đá ở ngoài trời. Tiếng chiêng trống hòa vào nhau vang rền. Ngọn cờ đại mang năm chữ «Đại Thắng Minh Hoàng đế» bay phấp phất trên đỉnh cột. Cờ xí rợp trời. Tiếng trẻ em reo hò không lúc nào ngắt.

Từ trên bệ rồng, Đinh Tiên Hoàng bố cáo cho mọi người biết giặc già đã yên, đất nước từ nay thống nhất. Nước Đại Cồ Việt ra đời và định đô ở Hoa Lư. Tiếng hò reo nổi lên như sấm.

Đinh Tiên Hoàng đưa mắt nhìn mọi người. Chung quanh nhà vua quân dân sát vai nhau, tầng tầng lớp lớp. Đôi mắt nhà vua nhìn bao quát những người đã cùng vào sinh ra tử trong hơn hai mươi năm trời. Những con người ấy cũng thiết tha với đất nước, sẵn sàng bỏ mình vì ngày mai của Tổ quốc và gắn bó với

1. Đinh Bộ Lĩnh làm vua được 12 năm. Sau khi thống nhất đất nước, Bộ Lĩnh xây dựng một nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên có đủ triều nghi, phẩm phục, có quân đội hùng mạnh, pháp chế nghiêm minh. Trên cơ sở nước Đại Cồ Việt thống nhất và vững mạnh ấy, năm 981 Lê Hoàn đã đánh bại quân xâm lược nhà Tống, bảo vệ được độc lập cho Tổ quốc. Năm 979, Đinh Bộ Lĩnh và con trai là Đinh Liễn bị Đỗ Thích giết trong một đêm hai cha con say rượu nằm ngủ ở cấm đình. Hiện nay mộ Đinh Bộ Lĩnh còn ở trên núi Mã Yên thuộc xã Trường Yên, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình. Dưới chân núi có đền thờ gọi là đền Đinh.

nhà vua như cá với nước. Đôi mắt nhà vua bỗng dừng lại ở đám trẻ vác cò lau chạy nháo nhác vòng ngoài. Hình ảnh thời niên thiếu của nhà vua ba mươi năm trước, nay hiện về trong đám trẻ nhỏ. Nhà vua bước xuống bệ rồng, dắt Lê Hoàn, rẽ đám đông, đi về phía lũ trẻ. Mọi người ngạc nhiên nhìn theo. Trẻ con sợ hãi chạy tán loạn. Nhà vua cười, vẫy tay gọi lũ trẻ. Thấy vậy, chúng chạy đến vây quanh nhà vua Đinh Tiên Hoàng xoa đầu từng đứa và tiện tay thu mấy bông hoa lau rồi cùng Lê Hoàn về chỗ cũ.

Trên bệ rồng, Đinh Tiên Hoàng một tay cầm hoa lau, một tay nắm chặt đốc gươm, cất tiếng sang sảng:

— Các người theo ta từ lúc bốn phương loạn lạc, đất nước còn bị chia xẻ. Nay bọn giặc cỏ làm tan nát đất nước đã bị quét sạch. Ta ra lệnh cho các người mở tiệc để chào mừng nước Đại Cồ Việt to lớn của chúng ta.

Nói đến đây nhà vua chỉ tay về phía đám trẻ nhỏ và quay lại ra lệnh cho Lê Hoàn:

— Lê tướng quân nhờ ban cho lũ trẻ kia trâu rơm và gạo nếp để chúng cùng được hưởng vui. Vận nước sau này là ở trong tay lũ chúng.

Ai nấy đều sung sướng. Riêng các cụ già và những người nhiều tuổi lại còn hiểu được sâu sắc hơn việc làm đó của nhà vua. Con người hôm nay lên ngôi, đang đứng oai nghiêm trước mặt họ, không phải là ai khác, chính là cậu bé họ Đinh năm xưa. Ba mươi năm trước đây, người ấy đã từng kết bạn với lũ trẻ chăn trâu và hàng ngày cò lau tập trận ở vùng đồi núi châu Đại Hoàng này. Con người ấy đã dẫn họ và con cháu họ vác gươm đi chiến đấu hơn hai mươi năm ròng rã cho nền thống nhất của đất nước mến yêu. Con người ấy đã cùng họ dựng nên nước Đại Cồ Việt, làm rạng rỡ cho tổ tiên, cho nòi giống.

Trong ngày vui toàn thắng, giữa kinh đô Hoa Lư còn ngồn ngồn hào lũy, nhà vua cùng mọi người đều thấy tự hào và kiêu hãnh — niềm tự hào và kiêu hãnh cao đẹp của một dân tộc biết đoàn kết thành một khối vững mạnh để tồn tại.

Từ kinh đô Hoa Lư — trái tim của nước Đại Cồ Việt, tỏa ra một nguồn vui phơi phơi như những đỉnh núi đá nhấp nhô, sắc cạnh, vây bọc Hoa Lư, đang chọc trời vươn lên trong nắng đẹp.

NGUYỄN ANH

TRẦN QUỐC TOÀN

I

Quốc Toàn đến Giảng-võ trường thì binh lính các ngạch thân quân và du quân đầu đội nón ma lời⁽¹⁾, gươm giáo, cung nỏ cầm chắc trong tay, đã đứng thành từng đô⁽²⁾ rất nghiêm chỉnh. Các tướng phiêu kỵ, trấn quốc, cận vệ, chư vệ nài nịt gọn gàng theo thứ bậc, đang đứng trước quân ngũ của mình.

Quốc Toàn đang mãi nhìn đoàn đội trạo nhi⁽³⁾ hùng dũng mang các danh hiệu Kim Phượng, Nhật Quang, Nguyệt Đang vừa tiến vào Giảng võ trường thì đã thấy Quốc công tiết chế⁽⁴⁾ uy phong lẫm liệt, cùng mấy viên tướng tùy tùng, tiến thẳng đến trước mặt binh lính.

Đây rồi những điều Quốc Toàn băn khoăn mong đợi bấy lâu:

— Ta có mấy lời nhắn nhủ các người — Quốc công tiết chế sau lời an ủi tướng sĩ, cất cao giọng — Các người là tướng nắm giữ binh quyền, là lính các ngạch chung lo việc nước. Nay thấy sứ nguy qua lại tới tập trên đường

1. Thứ nón đan bằng nan do làng Ma-lôi (Hải Dương) chế tạo.

2. Đơn vị quân đội đời Trần, mỗi đô có 25 người.

3. Quân lính chèo lái thuyền trạo.

4. Trần Hưng Đạo, tổng chỉ huy quân đội đời Trần.

uốn tắc lưỡi củ vọ làm nhục triều đình, đem tấm thân chó đẻ khinh lờn tề phụ, chẳng lẽ các người không thấy dã tâm của kẻ trùm mọi? Trong lúc quốc nạn này, nếu tướng không rèn dạy quân lính, tập tành cung tên thì khác nào giở giáo đón giặc, để tiếng xấu muôn đời.

Từng lời, từng lời Quốc công tiết chế nói như in vào trí óc, khắc vào xương tủy Quốc Toàn, khiến Quốc Toàn hồi lòng hồi dạ. Rõ ràng là Quốc công tiết chế đã mượn cuộc thi võ này để báo động thể nước làm nguy, răn dạy quân sĩ luyện tập phòng giặc.

Có thể chứ! Vua quan nhà Nguyên cậy sức muốn cướp sống nước Nam, bắt vua ta phải sang châu Hốt Tất Liệt⁽¹⁾, đòi ta phải nộp người có tài khéo nghề tinh, đòi vàng bạc châu báu, đòi mượn đường đánh Chiêm Thành thì ta phải sửa soạn đánh lại nó.

Tuy vậy, cứ nhớ hôm sứ nhà Nguyên là Sài Thung tới Thăng Long, ngang nhiên cưỡi ngựa qua cửa Dương Minh, tàn nhẫn đánh quân Thánh Dực⁽²⁾ ra cản, không thêm tiếp Tướng quốc thái úy⁽³⁾, Quốc Toàn vẫn còn bất bình thấy vua và các đại thần cứ nhún nhường nó mãi.

Quốc công tiết chế nói xong liền cho thi võ. Nhưng đứng xem mà Quốc Toàn vẫn hoàn toàn bị cuốn hút vào những lời tiết chế vừa nói.

Suy nghĩ về bốn phận phải giữ lấy quốc thể, mừng trọng ngày dân cả nước phải đương đầu với giặc Nguyên, mà linh tính như báo trước, không thể tránh khỏi, Quốc Toàn mơ ước có cái sức mạnh thần thông, xông pha giữa muôn trùng giáo mác, chém tướng giặc như trở bàn tay.

1. Vua Nguyên.

2. Quân bảo vệ Kinh-đô.

3. Chỉ Trần Quang Khải, người giữ cương vị đứng đầu các quan trong triều.

Ngay chiều hôm ấy, Quốc Toản bày tỏ ý muốn được đánh giặc với chú Chiêu Thành vương.

Nghe cháu nói chân tình, Chiêu Thành vương can gián:

— Cháu còn bé chưa biết được việc quân quốc!

Quốc Toản tức muốn khóc:

— Cháu còn nhỏ thật, nhưng quân Nguyên mà sang đây cháu cũng đánh được nó.

Chiêu Thành vương bật cười rồi nghiêm mặt:

— Cháu ta có khẩu khí anh hùng, xứng với dòng dõi cha ông. Nhưng bây giờ cháu phải cố học. Võ có giỏi, vẫn có hay mới đánh giặc mau thắng được.

Nghe chú nói có lý nhưng Quốc Toản buồn rầu thấy chú cho mình là con trẻ. Chẳng thà không nói với chú còn đỡ bức bối hơn.

★
★★

Quốc Toản ở Kinh-đô đã quá ngày mẹ hẹn một tháng. Quốc Toản biết mẹ đang mỗi mắt trông chờ mình. Ấy náy lắm, nhưng làm sao Quốc Toản rời Kinh-đô lúc này được. Kể từ ngày xem đấu võ, nghe Quốc công tiết chế khích lệ tướng sĩ, lo bố phòng giữ nước, Quốc Toản tự thấy vận mạng mình gắn với vận mạng đất nước; mọi niềm vui nỗi buồn cũng từ đó bị chi phối. Ngày ngày Quốc Toản say sưa nhìn các đô tả hữu Thánh-dực, tả hữu Thần-dực, tả hữu Long-dực, tả hữu Hồ-dực chuyên cần thao luyện không mỏi. Không cử quân lính, ngay trai tráng kinh thành cũng tự lập thành từng đô luyện võ, thi vật, mua ngựa, sắm gươm giáo, phòng khi giặc đến. Không phải chỉ có vua và triều đình mãi đối phó việc quốc nạn mà là mọi người đều chung lo cho vận nước. Trên các ngã đường, chỗ nào cũng rộn vang tiếng búa. Các bể lò rèn nổi lửa suốt ngày đêm. Các bó lão vừa xếp đồ đạc vào hòm

xiềng vừa thúc giục con cháu gói gọn áo quần, kịp phòng nạn can qua.

Cả kinh thành đang gấp rút chống giặc!

Được mắt thấy tai nghe những diễn biến ấy, Quốc Toản tự hỏi: các bậc bề lão, các trai tráng, các tay thợ rèn là những người chưa bao giờ bước chân đến chỗ lầu son gác tía, chưa bao giờ được dự bàn việc nước mà họ cũng lo lắng nghĩ kế giữ nước, hưởng hồ mình là bậc tôn thất sao lại không nghĩ được như thế? Khốn nỗi, Quốc Toản cứ bị coi là đứa trẻ. Không ai bàn việc nước với Quốc Toản. Nếu Quốc Toản có góp lời thì liền bị các vương hầu gạt đi mà rằng: cháu còn nhỏ, chưa biết được việc quân quốc trọng sự. Mỗi lần như thế, Quốc Toản tức khi tự nhủ: việc nước là việc chung. Đợi rồi xem ta có giết được giặc hay không?

★
★★

Bước vội con ngựa đã sùi bọt mép vào gốc cây bên đường, Quốc Toản áo đầm mồ hôi, sắc mặt đỏ gay vì nắng, chạy xồng xộc xuống bến Bình Than. Nhưng lập tức Quốc Toản bị quân Thánh Dực giữ lại. Nắn nỉ mãi không được, Quốc Toản đành phải lùi lại, thẩn thờ nhìn bến Bình Than vừa tủi thân vừa uất ức.

Chao ơi! ngày hội sư mới long trọng làm sao! Những thuyền là thuyền; thuyền đậu dài san sát, mang cờ hiệu của các vương hầu bốn phương tụ về.

Qua chấn sông có rủ mảnh trúc của thuyền rồng, Quốc Toản thấy các vương hầu đang bàn việc với vua. Hình như vua đang nói điều gì hệ trọng lắm nên các vị vương hầu đều hướng về vua Thiệu Bảo⁽¹⁾ không nhúc nhích.

1. Tên gọi vua Trần Nhân Tông theo niên hiệu.

Chắc là không ngoài việc cho quân Nguyên mượn đường đánh Chiêm Thành hay chống cự lại. Rành rành là nó cậy sức muốn nuốt sống nước Nam. Vậy thì việc gì phải bàn đi bàn lại! Quốc Toản ước ao được xuống thuyền rồng tâu xin vua cho đánh. Không nói được ý mình, Quốc Toản bồn chồn không yên.

Đứng đây đến bao giờ nữa? Nhất định phải nói được ý mình. Cứ xuống xin vua cho đánh, rồi sau muốn ra sao thì ra. Lòng đã quyết, nhanh như chớp, Quốc Toản xô mấy người lính Thánh Dực chắn đường, chạy xuống bến. Viên tướng chỉ huy quân Thánh Dực cố chặn lại. Lập tức Quốc Toản tuốt gươm, mắt long lên giận dữ:

— Ta xuống bệ kiến bàn kế đánh giặc. Không giãn ra, ta chém.

Nề Quốc Toản là con nhà quốc thích, nhưng thấy Quốc Toản làm quá, viên tướng vừa ngạc nhiên vừa dẫn giọng:

— Thánh chỉ đã cấm! Nếu Hoài Văn khinh thường phép nước, anh em phải theo thương lệnh!

Bất chấp lễ phải, Quốc Toản vung kiếm múa tít, cổ tiến xuống bến. Tiếng kêu thét náo động cả bến sông.

Nghe tiếng ồn ào, vua Thiệu Bảo cho đình buổi bàn cùng quần thần bước ra mạn thuyền. Thấy Quốc Toản đang đánh nhau với lính Thánh Dực, vua thất kinh hỏi Hưng Đạo vương đứng kề bên:

— Hoài Văn hầu đang làm gì trên đó?

Hưng Đạo vương và mọi người không ai hiểu căn nguyên sự việc. Nhận ra cháu, Chiêu Thành vương hốt hoảng chạy lên bờ:

— Chết thôi! Coi thường phép nước cháu không sợ tội chết sao? Chú đã khuyên cháu về quê sao lại mạo muội đến đây?

— Biết vua họp bàn việc nước với các vị vương hầu, cháu tìm đến.

— Tự tiện đến đã không phải lại còn gây sự với quân Thánh Dực. Tội cháu lớn lắm.

Quốc Toản đáp:

— Cháu biết phép nước là trọng; nhưng khi quốc biến ai cũng phải lo, huống hồ cháu đã lớn. Nhưng chẳng hay vua và các vị vương hầu chủ chiến hay chủ hòa?

— Cũng có người nghĩ thế này thế khác. Còn đang bàn.

— Trời ơi — Quốc Toản nổi nóng — ai chủ hòa? dâng nước cho giặc sao?

Bất thình lình, Quốc Toản chạy như tên bắn xuống bến rồi nhảy lên thuyền rồng, quỳ trước mặt vua, nói lớn:

— Cho giặc mượn đường là mất nước! Xin bệ hạ cho đánh!

Có người gay gắt:

— Hoài Văn hầu làm loạn phép nước. Xin bệ hạ cho chém đầu làm gương.

Nhận ra tiếng Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc⁽¹⁾, kẻ chủ trương cho giặc mượn đường, vua Thiệu Bảo lộ rõ sự khó chịu. Và, chính vì vậy, trái với lệ thường, vua thân đỡ Quốc Toản dậy, ôn tồn:

— Muốn trị được nước phải nghiêm quân lệnh với cả người thân. Tội Hoài Văn hầu đáng lẽ không dung. Nhưng tuổi nhỏ mà biết lo cho vua cho nước, trí ấy đáng khen. Tuy vậy, việc nước đã có người lớn lo. Em ta hãy về quê để chăm sóc mẫu thân.

Thương Quốc Toản đi xa mệt, vua truyền cho Hưng Đạo vương lấy một quả cam đưa cho Quốc Toản và nói:

— Ai cũng có phần cam. Vậy cho em ta một quả.

¹ Tên này về sau đem cả gia quyến theo giặc.

Vẫn chưa dứt cơn kích động. Quốc Toản gượng ta ơn vua, quay gót lên bờ. Đằng sau nổi lên trận cười của các vị vương hầu, rõ nhất là của Chiêu Quốc vương. Quốc Toản bực mình quay đầu nhìn lại. Như trên người, cờ hiệu của Hưng Vũ vương, Hưng Tri vương, Hưng Hiếu vương, con trai Hưng Đạo Vương ngạo nghễ tung bay, nô giỡn với gió mạnh. Những người em họ ấy chỉ hơn Quốc Toản bất quá năm, bảy tuổi. Phải chăng vì cha ta mất sớm nên ta mới phải đứng chầu rìa nhục nhã thế này? Quốc Toản tủi thân tự hỏi.

Đám quân Thánh-dực thấy Quốc Toản cau có lên bờ cũng cố gắng nín cười. Quốc Toản nghiêng rặng kim con thính nộ: « Được rồi, ta sẽ chiêu binh mại mã để xem ai giết được nhiều giặc! »

Khi sắp tháo cương ngựa trở về, Quốc Toản giật mình, quả cam quý vua ban đã bị bóp nát tự bao giờ.

II

Quốc Toản nằm ngủ trên sập gụ, đầu ngoẹo sang một bên. Trần mầu đặt ngọn nến trên án thư, nâng đầu con đặt lại cho thẳng rồi ghé ngồi xuống chiếc đôn cạnh sập, bàn thần ngắm đứa con trai duy nhất. Ngay hôm nghe con từ kinh về kể chuyện vua quan nhà Nguyên muốn phen nữa cướp nước Nam và xin được chiêu binh mại mã, sắm sửa khí giới, tích lương thảo chờ giặc, có đêm nào Trần mầu ngủ được trọn giấc đâu. Trần mầu đã nghĩ kỹ rồi, lẽ nào Trần mầu lại không khích lệ con thấy quốc sỉ mà làm thính, thấy quốc nhục mà cam chịu. Trần mầu nào muốn con giữ được chữ hiếu mà mất chữ trung. Trái lại, thấy con tuổi còn trẻ

mà đã có chí lớn, Trần mầu thầm kiêu hãnh và tự hào. Điều mà Trần mầu lo lắng là vì con còn nhỏ, như cánh hoa chưa chịu được sương gió.

Trần mầu rùng mình nhớ lại gần 30 năm trước, quân giặc đông như kiến cỏ kéo sang đất mình. Chúng như bầy quỷ dữ, đi đến đâu là tàn phá, giết chóc, đến cây cỏ không mọc được. Khi đuổi được giặc rồi thì Kinh-đô biến thành tro bụi. Đức ông ngày ấy cũng xông pha nơi trận mạc, một mình Trần mầu phải vượt qua bao nhiêu khó khăn, nguy hiểm đưa gia đình chồng chạy giặc.

Nay giặc kéo sang ư? Chúng nó thì hung dữ mà con thì còn trẻ dại, liệu có cự lại được chúng không. Nếu có mệnh hệ nào thì ta sống sao nổi.

Biết trả lời con thế nào đây? Nếu con hư thì phải khuyên răn can bảo. Đằng này, con xin đi phò vua giúp nước, lẽ nào lại dạy con làm trái đạo thánh hiền? Chú Chiêu Thành vương cũng chẳng thấy về. Chợt nhớ ra viên gia tướng vẫn theo Đức ông đi trận mạc, Trần mầu vội lên hỏi:

— Hoài Văn hầu muốn khởi binh đi đánh giặc, ông thấy thế nào?

Người tướng già kính cẩn:

— Công tử có chí lớn, tính đã quyết là hành. Con người ấy sẽ thành một tướng tài xuất chúng.

— Chẳng hay võ nghệ con ta ra sao?

— Các môn võ công tử đều không kém người. Chỉ có sức chưa giàu. Nhưng xin tôn phụ nhân yên lòng. Tôi sẽ hết sức giúp công tử như khi xưa giúp Đức ông.

Hai người bỗng giật mình nghe thấy Quốc Toản hét: « Kéo gong vó lên. Đánh vật mà chưa biết miếng. Kéo mạnh nữa lên ».

— Con ta mê ngủ — Trần mầu nói và vội cầm cây nến định đánh thức Quốc Toản dậy.

Nhưng Quốc Toản vẫn đang ngủ say, miệng hơi nhoẻn cười. Trần mầu ngấm mãi cái miệng tươi như hoa còn dễ hờn dễ khóc của con, lòng tràn ngập một tình thương vô tận.

*
**

Được mẹ cho tiền bạc, Quốc Toản mua mấy chục con ngựa đem phân phát cho gia nhân.

Nhưng lấy đâu ra quân bây giờ? Quốc Toản buồn rầu hỏi.

Người tướng già đáp:

— Trăm họ ai chẳng có lòng trung quân ái quốc, chỉ là vì mọi người chưa thấy công tử dựng cờ nghĩa đó thôi.

Quốc Toản sững sờ:

— Có thể mà ta không hiểu. Ta nhớ ra rồi, quanh vùng Võ Ninh⁽¹⁾ này, có nhiều bộ lão được vua mời đến điện Diên Hồng hỏi ý. Các vị bộ lão ấy đã trăm người như một, khẳng khái tâu lên: «xin đánh», làm rung chuyển cả tòa điện, thì nay sao lại không khuyên con cháu theo ta?

Từ đó ngày nào Quốc Toản cũng đi vào các thôn xóm nói rõ ý định chiêu quân đánh giặc với mọi người, nên số trai tráng đã lục tục đến xin theo. Còn phải có cờ nữa! mà cờ ấy phải nói được trí ta, phải là lời thề quyết chiến, làm nức lòng quân sĩ. Quốc Toản bắt đầu căng óc suy nghĩ. Quốc Toản để tâm suy nghĩ trong khi ăn, trước lúc ngủ, cả trong giờ tập luyện. Nhưng, lúc nảy ra được câu này, lúc sinh ra ý khác mà Quốc Toản vẫn chưa ưng ý. Cho đến đêm nay, đã khuya lắm rồi mà Quốc Toản vẫn chong đèn nện óc tìm ý. Trống

1. Nay là vùng Quế Võ, Từ Sơn, tỉnh Hà Bắc.

đã điểm canh ba. Bỗng Quốc Toản đứng vụt dậy, toàn thân bừng bừng.

Phải rồi. Hai bàn tay Quốc Toản nắm chặt «phá cường địch, báo hoàng ân»⁽¹⁾. Quốc Toản phác một nét cờ bay rồi dùng bút viết sáu chữ trên tờ giấy rộng. Quốc Toản lùi lại ngấm hàng chữ, nét mặt rạng rỡ. Được lắm, lời danh thép, ý hùng hồn, xứng hợp với chí ta.

Trần mầu đã đến tự lúc nào Quốc Toản không hay biết.

— Thôi con ngủ đi kẻo khuya lắm rồi. Trần mầu tiến lại, vừa xoa đầu con vừa nói.

— Thưa mẹ con sẽ dựng lá cờ đề sáu chữ này. Quốc Toản hồ hởi nói với Trần mầu.

— Mẹ thấy cả rồi.

Trần mầu chỉ nói vậy. Nhưng sự thật từ nãy Trần mầu sung sướng đến ngớ ngàng thấy mình chưa thật hiểu con sâu sắc, chưa biết được những suy nghĩ vượt quá tầm vóc của con.

Thấy mẹ đắm đắm nhìn mình, Quốc Toản băn khoăn:

— Con có giáp trụ, binh thư của cha con để lại; con còn có gia tướng giúp sức. Mẹ đừng...

— Không — Trần mầu rơm rớm nước mắt cướp lời. Mẹ hiểu con, mẹ bằng lòng cho con đi đánh giặc rồi mà.

*
**

Lá cờ đề sáu chữ «phá cường địch, báo hoàng ân» phất phật tung bay trước dinh Trần Quốc Toản ở Võ Ninh⁽²⁾.

1. Phá giặc mạnh đến ơn vua.

2. Dinh của cha Quốc Toản để lại cho Quốc Toản.

Ai cũng trầm trồ khen ngợi người dựng cờ có chí khác thường. Vì vậy, chẳng mấy chốc, tin Quốc Toản dựng cờ nghĩa lan đi khắp vùng. Trai tráng, phần lớn cùng lứa tuổi với Quốc Toản, lũ lượt đến xin theo. Ấp Võ Ninh bắt đầu những ngày luyện võ tung bừng náo nhiệt.

Một hôm Quốc Toản nói với người tướng già và đội quân hơn ngàn người của mình:

— Ta biết quân Nguyên cưỡi ngựa không cần cương, ngồi trên ngựa như ta đi dưới đất, có tài bắn trăm phát trăm trúng. Cho nên muốn đánh được nó, ta phải luyện thành tài hơn nó. Bây giờ anh em hãy coi ta bắn thử.

Nói xong, Quốc Toản đeo cung tên, nhảy lên ngựa, phi xa đến khi nhìn lại điểm hồng tâm chỉ còn lại một chấm nhỏ, rồi dừng ngựa, giương cung bắn luôn ba phát.

Ba mũi tên đều trúng đích. Đoàn quân trẻ reo hò thần phục.

Người tướng già sung sướng nói:

— Công tử bắn đã giỏi, nhưng quân Nguyên còn vừa phi ngựa vừa bắn. Vậy anh em hãy xem già này luyện tập đạt chưa? Người tướng già nhảy phắt lên mình ngựa, chạy xa hơn Quốc Toản. Rồi vẫn cho ngựa chạy, người tướng già không xoay mình, chỉ quay đầu lại, giương cung bắn ba phát liên tiếp. Ba mũi tên đều trúng đích và mạnh đến nỗi, cọc bia bị oằn sắp gãy.

Sau đợt reo hò dậy đất, Quốc Toản phấn chấn:

— Chúng ta phải luyện tập để mọi người đều bắn được như thế.

Thấy quân mình đã đông nhưng so với các vương hầu khác không thấm vào đâu, Quốc Toản áy náy không yên. Thấy vậy, người tướng già nói:

— « Quân cốt tinh không cốt nhiều ». Vả lại, đánh kẻ giặc mạnh như quân Nguyên ta phải dùng « đoản binh

chế trường trận » như Quốc công tiết chế văn chỉ giáo. Công tử không nên lo quân ít mà nên lo luyện cho giỏi, đứng khi cho cao, anh em coi nhau như ruột thịt.

— Ông đã vén cho ta một đám mây mờ. Quốc Toản gật đầu khen.

Sau đó, Quốc Toản chia quân mình thành từng ngũ, đô⁽¹⁾ rất chỉnh tề. Quốc Toản đi khắp các ngũ, đô, ăn với họ một mâm, nằm với họ một chiếu, coi mọi người như ruột thịt.

Một tiếng đoàn quân trẻ, dân Võ Ninh và các hạt phụ cận đem trâu, rượu, gà, gạo đến khao quân. Nhiều thợ rèn cũng xin theo để rèn binh khí.

Ấp Võ Ninh cùng với đoàn quân trẻ đang náo nức chuẩn bị đánh giặc.

Đoàn quân mang lá cờ đề sáu chữ vừa xuống khỏi cái dốc ngay đầu trại Vĩnh Bình⁽²⁾ thì đột ngột dừng lại. Họ đã từ giã Võ Ninh ngay từ hôm được tin vua Nguyên cử Thoát Hoan thống lĩnh 50 vạn quân, xâm nhập vùng biên cương này. Họ phải dừng lại đột ngột vì quân do thám cho hay, thế giặc to lắm; quân triều đình vừa phải bỏ ải Khả Li⁽³⁾, ải Nữ Vi⁽⁴⁾ và họ đang ở giữa vòng vây của giặc.

Quốc Toản mặc áo bào đỏ, cưỡi con ngựa trắng trở lại giữa hàng quân, cố giữ vẻ uy nghiêm của một viên tướng:

1. Một ngũ có 5 người. Một đô có 5 ngũ.

2.3.4. Thuộc Lạng Sơn ngày nay.

— Ta vì sợ không được quan tâm dùng nên băng rừng đi tìm giặc mà đánh. Nay giặc đã ở sát nách. Vậy ta hãy đánh vài trận cho giặc Nguyên khiếp vía, cho người lớn biết sức chúng ta.

— Công tử nói chí phải — Các chiến sĩ trẻ hưởng ứng. Bỗng lại có một lính do thám của Quốc Toản phi ngựa về:

— Thưa công tử! Phía trước có binh giặc đang kéo tới. Quốc Toản vẫn nắm chặt đốc kiếm gia truyền, vội hỏi:

-- Chúng nó có bao nhiêu?

— Chừng năm trăm!

— Còn xa không?

— Không xa lắm, nhưng vừa đi chúng vừa cướp nên tiến chậm.

Quốc Toản, đồng dục ra lệnh cho người lính do thám trở lại nghe ngóng động tĩnh, rồi ngấm nhìn địa thế.

Người tướng già đến bên Quốc Toản:

— Giặc tất vào trại Vĩnh Bình. Chi bằng công tử cho quân tiến nhanh vào trại trước, chọn thế hiểm để phục kích thì giặc đông mấy cũng tan.

Nghe ra, Quốc Toản thúc quân đi gấp.

Thấy tiền quân của Quốc Toản tiến vào trại, những người dân miền núi đang hối hả chạy giặc mừng lắm.

Một ông già tiến đến trước mặt Quốc Toản, nói một tràng tiếng lại. Người tướng già nhắc lại:

— Ông ta bảo công tử là vị cứu tinh của dân trại, vì các trai tráng ở đây đều theo chủ trại của họ đi đánh giặc, không ai ở lại giữ nhà cả.

Quốc Toản nắm tay ông già:

— Giặc đến cướp nước ta, chúng ta phải chung sức đánh lại.

Mấy ông già khác, vai đeo cung nỏ, vác từng bó tên cũng đến bên Quốc Toản. Một trong những ông già đó nói tiếng Kinh lơ lơ:

— Quan quân ở xa không biết cái núi cái khe ở đây đâu. Để chúng tao dẫn đường rồi cùng đánh giặc một thể.

Quốc Toản sung sướng gật đầu rồi hướng về hàng quân:

— Giặc sắp kéo đến đây nộp mạng cho ta rồi. Lệnh cho mọi người không được để cho một thằng giặc nào chạy thoát.

Nói rồi Quốc Toản chia quân đi phục trên các ngọn núi chung quanh trại Vĩnh Bình. Riêng Quốc Toản thì dẫn đội quân cung nỏ vòng ra chặn giặc.

Trời đã về chiều. Sương mù giăng kín núi rừng. Đứng cạnh ông già miền núi, Quốc Toản nhìn thấy quân giặc đang lọt vào thế trận của mình. Bao nhiêu là người và ngựa. Tới gần trại Vĩnh Bình, quân giặc bỗng dừng lại. Quốc Toản và đội cung nỏ, ngấm sẵn đường tên.

Sau phút rụt rè, quân giặc bắt đầu tràn vào trại, xông vào từng nhà. Hậu quân của chúng cũng đã ở ngay trong tầm tên của Quốc Toản. Lập tức Quốc Toản vẩy tay ra hiệu. Tiếng tù và rúc lên. Toàn giặc đầu tiên đã ngã gục dưới làn mưa tên dữ dội. Giặc Nguyên bị đánh bất thần kêu thất thanh. Những tên sống sót chạy trở vào, vấp phải những tên chạy ra, lộn từ trên ngựa xuống.

Quân của Quốc Toản sức trẻ đang hăng lại đây công luyện tập, nên trèo núi nhanh như vượn, đã đến giáp mặt với giặc, vung kiếm chém giặc như chém chuối.

Viên tướng giặc liều chết mở đường máu rút lui. Nhưng chạy được một quãng chúng đã thấy lá cờ đại nổi lên sáu chữ kiêu hãnh và một viên tướng trẻ dẫn đầu đoàn quân ào ào xốc tới chặn đường.

Một tiếng thét lạnh lạnh ;

— Bại tướng! Hãy bỏ giáp quy hàng thì được toàn tính mạng!

Viên tướng giặc nhìn lên. Hắn hoa mắt nhận thấy địch thủ của hắn mặc áo bào đỏ, cưỡi con ngựa trắng, trẻ và đẹp hơn cả những cô gái mà hắn từng gặp ở nước hắn.

Hoảng hốt, tên tướng giặc vội xuống ngựa quỳ phủ phục. Cả đám giặc ngót trăm đứa cũng lần lượt làm theo.

Nhìn cảnh tượng ấy, Quốc Toản suýt bật cười thành tiếng.

Trận địa trở lại im lặng. Theo lệnh Quốc Toản, quần áo giặc được thu lại để nộp cho Quốc công tiết chế, đã chất lại từng đống.

Nhân dân trại Vĩnh Bình đứng vây quanh lấy Quốc Toản. Ông già miền núi theo suốt trận đánh, sung sướng cầm tay Quốc Toản:

— Quân mày đánh giỏi lắm. Có may nghĩa hay lắm. Mày cũng đẹp hơn cả con gái trại tao.

Quốc Toản bối rối mỉm cười.

★★

Kể từ ngày Quốc Toản dẫn đội quân hơn nghìn người của mình từ Lạng Giang về hội sư ở Vạn Kiếp⁽¹⁾ theo lệnh của Quốc công tiết chế, đã được gần nửa năm. Gần nửa năm ấy, Quốc Toản và đội quân của mình đã vượt qua bao thử thách, phải chứng kiến bao cảnh đau lòng. Quốc Toản nhớ rõ, ngay sau ngày hội sư ở Vạn-kiếp, sau khi nghe lời hịch hùng hồn, khảng khái, rung động lòng người của Quốc công tiết chế, toàn quân sôi sục

1. Vạn Kiếp, thuộc Phả Lại, Chí Linh.

tỏ rõ quyết tâm đánh giặc bằng cách thịch hai chữ « sát thát » vào tay mình. Giặc đã ồ ạt tràn về phá vỡ thế trận Dự Khủy (Vạn Kiếp), quan quân phải lui về bảo vệ Kinh-thành. Nhưng rồi Kinh-thành cũng lọt vào tay giặc. Vùng Võ Ninh, quê hương Quốc Toản cũng ngập chìm trong bể máu. Cũng chính những ngày ấy, Quốc Toản được lệnh hộ giá hai vua Trần⁽¹⁾, chạy giặc vào Thanh Hóa. Nguy hiểm, vất vả thật nhưng đau lòng nhưc óc nhất vẫn là những ngày Quốc Toản và đội quân của mình phải ăn đợi nằm chờ ở Thanh Hóa. Chẳng lẽ cứ ngồi đây nhìn giặc giết hại dân mình, tàn phá đất nước mình mãi sao? Dù biết Quốc công tiết chế đang thực hiện chiến sách của mình, nhưng Quốc Toản vẫn day dứt không yên. Chẳng được, đã mấy lần Quốc Toản xin cất quân, quyết sống mái với giặc một phen cho hả giận, nhưng đều bị Tiết chế gạt đi.

Nhưng rồi cái ngày chờ đợi đã đến. Sau khi có thêm đội quân của Phạm Ngũ Lão vào tăng viện, tướng quốc thái úy Trần Quang Khải đã đánh quân Toa Đô ở Nghệ An, nhưng rồi đạo quân này kéo ra Bắc để hợp cùng đại binh Thoát Hoan. Lập tức, Quốc công tiết chế đã triệu các tướng lĩnh đến đại bản doanh, bàn kế đánh tan đội quân nhà nghề này.

Quốc Toản không bao giờ quên được ánh mắt lộ rõ sự tin tưởng khi Quốc công tiết chế cử Quốc Toản làm phó tướng cùng với Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật và tướng quân Nguyễn Khoái đem 5 vạn quân đi chặn giặc ở cửa Hàm Tử.

Lá cờ đề sáu chữ sau bao ngày chờ đợi lại được tung bay trong trận thủy chiến lớn lao này⁽²⁾. Cùng với các

1. Vua Thiệu Bảo (Trần Nhân Tông) và thượng hoàng Trần Thánh Tông.

2. Trận xảy ra vào đầu tháng 4 năm Ất Dậu (1285).

đội quân của Chiêu Văn vương, của Nguyễn Khoái, Quốc Toản đã dùng cách đánh táo bạo, cho thuyền quân mình áp vào thuyền giặc, rồi nhất loạt nhảy sang đâm chém, gạt chúng xuống sông.

Rồi cũng bằng cách đánh táo bạo, dùng cạm này, Quốc Toản đã cùng với Quốc công tiết chế và các tướng Lê Phụ Trần, Phạm Ngũ Lão, đánh thắng giặc ở trận Tây Kết⁽¹⁾, đuổi Ô Mã Nhi chạy ra biển, chém được Toa Đô tại trận.

Và, lúc này đây, đầu tháng năm, năm Ất Dậu (1285)⁽²⁾, đội quân trẻ tuổi đã qua bao lần thử lửa, lại đang hăm hở liên thắng đến Thăng Long, sào huyệt cuối cùng của quân giặc, theo lệnh của Quốc công tiết chế. Tướng quốc thái úy Trần Quang Khải, thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão, cũng đã đem đại binh tới, quyết thu phục lại Kinh-thành.

Dù vững tin ở thắng lợi, nhưng Quốc Toản biết rằng quân của Thoát Hoan ở Thăng-long còn nhiều. Lại còn đội chiến thuyền của đại tướng A Thích ken đặc ở bên Chương Dương⁽³⁾ nữa.

Nhưng kế phá giặc đã bàn xong. Quốc Toản đem 3.000 quân bí mật phục trên quãng đường giữa Thăng Long đến bến Chương Dương. Trần Quang Khải cũng dẫn đại binh đến phục ở gần bến Chương Dương.

Muốn diệt được quân Thoát Hoan ở Thăng Long, trước hết phải đánh đội chiến thuyền của A Thích.

Thượng tướng Phạm Ngũ Lão đã đốc suất toàn bộ đoàn chiến thuyền xông thẳng tới bến Chương Dương, đánh thủy quân của A thích. Vừa đánh vừa rút đến chỗ có phục binh của Trần Quang Khải. Phạm Ngũ Lão

1. Vùng Khoái-châu, Hải Hưng.

2. Theo Hoàng Thúc Trâm trong sách « Trần Hưng Đạo ».

3. Thường-tín, Hà Tây.

quay thuyền lại đánh. Quân A Thích bỗng nhiên bị vây chặt. Quân của Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão tung hoành ngang dọc, đánh tan đội chiến thuyền của A Thích, buộc A Thích phải dẫn đám tàn quân bỏ chạy về Thăng Long. Nhưng Phạm Ngũ Lão không đuổi theo mà lại đi đường tắt, bí mật mai phục ở chân thành Thăng long.

Nghe tin A Thích thất trận, Thoát Hoan tức tốc cử Phan Tiếp đem một vạn binh lính đi cứu. Nhưng quân của Phan Tiếp đi được nửa đường đã thấy đội quân trẻ mang lá cờ đề sáu chữ, nổi hiệu lệnh chặn đánh. Cố chống đỡ, nhưng quân của Phan Tiếp không sao địch được đội quân dũng mãnh của Quốc Toản. Thế cùng, Phan Tiếp đành phải chạy về Thăng Long.

Lúc này, được tin A Thích đang dẫn tàn quân chạy vào thành Thăng Long, Quốc Toản nhanh trí không cho quân đuổi theo Phan Tiếp mà tạt sang chặn đánh A Thích. Bị tái đòn, quân A Thích không dám chống cự. A Thích cướp ngựa cùng đám tùy tùng chạy về Thăng Long, bỏ mặc đám quân đang bị Quốc Toản vây hãm tiêu diệt dần.

Đại quân của Trần Quang Khải và Quốc Toản đã lại gặp nhau và thừa thắng, cùng kéo tới bao vây thành Thăng Long.

Thấy thế nguy, Thoát Hoan đành thân đốc toàn quân chủ lực trong thành cùng A Thích, Phan Tiếp đánh ra, cố phá vây.

Trần Quang Khải giả thua chạy, lừa quân Thoát Hoan ra xa thành, rồi bất ngờ cho quân quay lại đánh vô mặt. Cùng lúc ấy, theo hiệu lệnh, Quốc Toản tung quân đánh tập hậu vào cánh quân của Thoát Hoan, và Phạm Ngũ Lão lợi dụng lúc giặc sơ hở dốc sức công thành. Đại quân Thoát Hoan, A Thích bị chen vào giữa và bị thua to, thầy chết đầy nội. Thoát Hoan, A Thích buộc phải

tìm đường lui về thành. Nhưng chúng kinh ngạc thấy quân của Phạm Ngũ Lão tung hoành đánh ra. Lại một phen nữa quân Thoát Hoan bị chết như ngã rạ. Thoát Hoan hốt hoảng rụng rời mở đường máu rút chạy đến Đông-bộ-đầu ⁽¹⁾.

Trần Quang Khải, Quốc Toản đem quân vào Thăng Long cùng Phạm Ngũ Lão mở tiệc khao quân rồi cho người vào Thanh Hóa dâng biểu báo tin thắng trận. Hôm đó là ngày 5 tháng 5, Ất-dậu (1285) ⁽²⁾.

VI

Lần thứ hai người tướng già giục Quốc Toản đi ngủ. Nhưng cũng như lần trước, Quốc Toản chỉ âm ừ chiếu lệ rồi vẫn chong đèn ngồi suy tưởng. Còn niềm vui nào bằng khi Kinh-đô đã được thu phục, ấp Võ Ninh đã thoát khỏi tay giặc, và cả nước sắp trở lại cuộc sống thanh bình. Quốc Toản không khỏi tự hào thấy mình đã lập được chút công, được vua và Tiết chế rất mực yêu mến. Tấm lòng vì vua vì nước thế là gần được toại nguyện. Và mẹ nữa — Quốc Toản nao nao nhớ tới mẹ. Không biết mẹ đã trở về Võ-ninh hay còn chạy giặc nơi nào? Để mẹ phải vất vả, đơn chiếc, Quốc Toản không khỏi rầu lòng. Nhưng, chính mẹ cũng không muốn cho con trọn chữ hiếu mà mất chữ trung. Quốc Toản tự nhủ: đánh giặc xong sẽ về phụng dưỡng mẹ, bỏ những lúc xa cách, và đức hy sinh cao cả của mẹ rồi sẽ được báo đền trọn vẹn.

1. Nay là khúc sông Hồng ở gần là các phố Hàng Than, Hồ Nhài, Hà-nội.

2. Trận đánh Chương Dương ở đây viết phỏng theo tài liệu của Chu Thiên trong sách *Chống quân Nguyên*.

Có tiếng động ở ngoài hành lang. Quốc Toản vội hướng ra khung cửa. Một người lính bước vào cúi đầu kính cẩn:

— Thưa tướng quân có mật lệnh của Quốc công tiết chế gửi cho tướng quân.

Đỡ lấy chiếc bì có gấn sáp, Quốc Toản vội vã bóc ra đọc. Càng đọc nét mặt Quốc Toản càng rạng rỡ.

Thấy người tướng già đã có mặt, Quốc Toản sôi nổi:

— Vua và Quốc công tiết chế đã tính chỉ vài trận nữa sẽ diệt xong được giặc. Tiết chế đã cử quân đi chặn các ngã giặc có thể rút qua, và chúng ta cũng được lệnh lên mạn phía bắc sông Nhị đón đánh bại binh Thoát Hoan.

Người tướng già cũng vui vẻ khác hẳn ngày thường:

— Công tử cho khởi quân ngay đêm nay ư?

— Ta lên báo lại với Tướng quốc thái úy, rồi cất quân cũng chưa muộn.

Một lúc sau, giữa thành Thăng Long đang yên ắng, một hồi tù và rúc lên rộn rã.

Trong phút chia tay vội vàng, Trần Quang Khải âu yếm nắm tay Quốc Toản:

— Binh Thoát Hoan còn tới chục vạn. Cháu đi phen này phải hết sức thận trọng mới được.

Quốc Toản khẳng khái:

— Phen này nếu không lấy được đầu Thoát Hoan cháu quyết không trở về.

Trần Quang Khải gật đầu rồi bần thần nhìn theo Quốc Toản dẫn đầu đoàn quân hồi hã lên đường.

Mờ sáng hôm sau, Quốc Toản cùng đội quân trẻ của mình đã tới địa đầu ấp Võ Ninh. Quốc Toản không khỏi lo lắng và căm giận thấy quê hương mình xơ xác, cây cối bị cháy sém vàng úa. Trước mắt Quốc Toản, bao cảnh đổ nát, tan hoang đã phơi bày tội ác tày trời của giặc.

Thấy viên dũng tướng của mình nét mặt râu rầu, người tướng già nhỏ nhẹ:

— Công tử chờ phiền lòng. Thù này sẽ được trả. Ta chẳng đang đi chặn giặc đó sao?

Quốc Toản gật đầu ra roi ngựa. Đoàn quân trẻ rầm rập kéo đi.

Vượt qua bờ bắc sông Như Nguyệt⁽¹⁾, Quốc Toản cho quân dừng lại ăn uống; còn mình và người tướng già tức tốc phi ngựa đi ngấm địa thế đặt phục quân.

— Mồ chôn Thoát Hoan là chốn này đây—Quốc Toản sau gần nửa buổi đi chọn địa thế vừa nói với người tướng già vừa chỉ vào đoạn đường lớn kề sát những dãy đồi rậm rạp, chạy tới ải Nam Quan—Quốc công tiết chế có ý dặn ta đặt phục quân nơi này.

Người tướng già gật đầu:

— Đất này có cái thế rồng cuộn hổ châu, rất lợi cho công tử bày trận.

Biết tin đội quân mang lá cờ đề sáu chữ do một viên dũng tướng trẻ đốc suất đang ở trên đất mình, nhân dân địa phương thi nhau mang trâu, rượu, xôi ra khoản đãi. Các bó lão còn nằng nặc xin cho trai tráng làng được ra giúp sức.

Quốc Toản còn băn khoăn thì người tướng già đã nói nhỏ:

— Công tử đừng phụ lòng tốt của muôn họ.

Quốc Toản thầm khen: viên gia tướng này bao giờ cũng góp những lời bàn đúng lúc. Vì vậy, Quốc Toản phân chia ngay mấy trăm trai tráng vào các đò, cho quân mai phục trên các triền đồi và đảo rất nhiều bầy

1. Sông Cầu

ngựa⁽¹⁾ xung quanh đường. Hường mai phục kéo thành một tuyến dài.

Nhưng đợi đến sáng hôm sau, quân giặc vẫn biệt vô âm tín. Sợ đợi lâu lòng quân dễ nản, Quốc Toản cứ ngồi luôn trên mình ngựa, đi hết nơi này đến nơi khác để cổ vũ quân sĩ.

Gần trưa thì lính do thám về báo rằng: tướng giặc là Giản Kỳ đã kéo tới Đông-bộ-đầu hợp quân với Thoát Hoan. Hiện chúng đang bị quan quân vây đánh. Có dấu hiệu chúng sắp rút chạy.

Quốc Toản phần chấn phóng ngựa đi đón đốc quân sĩ. Nhưng lại qua một đêm nữa, quân dân chen vai thích cánh sốt ruột chờ giặc. Lúc Quốc Toản đang tỏ nỗi băn khoăn với người tướng già, thì từ mạn Thăng Long, một thám mã phi như tên bắn thẳng tới nơi đặt phục binh. Thấy Quốc Toản, người lính nhảy vội xuống đất hấp tấp nói:

Đại binh của Thoát Hoan đã rút chạy. Đội quân bắc cầu của chúng cách ta không còn xa.

Nhảy lên con chiến mã, Quốc Toản nói như thét với cánh quân đang hướng về phía mình:

— Đã đến lúc giao chiến. Anh em hãy ráng sức đánh cho Thoát Hoan biết uy danh của nước Nam ta!

Hàng loạt quân sĩ giơ cao cánh tay thích hai chữ «sát Thát» đồng thanh:

— Chúng tôi xin thề quyết chiến!

Lúc ấy đã gần trưa. Nắng hè ngùn ngụt như đồ lửa. Quốc Toản sắc mặt đỏ gay vì nắng, vẫn ngồi trên con chiến mã quen thuộc, uy phong lẫm liệt.

1. Bầy ngựa là những hổ nhỏ, có khi chôn theo cả lon, để ngựa sa chân có thể gậy.

Chợt Quốc Toản cho tìm người tướng già đến bên mình, giọng nóng nảy :

— Thoát Hoan là một tên tướng dõn hèn không bao giờ dám đi trước hàng quân. Nếu ta cũng phục ở đây sợ lỡ mất dịp chặt đầu hắn. Vậy ông thay ta đốc suất quân mai phục ở đây. Còn ta, ta sẽ dẫn một cánh quân nhỏ xuống chặn hắn ở phía trước.

Người tướng già vốn biết tính gan liều của Quốc Toản. Nhưng lần dự trận với Quốc Toản, ông thấy rõ bao giờ Quốc Toản cũng đứng ở chốn mũi nhọn để đánh vào mặt vào quân giặc. Trận Tây Kết, Thăng Long đã rõ; trận Hàm-tử lại càng rõ hơn. Trong thâm tâm, người tướng già than phục Quốc công tiết chế đã biết dùng người. Hiểu Quốc Toản nên Tiết chế đã chọn để Quốc Toản chặn giặc ở đây, ngay mạn này, chứ không phải ở Vạn Kiếp, Chi Lăng hay nơi nào khác. Tuy thế, lần này người tướng già không khỏi lo lắng :

— Tôi hiểu rõ lòng công tử — người tướng già nói — Nhưng Thoát Hoan còn lắm quân. Chúng cùng đường phải rút chạy nên cũng cùng đường mà liều chết. Công tử chẳng nên tách khỏi đại binh như thế.

Quốc Toản giọng cương quyết :

— Ông đã vì ta mà lo xa cho ta. Nhưng chí ta đã quyết. Đừng trái lệnh ta !

Nói rồi Quốc Toản dẫn đội quân cung kiếm tiến mãi lại phía gần bờ sông chờ giặc.

Xế chiều thì giặc đã bắc xong cầu phao và tiền quân của Thoát Hoan bắt đầu xuất hiện. Qua rừng cây thưa, cánh quân cung kiếm của Quốc Toản đã nhìn thấy chúng lố nhố kéo đến đây đồng nội. Rồi tiền quân của chúng bắt đầu qua cầu phao.

— Vẫn chưa thấy mặt thẳng bại tướng — Quốc Toản sốt ruột nói với quân sĩ khi thấy tên tướng tiên phong của Thoát Hoan vừa phì nộn vừa dãn độn, đang đi

ngang qua nơi Quốc Toản đặt phục quân. Rồi gần nửa cánh quân tiên phong của chúng đã qua sông. Nhưng chỉ một lúc sau, Quốc Toản đã trông thấy Thoát Hoan đi cuối cánh quân tiên phong, xung quanh đầy đặc những tướng tùy tùng và võ sĩ hộ vệ.

Quốc Toản rướm dây cung rồi nâng cần cung ngắm Thoát Hoan. Nhưng không bắn được. Thẳng tướng giặc này tham sống sợ chết đến nỗi nó cho quân đi vòng trong vòng ngoài vây kín.

Đội Thoát Hoan đến ngang tầm mình, Quốc Toản vẫy tay ra hiệu. Lập tức, một hồi tù và dõng dả cất lên rồi tiếng trống thúc liên hồi nối tiếp khắp tuyến đường dài, làm náo động cả một vùng trời. Quốc Toản dẫn đầu đoàn ngựa chiến lao thẳng tới cụm quân vây quanh Thoát Hoan.

Trông thấy lá cờ đề sáu chữ do một viên tướng trẻ dẫn đầu đang xông về phía mình, Thoát Hoan nhận ra ngay viên danh tướng tiên phong mà đã bao lần hắn nghe đồn đại về tính gan liều có một không hai này. Vì vậy, Thoát Hoan vừa ra roi ngựa vừa thất kinh hét quân sĩ :

— Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản đó. Chạy mau khỏi nơi này.

Nhưng Quốc Toản đã kịp dẫn đội quân trẻ của mình lẫn xả vào đám binh dày đặc xung quanh Thoát Hoan. Phút chốc, Quốc Toản đã đánh giạt toán giặc Nguyên, mở đường xông tới gần Thoát Hoan. Bọn tùy tướng thấy chủ chúng lâm nguy, liền xúm lại đánh Quốc Toản. Quốc Toản tả xung hữu đột, vùng kiếm múa liti. Một tên tướng giặc rơi đầu, rồi tên thứ hai ngã nhào xuống đất. Tên đại tướng A Thích thấy Quốc Toản giết mất hai tướng của mình, liền bỏ Thoát Hoan phi ngựa sấn lại. Vừa hét quân sĩ giã ra, A Thích đã vùng quả chùy cán dài giáng như búa bổ vào đầu Quốc Toản.

Nhanh như chớp, Quốc Toản né tranh, rồi vừa xông lại đánh nhau với tên tướng đã có lần độ sức ở ngoài thành Thăng Long, Quốc Toản vừa cười khanh khách:

— Đúng là điềm chết của Thoát Hoan nên mới sinh ra một tên đại tướng đi đánh trộm như nhà ngươi.

Quốc Toản và A Thích, một bên nhanh nhẹn sắc bén, một bên cày sức khỏe; một bên kiếm một bên chùy, lẫn xả vào nhau như hai con mãnh thú. Cánh quân trẻ của Quốc Toản cũng đã nhanh chóng dàn thành hàng đánh lui hết toán giặc này đến toán giặc khác để trợ chiến với chủ tướng của họ.

Một hồi lâu, A Thích đã nhể nhại mồ hôi, quả chùy trong tay không còn linh hoạt nữa. Bỗng hắt găm lên một tiếng rồi thúc ngựa tháo chạy. Quốc Toản tức tốc phóng ngựa đuổi. Tướng Thoát Hoan đã chạy thoát, Quốc Toản vô cùng tức giận. Nhưng kìa, hắt vẫn đang trong đám loạn quân phía trước. Trông cảnh tượng người, ngựa giặc ùn lại, Quốc Toản mừng thầm vì biết đại binh của mình do người tướng già đốc suất, đã đánh bật giặc trở lại.

Hết đường tiến, giặc phi ngựa tản sang hai bên đường định chạy. Nhưng ngựa giặc thi nhau ngã gục và rống lên thảm thiết. Thoát Hoan biết Quốc Toản đánh bầy ngựa nên không dám chạy tạt ngang. Hắt đánh hô quân lộn trở lại, vượt cầu phao, chạy sang phía Phả Lại, bỏ ý đồ rút về ải Nam Quan. Thoát Hoan giận tái người khi thấy trung quân và hậu quân của hắt đang tự động rút chạy theo hướng đó.

Thấy quân của Quốc Toản vẫn lớp lớp xô về phía mình, Thoát Hoan khủng khiếp nghĩ đến cái chết đang chờ hắt. Cùng thế, Thoát Hoan hét tướng sĩ đốc sức đánh lại đội quân của Quốc Toản. Cũng chỉ đến lúc này, Thoát Hoan mới nhận ra, đội quân của viên dũng

tướng trẻ người Việt này rất ít. Hắt đỡ lo lắng và thúc quân đánh dần.

Lại một lần nữa, Quốc Toản tung hoành ngang dọc, xé đội hình giặc xông tới Thoát Hoan. Để bảo vệ chủ tướng, Giản Kỳ vác đao ra chặn đánh Quốc Toản. Quốc Toản lại có dịp đánh nhau với một danh tướng khác của giặc.

Nhằm lúc Quốc Toản bận đánh Giản Kỳ, Thoát Hoan lách ngựa chạy tháo thân. Thấy vậy, Quốc Toản điên người đốc hết sức đánh Giản Kỳ. Đã thấm mệt, lại thấy đại binh của Quốc Toản từ đâu đang tràn xuống như thác lũ, Giản Kỳ bất thành lình cũng rút chạy. Lập tức, Quốc Toản thúc ngựa đuổi theo. Nhưng bỗng Quốc Toản lao đảo trên ngựa. Một tùy tướng của Thoát Hoan nhân lúc Quốc Toản sơ hở, đã bắn trộm. Mũi tên cắm ngập vào ngực Quốc Toản. Đội quân trẻ định xô lại đỡ chủ tướng của họ. Nhưng sau phút lao đảo Quốc Toản đã lại vừa thúc quân đuổi theo giặc vừa chuyển tay kiếm rút mũi tên đỏ nhuộm máu, tiếp tục đuổi theo Giản Kỳ. Máu Quốc Toản đầm đìa chảy xuống con ngựa chiến. Máu rây lên mặt đường theo hướng ngựa chạy. Và, đến khi Quốc Toản kiệt sức, ngã nhào xuống đất, thì người tướng già cũng vừa đem đại binh tới.

Nhảy vội từ trên mình ngựa xuống đất, người tướng già ôm lấy Quốc Toản khóc rưng rức:

— Quân giặc đông như dòi bọ, tôi không tài nào chém hết chúng, kịp hộ sức với công tử để đến nông nỗi này!

Quốc Toản cố cất đầu lên, hỏi:

— Giặc đâu?

— Chúng nó chết như rạ. Còn Thoát Hoan và đám tàn quân chạy như lũ chuột sang hướng Phả-lại cả rồi⁽¹⁾.

1. Chúng rút chạy sang Phả Lại rồi tới Vạn Kiếp.

Quốc Toản nói, giọng đuối dần:

— Ở Vạn Kiếp cũng đã có binh ta chặn. Nhưng để chắc thắng, ông hãy vì ta cầm quân thay ta đuổi gấp. Ngừng lại để thở, Quốc Toản tiếp — sau này ông về an ủi và chăm sóc mẹ ta thay ta. Được như thế ta chết cũng yên lòng.

Quốc Toản đưa mắt nhìn những chiến sĩ của mình đứng vây quanh, cặp môi Quốc Toản mấp máy như muốn nói điều gì, rồi thở hơi cuối cùng.

Người tướng già để một toán gia nhân của Quốc Toản ở lại trông nom, rồi bằng một giọng chắc nịch, ông hô quân nhắm thẳng hướng quân thù xốc tới.

Cả đoàn quân trước lúc ra đi đều ngậm ngùi nhìn lại lần cuối người chủ tướng dũng cảm, thân yêu chưa đầy 17 tuổi của mình. Đó là quãng trung tuần tháng 5 năm Ất Dậu (1285).

★ ★

Một tháng đã trôi qua. Sau lễ ăn mừng chiến thắng long trọng ở Kinh-đô, người tướng già vội trở về Võ Ninh ngay. Mặc dù đã chuẩn bị trước, nhưng vừa nhắc thấy Trần mầu tóc đã bạc quá nửa, người tướng già không cầm được nước mắt.

Trần mầu cũng thấm vội dòng nước mắt, giọng buồn buồn:

— Chú Chiêu Thành vương đã nói cả rồi. Đau lòng lắm nhưng với ông, ta không giấu được niềm kiêu hãnh tự hào về đứa con duy nhất của ta. Cái chết của con ta làm đẹp thêm dòng dõi họ Đông A⁽¹⁾. Ngừng lại để nén xúc động, Trần mầu tiếp — ta còn được biết ông đã

1. Dòng họ Trần.

vì con ta mà đánh đồn Thoát Hoan chạy sang Vạn Kiếp lập được chiến công to. Điều ấy quý lắm.

Người tướng già thở phào nhẹ nhõm. Những điều khó nói, dễ xúc động nhất, Trần mầu đã biết cả. Thấy Trần mầu bình tĩnh chịu đau đớn, trái với dự đoán của mình, người tướng già rất thần phục và thêm kính trọng bà mẹ quả cảm này.

Hiều lòng người tướng già, Trần mầu lắng chuyện:

— Lễ ăn mừng vua ta làm có to không?

— Thừa tôn phu nhân — Người tướng già đáp — Lễ ăn mừng lần này to hơn, long trọng hơn lần trước rất nhiều⁽¹⁾. Tuy vậy, vua vẫn căn dặn tướng sĩ không được lơ là việc quân, phòng giặc có thể đem linh sang phục thù. Trong buổi lễ — người tướng già ngập ngừng — vua đã sa lệ khi nhắc đến công tử. Tướng quốc thái úy cũng đã tuyên đọc việc vua gia phong cho công tử tước vương.

Trần mầu thoáng vui:

Việc sau thì hôm nay ta mới biết. Còn việc vua vật mình thân khỏe khi con ta chết thì chú Chiêu Thành vương đã cho hay.

Chợt người nữ tỳ vào báo có các bô lão ấp Võ Ninh tới.

Trần mầu vội bước ra án, vừa sửa soạn đón khách vừa nói:

— Gần tháng nay, chẳng mấy ngày không có các ông già tốt bụng ấy đến viếng thăm, chia buồn với ta.

Người tướng già cúi đầu xin lui. Cả ấp Võ Ninh chìm trong nắng hè rực rỡ.

QUYÊN CƯ

1. Lần đại thắng quân Nguyên năm 1258.

CHU VĂN AN

Chu Văn An đã sống trải qua các triều vua Anh Tông, Minh Tông, Hiến Tông, Du Tông và Nghệ Tông nhà Trần.

Vào những năm của nửa sau triều đại nhà Trần, trong lúc chùa chiền mọc lên khắp nơi, từ vua quan đại thần cho đến thường dân, nhiều người rủ nhau đi tu, trong lúc kho tàng của nhà nước đồ ra như thác, tiền tài sức lực của nhân dân bị phung phí không hạn độ cho việc dựng chùa tô tượng, thì con người hướng tâm đến nhân tình thế thái, đến tấm thân hữu dụng của kẻ sĩ đối với dân với nước như Chu Văn An, không thể không ngày đêm băn khoăn suy nghĩ. Bởi vậy cho nên tuy đậu Thái học sinh⁽¹⁾ nhưng Chu Văn An không ra làm quan, lại lấy việc hàng ngày được quây quần với bầy học trò dưới mái trường ấm cúng làm lẽ sống. Ông dựng một ngôi trường tại quê nhà để dạy học.

Từ đó, bên trường Quốc tử giám, ngôi trường của Chu Văn An xuất hiện ở làng Cung Hoàng trên bờ sông Tô Lịch ngay gần kinh thành.

Đã nổi tiếng là một nhà nho có học vấn sâu rộng, có đạo đức mẫu mực, với nghề dạy học, Chu Văn An còn nổi

tiếng là một bậc thầy giáo tận tụy với nghề nghiệp và thương yêu học trò hết lòng.

Đối với học trò, từ những người cao tuổi đã trải qua nhiều năm đèn sách, cho đến những lớp thiếu niên măng trẻ, Chu Văn An đều hết lòng dạy dỗ. Ông uốn nắn từng nét chữ, sửa đổi từng câu văn, trau dồi từng nhận thức cho họ. Ngay cả những kẻ đã đậu đạt, nhiều người vẫn thường lui tới trường để được nghe Chu Văn An bình văn giảng sách. Ở trường học cũng như trong khi tiếp xúc ở ngoài, học trò của ông không kể trình độ nào, nếu có điều sai trái, nói năng không phải lẽ, ông đều trách quở, có khi còn quát mắng, đuổi ra khỏi trường hay không tiếp.

Trong nghề dạy học, bên cạnh việc trau dồi kiến thức Chu Văn An đặc biệt chú ý đến rèn luyện đạo đức cho học trò.

Chăm chút vun trồng, nâng niu đào tạo từng người, thương yêu học trò như con đẻ là điều vốn có của Chu Văn An. Mặt khác, ông cũng rất nghiêm khắc với họ như ông đã nghiêm khắc với chính mình vậy.

Học trò của ông rất đông, có tới trên ba ngàn người. Đường vào làng Cung Hoàng ngày càng đông vui tấp nập. Học trò bốn phương kéo về, từ kinh sư cho đến các lộ đều có người đến học. Được làm học trò của Chu Văn An là điều vinh hạnh đối với họ. Do công phu rèn luyện của Chu Văn An, học trò của ông nhiều người đậu đạt; có người giữ chức vụ quan trọng trong triều đình. Phạm Sư Mạnh, người Giáp Sơn, Hải Dương, làm quan đến chức nhập nội hành khiển tri khu mật viện sự⁽¹⁾, Lê Quát người Đông Sơn, Thanh Hóa, làm quan đến

1. Thời nhà Trần, nhà Hồ, ở nước ta có mở các khoa thi Thái học sinh. Đậu Thái học sinh tương đương với đậu tiến sĩ sau này.

1. Nhập nội hành khiển tri khu mật viện sự, một chức quan to trong triều đình, đứng sau hàng tể tướng.

chức bặc xạ⁽¹⁾ đều là học trò của ông cả. Hai người đều do văn học mà được làm quan, và nổi tiếng là người có tài năng đức độ trong một thời.

Cuộc đời dạy học tuyệt đẹp của Chu Văn An được phản ánh trong câu chuyện có tính chất thần thoại chép lại trong sách xưa và còn truyền tụng đến bây giờ. Tương truyền rằng khi Chu Văn An dạy học ở Cung Hoàng, hàng ngày có một chàng thanh niên khôi ngô tuấn tú đến nghe giảng kinh sách rất chăm chú. Chàng học hành thông minh, có đạo đức gương mẫu, rất được thầy thương mến. Điều khó hiểu ở chàng là người ta không rõ tông tích quê quán của chàng ở đâu. Chu Văn An cho người đi dò la, biết rằng cứ đến đầm Cung Hoàng là chàng biến mất. Nhờ vậy Chu Văn An biết người học trò đó là Thủy thần.

Năm ấy đại hạn, khắp vùng đều khô cạn, cây cối màu mỡ úa vàng, dân tình nhón nhao đói khổ. Vốn giàu lòng nhân đạo, Chu Văn An ngày đêm lo lắng cho nhân dân. Ông nghĩ đến chàng học sinh khôi ngô ham học của mình, hy vọng chàng có thể cứu vớt được nhân dân.

Chu Văn An gọi người học trò ấy đến và bảo rằng:

— Năm nay trời làm hạn hán, nhân dân khắp vùng khổ cực. Cảnh nghèo đói đang diễn ra rất thương tâm, ta vẫn băn khoăn tìm phương cứu vớt, nhưng chưa có cách nào. Con có thể cùng thầy bàn mưu cứu trăm họ được không?

Vốn là Thủy thần vì mộ đạo học của Chu Văn An mà hiện thân thành người học trò đến theo học, hàng ngày chàng vẫn được nghe thầy giảng đạo đức nhân nghĩa của thánh hiền; nay chàng lại được chính thầy sai tìm cách cứu vớt muôn dân thì còn nhân nghĩa đạo đức

1. Bặc xạ cũng như chức á tướng, đứng sau hàng tướng quốc

nào bằng. Nhưng, khó nghĩ làm sao! Tuân lệnh thiên đình hay nghe lời dạy của thầy? Chàng xin cho được suy nghĩ. Sau một đêm trằn trọc, sáng hôm sau chàng tìm đến Chu Văn An vái chào và hứa làm theo lời dạy đúng đắn của thầy, xin vì thầy sẵn sàng chịu đựng mọi hình phạt.

Chàng bèn lấy nước lã mài mực, dùng bút dùng mực vẩy lên trời rồi tung nghiên bút mỗi thứ đi một phía. Lập tức mây đen nổi lên, trời mưa như trút, nước đen màu mực chảy ngập đồng ruộng. Bút của chàng rơi xuống làng Tả Thanh Oai còn nghiên thì rơi xuống cánh đồng làng Quỳnh Đô và biến thành khu đầm nước màu đen nên gọi là đầm Mực.

Thấy trời mưa to nhân dân khắp nơi đều vui mừng. Chu Văn An vô cùng sung sướng. Nhưng chàng học sinh trẻ tuổi cũng từ ngày đó không thấy có mặt ở trường học nữa. Chu Văn An lo lắng, cho người đi tìm thì thấy một con thường luồng chết nổi lên ở giữa đầm Cung Hoàng. Chu Văn An biết rằng đó là hiện thân của anh học trò vô cùng yêu quý của ông đã bị trừng phạt vì chống lại lệnh của thiên đình. Chu Văn An buồn rầu đau xót, tiếc thương người đã bỏ mình vì việc nghĩa. Tình nghĩa thầy trò lại càng làm cho nỗi xót thương ấy tăng lên vô hạn. Chu Văn An sai học trò vớt xác con thường luồng đó lên và đem chôn cất tử tế...

Cùng với nhiều năm tháng trôi qua, cùng với nhiều thế hệ thanh niên được đào tạo qua nhà trường, tên tuổi của Chu Văn An ngày càng rạng rỡ.

Biết Chu Văn An là một nhà giáo có tài đức hơn người, vua Trần Minh Tông hạ chiếu vời ông vào triều và giao cho ông chức Quốc tử tư nghiệp⁽¹⁾. Không thể trái mệnh

1. Quốc tử tư nghiệp, một chức quan như hiệu trưởng trường Quốc tử giám.

vua, vả chẳng dạy học để truyền bá học vấn, đào tạo những con người có ích cho xã hội là sở trường và cũng là nguyện vọng của mình, Chu Văn An đành đóng cửa trường, từ giã đám học sinh yêu quý để vào Kinh nhận chức.

Làng Văn, xã Quang Liệt⁽¹⁾ ở ngay gần kinh thành Thăng Long, Chu Văn An thường hay đi về quê nhà. Mỗi khi có chiếc võng ba đòn khiêng về đến đầu làng, mọi người lại thấy từ trên võng, quan Quốc tử tư nghiệp bước xuống, khoan thai đi bộ trên con đường làng quen thuộc.

Tuy không to lớn đẹp đẽ như trường Quốc tử giám, nhưng Chu Văn An không thể quên được ngôi trường cũ của mình. Nhìn trường cũ nền mốc sần rêu, Chu Văn An nhớ lại quãng đời tự do phóng khoáng đã qua.

Cái chức Quốc tử tư nghiệp, được nhà vua ủy thác cho trông nom một trường học lớn chuyên dạy dỗ vương tôn công tử không làm cho Chu Văn An vui lòng lắm. Áo mũ, tàn quạt, võng lọng vua ban đã là sang, nhưng đối với Chu Văn An lại không lấy làm vinh, làm trọng. Là một học quan cao cấp, được tiếp xúc nhiều với những bậc vương hầu công khanh, Chu Văn An càng thêm đau lòng cho thế đạo. Bên trong cái vỏ từ bi của đạo Phật, cả kinh thành đang chìm ngập trong lạc thú xa hoa, tội ác dơ bẩn. Các bậc vương hầu công khanh lại chính là những người đầu trò trong tấn bi hài kịch này. Thảng có lúc Chu Văn An muốn quay về trường cũ vui với cuộc sống nghèo để giữ mình được trong sạch. Nhưng, với hoài bão đem đạo lý của thánh hiền để dạy dỗ mọi

1. Nay là xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội.

người, thì cái xã hội vương hầu công khanh lại không phải là nơi hoạt động của mình hay sao? Tam xếp mọi lo phiền, Chu Văn An đem hết tâm lực cùng các ban đồng liêu làm việc. Qua những kỳ bình văn giảng sách hàng tháng, qua cách cư xử của Chu Văn An với mọi người, tài đức của ông ngày càng thêm sáng tỏ.

Bốn bức tường của nhà Quốc tử giám, cùng với sinh hoạt phong lưu của quan Tư nghiệp không thể ngăn cách con người như Chu Văn An với cuộc sống bên ngoài được.

Người ta thường thấy quan Quốc tử tư nghiệp đi dạo chơi dưới rặng liễu bên Văn Hồ⁽¹⁾. Đó là những lúc Chu Văn An hòa mình trong cảnh thiên nhiên cho tâm hồn được thư thái sau những ngày vui đầu vào kinh sử hoặc sau những lúc buồn phiền vì thế đạo.

Một cảnh tượng đã từng làm cho Chu Văn An suy nghĩ là mỗi lần đi dạo chơi, ông lại thấy từ khu hoàng thành, phía Tây Bắc trường Quốc tử giám, từng tốp thường dân gây gổ rách rưới tấp nập đi về. Cảnh tượng ấy đã diễn ra quá nhiều ngày, nhiều tháng.

Một hôm trên con đường về trường Quốc tử giám, Chu Văn An dừng lại, sai gọi người cao tuổi nhất trong đoàn dân phu đến hỏi chuyện. Thấy có đại quan tìm hỏi, mọi người sợ sệt. Một người trạc ngoài 50 tuổi tách ra khỏi đám đông, theo người hầu, đến trước Chu Văn An lạy chào.

Chu Văn An vờ hỏi như một người xa lạ với sinh hoạt của kinh thành:

— Ta muốn biết trong hoàng thành có việc gì mà các người kéo nhau đi làm lung động thế.

1. Văn Hồ, tên hồ lớn ở trước trường Quốc tử giám.

Người đó đáp:

— Kính thưa đại quan, ngài chẳng biết trong hoàng thành đang xây vườn ngự, đào hồ, đắp núi đỏ hay sao?

Câu trả lời có đôi phần ngạo mạn ấy đã làm cho mọi người lo sợ, họ chờ đợi cơn thịnh nộ của viên đại quan. Nhưng không, nhìn nét mặt gân guốc khắc khổ, quần áo rách rưới và đôi mắt đỏ ngầu vì hơi men của người dân thường này, Chu Văn An vẫn điềm đạm mỉm cười tiếp:

— Ta có biết, nhưng nghe nói công việc này khởi công đã mấy năm nay, vẫn chưa xong ư?

— Thưa ngài, còn lâu, lâu lắm. Khu vườn ngự ở hậu cung chưa xong, lại nghe nói nhà vua còn xây điện Lạc Thanh, đào ao Lạc Thanh, lập hồ Thanh Ngự chứa nước mặn nuôi đồi mồi, cá biển, còn nhiều, nhiều lắm...

— Các người là dân phu miền nào đến đây?

Người đó như không chú ý đến câu hỏi của Chu Văn An, vẫn nói tiếp:

— Kính thưa ngài, khu hoàng thành ngày càng đẹp đẽ, nhà vua và các quan tha hồ vui chơi.

Đến đây, vầng trán cao rộng của Chu Văn An thoáng hiện vài nếp nhăn, nhưng lại tan biến đi ngay. Chu Văn An cười, người dân phu say rượu ấy lại nhập với đoàn người, rồi lũ lượt đi về phía nam kinh thành.

Trên đường về, Chu Văn An thầm nhắc lại nhiều lần câu nói của người dân phu say rượu: « Nhà vua và các quan tha hồ vui chơi ».

Hôm đó Chu Văn An thức trắng đêm. Đã hai lần rót thêm dầu vào cây đèn ở góc bàn, người hầu cận vẫn chưa thấy quan Tư nghiệp hạ bút. Tiếng trống cầm

canh từ cửa Đại Hưng⁽¹⁾ phía bắc nhà trường vọng lại, báo hiệu đã sang canh ba. Chu Văn An quay lại nói với người hầu:

— Đã bảo cứ để mặc ta, sao người chưa chịu đi ngủ? Trên án thư, tập bản thảo *Tứ thư thuyết ước*⁽²⁾ của Chu Văn An xếp gọn ở một góc. Trước mắt ông là tập văn bài của giám sinh. Nghiên son đã khô cạn, cây bút cầm trong tay đã se ngọn thỏ, Chu Văn An hạ bút, đứng dậy đi lại trong phòng. Bốn bề vắng lặng.

« Nhà vua và các quan tha hồ vui chơi », câu nói của người dân thường ban chiều đã khơi bùng lên trong lòng quan Tư nghiệp những điều băn khoăn ấp ủ lâu nay.

Vụ án Thượng tể Huệ Vũ vương Quốc Trấn năm xưa dưới triều vua Minh Tông, âm mưu đen tối của Văn Hiến hầu, với những lời lẽ xúc xiểm của Thiếu bảo Trần Khắc Chung tuy đã qua lâu rồi nhưng còn để lại khá đậm nét trong tâm tư của Chu Văn An⁽³⁾. Trong lúc đó tình hình loạn lạc ở các lộ, tin tức đánh dẹp liên miên ở nhiều nơi lại hàng ngày dồn dập truyền về kinh thành.

1. Cửa Đại Hưng, một trong 4 cửa lớn của thành Thăng Long thời Lý — Trần: Cửa Quảng Phúc, cửa Diệu Đức, cửa Tường Phù, cửa Đại Hưng. Cửa Đại Hưng ở góc Đông-nam thành, gần phía Bắc trường Quốc tử giám.

2. Tên tác phẩm triết học của Chu Văn An, đã thất truyền.

3. Vụ án Huệ Vũ vương Quốc Trấn xảy ra vào năm 1328 thời Trần Minh Tông. Quốc Trấn làm quốc phụ thượng tể, và là cha của hoàng hậu Hiến Từ, vợ Minh Tông. Vua Minh Tông đã nhiều tuổi, muốn lập thái tử. Hoàng hậu Hiến Từ chưa có con trai, vì sợ mất uy quyền, Quốc Trấn tâu nhà vua hãy khoan lập thái tử. Văn Hiến hầu là con Trần Nhật Duật, lại muốn phế hoàng hậu, lập hoàng tử Vượng là con hoàng phi Minh Từ. Văn Hiến hầu đút lót cho gia thần Quốc Trấn là Trần Phẫu 100 lạng vàng. Phẫu vu cho Quốc Trấn làm phản. Minh Tông bắt giam Quốc Trấn ở chùa Tư-phúc,

Hết hạn hạn đến lụt ngập, dân tình cơ cực, lòng người ly tán. Còn ở kinh thành Thăng Long thì nhà vua cùng các vương hầu chỉ biết xây dựng đài tạ, rủ nhau bày ra nhiều trò chơi xa xỉ, lấy cờ bạc, rượu chè, dâm dật làm sở thích. Không mấy đêm ở cung đình không có yến tiệc nhã nhạc.

Nhà vua đã biếng nhác việc triều chính, lại chỉ nghe lời bọn gian thần làm nhiều điều trái đạo. Chu Văn An đau lòng vì tình hình đó vẫn ngày càng trầm trọng mặc dù ông đã nhiều lần can ngăn nhà vua.

Ôi! Sách vở của thánh hiền đối với ông sẽ trở thành vô hiệu một khi giữa chốn kinh thành hàng ngày vẫn xảy ra biết bao nhiêu điều ngang trái! Mầm loạn đã mọc ra từ đây, cơ đồ có phen nghiêng ngả.

Muốn giữ vững được mối rường, muốn làm tròn trách nhiệm của một bầy tôi trung thành, Chu Văn An thấy trước hết là làm cho triều đình trong sạch, tẩy rửa mọi nhơ nhớp rác rưởi đang làm cho đạo lý vẩn đục, việc nước đảo điên. Lũ gian thần hiện ra trước mắt Chu Văn An như một bầy nghịch tặc.

Chu Văn An về ẩn thụ, ngồi viết sớ « thất trăm », đòi chém bảy tên nịnh thần⁽¹⁾.

rồi đem việc đó hỏi Thiếu Bảo Trần Khắc Chung. Khắc Chung cùng cánh với Văn Hiến hầu, cùng quê với hoàng phi Minh Từ, lại giữ chức sư phó dạy hoàng tử Vượng. Vượng lên ngôi sẽ có lợi cho Khắc Chung. Vì vậy Khắc Chung tâu với Minh Tông: « tróc hồ di, phóng hồ nan » (bắt được hồ thì dễ, thả hồ ra thì nguy). Minh Tông bèn cấm không cho Quốc Trán ăn uống. Quốc Trán chết, số người bị bắt lấy có đến hơn 100. Về sau việc phát giác, Trần Phẫu bị tội lăng trì, Văn Hiến hầu bị truất làm thứ nhân. Vượng lên ngôi vua tức là Hiến Tông.

1. Sớ đòi chém 7 tên nịnh thần nên gọi là sớ « thất trăm », hiện nay đã thất truyền.

Trống cầm canh báo hiệu đã sang canh năm. Tiếng gà gáy sáng lần thứ hai ròn rã, quan Quốc tử tư nghiệp cũng viết đến chữ cuối cùng của sớ « thất trăm ».

Một tháng sau khi dâng sớ, Chu Văn An được lệnh nhà vua vời vào cung bệ kiến.

Khi Chu Văn An đến sân điện Thị-triều⁽¹⁾ cũng là lúc nhà vua và triều thần đã tụ họp đông đủ.

Chu Văn An vừa trên võng bước xuống, trong hàng quan văn ngồi phía bên hữu nhà vua có nhiều người đứng dậy xuống thềm lạy chào sư phụ, trong số đó có quan Nhập nội hành khiển Phạm Sư Mạnh và quan Bộc xạ Lê Quát.

Vua Trần Du Tông rời bệ rồng, thân ra thềm điện dắt Chu Văn An vào ngồi ở ngôi cao trong hàng quan văn, gần kề nhà vua. Chu Văn An ung dung bước vào trước con mắt kính phục của nhiều người.

Nhà vua mở triều hội để khánh thành khu vườn thương uyển. Sau vài tuần rượu vua ban, qua nhiều câu chúc tụng theo thường lệ, vua Du Tông trở vào Chu Văn An và nói với quần thần:

— Chu lão sư thật xứng đáng là bề tôi lương đồng của triều đình. Thiên hạ đồn về tài đức của lão sư quả không sai. Đạo đức khuôn mẫu và tính tình cương trực của lão sư đáng làm gương cho quần thần. Chu lão sư hãy hết lòng làm tròn phận sự của quan Quốc tử tư nghiệp, mọi việc khác không cần bận tâm đến làm gì, đã có trời định đoạt.

Chu Văn An đứng dậy chấp tay lạy tạ, nét mặt thản nhiên. Hơi men trong chén rượu của nhà vua trẻ tuổi⁽²⁾

1. Thị-triều, một điện lớn ở trong hoàng thành, nơi tổ chức triều hội.

2. Du Tông lên ngôi vua năm 6 tuổi (1341) và mất năm 1369. ở ngôi 28 năm, sống 34 tuổi.

ban cho chưa đủ làm thay đổi sắc mặt của quan Quốc tử tư nghiệp.

Nửa năm trôi qua, kể từ ngày dâng sớ « thất trăm », mọi việc ở triều đình vẫn không có gì thay đổi. Chu Văn An dâng sớ xin từ quan vì cơ mình đã già yếu, e không đủ sức làm tròn trách nhiệm của nhà vua ủy thác.

Vua Dụ Tông nhiều lần hạ chiếu khuyên nhủ, cố giữ Chu Văn An, nhưng cũng một mực xin cho được về nhà dưỡng bệnh. Vua Dụ Tông buộc lòng phải chiều, cho ông về nghỉ. Trường Quốc tử giám từ đó vắng bóng quan Tư nghiệp Chu Văn An.

Con chim phượng hoàng đã cất cánh bay về núi.

★
★★

Núi Phượng hoàng⁽¹⁾ nằm nghiêng nghiêng, hai sườn mở rộng như hình chim phượng múa. Ba người khách đi ngựa dừng lại ở chân núi. Người đi đầu mũ cao áo dài, vẻ đường bệ, ra dáng một viên đại quan của triều đình. Đi sau là hai viên quan tùy tùng.

1. Núi Phượng-hoàng còn gọi là Lan-phụng. Theo Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí, Dư địa chí*, thuộc xã Kiệt Đặc, huyện Chí Linh, Hải Dương (trước thuộc huyện Phượng Nhãn). Thời Trần, ở đây có xây điện Tử Cự, điện Lưu Quang. Chân núi có suối Miết Trì, lưng núi có chùa Lê Kỳ, có động Huyền Vân. Chu Văn An có bài thơ ngâm vịnh cảnh đẹp ở đây:

« Vạn Diệp thanh sơn thốc họa bình
Tà dương đảo quả bán khê minh
Thủy là kinh lý vô nhân đảo
Sơn hạc đề yên thối nhất thanh ».

dịch: Muôn lớp núi xanh bình phong vẽ
Bóng chiều chiếu xế sáng nửa khe.
Lối xanh rì đây leo không ai đi đến,
Hạc núi trong mây thỉnh thoảng một tiếng kêu.

Ba người đi từ Thăng Long tới. Men theo sườn núi, qua suối Miết Trì, họ tiến vào một rừng tùng xanh biếc. Lá tùng nhọn sắc, mọc mơn, mới nảy lộc trong những ngày giá lạnh vừa qua. Sau đám gốc mai vàng, một ngôi nhà núi xuất hiện. Nhà mái lá đơn sơ, cửa trúc che nghiêng. Những cánh hoa mai cuối mùa theo gió rơi rụng đầy sân và lấm tấm điểm vàng trên mái nhà lá đã bạc màu.

Khách dừng ngựa trước cổng, sửa sang lại mũ áo, thông thả bước vào nhà. Vốn quen thuộc với sinh hoạt thôn hoa tập nập nơi kinh thành, khách không khỏi ngỡ ngàng trước cảnh đơn sơ tĩnh mịch của căn nhà người ẩn dật.

Chủ nhà, một ông già dáng người thanh tú, nét mặt hiền từ, phong thái ung dung nho nhã, ngồi trên sập, tựa mình bên gối xếp đang đọc sách.

Chợt thấy chủ nhà, viên đại quan sụp xuống:

— Kính chào sư phụ.

Trong khi đó hai viên tùy tùng, một người bưng chiếc hòm sơn son, một người nâng gói nhỏ bọc gấm buộc kim tuyến, đứng thẳng như pho tượng. Chủ nhà vội vã buông tập *Tiểu Ấn thi tập*⁽¹⁾ bước xuống, xỏ chân vào đôi hài cỏ, đến nâng khách dậy và nói:

— Quan Nhập nội hành khiển, người quá khách sáo.

Chủ nhà đưa tay phân ngôi chủ khách và gọi tiểu đồng pha nước.

Chủ niềm nở ung dung, khách kính cẩn và dè dặt. Chủ đã ngồi mà khách còn chấp tay đứng đợi. Sau nhiều lần mời mọc, khách mới dám ngồi tránh sang một bên.

Cạn chén chè lão mai, chủ hỏi:

— Chẳng hay quan Nhập nội hành khiển cùng hai vị có việc gì cần đến kẻ tiểu ẩn này.

1. Tiểu Ấn, tên hiệu của Chu Văn An, *Tiểu Ấn thi tập*: tập thơ chữ Hán của Chu Văn An.

Viên đại quan chấp tay đáp:

— Kính thưa sư phụ, con tuân lệnh nhà vua chuyển đến sư phụ phong sắc thư và một chút tặng phẩm. Con mừng được dịp trở về đây thăm sức khỏe của sư phụ.

Tiếp theo lời viên đại quan, hai viên tùy tùng tiến lên dâng hộp son và bọc gấm. Chủ đứng dậy kính cẩn đỡ lấy, đặt lên hương án ở giữa nhà. Khói trầm từ lư hương bốc lên nghi ngút. Chủ nhân sửa sang lại áo mũ, đứng trước hương án mở phong sắc thư ra đọc rồi gấp lại như cũ, đặt vào trong hộp. Chủ tiếp tục rót nước mời khách.

Chuyện trò hồi lâu, từ thìn đến ngọ, qua bữa cơm trưa, đến hết giờ mùi⁽¹⁾, câu chuyện vẫn xoay quanh những việc trong triều đình, chuyện dân tình ở các hạt, chuyện Ngô Bệ nổi dậy ở Hải Dương vừa qua với cờ hiệu «chấn cứu bản dân»⁽²⁾. Khách muốn tạ từ nhưng lòng còn băn khoăn vì chưa thấy chủ đã động gì đến chuyện phong sắc thư. Như đoán được ý của khách, chủ nhân đứng dậy kính cẩn nâng phong thư, nhìn thẳng về hướng Thăng Long rồi quay lại nói với khách:

1. Cách tính giờ của người xưa: một ngày đêm chia làm 12 giờ: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Giờ Tý vào lúc nửa đêm, giờ Ngọ vào lúc giữa trưa. Theo cách tính này, một giờ cũ bằng hai giờ hiện nay.

2. Ngô Bệ người Trà Hương, cầm đầu một phong trào nông dân khởi nghĩa lớn thời Trần. Năm 1344, Ngô Bệ tụ quân ở núi Yên Phụ huyện Giáp Sơn, Hải Dương. 1345 thì bị quân triều đình đánh dẹp. 1358 Ngô Bệ lại nổi dậy ở núi Yên Phụ, dựng cờ nghĩa, yết bảng, nêu khẩu hiệu «chấn cứu bản dân» người theo rất đông. Nghĩa quân chiếm một dải đất từ xã Thiên Liêu đến huyện Chí-linh. Năm 1360 cuộc khởi nghĩa bị đàn áp. Ngô Bệ cùng 30 người khác bị bắt ở núi Yên Phụ, giải về kinh và bị chém.

— Cách đây vài tháng, trong dịp về kinh triều hội, nhà vua đã phán bảo về chuyện này, nhưng ta còn phân vân xin cho suy nghĩ. Đến nay nhà vua lại cho quan đại thần mang thư đến nhà nhắc lại chuyện đó còn ban cho gấm lụa.

Chủ nhân ngừng lại để suy nghĩ rồi tiếp:

— Gấm lụa vua ban, muôn đời ơn vua, ta xin nhận, còn câu chuyện ủy thác cho trông nom việc triều chính, ta đã suy nghĩ kỹ, không thể tuân lệnh vua được.

Nghe đến đây khách rút rề chấp tay kính cẩn:

— Kính thưa sư phụ, đây là điều ngày đêm mong mỏi của nhà vua và triều đình. Lúc này được sư phụ trông nom việc triều chính thật là phúc lành cho muôn dân.

— Lời nói của người, ta chưa cho là phải. Chủ xua tay ngắt lời khách, giọng nghiêm nghị tiếp:

— Phúc lành cho muôn dân là ở chỗ vua sáng suốt tôi hiền tài, trên thể theo ý trời, dưới thuận lòng người, vua tôi cùng đem đạo lý mà chấn dặt muôn dân, khiến cho ai ai cũng được no ấm bình yên. Còn như nay triều chính rối nát, nhà vua chỉ biết xây cung điện, đắp đài tạ, nghe bọn gian thần, muôn dân cơ cực, giặc giã nổi lên như ong. Ta tài hèn đức mỏng, sao có thể đem phúc lành lại cho dân được. Người hãy về tâu với nhà vua xin để cho ta được sớm hôm vui cùng cỏ núi, bầu bạn với người xưa.

Ngồi nghe, khách chỉ cúi đầu suy nghĩ, không dám tiếp lời.

Khách nhớ lại năm xưa trên đất Cung Hoàng gần Thăng Long, chính con người này đã hàng ngày dạy dỗ mình. Cũng như hàng ngàn học sinh khác, lúc đó khách còn là một thư sinh tinh nghịch nhưng rất được thầy yêu mến. Khách còn nhớ mãi những buổi giảng bài, cả trường ngồi nghe im phăng phắc, chỉ còn tiếng gió

thời vào lá cây ri rào bên ngoài và tiếng thầy giảng bài sang sảng. Mỗi lời dạy của thầy còn in trong lòng khách như những nét son chói lọi không thể phai mờ, mặc dù thời gian hàng mấy chục năm đã trôi qua. Giờ đây trước mặt khách cũng con người ấy, con người rất mầu mực, thẳng thắn và nghiêm khắc, chỉ khác là nay thầy đã già yếu đi nhiều.

Câu chuyện về phong sắc thư cũng chấm dứt ở đó, khách không dám nhắc lại nữa.

Cho đến cuối giờ thân, khách xin từ giã để trở lại hành dinh lộ Nam Sách cho kịp công việc.

Chủ tiễn chân khách đến cuối rừng tùng. Ba lần vái chào, khách vẫn chưa nỡ chia tay. Dắt ngựa xuống núi, khách còn ngoái đầu nhìn lại và chủ vẫn trông theo. Cho đến khi bóng khách đã khuất hẳn, chủ mới lững thững quay về và gọi tiểu đồng ra căn dặn:

— Gấm lụa vua ban, con hãy cất đi để dành cho những người còn thiếu thốn, ta đã đủ quần áo mặc rồi.

Cuộc gặp gỡ giữa thầy Chu Văn An cũ và trò Phạm Sư Mạnh xưa đã diễn ra ở núi Phượng Hoàng, xã Kiệt Đặc, huyện Chí Linh. Đó cũng là cuộc gặp gỡ giữa quan Quốc tử tư nghiệp đã rũ áo từ quan sau khi dâng sớ « thất trăm » không được vua Trần Dụ Tông nghe theo và quan Nhập nội hành khiển, người được chính vua Dụ Tông phái đi với Chu Văn An về để trông nom việc triều chính.

★ ★

Chu Văn An không thích sống gần triều đình Dụ Tông nữa mặc dù ông rất mực trung thành với nhà Trần. Yêu mến non sông, ông đã trở về với thẳng cánh của đất nước.

Nhiệt tình với cuộc đời chưa phải đã tàn nguội trong con người Chu Văn An, tuy ông đã từ quan về cất nhà trên núi để ở. Người ta tưởng chừng như Chu Văn An tìm cách xa lánh cuộc đời, nhưng không, ông vẫn hàng ngày theo dõi mọi biến động ở triều đình và nghe ngóng dân tình ở các lộ.

Một mực kiên quyết khước từ chức vụ nhà vua giao cho, Chu Văn An vẫn về kinh dự các cuộc triều hội. Cho đến những năm cuối cùng của đời mình, khi nghe tin Nhật Lễ chiếm ngôi vua nhà Trần, Chu Văn An ngao ngán thở dài; đến khi Cung Định vương trừ được Nhật Lễ, giành lại ngôi vua, từ Chí Linh, Chu Văn An vội về kinh chúc mừng nhà Trần đã nổi lại ngai chính thống⁽¹⁾.

Hoài bão một xã hội tốt đẹp với những con người hành động theo đạo lý thánh hiền đã dần dần tan vỡ trong lòng Chu Văn An cùng với sự suy vong từng bước của nhà Trần. Chu Văn An chọn cuộc sống thanh bần, giữ tâm hồn trong sạch, bình thản, như ông từng viết trong bài « Ngày xuân » khi ông đã lui về núi:

« Tịch mịch sơn gia tận nhật nhân.

Trúc phi tà ủng hộ khinh hàn.

Bích mễ thảo sắc thiên như túy,

Hồng trạc hoa sao lộ vị can.

1. Nhật Lễ, con người phường trò Dương Khương. Cung Túc vương Nguyên Dục cảm sắc đẹp của vợ Dương Khương lấy nàng làm vợ khi nàng đã có mang với Dương Khương, sau đó sinh ra Nhật Lễ. Nguyên Dục nhận làm con mình. Khi Dụ Tông mất (1369) không có con kế tự, để di chiếu cho Nhật Lễ lên ngôi. Làm vua, Nhật Lễ có ý muốn đổi họ, lấy theo họ Dương và ngầm trừ bỏ hết những người họ Trần có danh vọng.

Cung Định vương, con vợ cả Trần Minh Tông chạy lên miền Đà Giang, từ đấy kéo về phủ Kiến Hưng, lên ngôi hoàng đế tức là Trần Nghệ Tông (tháng 10 canh tuất — 1370). Nghệ Tông tiên về lấy kinh thành, bắt Dương Nhật Lễ giết chết.

Thân diệp cô vân trường luyện tụ,
Tâm đồng cổ lĩnh bất sinh lan.
Bá huân bán lãnh trà yên yết
Khê điều nhất thanh xuân mộng tàn». (Nhà núi tịch tịch suốt ngày nhàn,
Cửa trúc che nghiêng đỡ rét nhẹ.
Biếc lẫn sắc cỏ trời như say,
Hồng thấm ngọn hoa sương chưa ráo.
Thân mình cùng mây cô quần quít núi hang,
Tâm mình giống giếng cổ, không hề gợn sóng.
Hơi xông gỗ bách gần ngụi, khói trà hết
Một tiếng chim khe mộng xuân tàn)⁽¹⁾.

Tháng 11 năm Thiệu Khánh thứ nhất triều Trần Nghệ Tông (1370), Chu Văn An qua đời.

Để tỏ lòng kính phục, được tin ông mất, nhà vua cho quan dụ tế, ban cho tên thụy là Văn Trinh công và sau đó cho thờ trong Văn miếu cùng hàng với các bậc hiền triết.

NGUYỄN ANH

2. Thơ của Chu Văn An. Trích theo Phan Huy Chú — *Lịch triều hiến chương loại chí, Văn tịch chí*. Bản dịch của Viện Sử học.

NGUYỄN TRÃI

I

Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn vai đeo túi nai tới gần ngã ba đường chợt nghe thấy tiếng kêu khóc từ trong làng xa vọng tới.

Vừa dừng lại, hai người đã thấy một toán giặc Minh hùng hổ khiêng lợn, gà, gạo từ trong làng đi ra.

Một đám cháy, rồi mấy đám cháy nữa xuất hiện. Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn tái người khi nghe thấy lẫn trong tiếng nổ có những tiếng kêu thảm thiết:

Trần Nguyên Hãn bậm môi, đưa mắt nhìn Nguyễn Trãi. Hiểu ý, Nguyễn Trãi khoát tay:

— Hiện giờ ta chẳng giúp gì được cho dân mọn đâu. Đừng nóng mà hỏng việc.

Hai người định quay đi thì lại có tiếng kêu thất thanh. Ngoảnh lại, Nguyễn Trãi đã nhìn thấy không phải chỉ có một toán mà là nhiều toán giặc vừa đánh nhau với trai tráng trong làng vừa lừa vội đàn trâu, bò chạy xô ra đường.

Chẳng đành lòng, nhưng nghĩ mình đang phải trốn giặc vào Lam Sơn tìm minh chủ dựng cờ phục quốc, nên Nguyễn Trãi thở dài nói với Nguyên Hãn:

— « Chở thuyền làm lật thuyền cũng là dân »⁽¹⁾. Nay giặc Minh tích điều ác, nghịch lòng dân thì chúng càng mau chết. Ta chẳng đang vì cuộc sống no lành của muôn họ đó sao?

Thoáng thấy Nguyễn Trãi rơm rớm nước mắt. Trần Nguyên Hãn bối rối xốc túi nải, nét mặt dăm dăm:

— Tình hình này ta chẳng thể theo lộ quan tới Lam Sơn được đâu. Đành phải xuyên sơn, chịu vất vả vậy.

— Có sá gì! Miễn là tránh được mắt giặc. Ta cứ hướng theo con đường lai kinh mà đi.⁽²⁾

Rẽ vào đồi rồi Nguyễn Hãn còn chưa hết bực:

— Đường đất chưa đi được là bao mà bảy lần thấy giặc chặn đường cướp giết, hành hạ dân mình. Tiều đệ những tưởng chỉ ở nơi hang ổ của giặc, chúng cây đồng mới lộng hành đến thế!

Nguyễn Trãi cướp lời:

— Trần huynh mãi đọc binh pháp không đi đây đó nên không thấy đó thôi. Tôi chẳng may phải mười năm luàn lạc nên mắt thấy tai nghe đã nhiều. Ở đâu có giặc là ở đó dân mọn các làng không được yên sống.

Từ lâu vẫn muốn hỏi về việc làm của bạn trong mười năm xa cách nhưng chưa tiện. Nhân Nguyễn Trãi nhắc tới những năm luàn lạc, Trần Nguyên Hãn lựa lời hỏi những điều còn băn khoăn:

— Kể từ ngày đại huynh bị Trương Phụ bắt giam rồi được tha, người mình khởi binh chống giặc cũng nhiều mà sao đại huynh không theo phò ai cả. Ngay hai vị vương họ Trần⁽³⁾ dấy binh, thanh thế đã lớn mà nghe ngóng mãi cũng không thấy tiếng đại huynh?

1. Câu nói này, tư tưởng này, Nguyễn Trãi sẽ nhắc lại trong tờ « Chiếu về việc làm bài Hậu tư huấn đề răn bảo thái tử ».

2. Từ Hà Nội theo đường quốc lộ 6 sang vùng Chương Mỹ vào Tây Hòa Bình — Ninh Bình tới Thanh Hóa.

3. Giản Định đế Trần Ngỗi và Trưng Quang đế Trần Quý Khoáng.

Nguyễn Trãi chậm rãi:

— Kể về thanh thế thì không chỉ có cuộc dấy binh của Giản Định, Trưng Quang mới là lớn. Và không phải tôi không có ý theo phò. Ngặt vì khởi binh đánh giặc là làm một việc lớn. Mà phạm mưu việc lớn, phải lấy nhân nghĩa làm gốc, nên công to phải lấy nhân nghĩa làm đầu. Duy nhân nghĩa đủ thì công việc mới thành được. Lẽ ấy tôi không tìm thấy trong các cuộc khởi binh đánh giặc mà tôi biết. Ngay hai vị vương họ Trần, đâu có danh tướng Đặng Tắt, Nguyễn Cảnh Chân giúp rập, đã có lúc lấy được Nghệ An, Thuận Hóa. Nhưng thiếu chiến sách hay nội bộ chia rẽ, lại khôi phục cơ nghiệp nhà Trần, lòng dân không mong thì nghiệp lớn sao thành?

Trần Nguyên Hãn băn khoăn:

— Đại huynh nói chi phải. Chính vậy mà tiều đệ lo không biết hào trưởng Lê Lợi có đúng là người có chí lớn như ta hằng mong không?

— Cứ phải mắt thấy tai nghe thì mới chắc. Nhưng cứ như cung cách làm việc của hào trưởng họ Lê thì ta có thể gửi chí mình được.

Bắt đầu đường dốc, trời lại tối, hai người ngừng câu chuyện, đôi vai đeo nải dần bước, người hơi ngả về phía trước. Trên kia, cao hơn cả những ngọn đồi cao nhất, là mảnh trăng lưỡi liềm lơ lửng xa xa, giữa bầu trời ngàn vạn ngôi sao lấp lánh.

★ ★

Nguyễn Trãi giật mình choàng dậy sau giấc ngủ mê mệt, hậu quả của những ngày di bộ. Chỉ đến lúc nhìn thấy qua rừng cây thưa, dòng sông Bùi kéo thành một vệt dài lấp loáng, lượn giữa hai dải rừng tối đen, Nguyễn

mới nhận ra, mình đang ở trên một quả đồi thuộc vùng Tốt Động.

Biết chẳng thể ngủ lại được, Nguyễn Trãi muốn đánh thức Trần Nguyên Hãn dậy để đi cho được đường đất, nhưng thấy bạn ngủ say nên không nỡ.

Đêm tĩnh mịch quá — Nguyễn Trãi kêu lên se se — Nguyễn chưa từng sống ở nơi này, trong hoàn cảnh này mà sao cảnh vật đêm nay thân thiết, quen thuộc như đã từng qua. Phải rồi — Nguyễn Trãi thầm nhủ. — Cũng vẫn những chòm sao tháng mười trên nền trời chuyển lạnh như thế này của hơn hai mươi năm trước, Nguyễn từ biệt Côn Sơn để trở về với cha ở Nhị Khê, sau khi mẹ rồi ông ngoại lần lượt từ trần. Tự dưng nhớ lại chuỗi ngày ấy. Nguyễn thấy thương nhớ cha da diết. Tiếng rằng cha đỗ tiến sĩ lại là con rể một tể tướng thời Trần, nhưng trước khi đổi tên Nguyễn Ứng Long thành Nguyễn Phi Khanh, ra làm quan cho nhà Hồ, cha vẫn phải sống cuộc sống nghèo nàn bằng nghề dạy học. Rồi cũng vào mùa này gần hai mươi năm trước, sau khi Nguyễn đỗ Thái học sinh,⁽¹⁾ cùng làm quan một triều với cha, Nguyễn những tưởng được đem tài sức cùng cha giúp Hồ Quý Ly thực hiện những canh tân, làm cho dân giàu nước mạnh. Nhưng giặc Minh xâm lược, cha con Hồ Quý Ly, cùng các triều thần trong đó có cha, đều bị giặc bắt. Khi biết cha sắp bị giải sang Ngô⁽²⁾ và chuyển đi này không có ngày về, Nguyễn thương khóc cha khôn xiết. Ngày cha và vua tôi Hồ Quý Ly bị giải về Kim Lăng (Nam Kinh), Nguyễn và em là Nguyễn Phi Hùng theo đoàn tù lên tận ải Pha Lũy⁽³⁾ với ý định sang bên kia biên giới để hầu hạ cha cho đến lúc mãn chiều xế bóng,

1. Năm 1400, Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh, tức tiến sĩ.

2. Minh Thái Tổ lúc mới khởi binh, dựng nước là nước Ngô.

3. Nay là Hữu-nghị-quan.

Bao nhiêu năm đã trôi qua, nhưng cảnh vĩnh biệt đau lòng nơi địa đầu Tổ quốc ấy, Nguyễn nào quên được. Nguyễn đã bắt gặp cái nhìn vừa âu yếm vừa nghiêm khắc của cha, khi nhân lúc vắng, cha vẫy Nguyễn lại gần và bảo: « Con là người có học, có tài nên tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha. Như thế mới là đại hiếu. Lọ là cứ phải theo cha, khóc lóc như đàn bà mới là hiếu hay sao? ».

Nguyễn cứ ân hận mãi lúc đó không kịp giải bày tâm sự, hứa hẹn với cha. Nhưng lời giáo huấn của cha khiến Nguyễn thấu hiểu đạo làm con và bổn phận của người dân trong lúc đất nước bị giặc giày xéo.

Thù nhà nợ nước đêm ngày thúc giục Nguyễn Trãi tìm phương nghĩ kế để rửa nhục cho nước cho nhà. Nhưng từ bấy đến nay việc lớn cứ canh cánh bên lòng mà nào Nguyễn đã làm được gì?

Phải chăng Nguyễn đã để năm tháng trôi qua một cách vô ích, hay đã bỏ lỡ nhiều cơ hội gây dựng việc lớn? Nguyễn không tủi hổ với vong linh cha và bổn phận một người dân; bởi vì hơn mười năm trôi qua là hơn mười năm Nguyễn lênh đênh nơi góc biển chân trời, tìm người nghĩa khí, ôm ấp hy vọng đánh giặc, giải phóng non sông, đem lại thái bình cho muôn họ.

Nguyễn nhớ lại bài thơ gửi chí mình làm từ ngày mới thoát khỏi tay Trương Phụ. Nguyễn đọc nhỏ:

*« Thần châu⁽¹⁾ từ thuở nổi can qua
Rên xiết muôn dân đến thế mà
Tử Mỹ⁽²⁾ ôn trung Đường xã tắc*

1. Thần châu: dùng để chỉ nước nhà một cách quý mến.

2. Tử Mỹ tức Đỗ Phủ, thi hào đời Đường. Trong cuộc loạn An Lộc Sơn, thường đau đớn ôm lòng cô trung với nhà Đường.

Bá Nhân⁽¹⁾ chan lệ Tấn sơn hà
Thu về đất lạ lòng nhiều cảm
Đời biển lâu nay khách chóng già
Ba chục năm trời danh tiếng hão
Quay đầu muôn việc giấc nam kha»



Kể từ ngày đến Lam Sơn, Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn phải làm những công việc về nghề nông do Lê Lợi cắt đặt. Nguyễn thấy rõ, Lê Lợi có tài điều khiển công việc, nhất là lòng độ lượng bao dung đối với mọi người. Nguyễn đã dày công để tâm dò xét động tĩnh của Lê Lợi. Nhưng ngoài mấy nhận xét: Lê Lợi thường mua dầu nhiều hơn rượu, đêm đêm hay vắng nhà, tính tình trầm ngâm, kín đáo. Nguyễn không còn biết gì hơn. Tuy chưa đến nỗi thất vọng về con người mà ngày đêm Nguyễn hy vọng gửi chí mình, nhưng rõ ràng trong đám lá xanh thắm của niềm tin ấy, đã điểm những chiếc lá vàng. Vì vậy, đêm nay Nguyễn phải quyết dò xem thực hư việc Lê Lợi dựng cờ phục quốc! Nguyễn không thể cứ sống nửa tin nửa ngờ trong lúc mỗi nhục mất nước, cảnh giặc nung dân đen, vùi con đỏ vẫn ngày đêm giày vò tâm can Nguyễn.

Trời vừa tối, thấy Lê Lợi vắng nhà, Nguyễn Trãi bèn vào rừng trèo lên một cây cao, nhìn bao quát bốn phía. Bỗng từ hang núi cách khá xa trang trại của Lê Lợi, thấp thoáng có ánh lửa hắt ra. Đoán Lê Lợi đang họp

hội kín ở đó, Nguyễn Trãi hồi hộp lần mò tìm đến. Vừa tới cửa hang, Nguyễn đã nhìn rõ Lê Lợi cùng với chừng mười người nữa đang xúm quanh chiếc bàn đá, trên bàn bày biện nhiều sách mà Nguyễn nhận ra là các sách binh thư Hồi hộp xen lẫn sung sướng. Nguyễn Trãi thấy Lê Lợi nói với mọi người:

— Thế là mọi việc đã cắt đặt đầu vào đó. Các người hãy gắng vì nghĩa lớn để rửa nhục mỗi hồn mất nước.

Không nén được niềm vui quá lớn và đột ngột. Nguyễn Trãi vừa tiến vào hang vừa nói, giọng xúc động:

— Thừa chúa công! Bao năm nay đây mai đó tìm người nghĩa khí, tôn phò minh chủ, bàn kế cứu nước, tới nay tôi mới gặp.

Lê Lợi giật mình tuốt gươm xông tới phía Nguyễn Trãi. Nguyễn Trãi ngỡ ngàng dừng lại:

— Tôi đến đây xin làm nông phu chính là vì công việc phục quốc của chúa công.

Nghe ra Lê Lợi vát gươm, mời Nguyễn Trãi ngồi hỏi chuyện. Khi biết người mới vào là danh sĩ Nguyễn Trãi, con Trung thư thị lang, Hàn lâm viện học sĩ⁽¹⁾ Nguyễn Phi Khanh. Lê Lợi và mọi người mừng vui khôn xiết.

Lê Lợi nắm tay Nguyễn Trãi, cung kính nói:

— Thật là trời đã đem đến cho ta một lương phụ.

Lê Lợi lần lượt giới thiệu những người xung quanh với Nguyễn Trãi. Lại một lần nữa, Nguyễn Trãi sửng sốt nhận ra tên tuổi nhiều người đã từng nghe nhưng chưa biết mặt.

Nhưng nhớ ra điều gì hệ trọng, sau một phút tần ngần, Nguyễn Trãi rút từ trong tay áo tập sách đưa đến trước mặt Lê Lợi:

1. Năm 1401, Hồ Hán Thương phong cho Phi Khanh chức quan này.

1. Bá Nhân: Chu Nghi đời Tấn, làm thượng thư tả bộc xạ. Khi nhà Tấn mất, ông chạy sang Giang Đông cùng các danh sĩ yểm hội ở Tân Đình, nhìn non sông mà ứa lệ.

(Chú theo Đào Duy Anh).

— Nhân đọc binh thư, lại phần nào thấu được lòng dân, xét được địch tình trong những năm luân lạc, tôi làm ra Bình Ngô sách này, mong có ngày dùng đến. Nay dâng chúa công xem xét.⁽¹⁾

Trong lúc Lê Lợi trân trọng đón lấy Bình Ngô sách, Lý Triện, Phạm Văn Xảo, Đinh Lễ kéo Nguyễn Trãi đến gần mình vui vẻ nói:

— Anh em tôi vẫn đoán sẽ có ngày tiên sinh tìm đến và dâng diệu kế.

Nguyễn Trãi mỉm cười:

— Trãi này nghe chúa công chiêu hiền đãi sĩ, mưu dấy binh thu lại mười lăm đạo nước ta đã mất, nên cùng Trần Nguyên Hãn tìm đến.

— Cả Trần tiên sinh cũng đã tới rồi ư? — Lê Lợi đột ngột quay phắt về phía Nguyễn Trãi, hỏi:

— Thưa chúa công, người nông phu vừa đến với tôi chính là Trần huynh đó.

Lê Lợi giọng vui hân lên:

— Trời đã cho ta quân sư lại thêm một danh tướng. Có nhân tài giúp rập, việc lớn ắt mau thành.

Từ đấy, mừng vì tìm được minh chủ, lại được minh chủ chấp nhận Bình Ngô sách, giữ luôn bên mình bàn đại sự, Nguyễn Trãi phấn chấn để hết tâm trí giúp Lê Lợi trong mọi việc.

Một hôm nhân dân Lam-sơn xôn xao về cái tin có nhiều người nhặt được lá rừng ghi tám chữ: « Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần »⁽²⁾. Tin kỳ lạ đó được kể

1. Bình Ngô sách không nói đến việc đánh thành mà chỉ chú ý vào việc đánh vào lòng người. Được Lê Lợi chấp nhận, tư tưởng này chỉ đạo suốt cuộc kháng chiến chống Minh.

2. Lê Lợi làm vua, Nguyễn Trãi làm tôi.

lại, truyền đi như lệnh trời truyền xuống, gây nên những chấn động mạnh mẽ trong nhân dân.

Nghĩa quân đem lá nộp cho các tướng. Các tướng nộp cho Lê Lợi. Lê Lợi lúc đầu cũng ngạc nhiên. Nhưng sau khi xem xét thấy rõ có người dùng mỡ viết lên lá, kiến ăn mỡ hiện lên thành chữ, thì biết ngay là kế của ai rồi.

Cầm một chiếc lá đặt trước mặt Nguyễn Trãi, Lê Lợi mỉm cười nói:

— Chẳng hay « Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần » là ý trời đã định thực chẳng?

Nguyễn Trãi bình thản trả lời:

— Thưa chúa công! Cho là ý trời cũng đúng vì giặc thì dùng chính lệnh khắt khe, hình phạt tàn khốc, làm việc bạo tàn, khiến thần người đều căm giận. Ta khởi binh chống giặc, giải thoát cho dân là làm theo lòng dân.

Thuận lòng dân thì sống, nghịch lòng dân thì chết. Ý dân là ý trời. Cho nên cho là ý trời đã định thì cũng thế.

Lê Lợi gật gù:

— Ta có lời ngợi khen diệu kế của quân sư đó.

Cũng từ đó, hào trưởng các nơi tìm đến ngày một nhiều. Trai tráng trong vùng đến xin theo nghĩa quân ngày càng đông. Núi rừng Lam Sơn náo động tiếng reo hò của nghĩa quân, đang ngày đêm luyện tập võ nghệ.

Thấy cuộc dấy binh đã thuận lợi, ngày mồng 2 tháng giêng năm Mậu Tuất⁽¹⁾ theo yêu cầu của Nguyễn Trãi và các tướng, Lê Lợi xưng là Bình Định vương và xuất quân dẹp giặc cứu dân.

1. Tức ngày 7-2-1418.

Chiếc lầu trúc cao ngất được dựng lên vợi vãi ngay trên bãi đất trước làng Bồ Đề⁽¹⁾. Trên tầng lầu thứ hai, trước chiếc kỷ thấp, giấy bút, nghiên mực bày biện sẵn sàng, Nguyễn Trãi đang đắm chiều suy nghĩ về việc vào thành Đông Quan dụ hàng Vương Thông ngày hôm sau⁽²⁾. Nguyễn biết, vào gặp tên giặc cáo già, lắm quỷ kế trong lúc hấn còn hy vọng trông chờ viện binh, không phải không nguy hiểm. Nhưng Nguyễn có chính nghĩa, có lẽ phải, và Nguyễn nào quản đến tính mạng mình. Điều Nguyễn đang bận tâm là phải tìm một đối sách thích hợp: vừa cứng rắn, vừa mềm mỏng cốt làm cho Vương Thông nhận rõ điều hơn lẽ thiệt. Nay quân giặc tâm trí đã nản, kể đã cùng, nhưng Vương Thông đường đường là một tên đại tướng, hấn cần giữ thể diện. Nếu không mở mắt cho hấn thấy vua Tuyên Đức nhà hấn đang bận cuộc chiến tranh với Thát Đát, nhất là để hấn thấy rõ lòng nhân nghĩa cao cả của vua ta, thì không dễ hấn đầu hàng. Nhớ tới những lần đã vào thành giặc dụ hàng,⁽³⁾ Nguyễn thấy rõ, mỗi lần giáp mặt với chúng, tuy nguy hiểm, nhưng dễ cảm hóa được chúng hơn. Ý nghĩ ấy củng cố thêm quyết định của Nguyễn lần vào Đông Quan này.

Bỗng tự trong làng, tiếng trẻ nhỏ hát vọng lên lầu nghe rõ mồn một:

*«Nhong nhong ngựa ông đã về
Cắt cỏ Bồ-đề cho ngựa ông ăn».*

1. Thôn Phú Hựu, Gia Lâm, Hà Nội.

2. Nguyễn Trãi đã vào gặp Vương Thông một lần.

3. Nguyễn Trãi đã vào dụ hàng các thành Nghệ An, Tân Bình, Thuận-hóa, Tây Đô v.v...

Câu hát ngộ nghĩnh lặp đi lặp lại, khiến Nguyễn bất giác mỉm cười.

Nguyễn rời chiếc kỷ, bước ra hiên lầu, hướng về phía lũ trẻ vừa hát vừa cắt cỏ. Tiếng hát trẻ thơ lại được cất lên trên mảnh đất này — mảnh đất mà tháng trước còn rên xiết đau thương nằm trong tay giặc. Và, không phải chỉ có cái làng nhỏ bé này, mà là cả một vùng non sông rộng lớn đã như sống lại từ khi nghĩa quân của Lê Lợi và Nguyễn Trãi trùng điệp kéo về, vây chặt lấy Đông Quan, căn cứ lớn cuối cùng của giặc. Phải — Nguyễn Trãi xúc động thâm nhủ — nghĩa quân đã về. Nghĩa quân đã về trong sự đón tiếp ân cần ruột thịt của nhân dân suốt các ngã đường hành quân và cả trong tiếng hát ngộ nghĩnh nở trên môi các em bé.

Nhưng để có được chiến thắng này thật không dễ dàng. Nguyễn Trãi bỗng nhớ lại cuộc hành quân thần tốc, táo bạo của nghĩa quân Lam Sơn tiến ra Bắc mấy tháng trước. Lúc ấy cả miền đất rộng lớn từ Hải Vân đến Tam Điệp⁽¹⁾, quân giặc chỉ còn cố thủ được ở các thành Tây Đô, Diễn Châu, Nghệ An và Thuận Hóa⁽²⁾. Chúng đang ngày đêm trông chờ viện binh ở Đông quan vào cứu. Thấy sức mình đã mạnh, Lê Lợi có ý định đem quân ra Bắc đánh thẳng vào Đông Quan, thì lại được tin vua Minh cử Thành Sơn hầu Vương Thông, đốc xuất 10 vạn tinh binh sang tăng viện và trao cho Vương Thông quyền thống lĩnh toàn quân thủy bộ thay Trần Tri.

Thấy quân giặc tăng viện, nhiều tướng nghĩa quân ngần ngại chưa muốn tiến quân ra Bắc. Lê Lợi phân vân hỏi Nguyễn Trãi:

1. Theo Trần Huy Liệu, trong sách *Nguyễn Trãi*, Nhà xuất bản khoa học, trang 114.

2. Tam Điệp ở Ninh Bình. Thành Tây Đô ở Thanh Hóa. Thành Diễn Châu ở huyện Diễn Châu, Nghệ An ngày nay.

— Khi trước quân sư nói, thấy giặc mạnh thì phải tránh trong sự đánh nhau, đánh lâu mới thắng thì nhứt đồ binh khí. Ta đã nghe quân sư chỉ vậy không cốt hạ thành Nghệ An để chia quân đi đánh các nơi sơ hở của giặc. Đó là diệu kế. Nhưng nay, 10 vạn tinh binh của Vương Thông đã ngao nghê vào đất Bắc. Chẳng hay nếu ta tiến quân ra đó là đánh vào chỗ mạnh của giặc chẳng?

Hiền được tâm trạng Lê Lợi, Nguyễn Trãi đáp:

— Tâu Vương thượng! Trong lúc giặc tăng viện cho thành Nghệ An ta lấy Diễn Châu, Thanh Hóa là tránh chỗ thực, đánh chỗ hư, tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu! Nhưng trong cách dụng binh cũng có lúc phải mau chóng như thần, máy then đóng mở như bánh xe chuyển, như đám mây bay, trong khoảng chốc lát chợt nóng chợt rét, thay đổi khôn lường thì mới giành được thắng lợi. Nay tiến ra Bắc, giặc Minh đông, ta phải ở thế lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh. Nhưng nếu dụng kỳ binh⁽¹⁾ đánh quân hăng, lừa quân mệt, được thời cơ thế, hợp với lòng dân thì yếu hóa mạnh. Dám mong Vương thượng cứ cho quân tiến đánh.

Lê Lợi không giấu được niềm vui:

— Quân sư nói chính hợp ý ta.

Rồi ngay đêm ấy, trái với phán đoán của nhiều tướng, Lê Lợi cho hội binh ở Lôi Giang rồi cử ba đạo quân theo ba đường khác nhau⁽²⁾ do các tướng Phạm Văn Xảo,

1. Kỳ-binh có nghĩa như quân du kích, đánh du kích.

2. Đạo thứ nhất do Phạm Văn Xảo, Lý Triện, Trịnh Khả chỉ huy mang 3.000 quân và một voi chiến ra miền Thiên-quan (Nho Quan), Quảng Oai, Quốc Oai, Gia hưng...

Đạo thứ hai do Bùi Bị, Lưu Nhân Chú chỉ huy, đem 4.000 quân và 2 voi chiến tiến vào miền đất Thiên Trường (Nam Định).

Đạo thứ ba do Đinh Lễ, Nguyễn Xí chỉ huy đem 1.000 quân tinh nhuệ chọc thẳng vào Đông-quan uy hiếp giặc.

Lý Triện, Trịnh Thả, Bùi Bị, Lưu Nhân Chú, Đinh Lễ, Nguyễn Xí đem 8.000 quân và 3 thớt voi rầm rộ tiến ra Bắc.

Khuyên Lê Lợi tiến quân, nhưng thấy quân mình quá ít so với giặc, nên dù tin vào chiến thắng, Nguyễn Trãi vẫn không khỏi lo lắng từng ngày trông chờ tin tức.

Chỉ hơn nửa tháng sau, tin đạo quân Phạm Văn Xảo đốc suất đã thắng lớn ở Ninh Kiều diệt 2.000 giặc truyền về khiến cho Lê Lợi và Nguyễn Trãi thêm vững tin vào chiến sách của mình. Rồi trận Cầu Mới, Xa Lộc; đặc biệt trận thắng lẫy lừng ở Tốt Động, Chúc Động làm cho Nguyễn Trãi xúc động đến cả đêm không ngủ.

Thế là chỉ mấy nghìn quân của Phạm Văn Xảo, Lý Triện, Đinh Lễ, Nguyễn Xí đã cả phá 10 vạn tinh binh của Vương Thông, giết đến 5 vạn quân địch, bắt sống đến một vạn tên, làm tiêu tan mọi quỷ kế của Vương Thông.

Khao quân sau trận đại thắng ấy, Lê Lợi liền rời đại bản doanh từ Lôi Giang ra Bắc, và đại binh do Lê Lợi, Nguyễn Trãi, thân đốc suất đã đánh thắng tới Đông-quan, đồn giặc Minh như lũ chuột chạy vào thành.

«Nhong nhong ngựa ông đã về

Cắt cỏ Bờ-đề cho ngựa ông ăn».

Tiếng hát của các em bé lúc xa, lúc gần lại cất lên.

Tiếng hát kéo Nguyễn Trãi trở về thực tại.

— Thừa quân sư! Vương thượng cho lệnh triệu quân sư — Nguyễn Trãi giật mình quay lại thấy người nghĩa quân đang đứng ở bậc lên xuống của tầng lầu.

Nguyễn Trãi triu mến nhìn người nghĩa quân:

— Người về đi. Ta sẽ lên ngay.

Nguyễn Trãi đi lên tầng lầu thứ nhất. Theo hướng đó, Nguyễn nhìn rõ thành Đông Quan hiện còn trong tay giặc, nằm phơi mình run rẩy.

*
**

Vừa trông thấy Nguyễn Trãi, Lê Lợi đứng dậy đón và vui vẻ nói:

— Lưu Thanh đem quân thành Tam Giang ra hàng. Thế là chỉ hai tuần trăng ta đã thu lại được các thành Nghệ An, Diêu Diêu, Diên Châu, Thị Cầu, Tam Giang⁽¹⁾ không tốn một mũi tên.

— Thế còn các thành Tây Đô, Tân Bình, Thuận Hóa, Khâu Ôn, Xương Giang⁽²⁾ thần cũng đã có thư dụ?

— Chỉ cần Xương Giang, Khâu Ôn chưa hàng mà thôi. Ta có lời khen mừng quân sư đó.

— Người Ngô hình nặng chính ác, mất hết lòng người. Vương thượng thì lấy nhân thay bạo, lấy trí thay loạn. Bởi vậy, sĩ dân thỏa tấm lòng trung nghĩa, gắng rửa cái hồ lớn cho đất nước. Còn công của thần đâu đáng kể. — Rồi đổi giọng. Nguyễn Trãi tiếp — Hiện Vương Thông xin hòa, hẹn ngày đầu hàng, nhưng quân giặc trong thành vẫn đào bới, khiêng vác nhốn nháo. Rõ là chúng chưa thật bụng.

Lê Lợi giận dữ:

— Đồ phản trắc! Quân sư hãy viết cho nó bức thư nữa, nói rõ điều hay lẽ thiệt cho nó biết. Bằng không, ta đã động binh thì quân chúng sẽ không còn mảnh giáp.

1. Thành Tam Giang ở mạn Việt Trì, Vĩnh Phú ngày nay, Thành Thị Cầu ở Hà Bắc ngày nay.

2. Thành Xương-giang ở làng Thọ Xương, huyện Bảo Lộc, Lạng-giang.

Bỗng tầng lầu rung lên tiếng chân người vội vã. Xoay người về phía cửa, Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã thấy một nghĩa quân mồ hôi đầm áo vừa thở gấp, vừa rút từ tay áo cuộn giấy bọc sáp, cung kính đưa cho Lê Lợi.

— Tàu Vương thượng! Có tin cấp báo từ ải Pha Lũy gửi về.

Chuyển bức thư đã xem xong cho Nguyễn Trãi, Lê Lợi nói qua hàm răng nghiến chặt:

— Thằng nhãi Tuyên Đức! Mi lại sai mười lăm vạn viện binh cố tình gây thảm họa binh đao với ta.

Lập tức, Lê Lợi cho triệu các tướng đến lầu Bồ Đề ngay đêm ấy. Trong buổi họp, nhiều tướng xin hạ gấp thành Đông Quan rồi đốc toàn lực ra đánh quân cứu viện của giặc. Nhưng y theo kế của Nguyễn Trãi, Lê Lợi nói với các tướng:

— Đánh thành là hạ sách, ta đánh thành vững hàng tháng, hàng năm không hạ nổi, quân ta sức mệt khi nào. Nếu viện binh của giặc đến thì mặt trước mặt sau lưng đều bị giặc đánh, đó là con đường nguy. Sao bằng nuôi lấy sức quân, giữ lấy nhuệ khí để đợi viện binh của giặc. Viện binh của giặc bị phá thì quân trong thành tất phải hàng. Làm một việc được cả hai, đó mới là toàn kế vậy!

Nguyễn Trãi nói tiếp những điều đã bàn với Lê Lợi:

— Trong hai đạo viện binh của giặc thì đạo của Kiêm Quốc công Mộc Thạnh có tuổi, trải việc đời đã nhiều, đường đi lại hiểm trở, tất hẳn không chịu tiến binh một cách xốc nổi. Còn đạo của An Viễn hầu Liễu Thăng cậy có quân lắm, ngựa nhiều, hẳn ý thế khinh thường ta mà tiến quân ào ạt. Vậy ta phải dốc sức diệt đạo viện binh này. Diệt được đạo này thì quân Mộc Thạnh không đánh mà tan; Vương Thông cùng kẻ phải xin hàng.

Ngừng một lát, Nguyễn Trãi tiếp, hướng về phía Lê Lợi:

— Còn lẽ nữa, theo ý thần, muốn chắc thắng đạo binh 10 vạn của Liễu Thăng trước, phải hạ kỳ được thành Xương Giang đã. Bởi vì thành Xương Giang nằm trên lộ Lạng Sơn đến Đông Quan. Đánh Xương Giang là đánh thông đường để đại binh ta lên tận Lạng Sơn chặn giặc.

*
**

Một nghĩa quân phóng ngựa vun vút vào doanh trại. Nhảy từ trên mình con chiến mã đã sùi bọt mép xuống đất, người nghĩa quân vội lên chiếc lầu trúc cao ngất.

— Tàu Vương thượng, thưa quân sư — người nghĩa quân vừa thở gấp vừa nói — quân ta đã đại thắng: Liễu Thăng bị chém ở núi Mã An cùng với hơn vạn dân giặc. Thôi Tu, Hoàng Phúc bị lừa đến Xương Giang rồi bị bắt sống. Tiều thần được lệnh đi gấp về báo tiếp và nộp các ấn tín của bọn tướng giặc.

Lê Lợi, Nguyễn Trãi vui mừng khôn xiết.

Rồi, sau khi thân mật phủi lớp bùn trên tà áo chèn của người nghĩa quân và tiến ra tới cửa, Nguyễn Trãi trở lại nói với Lê Lợi:

— Vạn nước thế là đã định đoạt. Thần kính mừng Vương thượng!

Lê Lợi cảm động:

— Nếu ta nghe lời các tướng đốc sức đánh Vương Thông trước rồi mới cự với Liễu Thăng, hoặc không gấp hạ thành Xương Giang thì ta đâu thắng lợi nhanh chóng dường này. Chiến thắng này là nhờ chiến sách của quân sư. Không có quân sư ta đâu có ngày nay.

Tiếng reo hò mừng tin thắng lớn của nghĩa quân làm nao động cả quân doanh. Hòa trong niềm vui đó, Lê Lợi mỉm cười hỏi Nguyễn Trãi:

— Bây giờ quân sư định liệu thế nào?

Như đã lường trước sự việc, Nguyễn Trãi đáp:

— Mộc Thạnh chưa chịu tiến binh. Vương Thông quỷ quyệt phản trắc là trông vào toán viện binh của Liễu Thăng.

— Bây giờ ta gửi cho mỗi tên tướng giặc ít tù binh cùng với sắc thư, phù tín, ấn chương của Liễu Thăng — Lê Lợi tươi cười ngắt lời Nguyễn Trãi — thì Mộc Thạnh chỉ có chạy, Vương Thông chỉ có hàng. Ý quân sư định thế chứ gì?

— Tàu Vương thượng — Nguyễn Trãi phản chấn đáp: Quả là ý thần định thế. Nhưng « chó cùng rứt giậu » nên vẫn phải đề phòng chúng liều chết. Vương thượng nên mật sai Phạm Văn Xảo một phen ra tay đánh Mộc Thạnh. Còn thần, xin hạ lệnh cho các tướng vây chặt Đông Quan, một mặt dụ hàng, một mặt sẵn sàng giáp chiến.

Lê Lợi trầm ngâm:

— Lòng nhân nghĩa của quân sư cảm hóa được cả cỏ cây, muôn vật. Nhưng lần này Vương Thông còn tráo trở thì chúng không còn được tha tội chết.

*
**

Đêm đã gần sáng mà Nguyễn Trãi vẫn chong đèn ngồi trước kỷ cầm cúi viết. Nguyễn không còn nhớ Nguyễn đã thức mấy đêm như thế, và không phải Nguyễn không khỏi cảm thấy mệt mỏi. Song, niềm vui thắng trận, mơ ước sắp rửa được nợ nước thù nhà, đã

tiếp sức cho Nguyễn. Không vui sao được, khi mấy hôm trước, tin đạo viện binh của Mộc Thạnh bị đánh tan, Mộc Thạnh phải một mình một ngựa chạy tháo thân về nước. Còn Vương Thông, dầu còn cứng cỏi chưa hàng, nhưng trước sau hẳn sẽ phải đầu hàng.

Nguyễn đang bắt tay thảo Bình Ngô đại cáo theo ủy thác của Lê Lợi. Nguyễn say sưa sống lại từng chặng gian nan của cuộc kháng chiến với tất cả những rung động sâu sắc của tâm hồn mình.

Nguyễn dừng bút, ngả người vào thành ghế, cầm lấy bản thảo, đọc lại mấy đoạn đã viết từ đêm trước:

*« ... Xét như nước Đại-việt ta
Thật là một nước văn hiến*

.

*Trải Triệu, Đinh, Lý, Trần nối đời dựng nước
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên đều chủ một
phương.*

*Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau
Mà hào kiệt không bao giờ thiếu... »*

Nguyễn đọc lại hai lần đoạn văn và hài lòng vì nó đã lột tả được lòng tự hào về non sông đất nước; đặc biệt tuyên ngôn được dụng ý; Nước Đại-Việt và nước Ngô đều từng làm chủ một phương như nhau.

Đọc lại, nhưng có lúc Nguyễn Trãi phải nghiêng răng lại, có lúc muốn đứng vùng lên, y như Nguyễn tận mắt nhìn giặc Minh hành hạ dân mình:

*« ... Thui dân đen trên lò bạo ngược
Vùi con đỏ dưới hố tai ương
Đối trời lừa người, kẻ gian đủ muôn nghìn khố
Cậy binh gây hấn ác chứa gần hai chục năm... »*

Nguyễn đọc tiếp:

*« ... Chính lúc nghĩa binh mới nổi.
Là lúc thế giặc đang hăng... »*

Nguyễn buông tập giấy, đắm mình trong suy tưởng Mười năm trời! Mười năm năm gai nếm mật:

*« ... Khi Linh Sơn lương cạn mấy tuần:
Lúc Khôi Huyện quân không một lữ... »*

Nhưng cũng là mười năm bền bỉ, dẻo dai, mưu trí và dũng cảm, quyết tâm chống giặc để những chiến công chói lọi nở hoa và ghi khắc mãi vào sử sách, vào lòng người.

Hào hứng ôn lại từng chặng chiến thắng của nghĩa quân; nhớ lại lúc nghĩa quân bị tổn thất nặng nề, phải bỏ nước mất thịt voi trận mà nay nghĩa quân đã trùng trùng, điệp điệp đang siết chặt lấy Đông Quan, Nguyễn tưởng như mình đang đi giữa hàng quân, giẫm lên xác giặc. Nguyễn ghi vội những ý mới nảy.

*« ... Với uống nước, nước sông phải cạn
Gươm mài đá, đá cũng phải mòn*

.

*Tổ kiến hồng làm toang đê vỡ
Trận gió rung, rụng trút lá khô... »*

Nguyễn lại ngả người vào thành ghế, căng óc tìm ý rồi lại viết. Cho đến lúc phải lên đèn, Nguyễn mới viết những câu cuối, lòng phấn chấn lạ thường:

*« ... Ôi một gươm đại định tạo thành công nghiệp vô song
Bốn biển lặng yên, rộng ban duy tân tuyên cáo
Báo cáo xa gần mọi người cùng nghe »⁽¹⁾.*

★
★★

1. Người đương thời và người đời nay đều thán phục và cho Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi là « Thiên cổ hùng văn ».

Lê Lợi cho mời Nguyễn Trãi vào đại bản doanh Bồ Đề để cùng tiếp sứ của Vương Thông, Sơn Thọ đến « xin hòa » và rút quân về nước.

Nghe Nguyễn Trãi, Lê Lợi ưng thuận cho hòa. Nhưng lúc ấy, các tướng lĩnh vì hờn căm sự tàn ngược của giặc nên đã khấn khoản xin đánh. Một lần nữa, Lê Lợi lại hỏi ý kiến Nguyễn Trãi, nhân thế để Nguyễn nói với các tướng. Nguyễn Trãi tâu:

— Giặc Minh hung tàn, lòng người chứa oán đã sâu, nay muốn giết hết bọn chúng đi để trả thù xưa không phải là không có lẽ. Tình hình quân giặc lúc này, mình muốn phá vào sào huyệt, ăn gan uống máu để rửa mối thâm cừu không phải là một sự khó khăn. Nhưng thần trộm nghĩ như vậy sẽ kết mối thù với triều Minh quá sâu... Chi bằng ta nên thừa lúc này, kẻ kia lâm vào thế cùng, mà cùng họ hòa hiếu để tạo phúc cho cả sinh linh hai nước.

Lê Lợi và các tướng đều nghe theo.

Ngày 22 tháng 11 năm 1427, ở ngoài cửa Nam thành Đông Quan, một đài cao được dựng lên với vãi. Bọn Vương Thông mở cửa thành lúc nhúc chui ra làm lễ tuyên thệ trước mặt Lê Lợi, Nguyễn Trãi và các tướng nghĩa quân, xin nộp thành để bảo toàn tính mạng rút về nước.

Tám vạn quân giặc sống sót sau đó lui thủi ra đi. Trong lễ chiến thắng tưng bừng ấy, Lê Lợi, Nguyễn Trãi dẫn đầu đoàn quân, rầm rộ tiến vào Đông Quan.

III

Đã được trở lại tự do nhưng Nguyễn Trãi buồn lắm. Dù Nguyễn Trãi vẫn được phong tước Quan phục hầu; về quan chức, Nguyễn vẫn giữ chức Nhập nội hành

khien⁽¹⁾ lại bộ thượng thư, kiêm quản công khu mật viện như khi luận công ban thưởng sau chiến thắng giặc Minh, nhưng Nguyễn không được vua Lê Thái Tổ⁽²⁾ tin dùng nữa.

Nguyễn không lạ gì Hàn Tín trước khi bị Hán Cao Tổ giết đã biết rằng, những kẻ dùng mình sẽ không dùng mình khi đế nghiệp đã thành. Nguyễn còn hiểu về cuối đời, Lê Lợi lắm bệnh, thái tử Nguyên Long còn nhỏ, lại ham chơi bời nên rất lo ngại uy tín của một số công thần. Nguyễn chưa gặp phải nạn lớn⁽³⁾ là vì trong tay Nguyễn không có binh quyền; có lẽ còn vì đời Nguyễn quá trong trắng, đến nỗi vua khó gán tội cho Nguyễn.

Nguyễn vẫn còn làm quan. Nhưng làm quan mà như đi ở ần. Nỗi khổ tâm bị Lê Lợi bạc đãi; cảnh sống nghèo túng giày vò khiến Nguyễn phải bặm môi, kìm nước mắt khi gửi nỗi lòng vào bài thơ mới viết. Nguyễn ngâm ngùi đọc lại:

*« Góc thành Nam lều một gian
No nước uống thiếu cơm ăn
Con đòi trốn dưng ai quyền
Bầy ngựa gầy thiếu kẻ chăn
Ao bờ hẹp hòi khôn thả cá
Nhà quen xứ xưa ngại nuôi vắn
Triều quan chẳng phải, ần chẳng phải
Góc thành Nam lều một gian ».*

1. Chức quan văn chỉ sau có Tể Tướng.

2. Lê Lợi lên ngôi vua, được tôn là Thái Tổ nhà Lê.

3. Năm 1429, Trần Nguyên Hãn đệ nhất công thần bị bắt, nhảy xuống sông tự tử. Phạm Văn Xảo, một đệ nhất công thần khác, bị giết. Cũng năm ấy, Nguyễn Trãi bị hạ ngục, về sau được tha.

Tuy nhiên, Nguyễn không cực lòng vì phải sống trong cảnh nghèo túng. Nguyễn bao giờ chẳng tự nhủ:

«Bữa ăn dù có dưa muối
Áo mặc nài chi gấm là»⁽¹⁾
«Hài cổ đẹp chân đi đứng đỉnh
Áo bỏ quen cật vận xênh xang»⁽²⁾

Điều khiến cho Nguyễn đau đớn, thất vọng là hoài bão trị nước, an dân, giúp nghiệp trị bình thế là không làm được.

Từ những ngày còn đọc binh thư, Nguyễn đã ước rằng, sau khi đánh đuổi được giặc Minh, sẽ xây dựng một xã hội thịnh trị như xã hội vua Nghiêu, vua Thuấn⁽³⁾.

Xã hội mà Nguyễn muốn kiến lập sau khi đuổi giặc Minh là xã hội mà vua phải xứng đáng làm vua. Người làm vua «phải trọng nhân nghĩa», làm điều nhân nghĩa, phải «thích nghe, thích xét», phải «rủ lòng thương yêu muôn dân», chớ thưởng bậy vì tư ân, chớ phạt bừa vì tư nộ».

Sau vua, Nguyễn chú ý đến những người «cư quan nhiệm chức». Nguyễn muốn «người có chức vụ coi quản trị dân», phải theo đạo nhân nghĩa của vua. Người đó không được «che ác với vua» không «kết lập bè đảng», không «vụ ích cho riêng mình». Người «cư quan nhiệm chức» còn phải là người «rất thận thùng» về «đẹp cung thất, cao đài tạ», và cũng «thận thùng» về những việc làm «theo ý mình, ức lòng người». Họ phải luôn

1. Thơ «Nối chí mình» bài số 3.

2. Thơ «Tức sự» bài số 4.

3. Nguyễn từng tâu với vua Lê Thái Tôn: «Thần chuyên đọc điển phần, chỉ những muốn việc cổ nhân đã muốn. Để tâm dân chúng, mình trước lo điều thiên hạ phải lo».

nhớ rằng «những quy mô to lớn, cao lồng lộng đều là sức lao khổ của nhân dân», khi «ăn lộc» phải «đền ơn kẻ cấy cày», không được «sưu cao thuế nặng, vơ vét của dân cho nhiều».

Khuyên răn người khác, trước hết Nguyễn tự răn mình:

«— Com kẻ bắt nhân ăn, ấy chớ
Áo người vô nghĩa mặc, chẳng thà»⁽¹⁾

Nguyễn luôn tự nhủ lòng:

«— Lòng thế bạc đen dầu nợ biển
Ta thì nhân nghĩa chớ loạn đàng»⁽²⁾

Sống giữa triều đình phong kiến, Nguyễn chưa bao giờ mưu cầu cuộc sống giàu sang phú quý. Nguyễn luôn vui với cuộc sống giản dị, thanh cao và khuyên mọi người sống giản dị, thanh cao, Nguyễn nhớ Đỗ Mộng Tuân, bạn đồ cùng khoa với Nguyễn, có lần đến Côn Sơn phải nói: «Nhà quan tri tam quán sự mà lạnh lẽo như một dòng nước; bốn vách trống trải xác xơ nhưng rất giàu sách vở»⁽³⁾.

Nguyễn lặng đi ngồi suy tưởng. Nguyễn cũng không nhớ Nguyễn ngồi như thế từ bao giờ. Nguyễn chỉ thấy càng suy tưởng càng thấy chán nản.

Nguyễn tự hỏi: Phải chăng, ước muốn một xã hội thịnh trị, mọi người đều no đủ, thư thái «mặt trời mọc thì đi làm, mặt trời lặn thì ngủ, đào giếng mà uống, cày ruộng mà ăn» là trái với ý vua Thái Tổ. Lại nữa, cuộc sống thanh đạm, vui với cái nghèo của Nguyễn,

1. Thơ «Tự thân» bài số 4.

2. Thơ «Trần tình» bài số 3.

3. «Nhất điền thủy lãnh tri tam quán
Tứ bích gia bần phú lục kinh».

cũng là một cơ đề bọn Lê Sát, Lê Văn ghen ghét, kéo bè đảng chống lại Nguyễn?

Không thể khác được, Nguyễn Trãi quyết định trở về Côn Sơn với tâm sự u uất:

«*Ngoài năm mươi tuổi ngoài chừng thế* ⁽¹⁾
Ái đã tròn bằng nước ở bầu».

Trở về Côn Sơn vui với rừng thông, rừng trúc, lánh xa triều đình bội bạc, Nguyễn Trãi thấy tâm hồn thư thái đôi chút. Chưa lúc nào Nguyễn làm nhiều thơ như lần trở về Côn Sơn này. Làm thơ để nói ý mình về nhiều lẽ đời, đã thực sự trở thành niềm vui của Nguyễn.

Mang theo tâm sự của con người thất vọng trước những hoài bão lớn, Nguyễn biết dù thơ vẫn có cái hùng, cái đẹp của tạo vật, nhưng không giấu được nỗi buồn trải ra mệnh mông. Nguyễn đọc lại bài «Côn Sơn ca» vừa làm hôm trước mà lòng còn xúc động:

«*Côn Sơn có khe
Tiếng nước chảy rì rầm
Ta lấy làm đàn cầm
Côn Sơn có đá
Mưa xối rêu xanh đậm
Ta lấy làm chiếu thảm
Trong núi có thông
Muôn dặm rờn rờn biếc một vùng
Ta tha hồ nghỉ ngơi ở trong
Trong rừng có trúc*

1. Ngoài cuộc đời.

*Nghìn mẫu in biếc lụa
Ta tha hồ ngâm nga bên gốc...»*

Nguyễn dừng lại thở dài ngao ngán. Nguyễn đã muốn đắm mình trong muôn màu hoa lá để làm kẻ «*di thần di lão*», mà cảnh như sinh tình, nhắc nhở:

«*... Người sao còn chữa đi về
Nửa đời bụi bặm hoài lăn lóc
Muôn chung nghìn đỉnh có làm gì
Nước lã cơm rau miễn tri túc...»*

Nguyễn lướt qua để đọc phần cuối, lòng bồn khoăn như khi hạ bút làm thơ:

«*... Người đời trăm tuổi
Rốt cuộc như thảo mộc
Vui buồn lo sợng đổi thay nhau
Một tuổi một héo vẫn tương tục
Còn hoang lâu đẹp cũng ngẫu nhiên
Chết rồi ai bình với ai nhục?
Nhân gian nếu có bọn sao do
Khuyên hãy nghe ta ca một khúc»* ⁽¹⁾.

Trở về Côn Sơn, vùng ra khỏi vòng vây ngọt ngát của bọn Lê Sát, Lê Văn, Nguyễn không muốn nhắc đến chúng nữa. Nhưng Nguyễn không làm được điều ấy. Nguyễn vẫn thấy bọn tham quan như loài cỏ xấu, cứ mọc lên xanh tươi, mà Nguyễn thì bất lực chưa chặn chúng lại được. Nguyễn cầm bút ghi ý thơ:

«*... Lòng người một sự yêm* ⁽²⁾ *chưng một
Đèn khách mười thu, lạnh hết mười
Phượng những tiếc cao, diều hầy lượn
Hoa thì hay héo cỏ thường tươi»*

1. Thơ chữ Hán, bản dịch của Đào Duy Anh.

2. Yêm là chán.

Có lúc Nguyễn định yên tâm với việc « cày nhàn câu vắng », nhưng Nguyễn nào hết băn khoăn:

*« Còn một lòng âu lo việc nước
Đêm đêm thức nhẩn nẻo sơ chung »*

Vì vậy, sau khi Lê Lợi chết, được vua Lê Thái Tôn vời đến, Nguyễn Trãi lại sẵn lòng ra giúp nước ⁽¹⁾.

★
★★

Ngay từ những ngày đầu trở lại triều đình, thấy vua còn trẻ lại ham chơi bời, mặc cho bọn Lê Sát lộng hành Nguyễn không khỏi băn khoăn. Nhưng tin vào sự trong sạch của mình, lo đến dân đến nước, Nguyễn yên lòng gánh vác công việc.

Nhưng bọn tham quan đầu có để cho Nguyễn làm việc.

Năm 1434, vua Lê Thái Tôn sai Nguyễn Trãi viết biểu văn đề sang nhà Minh cầu phong. Tờ biểu viết xong, viên nội mật viện Nguyễn Thúc Huệ và viên học sĩ Lê Cảnh Xước muốn đổi mấy chữ. Vốn đã biết bọn này dốt nát lại hay đục khoét dân, bề đảng của đại tư đồ (Tể tướng) Lê Sát, Nguyễn Trãi nổi giận mắng chúng:

— Đổi với chác gì? Các ông giỏi sao không viết thay tôi? Hiện nay trong nước đương hạn hán mà sở dĩ có tai nạn ấy chính là tự lỗi các ông. Các ông chỉ là đồ thích sưu cao thuế nặng vơ vét của dân cho nhiều, nên trời mới giáng tai tổ ý trừng phạt.

Thúc Huệ đem lời Nguyễn mách với Lê Sát, Lê Văn. Bị chỉ trích vạch tên, bọn chúng lồng lộn tức tối.

1. Trước khi chết có lẽ Lê Lợi nhận thấy lỗi lầm của mình nên đã dặn Nguyễn Long (Thái Tôn) phải đặt Nguyễn Trãi vào chức vị xứng đáng.

Theo lệnh của Lê Sát, Lê Văn tức tốc gặp Nguyễn Trãi, mặt tái đi vì tức giận:

— Gây ra tai nạn không phải là lỗi tự bọn ti thuộc, mà chính bởi vua và tướng, sao ông quả trách nặng lời như vậy?

Nguyễn Trãi nghĩ bụng: bọn này đem vua ra dọa mình đây — Nhưng Nguyễn không nao núng, trả lời:

— Thúc Huệ là kẻ tài thì rất tầm thường, mà lại hay có thói bòn vét, hấn ở vào địa vị then chốt, mỗi khi có việc tâu bày chỉ thấy bàn sự đục khoét của dân cho nặng nề làm giàu cho công khố, cốt làm vui lòng quân thượng.

Hắn thù cũ chưa qua thì Nguyễn Trãi lại đụng đầu ngay với Lê Sát.

Cũng năm 1434, có bảy tên trộm tâu phạm đáng tội chết, Vua Thái Tôn hỏi ý Nguyễn, Nguyễn tâu:

— Hình phạt không bằng nhân nghĩa là rõ ràng rồi. Bảy giờ một lúc giết bảy mạng người thì e không phải là việc làm có đức cao.

Lê Thái Tôn nghe ra. Thấy vậy, Lê Sát bảo Nguyễn Trãi, giọng mỉa mai:

— Ông là người nhân nghĩa, có thể cảm hóa kẻ ác trở nên người thiện, thì đây xin giao bọn trộm cho ông.

Nguyễn Trãi đáp ngay, không lộ sự khó chịu:

— Bọn chúng là đồ hung ác gian xảo. Pháp luật và chế độ của triều đình còn không răn chữa được chúng nữa là Trãi này có đức độ gì mà cảm hóa nổi.

Về sau, vua nghiêng theo ý Nguyễn Trãi, chỉ khép tội chém hai tên cầm đầu, còn năm tên khác, khép vào tội phát lưu.

Từ đấy, bọn Lê Sát, Lê Văn, Lê Ngân càng thêm thâm thù Nguyễn Trãi và chúng tìm mọi cách để hãm hại Nguyễn, nhờ cái gai làm chúng ngày đêm khó chịu ở trong triều. Biết vậy, Nguyễn càng giữ mình cho sạch

và không bỏ lỡ dịp nào để chặn lại hành vi tội lỗi của chúng, làm điều nhân nghĩa cho muôn họ.

Đầu năm 1437, thấy Nguyễn Trãi có tài và trước sau giữ trọn tấm lòng trung, Lê Thái Tôn lại sai Nguyễn Trãi và hoạn quan Lương Đăng trông coi việc làm xe loan và thẩm định nhã nhạc.

Thấy rõ vua có chiều hướng ăn chơi xa xỉ trong lúc dân mọn đang đói khổ, Nguyễn Trãi lựa lời tâu:

— Thời loạn dùng võ, thời bình dùng văn. Ngày nay định ra lễ nhạc, chính là phải thời lắm. Song cây không có gốc không thể đứng vững, không có văn không thể lưu hành. Hòa bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc. Thần vâng theo chiếu chỉ thẩm định nhã nhạc không dám không hết lòng: song học vấn sơ sài, nông cạn sợ trong ánh thanh luật khó làm được cho hài hòa. Dám mong bệ hạ rủ lòng yêu thương và chăn nuôi muôn dân, khiến trong thôn cùng xóm vắng không có một tiếng hờn giận oán sầu... Đó tức là giữ được cái gốc của nhạc.

Vua Thái Tôn ban khen và nhận lời tâu của Nguyễn.

Câu chuyện về «lễ nhạc» tưởng đã yên ổn. Nào ngờ cuối năm ấy, Lương Đăng lại dâng kiến nghị về nghi thức các buổi coi trâu hoặc yến tiệc trong những ngày sinh nhật nhà vua hay tết nguyên đán.

Thấy nghi thức của Lương Đăng soạn ra có nhiều chỗ lỗ lã. Nguyễn Trãi cùng Nguyễn Truyền, Đào Công Soạn, Nguyễn Liễu tâu với vua:

— Lễ nhạc là cốt ở người mới đặt ra được. Phải là bậc tài đức như Chu Công rồi sau mới không chê trách được việc đặt lễ, chế nhạc. Nay nhà vua đề cho hạng bầy tôi hèn mọn ở trong cung chuyên việc xếp đặt lễ nhạc. Như vậy chẳng tủi nhục cho nước nhà lắm sao? Vả lại việc làm của Lương Đăng đều là dối vua lừa dưới, không cần cứ vào đâu cả.

Lương Đăng gượng gạo tâu:

— Thần là kẻ vô học, không biết chế độ thời xưa ra sao. Những việc bây giờ làm đó chỉ là biết thế nào làm thế ấy mà thôi.

Nguyễn Liễu vốn ghét bọn tay chân của Lê Sát nên không kìm được sự tức giận, nói cho hả:

— « Muôn tâu bệ hạ! Từ xưa tới nay chưa có bao giờ hoạn quan lại được tự chuyên làm nát thiên hạ như vậy ».

Vừa lúc đó tên hoạn quan Đinh Thắng, vốn là bộ hạ của Lê Sát, từ trong nội đi ra, nghe thấy, mừng lớn rằng:

— Hoạn quan làm gì mà nát thiên hạ? Nếu nát thiên hạ thì phải chém đầu mày.

Quá nghe lời xúi xiểm, gièm pha của bọn Lê Sát, vua Thái Tôn cho bắt giam Nguyễn Liễu, giao cho hình quan xét xử. Liễu bị kết tội chém đầu. Nhưng vua xuống chiếu, giảm xuống tội thích vào mặt và bắt đầy đi xa.

Biết có ở lại triều đình cũng không «cứu cho khắp» được muôn họ, Nguyễn Trãi cáo quan trở về Côn Sơn. Đó là năm 1438.

★ ★

Sớm ngày 2-2-1442, trước điện Hội An, các sĩ nhân bốn phương trẩy Kinh thi Hội đã lều chõng sẵn sàng, đứng thành hàng, theo lệnh viên quan giám thị⁽¹⁾ chờ đợi.

Ở hàng đầu của đám sĩ nhân. Nguyễn Trãi làm ra bộ quan trọng nói với bạn bên cạnh:

— Kỳ thi này do quan Nhập nội hành khiển Nguyễn Trãi chủ sự đấy!

1. Chức quan trông coi, chỉ bảo, giám sát sĩ nhân trong cuộc thi.

Người bạn tỏ ra hiểu biết:

— Quan hành khiển mới từ Côn Sơn hồi triều ba hôm trước. Thấy quan trầy kinh, anh em mình phần chần lăm. Được người liêm khiết, đức độ lại là bậc văn chương siêu việt như vậy chủ sự, thì chẳng còn ai cho là không công bằng.

Nghe được câu chuyện, một sĩ nhân ở hàng sau, ngạc nhiên hỏi:

— Tôi nghe đồn quan Hành khiển đã xin cáo quan mấy năm trước rồi mà.

— Ồ quan anh chẳng biết gì cả — Nguyễn Trực đáp — Quan về Côn Sơn được một năm thì đức vua lại vời ra giúp nước. Lúc ấy quan đã 61 tuổi và mấy lần khước từ không được.

— Thế ra đức vua đã tin dùng quan chứ không như tiên đế ⁽¹⁾.

Nguyễn Trực sôi nổi nói thêm, cố làm ra hiểu thời cuộc:

— Bây giờ đức Thái Tôn đã nhìn thấy triều chính đổ nát nên nắm lấy mọi quyền hành và trừng trị bọn quan xu nịnh. Vua đã cách chức tể tướng Lê Sát, giết Hạ Đẳng Đắc, giáng chức bọn tay chân của Lê Sát là Lê Văn Linh, Lê Hy, rồi cuối cùng giết cả Lê Sát và Lê Ngân.

— À ra thế! Nếu không được quan anh chỉ bảo, ở chốn rừng xanh, tôi đâu biết.

Câu chuyện chấm dứt bằng một hồi chuông lạnh lạnh cất lên.

— Hoàng đế ngự giá — tiếng viên quan nội giám tuần xước ⁽²⁾ thét lớn.

1. Chỉ Lê Lợi.

2. Viên quan giữ gìn kỷ luật, trật tự, giám sát cuộc thi.

Các sĩ nhân nín thở, cúi rạp mình hồi lâu.

Vừa được bình thân, Nguyễn Trực giọng vui vẻ, nói thầm với bạn:

— Đây, quan Hành Khiển, người có bộ râu bạc, đứng sau đức vua ấy.

Có nhiều tiếng xuýt xoa:

— Trông quan diễm đảm mà quắc thước quá nhỉ!

Lại một hồi chuông hiệu đóng cửa.

Các sĩ nhân đứng như hóa đá.

Vua Thái Tôn thân ra đầu bài văn sách: « Luận về phép trị nước của các đế vương ».

Xong thủ tục, vua lui về cung. Nguyễn Trãi cùng ban giám khảo cũng lần lượt về chỗ ở theo sự sắp đặt của viên quan giám thị.

Khi đã ngồi trước kỳ sơn phủ gấm, một lần nữa Nguyễn Trãi suy nghĩ về đề thi do Nguyễn thảo ra và được vua chấp thuận. Thâm ý của Nguyễn là muốn cho các sĩ nhân biết lĩnh hội phép trị nước của tổ tiên, nhận thể cũng là cách hướng các sĩ nhân phải đem học vấn ứng dụng cho đời, biết kiến giải thời cuộc, mong giúp vào việc hưng quốc an dân. Rồi Nguyễn lan man nhớ lại kỷ niệm ngày Nguyễn đi thi và cảnh Nguyễn hiện tại. Nguyễn vẫn thầm mừng lần này trở lại triều nhận chức cũ kiêm trung thư sảnh tam quán sự ⁽¹⁾ và coi cả quân dân hai đạo Đông — Bắc mà vua mới gia phong, là thời kỳ Nguyễn bằng lòng nhất. Và, vua Thái Tôn do nắm lấy triều chính đã bắt đầu nghe lời tâu bày về chủ trương của Nguyễn. Hơn thế nữa, ông vua 17 tuổi này cũng đã nảy sinh tấm lòng tưởng mộ Nghĩa Thuần,

1. Tam quán gồm: Nho lâm quán, Sùng văn quán, Tú lâm cục. Đây là chức quan coi về văn hóa giáo dục, lễ nghi trong nước.

khoan nói việc hình ngục. Cứ đà ấy, Nguyễn sẽ có cơ thi triển tài năng, dựng cho nước được nền thịnh trị thái bình.

Nguyễn mãi suy nghĩ cho đến lúc có hiệu lệnh giục các sĩ nhân nộp quyền chấms và làm thủ tục cho đề thi khác.

Mấy ngày sau cùng các bậc văn bá ngồi châu vua nghe đọc các quyền thi đề định cao thấp, vua Thái Tôn đã y theo Nguyễn Trãi lấy Nguyễn Trục đỗ trạng.

IV

Nguyễn Trãi đã chuẩn bị xong chuyến đi kinh lý dài ngày ở Bắc Đạo. Côn Sơn vốn đã đẹp, nhưng chưa bao giờ Nguyễn thấy đẹp như sáng nay. Rừng trúc, rừng thông nhuốm nắng sớm trông như tấm thảm lụa vàng óng. Cũng chưa bao giờ Nguyễn phấn chấn như lần đi kinh lý này. Nguyễn vui vì hơn tuần trăng trước, vua Thái Tôn nhân đi duyệt võ ở Chí Linh (Hải Dương) đã ngự giá tới Côn Sơn thăm Nguyễn. Cuộc đón rước định theo nghi lễ vua tôi, nhưng trái với lệ thường, vua cho được thân mật như người nhà. Vua mới đi được một tuần trăng. Cả Nguyễn Thị, người vợ yêu của Nguyễn, cũng được vua cho theo xa giá hồi triều. Lưu luyến xen lẫn mừng vui. Nhưng trước hết là vui vì Nguyễn thấy rõ vua Thái Tôn ngày càng tin dùng và kính trọng Nguyễn. Nguyễn Thị cũng được vua phong chức lễ nghi nữ học sĩ, cho ra vào nơi cung cấm, dạy dỗ các cung nhân.

Thay đôi hài cỏ bằng đôi giày trện, Nguyễn thông dong lên yên ngựa, cùng toàn lĩnh hầu cận.

Ngựa chạy gằn để lại đằng sau căn nhà là ẩm cang. Rừng thông nhấp nhô, nó giốn với nắng, với tiếng nhạc ngựa tản nhanh trong gió sớm.

Ngựa qua một chỗ ngoặt, Nguyễn bỗng thấy một kỵ sĩ đang phóng con chiến mã chạy ngược chiều với Nguyễn. Vừa kịp nhận ra người lính cấm vệ quen thuộc của triều đình, thì người đó đã phóng từ trên mình ngựa xuống đất, mặt tái đi:

—Thưa quan Hành khiển! Vua Thái Tôn đã băng hà ở vườn Lệ Chi⁽¹⁾ sau khi đi duyệt võ ở Chí Linh về. Và Tôn phu nhân đã bị bắt giam từ đó.

Nguyễn Trãi đánh rơi sợi cương đang cầm trong tay, giọng lạc đi:

— Vua Thái Tôn băng hà, Thị Lộ vợ ta bị bắt. Căn nguyên bởi đâu?

Người lính cấm vệ run run đáp:

— Quan phủ chính nói rằng Tôn phu nhân đã đầu độc vua do quan chủ mưu. Ngày hôm nay quan Thái phó Lê Khả theo mệnh vua để lại, sẽ lập hoàng tử Bang Cơ lên nối ngôi. Đã có mật lệnh bắt quan và quý quyến ba tộc. Nghe tin dữ, con lén đi từ đêm báo quan đề quan định liệu.

— Ta có ngờ đâu đến nông nỗi này. — Nguyễn Trãi nói, giọng đau đớn — Cả bọn chúng đã đồng mưu để hãm hại ta!

Rồi, sau phút bàng hoàng, nét mặt Nguyễn Trãi rắn đanh lại.

— Cảm ơn người đã vì ta mà không kể đến tính mạng — Nguyễn nắm lấy cương ngựa — Cỗ nhân từng

1. Tục gọi là Trại Vải ở làng Đại Lại, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, nay là huyện Gia Lương, Hà Bắc.

nói: Ngọc tuy dập vụn được nhưng không hủy được sắc trắng. Trúc đốt cháy được nhưng không hủy được giống thẳng. Ta dù phải chết oan theo mệnh trời nhưng lòng ta ngay, người đời sẽ chứng rõ.

Nói xong, Nguyễn Trãi cho toán lính hầu cận trở về, còn Nguyễn thúc ngựa dõng thẳng tới Kinh.

Vốn yêu Nguyễn như cha, toán lính hầu cận nài nỉ xin theo Nguyễn hồi triều. Họ không tìm được nước mắt khi biết Nguyễn đang đi vào cõi chết.

*
**

Nửa tháng sau, một trong những người lính hầu cận của Nguyễn Trãi trở lại Côn Sơn kể lại cho dân ở đó rằng: Ngày hôm quan Hành khiển tới Kinh (15-9-1442), lập tức quan bị bắt và bị tống ngục tối. Ngày hôm sau, bà Nguyễn Phi (Nguyễn Thị Anh) người có tư thù với quan Hành khiển, ngồi sau rèm trông nom việc nước thay con mới 2 tuổi vừa được nối ngôi vua⁽¹⁾ đã sai hình

1. Cuối năm 1440, Nguyễn Thị Anh, người vợ thứ 4 của Thái Tôn (Thái Tôn có 5 vợ chính thức) sinh Bang Cơ. Ngay tháng sau, Thái Tôn tức ngôi Đông cung thái tử của Nghi Dân (con người vợ thứ ba) để lập Bang Cơ làm Thái tử. Cũng trong năm đó, người vợ thứ 5 của Thái Tôn là Ngô Thị Ngọc Dao có mang. Thị Anh sợ Ngọc Dao sinh quý tử thì ngôi vua Thái tử của Bang Cơ sẽ mất, nên đã vu khống cho Ngọc Dao và xin vua khép tội voi giày, Thái Tôn nghe Thị Anh xử Ngọc Dao vào tội phát lưu. Thấy oan ức Nguyễn Trãi bàn với Nguyễn Thị Lộ lúc này đang làm lễ nghi học sĩ vào xin vua Thái Tôn, cứu Ngọc Dao. Nể Thị Lộ vua đổi tội phát lưu sang an trí, giam ở chùa Huy-văn (gần Văn miếu).

Nguyễn Trãi, Thị Lộ thường cho người mang thức ăn đến cho Ngọc Dao. Ở đó sợ chưa yên, Thị Lộ Nguyễn Trãi cho người đưa Ngọc Dao vào An Bang (Quảng Yên). Về sau Ngọc Dao sinh ra Tư Thành (Lê Thánh Tông). Những việc đó đều

quan đem vụ án « Nguyễn Trãi chủ mưu đầu độc vua » ra xử trước Đình-cúc⁽²⁾.

Không ai cầm được nước mắt — Người lính nói — khi thấy Tôn phu nhân bị giải ra trước, đầu tóc rũ rượi, máu mồm, máu mũi loang lổ trên mặt, trên cổ. Còn quan Hành khiển thì bị trói quặt cánh khuỷu, tóc đã bạc trắng, người gầy tọp hằn đi, bị giải ra sau.

Trong khi tra Tôn phu nhân, hình quan trước sau chỉ gặng hỏi một điều:

— Có phải mày đã tiến độc cho đại đức hoàng đế và cứu mưu thí nghịch ấy là do Nguyễn Trãi chủ sự không?

Nghe hỏi Tôn phu nhân trước sau như một kêu oan. Nhưng mỗi lần như thế, hình quan lại thét tên lính xúm vào đánh đập tàn nhẫn. Bị đánh đau, có lúc Tôn phu nhân lặng đi chết ngất. Cuối cùng, không chịu được cực hình, Tôn phu nhân phải nhận như lời hình quan hỏi.

Thế là quan Hành khiển phải khép vào tội tru di tam tộc.⁽³⁾

Ngừng lại để lau những giọt nước mắt vừa trào ra, người lính kể tiếp:

— Ba ngày sau trên pháp trường dày đặc lính cấm vệ, sau khi viên quan đề hình tuyên đọc bản án, lần lượt quan Hành khiển, Tôn phu nhân và tất cả các con cháu đều bị chém. Phải nhìn cái chết thê thảm của quan Hành khiển — Người lính nói, giọng trầm hằn đi — tất

đến tại Thị Anh. Từ đó Thị Anh thâm thù Nguyễn Trãi và Thị Lộ. Mụ chờ cơ hội để trả thù thì xảy ra việc vua Thái Tôn chết đột ngột ở Lệ Chi viên. Thế là mụ nắm lấy dịp này để trả thù. Mụ càng dễ trả thù vì lúc này Bang Cơ lên làm vua, mụ được ra thỉnh chính trông nom việc nước cùng con.

1. Nơi xử án trước triều đình.

2. Tất cả con và cháu trai bị giết; vợ và con gái, cháu gái sung làm tỳ thiếp.

cả người xem đều khóc than khôn xiết. Hai viên hoạn quan⁽¹⁾ lỡ miệng than oan cho quan Hành khiển, cũng bị đem chém đầu.

Còn nữa đây, người lính lục tìm trong túi áo, tờ giấy gấp vuông vẫn đưa ra trước mặt mọi người nói — tôi còn sao được bài thơ cảm than của quan Hành khiển làm trước khi chết.

Một thanh niên tự nhận là học trò của Nguyễn Trãi, tay run run đón lấy bài thơ rồi đọc to cho mọi người cùng nghe:

*« Cuộc đời chìm nổi mấy mươi năm
Núi cũ khe xưa ước đã lằm
Danh giá bỗng mang vòng họa thực
Lòng ngay khôn gỡ miệng quân phàm
Tự vẫn chưa mất lòng còn đoái
Định mệnh thôi đành chết cũng cam
Khó gửi nửa lời lên bệ ngọc.
Tổ lòng oan tử buổi tù giam ».*

Đọc xong bài thơ, người thanh niên ứa lên khóc nước nở. Những người xung quanh cũng vừa khóc theo vừa ngậm ngùi kể cho nhau nghe những kỷ niệm êm đẹp về Nguyễn Trãi mà năm tháng đã khắc sâu vào lòng dạ họ.

Vua Lê Nhân Tông⁽²⁾ một hôm cùng các văn quan trong triều lên Bí thư các xem di bản của Nguyễn Trãi, đã xúc động nói với quần thần:

— Nguyễn Trãi là người trung thành giúp đức Thái Tổ dẹp giặc, giúp đức Thái Tôn sửa sang thái-bình. Văn chương và đức nghiệp của Nguyễn Trãi, các danh tướng của bản triều không ai sánh bằng. Không may bị kẻ phụ gây biến mà người lương thiện mắc oan, thật rất đáng thương.

1. Đinh Phúc, Đinh Thắng.

2. Làm vua từ năm 1443 đến 1453.

Hai mươi năm sau, kể từ khi Nguyễn Trãi bị hại, vua Lê Thánh Tông⁽¹⁾ xuống chiếu tẩy oan cho Nguyễn Trãi và cấp cho con cháu Nguyễn 100 mẫu ruộng để dùng vào việc thờ cúng vị « khai quốc công thần » chết oan.

Trong khúc « Quỳnh uyển ca », vua Thánh Tông nhận rằng:

*« Ưc Trai tâm thượng quang Khuê tảo »⁽²⁾
(Lòng Ưc trai sáng như sao Khuê)*

QUỲNH CƯ

1. Làm vua từ năm 1460 đến 1469.

2. Ưc Trai là hiệu của Nguyễn Trãi.

LUONG THẾ VINH

I

Nhìn khắp lượt sáu dãy học trò ngồi xếp bằng ngay ngắn trên những chiếc chiếu rải xung quanh cái sập cũ kỹ nơi mình ngồi, quan Thám lên tiếng:

— Sao mãi tới giờ này vẫn chưa thấy trò Lương Thế Vinh tới? — Đám học trò nhón nhác nhìn nhau không dám trả lời, vì không phải đến lúc này chúng mới biết Lương Thế Vinh vắng mặt. Thiếu Lương Thế Vinh, đùa bạn thường gây được những trận cười đến đau bụng khi cậu ta pha trò, không khí buổi bình thơ sáng nay như tẻ lạnh hẳn đi.

Quan Thám lại đưa mắt nhìn bao quát lớp học lần nữa. Nhưng lần này quan không nói gì. Quan chỉ với cái điệu bát, bàn thần lấy thuốc, châm lửa hút liền hai điếu, rồi ngửa mặt, phả khói lên trần nhà, dấu hiệu tỏ rõ quan đang băn khoăn.

Nhân dân gọi nhà giáo là quan Thám vì nhà giáo đã từng đỗ Thám Hoa⁽¹⁾, từng làm quan nhưng lại cáo quan về nhà dạy học lúc chưa quá bốn mươi tuổi. Nay quan đã ngoài sáu mươi, nhưng cái tiếng ông quan thanh liêm, hay chữ khắp thừa tuyên⁽²⁾ Sơn Nam này

1. Đỗ thứ ba trong kỳ thi Đình.

2. Đơn vị hành chính tương đương như tỉnh hiện nay.

ai cũng biết. Học trò vùng Sơn Nam không mấy ai đã thành đạt mà lại không học quan.

Quan Thám tổ chức buổi bình thơ rất chu đáo, vì có đám học trò vùng bên cạnh xin dự. Quan muốn nhân dịp này để học trò thi thử tài năng và kiểm lại kết quả dạy học của mình. Tuy không nói ra nhưng quan hy vọng chẳng trò nào hơn được Lương Thế Vinh, cậu bé 14 tuổi, có tài ứng đối, xuất khẩu thành thơ này. Chính vì vậy, việc Thế Vinh vắng mặt khiến cho quan băn khoăn đến lo lắng.

Đám học trò sau những phút yên lặng lại bắt đầu xì xào. Có học trò quả quyết.

— Tính thẳng Vinh hay quên. Nó tưởng đến chiều mới học như mọi khi cũng nên!

Một trò khác tự nhận ở gần nhà Thế Vinh, cãi lại:

— Tính nó hay quên thật nhưng việc học bao giờ cũng siêng. Chiều qua không thấy nó thả diều, tối lại đọc sách rất khuya. Chắc nó soạn bài bình hôm nay mệt nên quá giấc đó thôi!

Quan Thám lắng nghe những lời bình phẩm của đám học trò và suy nghĩ lan man. Đã dạy Lương Thế Vinh ngót 4 năm nên quan hiểu tính nết người học trò này hơn ai hết. Hầu như Lương thế Vinh chưa bỏ buổi học nào và trong giờ học bao giờ cũng chăm chú lắng nghe quan giảng giải. Quan vẫn thầm nhủ: trong gần 20 năm dạy học ở cái làng Cao Hương, huyện Thiên Bản⁽¹⁾ này, học trò giỏi và đã thành đạt không ít. Nhưng chưa trò nào chiếm được tình thương yêu sâu sắc của quan như Lương Thế Vinh. Quan Thám yêu Thế Vinh không phải vì Thế Vinh cùng quê, chăm học, có trí đọc thiên kinh vạn quyển. Cũng không phải

1. Nay là huyện Vụ Bản, Nam Hà.

Thế Vinh hiền lành ngoan ngoãn. Ngược lại, cậu bé rất nghịch, nhiều khi dám pha trò trong lớp; thậm chí có lúc còn vạ lý quan. Quan Thám yêu Thế Vinh vì cậu học đâu nhớ đấy. Hơn thế nữa, cậu tư các bài thơ, bài văn của Thế Vinh bao giờ cũng có một cái gì khác lạ, khiến nhiều lúc quan phải giật mình về sự hiểu biết rộng rãi và ý nghĩa táo bạo trong từng câu, từng chữ chọn lọc của cậu. Điều quan Thám không hài lòng là Thế Vinh quá nghịch đến thành tai tiếng cả vùng. Những trò hay thả diều, theo trẻ chăn trâu đi mò cua, tát cá quan không giận, vì Thế Vinh chơi say mê nhưng khi học cũng rất say mê. Cái quan giận hoặc không hài lòng là Thế Vinh hay la cà đi các đình chùa, miếu mạo, nhất là quá say xem hát chèo. Mỗi lần đi xem đình chùa, gặp bài thơ nào trái ý, cậu chê bai rồi dùng than viết bài chửi của mình vào bên cạnh. Xem tối chèo nào không hay, cậu bình phẩm từng vai, chê tích này không hay, tích kia không vui. Dân làng cho Thế Vinh là phạm thượng. Quan Thám cũng đồng tình. Song thâm tâm quan có lúc phải thầm phục những nhận xét tinh tế, táo bạo, xem ra có chiều đúng của cậu. Đôi lúc quan Thám phải quở mắng, bắt phạt nhưng vẫn rất mực yêu cậu. Quan quý Lương Thế Vinh đến nỗi, không giấu được thất vọng khi thấy cô con gái út, chạc tuổi Vinh, tuy nét na đấy, nhưng lại kém nhan sắc.

Lớp học bỗng trở nên ồn ào trong giây lát, vì từ xa đám học trò đã nhận ra Lương Thế Vinh đang tới. Quan Thám thở phào nhẹ nhõm nhưng vẫn giữ vẻ mặt nghiêm nghị khi ra lệnh cho học trò trở về chỗ ngồi. Quan định bụng sẽ phạt Vinh vì tội đến chậm, nhân đề răn các trò khác.

Nhưng kia, cùng đi với Lương thế Vinh còn có một ông già lạ mặt, trông cách ăn vận thì không phải là người vùng này.

Quan Thám định ra đón khách thì Lương Thế Vinh đã bước qua thềm nhà, cúi đầu:

— Kính thưa thầy, con có lỗi vì tội đến chậm ạ!

Liền đó người khách lạ cũng đã vào đến thềm, chấp tay vái chào, nói:

— Tiên sinh miễn thứ cho sự đường đột này của tôi.

Quan Thám cung kính mời khách vào nhà.

Tha tội cho Lương Thế Vinh và để học trò ra chơi, quan Thám quay về phía khách, chậm rãi:

— Tôi hỏi không phải, chắc ngài ở kinh về, và hạ cố tới đây là để dạy bảo kẻ quê mùa này điều gì?

— Tiên sinh quá nhún nhường. Tôi chẳng qua chỉ là thầy địa lý được hầu hạ trong cung cấm. Nhân qua đây gặp cậu bé có tài năng khác người, hỏi ra mới biết là Lương Thế Vinh, học trò của tiên sinh nên mạo muội tới đây.

— Tôi đang giận vì tội đến chậm của nó. Chẳng là hôm nay tôi cho học trò bình thơ, mà bài bình mẫu là của nó.

Khách lúng túng.

— Xin tiên sinh thứ lỗi. Chính là vì tôi mà cậu bé bị tiên sinh quở trách vậy.

— Ngài dạy quá lời. Nhưng cũng cứ cho được nghe đầu đuôi câu chuyện.

— Tôi quá làm phiền tiên sinh — Khách nói to. Lúc sáng trên đường về kinh, đến gốc đa đầu làng ta đây, thấy trẻ con tụ tập rất đông đang chỉ trỏ vào một cái hố sâu bên ven lộ. Tưởng có trẻ bị sa hố tôi dừng lại. Hỏi ra mới biết có một bà gánh bưởi đi bán, vì đường trơn, trượt chân ngã nên gần hai thúng bưởi đều lăn

xuống hố. Đám trẻ và tôi đều tìm cách giúp bà nhưng không được. Tôi đang nghĩ chỉ có lấy sào dài vót nhọn chọc từng quả lên, thì vừa may, cậu học trò của tiên sinh tới. Hiểu sự việc và qua một thoáng suy nghĩ, cậu bé giục cả đám trẻ về lấy thùng, chậu chuyên nước đổ vào hố sâu. Quả nhiên bao nhiêu bươm bươm đều nổi lên hết.

Tiếng xuyết xoa tán phục của đám học trò nổi lên. Khách triu mền nhìn đám học trò vây quanh mình rồi tiếp, giọng xúc động:

— Thấy cậu bé mặt mũi khôi ngô, lại nhanh trí, sáng ý, tôi giữ lại và hỏi chuyện. Cậu bé thật là thần đồng, sau này sẽ có tài kinh bang tế thế, giúp ích nhiều cho đời.

Quan Thám vừa bối rối vừa sung sướng:

— Ngài không chỉ bảo cho thi tôi đâu được biết tường nậu vận. Quả thật Vinh có tài học xuất chúng. Bài thơ luận về nghề mà Vinh sẽ đọc đề bình hôm nay, có một câu thật khác lạ — Quan Thám đưa bài thơ cho khách và đọc: « Thần cơ diệu toán vạn niên sư »⁽¹⁾.

Lập tức Lương Thế Vinh được quan Thám gọi tới lý giải ý nghĩa của bài thơ.

Vấn đôi mắt lúc nào cũng rực sáng như đang cười, Lương Thế Vinh trả lời hết câu hỏi này đến câu hỏi khác của quan Thám và thầy địa lý một cách lưu loát.

Buổi bình thơ không diễn ra theo ý quan Thám đã định, nhưng quan rất hài lòng. Quan định cúi xuống xoa đầu Lương Thế Vinh khi cậu trả lời xong. Nhưng nghĩ rằng con người này sẽ có tài kinh bang tế thế, quan rút tay lại và tiếp tục gọi trò khác đọc bài.

1. Kể nào tinh toán giỏi là thầy muôn thuở.

II

Phải ở hẳn kinh đô sau khi đỗ trạng nguyên⁽¹⁾ và lĩnh chức Hàn lâm trực học sĩ, Lương Thế Vinh cảm thấy bị gò bó quá đỗi. Cuộc sống phóng túng ở quê nhà, lòng ham say toán học và cái thú được đi theo phường chèo xem hát vẫn có sức hấp dẫn Lương hơn quyền cao chức trọng của vua ban.

Nhưng rồi cũng như mọi con sông sau những đoạn đầu hung dữ, đều phải hiền từ chảy về biển cả, Lương Thế Vinh quen dần với cuộc sống ở kinh thành. Và, ở cái tuổi 22 ham hiểu biết, Lương đã nhanh chóng chuyển ước mơ được sống cuộc sống tự do phóng túng thành lòng khao khát công việc để học thêm những điều không có trong sách vở. Lương lao vào các hoạt động phong phú của chốn đế đô. Lương nổi tiếng là người có nhiều thơ hay trong Hội tao đàn của vua Lê Thánh Tông và viết « Thiên nam dư hạ tập ». Lương cũng đã có dịp đi thăm nhiều chùa chiền nổi tiếng. Mặc dù Lương theo nho học, nhưng mỗi lần đi, Lương thường bỏ lễ phục và chỉ đem theo một tiểu đồng để tiện trò chuyện với các sư sãi. Bằng những chuyến đi ấy, Lương thấy rõ đạo Phật đang suy. Vì vậy, thời gian này, Lương đã soạn cuốn « Thiên môn khoa giáo » rồi « Nam tông tự pháp đồ », uốn, gò đạo Phật cho gần với đạo Nho để giảng dạy trong các chùa.

Lương giao du rất rộng. Nhưng giới được Lương đặc biệt quan tâm vẫn là các nhạc công của triều đình. Vốn là người thích xem chèo, nên dường như không một tối diễn chèo nào ở Kinh đô lại vắng mặt Lương. Việc gần gũi các nhạc công và diễn viên giúp cho Lương

1. Đỗ đầu trong kỳ thi Đình.

hiểu biết sâu hơn về nền nghệ thuật này. Cũng vì Lương gần gũi nhiều phường, biết nhiều tích, nhiều vai nên Lương thấy được chỗ yếu, chỗ mạnh của từng phường. Vì thế, Lương bỏ nhiều công phu tìm hiểu, đọc hết các loại sách viết về chèo, khảo cứu tiểu sử của những vị tổ sư ngành chèo để viết cuốn «Hý phường phả lục» ghi lại các khoản ước của phường chèo, kịch bản và diễn xuất, cách đánh trống chèo, phương pháp múa và hát. Lương cũng đề ra nhiều nguyên tắc như nguyên tắc «tứ tương»⁽¹⁾ trong múa chèo, luật «hô ứng tương sinh»⁽²⁾ trong giao lưu nhân vật sân khấu, quy tắc «sáu chữ»⁽³⁾ về tiêu chuẩn diễn viên dùng cho các phường chèo.

Tất cả những việc làm của Lương Thế Vinh nhà vua đều biết. Có lần vua cho vời Lương Thế Vinh tới, hỏi rằng:

— Trẫm nghe các phường chèo thán phục sư hiểu biết tường tận của khanh về chèo. Vậy chẳng hay một người như khanh có cần biết hát và biết dùng loại đàn nào không?

Đoàn được dụng ý của vua, Lương Thế Vinh mỉm cười, đáp:

— Muôn tâu thánh thượng! Kẻ hạ thần vốn ham mê chèo từ thuở nhỏ nên bỏ công biên soạn «Hý phường phả lục» mong các phường chèo xa gần noi theo mà làm, chứ cũng không dám mạo nhận là tinh thông. Ngặt vì, phàm muốn biết sâu rộng việc nào thì cũng phải biết làm việc ấy, bởi thế, kẻ hạ thần cũng biết hát biết đàn sơ qua.

1. Bốn sự tương quan.

2. Thế giảng co.

3. Thanh, sắc, thực, tình, khí, thần.

Lập tức vua sai gọi phường chèo vào công diễn một tích ngắn rồi bảo Lương Thế Vinh kéo nhị.

Vua chăm chú nghe, thỉnh thoảng gật đầu và khi diễn xong, vua lại hỏi Lương Thế Vinh.

— Chẳng hay phường chèo diễn tích vừa rồi có chỗ nào không hợp ý khanh?

Lương Thế Vinh đáp:

— Người diễn không thể cầu toàn trách bị và người xem cũng cần bỏ qua những sơ xuất nhỏ nhất. Đó là lẽ thường. Kể như ngu ý của thần thì tích vừa rồi tuy phường đã dày công luyện tập nhưng cách múa chưa được hoàn hảo.

— Khanh nói rõ cho trẫm nghe. — Vua cắt ngang.

— Múa trong hát chèo — Lương Thế Vinh phấn chấn tiếp — là để cho lời hát thêm ý nghĩa, hợp với âm điệu bổng trầm và thần sắc. Lời hát luôn luôn thay đổi nên múa cũng phải luôn luôn thay đổi. Người sắm vai múa nhiều trong tích chèo vừa rồi tuy đẹp mắt mà trước sau chỗ vui, chỗ buồn, lúc tiến lúc thoái không khác nhau là mấy. Nguyên do là chưa biết tường luật «tứ tương» trong múa chèo vậy.

Vua đổi giọng vui hẳn lên.

— Lời khanh chính hợp ý trẫm. Trẫm đã đọc «Hý phường phả lục» của khanh. Cho khanh xem tích chèo vừa rồi là để nghe lời bình phẩm của khanh đó. — Ngừng một lát, vua trầm giọng tiếp — Trẫm biết khanh làm việc khó nhọc. Khanh có thỉnh cầu điều gì trẫm sẵn vui lòng.

Lương Thế Vinh vội đáp:

— Ôn thánh thượng như trời biển, kẻ hạ thần đâu dám nài xin điều gì. Thần chỉ hiềm vì nổi ít thì giờ.

Nghe Lương Thế Vinh nói, vua thầm nghĩ: Con người này bao giờ cũng vậy, không lạm dụng quyền cao chức

trọng và lòng yêu của ta để mưu cầu việc vinh thân phì gia. Trái lại, cứ mãi mê với công việc và sống như một viên tiểu quan vậy. Chỉ có một lần — vua nhớ lại — Lương Thế Vinh làm vua không hài lòng. Hôm ấy, vua và các quan hầu cùng Lương Thế Vinh đi chơi thuyền. Vốn biết Lương thuở bé nghịch ngợm nổi tiếng, lại bơi lội rất giỏi, nên vua giả vờ say rượu, đẩy Lương xuống sông. Không ngờ Lương Thế Vinh rơi xuống sông, liền lặn đi thật xa rồi đến một chỗ vắng lên bờ ngồi núp vào một bụi rậm. Vua chờ mãi không thấy Lương lên mới hốt hoảng cho quân lính xuống tìm vớt. Nhưng tìm mãi cũng không thấy. Vua hết sức ân hận vì lỗi đùa quá quắt của mình thì tự nhiên Lương Thế Vinh từ dưới nước ngóc đầu lên cười ngất. Vua ngạc nhiên hỏi mãi, cuối cùng Lương thế Vinh mới tâu:

— Thần ở dưới nước lâu là vì gặp cụ Khuất Nguyên⁽¹⁾. Cụ hỏi thần xuống làm gì? Thần thưa dối là thần chán đời muốn chết. Nghe qua, cụ Khuất Nguyên tròn xoe mắt mắng thần: «Mày là thằng điên. Tao gặp Sở Hoài vương và Khoảnh Tương vương hôn quân vô đạo, mới phải bỏ nước bỏ dân trăm mình ở sông Mịch La, chứ mày đã gặp được bậc thánh quân minh đế, sao còn muốn chết». Nói rồi cụ đá thần một cái, thần mới về đây.

Vua không giận Lương Thế Vinh hóm hỉnh nịnh khéo mình mà giận vì lần ấy vua thưởng cho nhiều vàng lụa mà Lương cố ý chối từ.

Chợt nhớ ra ý định của mình, vua triu mến nhìn Lương Thế Vinh.

— Trẫm biết khanh có tài ứng đối, tài soạn thảo, nên trẫm đang muốn giao cho khanh một việc khó nhọc hơn.

1. Nhà thơ lớn đời Chiến quốc ở Trung-quốc.

Bấy lâu nay, do sức ta mạnh mà việc bang giao với các nước được thuận buồm xuôi gió. Song thực là bằng mặt đó mà chẳng bằng lòng. Chiêm Thành sợ ta mà phải quy thuận. Nhà Minh ngọt nhạt đó mà vẫn bắt ta triều cống và thường xui bày các bề tôi của ta nơi biên cương mưu gây rối. Giao cho khanh việc lớn là để khanh đền ơn và báo ơn cho trăm đó!

Ngay ngày hôm sau, Lương Thế Vinh được vua gia phong chức Chưởng viện sự kiêm coi cả Sùng văn quán và cục từ lâm. Lúc đó Lương chẵn 40 tuổi.

Hay tin ấy, các quan đều chúc mừng Lương Thế Vinh. Nhưng Lương tỏ ra không ít băn khoăn. Lương băn khoăn vì nhận trọng trách, Lương không còn thì giờ thực hiện hoài bão về nghiên cứu toán học, ý định đã có từ buổi thiếu thời. Nhưng mới được vua gia phong, từ chối sẽ làm vua méch lòng, nên Lương không dám. Ngày tháng trôi đi, bị lôi cuốn vào những công việc bề bộn nên ý định tìm hiểu toán học của Lương cũng xếp xuống. Và chẳng, tính chất bức thiết của công việc, những bức thư thay vua phải thảo gấp, bản phúc thư đòi hỏi phải đầu trí, phải mềm mỏng nhưng không phải là khuất phục, gửi cho nhà Minh và những buổi đón tiếp sứ, những buổi vào trần tình nghe vua phán truyền, khen, chê đã lôi cuốn lòng hăng say của Lương như bản chất ưa hoạt động của Lương vậy. Vì lẽ đó, Lương được trên dưới kính nể, người Minh phục là tài giỏi và vua rất yêu mến.

Quãng đời làm quan của Lương thêm dày những trang kỷ niệm đẹp. Ví như lần vua Lê Thánh Tông đi kinh lý vùng Sơn Nam hạ, ghé thăm làng Cao Hương của Lương, có Lương cùng đi. Hôm đến thăm chùa làng, sư cụ đang tụng kinh thấy vua tới hốt hoảng đánh rơi chiếc quạt xuống đất. Vị sư đưa mắt ra hiệu cho chú tiểu nhặt

quạt lên. Nhưng một vị quan tùy tùng của vua đã nhanh tay nhặt cho sư. Vua Lê Thánh Tôn trông thấy liền ra một vế câu đối, rồi trong bữa tiệc hôm đó, thách các quan đối. Vế ấy như sau :

« Đường thượng tụng kinh, sư sử sử... »⁽¹⁾

Câu này oái oăm ở ba chữ: sư sử sử. Các quan đều chịu. Lương Thế Vinh cứ ung dung uống rượu chẳng nói năng gì. Chưa lần nào thấy Lương có thái độ như thế, vua đặc ý bảo đích danh Lương phải đối, với hy vọng Lương sẽ bị.

Bị giục già, Lương cười trừ rồi cho lính hầu về nhà gọi vợ đến. Bà trạng đến, Lương lấy cớ quá say xin phép vua cho vợ điu mình về.

Thấy một người có tài ứng đối sắp chuẩn, vua thích chí giục gấp. Lương gãi đầu, gãi tai rồi chấp tay ngập ngừng :

— Dạ! muôn tâu... Thần... đối rồi đấy ạ!

Vua và các quan lấy làm lạ bảo Lương đọc thử xem. Lương cứ một mực: « Đối rồi đấy chứ ạ ».

Vua gạn mãi, Lương Thế Vinh mới chỉ vào người vợ đang điu mình, đọc:

« Đình tiền túy tửu, phụ phù phu »⁽²⁾.

Vua cười khen và thưởng cho Lương rất hậu.

Trong thời gian giữ việc ngoại giao của triều Lê, Lương cũng có nhiều lúc đặc ý. Nhưng đặc ý nhất vẫn là những cuộc đón tiếp sứ nhà Minh. Một lần sứ thần của vua Minh là Chu Hy sang châu vua Lê, nhân tiện thăm dò nhân tài của nước Việt. Vua giao cho Lương Thế Vinh tùy tiện tiếp sứ.

1. Trên bục đọc kinh sư khiến sứ. (Sư sai khiến được quan).

2. Trước sân say rượu vợ điu chồng.

Nhân một buổi đi chơi dọc sông Tô Lịch, thấy một con voi lớn. Đề thử tài Lương, sứ nhà Minh sai lấy cái cân và bảo Lương Thế Vinh cân xem con voi nặng bao nhiêu. Vốn đã thâm phục tài học uyên bác của Lương Thế Vinh nhưng lần này sứ Minh yên chí sẽ làm nhục được vị trạng nguyên đất Việt.

Biết được ý đồ của viên sứ, bất giác Lương Thế Vinh tủm tỉm cười rồi cầm cân, sai quân tượng dắt voi xuống bến sông. Sau khi mời sứ Minh ngồi yên vị trí trên bờ, và như để trả lời cái nhìn lo lắng của những người xung quanh, Lương Thế Vinh cho quân lính ghép nhiều mảng nứa chồng lên nhau rồi sai dắt voi xuống mảng.

Sứ nhà Minh và mọi người ngo ngác nhìn Lương Thế Vinh điều khiển công việc.

Voi vừa đứng vững trên mảng thì, theo lệnh Lương Thế Vinh, viên quân tượng lên bờ và đích thân Lương bẻ cây đo độ cao từ mặt thoáng của nước đến chiếc mảng bị chìm.

Sứ Minh chưa hiểu dụng ý của Lương Thế Vinh thì, một hàng lính, theo lệnh Lương sau khi cho voi lên bờ, đã nhanh chóng chuyển những tảng đá lớn xuống mảng.

Sứ nhà Minh vẫn chăm chú nhìn Lương bằng đôi mắt dò xét xen lẫn kinh ngạc. Biết thế, Lương đặc ý mỉm cười và hô quân lính làm nhanh tay. Và khi chiếc mảng đã chìm sâu như khi con voi đứng, Lương Thế Vinh cho ngừng chuyển và dùng cân, lần lượt cân số đá chất trên mảng.

Chợt hiểu, sứ nhà Minh ngửa mặt lên trời than rằng: « Quả là danh bất hư truyền. Trước khi đi, vua ta chẳng đã từng bảo nhân tài xứ này ít người sánh kịp trạng Lương. Ta đã chẳng lầm lẫn đó sao? ».

Đội Lương Thế Vinh trở lại, sứ nhà Minh cung kính đứng dậy:

— Xin bái phục! Bản quốc tôi chưa dễ đã có người ăn đứt được tài của quan trạng.

Vân mỉm cười, Lương Thế Vinh từ tốn:

— Dùng một chiếc cân cân một con voi là việc người xưa đã làm. Ngài đọc truyện Tam quốc đã lâu nên quên Tào Thực, con Tào Tháo đã làm cái việc nhỏ đó đấy thôi — Bị Lương Thế Vinh cho ăn đòn theo kiểu lấy «gậy ông đập lưng ông», Chu Hy tái mặt — Viên sứ nhà Minh bỗng thấy xấu hổ vì trong khi thử tài người khác, lại để lộ sự dốt nát của mình. Hơn thế nữa, lại không biết ngay cả chuyện nước mình bằng viên quan trạng người Việt.

III *thuongmaitrang.vn*

Một tháng nay rồi, nhân dân Cao Hương nghe sáo diều đã thành lệ. Cứ về chiều, tiếng sáo diều lại văng vẳng cất lên đều đặn. Những lúc được gió, tiếng sáo vút lên tha thiết, đi vào chiều sâu thẳm của tâm hồn mọi người. Khách qua đường nghe tiếng sáo bất giác ngửa mặt lên trời, thầm cảm ơn chủ nhân của nó khéo tay điều khiển. Còn nhân dân Cao Hương thì yêu tiếng sáo vì nhiều lẽ: tiếng sáo đã đem lại cho họ sự thanh thản sau một ngày làm việc. Tiếng sáo đã làm rộn lên sức sống của một làng yên tĩnh. Nhưng trộm lên tất cả, họ yêu tiếng sáo bởi vì họ yêu người thả sáo. Trẻ con, người lớn gọi chủ nhân chiếc sáo diều là quan trạng với tất cả lòng thành kính, tự hào của họ. Cùng với chủ nhân của nó, tiếng sáo diều đã làm bừng lên ở Cao Hương nguồn sinh lực

mới. Ngay cả đêm tối, tiếng sáo vẫn như vọng về tiếng nói cảm thông an ủi đối với người dân Cao Hương.

Nhưng một chiều, trái với lệ thường, nhân dân Cao Hương không nghe thấy tiếng sáo diều của quan trạng Lương Thế Vinh. Mọi người bồi hồi lo lắng đoán già đoán non. Chỉ có đám học trò của Lương là biết được nguyên do.

Chiều ấy, theo lệ thường, Lương Thế Vinh vẫn ra chơi quán hàng nước ở làng bên. Lúc trên đường về, Lương gặp một vụ xô xát giữa vợ chồng viên xã quan và vợ chồng một nông dân xã ấy. Lúc Lương đến, viên xã quan đã dùng đòn gánh đánh quỵ người nông dân ngay cạnh đồng lúa trên bờ ruộng, còn vợ anh ta thì vừa kêu khóc vừa giành giết từng gồi lúa với vợ viên xã quan, rồi hai người cùng lăn xả vào nhau đánh lộn. Lương Thế Vinh dừng lại can ngăn. Thợ gặt xung quanh cũng dón lại. Hỏi đầu đuôi câu chuyện, biết rõ là vụ tranh chấp ruộng công và ruộng tư do đo đạc chưa minh bạch. Lương đau lòng lắm. Nhân đó, những người xung quanh cũng tranh nhau nói với Lương tình trạng xô xát do những vụ tranh chấp tương tự gây ra ở các nơi. Không dừng được, Lương quát mắng viên xã quan cậy quyền ức hiếp dân và càng quát mắng, nổi bực càng tăng lên. Chưa ai thấy Lương Thế Vinh cáu gắt như lần ấy.

Rồi Lương không về nhà, cũng không thả diều nữa. Một mình Lương lững thững đi dọc theo bờ đê, ngắm nhìn cánh đồng lúa đang giữa mùa thu hoạch.

Khi cơn bực qua đi nhường cho nỗi buồn, Lương thấm thía cảm thương vợ chồng người nông dân bị đánh đập. Hơn thế nữa, Lương đau lòng trước thực trạng của xã hội và hối hận vì hơn ba mươi năm làm quan, Lương không hề biết tới thực trạng đó. Lương day dứt không tự tha thứ cho mình lỗi lầm lớn này.

Lương đã về hưu. Thực ra thì không phải vì Lương yếu. Lương mới 55 tuổi. Lương về hưu vì không chịu được cảnh náo nhiệt của chốn đế đô. Vả chăng, Lương muốn được rảnh rỗi trở về cuộc sống yên tĩnh ở quê hương, làm thêm một việc gì có ích trước khi xuôi tay nhắm mắt. Ý đã quyết, Lương không nghe theo lời nài ép của vua và cũng không nhận quà của vua ban để giữ lòng cho sạch.

— Ta sẽ làm gì? — Lương tự hỏi — Ngay khi mới về hưu vừa vì nề vừa là ý thích, Lương đã nhận lời các bộ lão để dạy dỗ con em họ. Nhưng nếu chỉ có dạy học thôi, Lương tự thấy còn quá nhàn rỗi. Câu chuyện xô xát được chứng kiến lúc chiều như một gợi ý thôi thúc Lương suy nghĩ.

Lương đứng lại tựa mình vào gốc nhãn cho đỡ mỏi rồi lặng lẽ nhìn cánh đồng bát ngát như rải đến tận chân trời. Xa xa, lẫn trong màn sương chiều, dân quê đang hối hả thu dọn để kịp trở về trước khi trời tối. Lương se lòng nghĩ rằng, biết đâu chỗ ấy chẳng đã xảy ra những vụ tranh chấp thương tâm như hồi nãy.

Phải ngăn lại sự hỗn độn đó — Lương thì thầm nói với mình — Sức mạnh từ ý chí bật dậy. Trên đất quê hương, tuổi thơ và ước vọng của tuổi thơ như cùng sống lại. Lương phấn chấn và cảm thấy mình hẳn hẳn lên khi thoáng nghĩ: toán học có thể giúp cho việc đo đạc ruộng đất được chính xác, ngăn chặn tình trạng xô xát từ đó gây ra. Lương rạo rực mừng rỡ trông hình ảnh của công việc. Vậy là Lương đã quyết. Ý nghĩ viết cuốn «Đại thành toán pháp» bao gồm cách tính diện tích các loại hình của Lương Thế Vinh bắt đầu nảy nở từ đó. Và, cũng từ đó, nhân dân Cao Hương ngày ngày thấy Lương lấy dây rừng làm thước, lấy các thửa ruộng trong làng làm mẫu, say mê đo đạc, ghi chép như say

mê dạy học, thả sáo diều vậy. Cái tên «trạng Lương»⁽¹⁾ nhân dân Cao Hương yêu mến phong tặng càng thôi thúc Lương dốc sức lực làm việc, để nhanh chóng hoàn thành công trình nghiên cứu toán học của mình.

Đối với Lương, công trình nghiên cứu này không khó nhưng mất công vì phải làm đi làm lại nhiều lần. Ngay cả những loại hình khó tính như hình thang, hình bình hành, hình tròn, Lương cứ cắt nhỏ thành những hình chữ nhật, hình tam giác rồi tính. Trên cơ sở kết quả thu lượm được, Lương tìm ra quy tắc. Tài liệu ghi chép của Lương ngày càng dày. Khi Lương không cần ra đồng làm việc nữa, mà chỉ ở nhà kiểm tra kết quả, là lúc cuốn «Đại thành toán pháp» sắp hoàn thành. Đến lúc giao cho học trò đóng, xén tập sách, Lương nhẩm tính và bàng hoàng thấy gần một năm đã trôi qua.

Vùng Cao Hương là nơi đầu tiên ứng dụng quy tắc tính toán trong «Đại thành toán pháp» của Lương Thế Vinh. Trong những ngày này, Lương lại thêm một mối bận tâm khác. Bên cạnh việc chỉ bảo viên xã quan tính toán diện tích ruộng đất cho đúng, một vấn đề khác lại đặt ra khiến cho Lương suy nghĩ: Có cách nào giúp cho việc tính toán gọn nhẹ, ít nhầm lẫn không?

Xuất phát từ sự thôi thúc đó, sau hơn một năm mầy mò tìm hiểu không nản, Lương đã sáng chế ra chiếc bàn tính, một công trình Lương rất đặc ý. Lương sung sướng thấy hoài bão của tuổi thơ đã được thực hiện⁽²⁾.

★
★

1. Trạng đo đạc.

2. Theo Trần Quốc Vượng (tạp chí *Tổ quốc* năm 1964).

Tiếng sáo diều vẫn chiều chiều cất lên ở Cao Hương. Tiếng sáo đã thực sự trở thành nỗi nhớ đối với người dân vùng này từ hơn mười năm rồi. Nghe sáo diều, người Cao Hương biết được giờ giấc. Hơn thế nữa, biết được cuộc sống của người ân nhân vui tính, giản dị của họ. Có lẽ vì biết vậy, nên dù có lúc không được khỏe, Lương Thế Vinh vẫn tung bổng cánh diều, say sưa tâm sự với thứ âm thanh quen thuộc đó.

Nhân dân Cao Hương yêu mến Lương Thế Vinh. Nhưng yêu hơn vẫn là đám học trò đã và đang học Lương. Cứ đến mùa sen nở, Lương lại một lần tiễn học trò mình đi thi. Học trò Sơn Nam đến theo học Lương ngày càng đông và không ít người đã thành đạt.

Rút bài học từ bản thân mình, Lương rèn cho học trò một cách học thông minh: khi học ra học, khi chơi ra chơi, không học ngày học đêm theo cách sôi kinh nấu sử. Học trò Lương không ai là không biết câu chuyện trước khi thi đỗ trạng của thầy dạy họ. Câu chuyện đã lâu mà mỗi lần nhắc lại, đám học trò vẫn háo hức, say mê: ngày ấy, cách kỳ thi 3 tháng, ở nhà buồn, Lương Thế Vinh đến thăm Quách Đình Bảo, một học trò cũng nổi tiếng học giỏi ở làng Phúc-khê thuộc xứ Sơn-nam hạ ⁽¹⁾. Mới đến đầu làng Phú Khê, nhân ghé vào quán hàng nước nghỉ chân, Lương Thế Vinh nghe người ta kháo chuyện với nhau về việc Quách Đình Bảo học ngày học đêm ráo riết lắm. Lương Thế Vinh bàn góp vào, cười mà nói: « Kỳ thi gần đến nơi mà hầy còn cố sức học, anh này chẳng qua cũng chỉ có tiếng hảo thôi, chứ trong bụng cũng chẳng có gì uần súc cho lắm ». Vinh còn nói thêm: Tôi cũng định vào thăm bác Quách chơi đây. Nhưng có lẽ chỉ quấy bác ấy mất học, đành về vậy ».

1. Nay là vùng Thái Bình, Nam Định.

Lúc Quách Đình Bảo ra chơi hàng, bà chủ hàng kể chuyện lại. Đình Bảo nói: « Người ấy chính là Lương Thế Vinh ». Đình Bảo liền sửa soạn hành trang sang thăm Lương Thế Vinh. Đến nơi, Lương Thế Vinh không có nhà. Quách Đình Bảo được người nhà Lương đưa ra ngoài cánh đồng xa, thì thấy Lương Thế Vinh đang thả diều giấy, nô đùa với trẻ con trong làng. Quách Đình Bảo thất kinh nói: « Thôi, tài học người này ta không thể nào theo kịp ». Nói rồi lủi thủi ra về, không gặp Lương nữa, mà từ đó cũng không dúi mài sách vở khắc khổ nữa. Khóa ấy Lương Thế Vinh đỗ trạng, Quách Đình Bảo đỗ thứ ba ⁽¹⁾.

Tuổi ngày càng cao nhưng cũng như cái thích thả diều, hàng ngày Lương Thế Vinh vẫn thường la cà ở các quán nước, nhất là quán có cây đa cổ thụ tỏa bóng râm mát cả một vùng rộng ở làng bên. Đối với Lương đó cũng là một cách giải trí có ý nghĩa. Lương có thể nghe được nhiều điều hay, dở để răn dạy học trò, răn dạy người đời và cũng để sửa mình nữa. Đối với việc răn dạy người đời, Lương cũng rất hóm hỉnh.

Có một lần, vừa từ quán nước làng bên trở về Lương gặp một đoàn người đang thay nhau vồng một viên huyện quan, trống kèn ầm ỹ. Thấy Lương Thế Vinh không cúi đầu chào, viên huyện quan cho vồng dừng lại quát mắng Lương; thậm chí bắt Lương phải vào khiêng quan.

Không tỏ thái độ bức bối, Lương Thế Vinh thông thả vào cẳng tên huyện quan và nhân nhục nghe tên này mắng thêm nhiều điều độc địa.

Càng được một đoạn dài, nhân gặp người quen, Lương Thế Vinh xin được dừng lại nghỉ và bảo người đó:

1. Thám Hoa.

— Anh về bảo thằng thám Bả, học trò ta ở làng này, ra cang ngoài huyện quan thay cho ta tuổi già sức yếu.

Nghe thấy người đồ đến Thám Hoa lại là học trò của ông già này, viên huyện quan hoảng hốt, quý sụp trước mặt Lương Thế Vinh, cất giọng chua như dấm:

— Xin đại quan tha tội cho con. Con thực không biết.

Thấy viên quan nước da vàng khè như người có chứng đau gan nặng, Lương Thế Vinh bỗng động lòng, nhưng vẫn nói:

— Nhà người hãy đứng dậy, đừng có sụp lạy như thế. Ta là thằng Lương Thế Vinh mà người không biết sao?

Nghe tên Lương Thế Vinh, viên huyện quan tái mặt đi và lại quý xuống.

— Lạy quan Trạng! Con đáng tội chết a.

Một lần nữa, Lương Thế Vinh nhắc viên huyện quan đứng dậy:

— Ta chỉ muốn nhà người từ nay trở đi không được hống hách sách nhiễu thiên hạ mà thôi.

Từ đó viên huyện quan không dám ức hiếp, bắt nhân dân vồng cang như trước.

Mùa hè năm đó, nhân dân Cao Hương không còn được nghe tiếng sáo diều thân thương nữa. Lương Thế Vinh bị mất sau một trận ốm dài ngày, để lại lòng thương tiếc vô hạn đối với người dân Cao Hương...

QUỲNH CƯ

NGÔ THỊ NHẬM

I

Nhà Ngô Thị Nhậm ở trên bờ sông Nhuệ. Từ đấy về kinh thành, đi cang đôi, chạy gần, chỉ mất chưa đầy nửa buổi. Ngô Thị Nhậm vì vậy hay ở quê nhà, mặc dù ông làm quan to trong triều. «Hàn lâm hiệu thảo lễ khoa cấp sự trung» là một chức quan có tiếng tăm của Ngô Thị Nhậm ở triều vua Lê. Nhưng chức Gia thần và Tuy giảng của thế tử nhà Trịnh mới tạo cho ông một cái thế đặc biệt. Chúa tin cậy, vua nể vì, và thế tử sắp nối nghiệp thì kính sợ. Còn các quan trong triều ngoài trấn, hiển nhiên là phải quý trọng.

Nhưng Ngô Thị Nhậm vẫn không thích ở nơi đình thự tại kinh thành. Ông thường tìm dịp về quê nhà — làng Tả Thanh Oai, trấn Sơn Nam⁽¹⁾. Ngôi nhà gỗ lớn mà thanh bạch, chỉ mới được mở mang từ khi Ngô Thị Sĩ, thân phụ của Nhậm, sau một thuở hàn vi dài, nhờ tài học và đức độ, được chúa Trịnh vời vào triều, cho làm quan. Làm quan rồi mới thi đỗ tiến sĩ. Và chỉ chiếm bằng vàng bia đá trước con trai có 9 năm.

Ngô Thị Nhậm hẳn là chịu nhiều ảnh hưởng của cha cũng như của dòng họ mình. Gia đình họ Ngô Thị ở Tả

1. Nay là xã Đại Thành, huyện Thanh Oai, Hà Tây.

Thanh Oai là một gia đình nho học nổi tiếng, liền 7 đời sản sinh những nho sĩ có tên tuổi trong sử sách và học thuật nước nhà. Ngô Thi Nhậm cũng là một người kiệt liệt trong số ấy. Khoa thi Hội năm Ất Mùi (1775), 29 tuổi, Nhậm đỗ tiến sĩ. Ngay khi ấy, tiếng đồn về học vấn và tài văn chương của quan tân khoa tiến sĩ đã lây lừng khắp ngả. Và nho sĩ quan lại, cũng từ khắp ngả tìm đến kết thân. Thơ phú xướng họa, rồi những lời khuyên bảo cặn kẽ, những hành động giúp đỡ hết lòng — tài năng, sự chín chắn và thái độ chân tình của Ngô Thi Nhậm đã nhanh chóng chinh phục được các danh sĩ và bạn đồng liêu. Dinh thự họ Ngô ở kinh thành không lúc nào vắng khách khứa, bạn bè.

Nhưng Ngô Thi Nhậm chẳng bao giờ để cho mình bị lôi cuốn vào những chuyện phù phiếm. Chăm việc quan, Ngô cũng chăm cả việc đọc sách và trước thuật. Sở dĩ lưu luyến cảnh quê hương tỉnh mặc mà xa lánh chốn đô hội, có phần cũng vì Ngô Thi Nhậm đang say với việc trước thuật của mình. Thêm chương, thêm bài cho bộ *Hí doãn văn tập*⁽¹⁾ đã khá đầy đặn, Ngô Thi Nhậm còn dồn sức viết vào bộ *Hoàng Lê nhất thống chí* đang làm cho ông mê mải từ ít lâu nay.

Từ ít lâu nay, cuộc đời làm quan dần dần trở nên vô vị đối với Ngô Thi Nhậm. Các cơ chính khiến ông năng tìm dịp lánh mình về ở chốn quê nhà là ở chỗ ấy. Và bộ sách *Hoàng Lê nhất thống chí* mà ông đang dày công khởi thảo, chính là nơi hóa thân của những sự việc rối ren đang diễn ra trong cuộc đời làm quan của Ngô Thi Nhậm đó.

Viên quan trẻ họ Ngô xử thế thận trọng như tinh tình nghiêm cần của mình. Nhưng cái chế độ mà ông bỏ tâm

1. Tập văn của Hí Doãn (tên hiệu của Ngô Thi Nhậm).

sức đắp xây, hàn găn, thật đã quá mục nát. Tiếng dân ta thán tưởng đã thấu đến trời. Những cuộc nổi dậy bùng ra ở khắp xứ. Vậy mà trong phủ, ngoài triều, tôn thất, quý tộc và quan lại vẫn chỉ chăm việc hành lạc và tranh chấp thoán đoạt. Tuổi trung niên sung sức làm việc của Ngô Thi Nhậm đã phải mất quá nhiều ngày tháng để giữ mình và đối phó với những âm mưu, cạm bẫy phiền toái như thế.

Vụ án lớn mà Ngô Thi Nhậm buộc phải tham gia khi vừa tròn 35 tuổi, là vụ mưu phản loạn của chính ngay thế tử Trịnh Tông, học trò của ông. Lo ngôi chúa của mình bị Đặng Thị Huệ — cung phi đang được cha mình quá sức sủng ái — lăm le kết bè đảng, đưa đưa em cùng cha khác mẹ là Trịnh Cán ra tranh mất, Trịnh Tông đã ngầm liên kết với các chức Trấn thủ Kinh Bắc, Sơn Tây dấy quân cướp ngôi. Công việc chẳng may bại lộ. Chúa Trịnh nổi cơn lôi đình, giao ngay vụ án cướp ngôi cho Ngô Thi Nhậm xét xử. Lúc ấy Ngô cũng vừa được thăng chức Thị lang bộ Công.

Quan tân Thị lang bị đẩy vào một tình thế rất khó khăn. Một bên, Trấn thủ Kinh Bắc Nguyễn Khắc Tuấn, Trấn thủ Sơn Tây Nguyễn Khắc, đều là chỗ bè bạn thâm giao. Và Trịnh Tông cũng là học trò. Nhưng một bên nữa, còn là nhiệm vụ và sự thúc ép của chúa Trịnh, cùng bè đảng của Đặng Thị Huệ. Tài trí đến mấy cũng phải lúng túng trong cảnh ngộ này!

Giữa lúc ấy, bỗng có tin từ Lạng Sơn báo về: Trấn thủ Ngô Thi Sĩ bị bệnh mất! Việc tang ma đối với kẻ sĩ là hệ trọng hàng đầu. Ngô Thi Nhậm lập tức xin cáo quan về chịu tang cha...

Ma chay xong, Ngô Thi Nhậm vẫn đóng cửa ở lại chốn quê nhà. Người có đại tang phải xa lánh thế sự trọn ba năm. Thật chẳng có dịp nào tốt hơn để rời bỏ cái sân khấu chính trị đầy bất trắc lúc ấy. Nhưng tin dữ

vẫn từ kinh thành lọt qua cửa mà tới tai người ở ẩn: bọn Nguyễn Khắc Tuấn đều đã bị giết; thế tử Trịnh Tông bị hạ ngục. Sau đó, chúa Trịnh cũng mất. Phe đảng Đặng Thị Huệ phò Trịnh Cán lên ngôi. Nhưng kêu binh các trấn Thanh — Nghệ phá ngục cứu Trịnh Tông, phế Trịnh Cán, giết phe đảng Đặng Thị Huệ...

Ngô Thi Nhậm ôm đầu thở dài. Ông đang cảm thấy có một sự rạn nứt quá lớn. Không, hơn thế nữa, một sự sụp đổ, rõ ràng. Ít lâu nay, vàng trán hằn những nếp nhăn quá sớm, ông thường suy nghĩ miên man về thế sự. Lại chú ý tra tìm kinh sách nhà Phật. Ông có ý định viết thêm một cuốn sách nữa — cuốn sách triết lý *Trúc lâm tôn chỉ nguyên thanh*...⁽¹⁾

★ ★

Khởi trầm từ chiếc lư đồng nhỏ, vòn một làn hương thơm ngát. Ngô Thi Nhậm ngồi im lặng trước án thư. Ông vừa nhận được một phong thư lạ. Khách đưa thư, người bầm đầy bụi đường trường, chợt đến rồi lại chợt đi, lặng lẽ nhưng chẳng có chút ngỗ ngàng nào. Quanh đây, dường như vẫn có những cặp mắt từ xa chăm chú dõi theo...

« Kể từ ngày được cùng Ngài hội ngộ, Kỷ tôi vẫn một lòng tưởng nhớ... » — Ngô Thi Nhậm nhẩm khẽ lại lá thư. Phải, Trần Văn Kỷ, danh sĩ đất Thuận Hóa ⁽²⁾, mấy năm trước, lặn lội từ Đàng trong ra kinh thi Hội, có tìm đến gặp Ngô ở nơi dinh thự. Người khách xứ xa ấy, chỉ một lần sơ kiến mà đã để lại cho Ngô Thi Nhậm

1. Cuốn sách này Ngô Thi Nhậm đã hoàn thành vào lúc cuối đời.

2. Nay là Thừa-thiên—Huế.

những ấn tượng thật sâu... Giờ đây, từ nơi con người ấy, một phong thư đã vượt trăm nghìn đường đất, đến nằm lặng lẽ ở góc án thư kia. Những lời thăm hỏi hàn huyên mà sao như rõ từng đường tơ mối chỉ rối bời ở trong nỗi lòng u ẩn của người ở ẩn. Lá thư, chỉ đến đoạn cuối mới có những dòng mang dụng ý — những hàng chữ nhấn nhủ: ở ấp Tây Sơn, áo vải cờ đào, một bậc anh hùng cái thế đã xuất hiện, tài trí và sức mạnh xưa nay chưa từng thấy Nguyễn Huệ, bậc cái thế anh hùng ấy, chí lớn trùm thiên hạ, chẳng bao lâu nữa sẽ thôn tóm giang sơn thành một mối...

Ngô Thi Nhậm khẽ thở dài: « Ông ta đã tìm được chân chúa... » — thở dài gần đây cũng đã trở thành thói quen đến quá sớm đối với một người chỉ mới bốn chục xuân thu như Ngô — « Trần Văn Kỷ vậy là đã có phận của ông ta. Nhưng còn ta, trung thần bất sự nhị quân⁽¹⁾ đã đem thân phò chúa Trịnh, thờ vua Lê, làm sao có thể mang lòng dạ khác? » — Và, Ngô Thi Nhậm lại khe khẽ thở dài...

Tiểu đồng chợt báo tin: nhà lại có khách! — Khẽ chau mày, tuy vậy, Ngô Thi Nhậm vẫn đứng dậy, cẩn thận sửa lại khăn áo rồi mới bước ra thềm.

Khách còn trẻ, nhưng bộ mặt và thân hình đã phì nộn trước tuổi, chiếc khăn thư sinh màu xanh không che nổi khoảng tóc trán cũng đã sớm rụng trơ trụi. Chủ nhân còn đang ngỗ ngàng thì khách đã tự xưng tên tuổi: Cậu ấm Đặng Trần Thường vốn nhà hào phú trong miền... Và vừa phân ngôi chủ khách thì cũng lại cậu ấm Thường ấy đã dáo miệng ngay: xin được trình đại nhân về lời đồn của thiên hạ...

Câu chuyện từ cửa miệng có cặp môi mỏng, giáo hoạt của Đặng Trần Thường hôm ấy khiến Ngô Thi Nhậm

1. Tôi trung không thờ hai vua.

quá đời sống sót. Có kẻ nào đã phao lên tin chính Ngô là người đã tổ giặc vụ án cướp ngôi của thế tử Trịnh Tông! Và để được thăng lên chức Thị Lang, như thế là Ngô đã giết hại đến bốn mạng người, trong đó có cả cha mình: Ngô Thị Sĩ — vì không ngăn nổi con trai đừng làm việc bất nhân bất nghĩa, đã tự vẫn! « Sát tứ phụ nhi Thị lang » (1) — Đặng Trần Thường đã thản nhiên đọc lại câu ấy cho Ngô Thị Nhậm nghe.

Nhưng chưa phải đã hết. Đây mới chỉ là câu chuyện mào đầu. Lặn lội tới tận Tả Thanh Oai, cố sức cầu cạnh nhà ẩn sĩ họ Ngô mà chẳng chóng thì chầy, thế nào rồi cũng sẽ lại xuất đầu lộ diện ở chốn quan trường — đây mới là dụng ý chính của Đặng Trần Thường. Nhờ vả, cầu khẩn từ trước, hẳn đến lúc hữu dụng, việc tiến thân sẽ trôi chảy rất nhanh — Thường tính toán như vậy. Và vội vã, theo cung cách của những kẻ mờ mắt vì công danh thời ấy, Thường đã cố tìm cách ton hót thật vụng về...

Nhưng — không may cho Thường — từ sống sót đến phiên muộn. Ngô Thị Nhậm tê tái vì miệng lưỡi thế gian bao nhiêu, lại càng đau xót bấy nhiêu vì sĩ khí quá thấp kém của những kẻ đường đột, trắng trợn và đại ngu như Đặng Trần Thường. « Quan trường mà đầy rẫy những đứa thế này thì vận nước đến ngày không thể trông cậy được nữa rồi! ». Lặng lẽ, dầm bút vào nghiên mực, Ngô Thị Nhậm viết nhanh hàng chữ bỏ dờ dang: « Công, hầu, khanh, tướng, vòng trần ai... ». Sau đấy, buông bút, ông lui vào buồng trong, gọi tiểu đồng dẫn khách xuống nhà ngang, truyền cho phải làm tiếp một bài phú, để thử văn tài.

1. Giết bốn người cha để làm Thị lang.

Ngô Thị Nhậm đi thẳng ra bờ sông Nhuệ, tới chỗ ngồi quen thuộc trên rễ cây si già gần mé nước. Lơ đãng nhìn những chiếc tầm cá nổi trên dòng nước đục, ông vờ tay cầm lấy chiếc cần trúc ngà. Và thả dây câu...

II

Kinh thành Thăng Long bề ngoài lạnh vắng, lở đổ những dinh thự, phủ đệ đồ nát, cháy trụi: mấy con binh lửa và việc báo oán trả thù đã lướt nhanh qua đây. Nhưng bên trong thì ỉ ảm, sôi sục, kinh thành đang trấn trở chuyển mình.

Đại doanh quân Tây Sơn khi ấy đóng ở phía Nam kinh thành, quanh vùng phủ chúa cũ. Đạo quân nông dân khởi nghĩa ấy, chỉ sau mấy trận trức chế ngôi tan, một lúc đã lật nhào cả các chế độ cũ mà non ba trăm năm tồn tại đã làm mục nát cả mấy chiếc ngai vàng và ngôi chúa Lê Trịnh. Tướng Tây Sơn bách chiến bách thắng Nguyễn Huệ, dựng lều trại ở ngay giữa đại doanh của mình.

Từ chiếc lều trại ấy, lệnh truyền đi: hết thầy các quan văn võ của triều cũ đều phải tới trực sẵn ở dinh bộ Lễ để theo lễ quan Võ Văn Ước đi yết kiến chúa Tây Sơn!

Ngô Thị Nhậm, từ nơi ở ẩn chốn quê nhà, đón nhận lệnh ấy mà buồn vui lẫn lộn. Từ trong nén đê khổ sở đã mấy năm, con người ham hoạt động, khao khát việc kinh bang tế thế ở trong ông bỗng sống dậy, khắc khoải bồn chồn. Vậy là Nguyễn Huệ, chí lớn trùm thiên hạ, như lời thư của Trần Văn Kỷ đã có lần nhắc gọi, bây giờ đã làm cuộc đổi đời ở đây rồi. Con người ấy đang

ra lệnh gọi Ngô Thi Nhậm. Dịp tái tạo là đây rồi chăng? Nhưng đã đem thân thờ vua khác, liệu ân nghĩa mới có được vẹn toàn không?

Ngồi ngang tâm sự, Ngô Thi Nhậm bước vào dinh bộ Lễ khi trời còn rất sớm. Võ Văn Ước, người Đảng trong chưa thạo việc, ngỡ Nhậm là hoàng tử nhà Lê, vội mời ngồi ngang với mình trên sập cao. Trời sáng dần, và già, trẻ, cao, thấp, các bạn đồng liêu cũ của Nhậm lục tục kéo đến. Từ dưới thềm xa, những cựu thần triều Lê ấy đã phải lạy chào Võ Văn Ước. Ngồi nhận lạy như thế, có cả Ngô Thi Nhậm. Ấy náy không yên vì chuyện ngộ nhận ác hại ấy, Ngô Thi Nhậm vội đứng dậy và... lúng túng đi ra. Võ Văn Ước ngạc nhiên hỏi tả hữu:

— «Người vừa ngồi đây là ai vậy?»⁽¹⁾

Có tiếng trả lời:

— «Đây là văn ban Ngô Thi Nhậm!»

Cơn giận của Ước bùng ngay ra giữa đám quan lại nhốn nháo:

— Ta vâng mệnh cai quản tất cả, sao lại được vô lễ thế!

Và một đám quân sĩ được tung ngay đi tìm bắt «con người vô lễ» ấy!

Vậy là cả ngày hôm đó, chỉ vì một chuyện vặt không đâu, Ngô Thi Nhậm đã phải mất công ân tránh vất vả. Lo lắng, bức bối, chợt nhớ đến Trần Văn Kỷ mà ông đoán chắc thế nào cũng đã được trọng dụng trong trướng lệnh Nguyễn Huệ, Ngô Thi Nhậm tìm đường đến thẳng đại quân Tây Sơn đều kinh cần gọi là quan Trung thư lệnh Kỷ lễ hầu.

1. Những câu đối thoại đặt trong dấu ngoặc kép từ đây trở đi, đều trích nguyên theo *Hoàng Lê nhất thống chí* và *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*.

Xăm tối, Ngô Thi Nhậm đã có mặt ở chỗ Trung thư lệnh Kỷ lễ hầu. Cổ tri, tri kỷ tìm được nhau, nhất là trong cảnh ngộ này, sự mừng tủi, vô vấp dăm thắm là hiển nhiên. Trần Văn Kỷ nói ngay với Ngô Thi Nhậm:

— «Ông là bậc kỳ tài, không may bị tiếng gièm pha, trốn tránh hơn năm sáu năm nay, những sự tích lũy hẳn là càng thêm tinh túy. Nay ra ứng dụng với đời, chính là hợp thời quá! Tôi đã đem tên ông trình với chúa thượng. Người khen tài ông có thể dùng làm việc lớn. Chính chúa thượng đã sai tôi đi tìm ông. Vậy không phải cần gì đến ông Ước nữa!⁽¹⁾»

Câu chuyện rắc rối với Võ Văn Ước qua rồi thì trở thành trò vui. Cười với nhau cho hả, Trần Văn Kỷ sốt sắng dẫn Ngô Thi Nhậm đi thẳng đến chỗ Nguyễn Huệ ngay.

Đêm hôm ấy, một đêm tháng năm, năm Mậu-Thân (1788), ánh sáng rực rúc của những cây đèn liêu nơi lầu trạn của Nguyễn Huệ đã soi tỏ cuộc gặp gỡ giữa người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ và viên quan văn tài trí mà lặn đạn Ngô Thi Nhậm.

Thân hình cao lớn bó gọn trong bộ vũ phục đỏ, tóc quấn da sẵn, mắt sáng như chớp, tiếng nói như chuông⁽²⁾, Nguyễn Huệ thẳng thắn và cởi mở, vỗ về Ngô Thi Nhậm:

— «Ngày trước, người vì chúa Trịnh không dong, một mình bỏ nước mà đi. Nếu ta không đến đây, người làm sao thấy được bóng mặt trời? Có nhẽ đó cũng là ý trời muốn đề dành người tài cho ta dùng. Vậy người hãy cố gắng mà lo việc báo đáp. Thế là được!»

1. Văn dẫn theo *Hoàng Lê nhất thống chí*.

2. Hình ảnh này của Nguyễn Huệ, thấy ghi trong *Đại nam chính biên liệt truyện sơ tập*.

Ngân sang phía Trần Văn Kỳ, Nguyễn Huệ tiếp luôn :
— « Đây là người do ta gây dựng lại. Nên thảo ngay tờ chế, phong làm chức Thị lang bộ Lại, tước Tinh phái hầu, cùng với Võ Văn Ước coi tất cả các quan văn võ của nhà Lê! »

Sức mạnh quả quyết, dứt khoát và thẳng thắn ở con người đứng đầu quân Tây Sơn ấy đã hoàn toàn chinh phục Ngô Thị Nhậm. Đắn đo, bần khoản đến mấy thì trước sức mạnh tự nhiên mà kỳ lạ ấy, cũng đều tan biến. Ngô Thị Nhậm chỉ còn biết cúi đầu, tạ ơn...

Quả là Ngô Thị Nhậm đã được tái tạo. Con người đã vào tuổi 42 ấy như trẻ hẳn lại. Ông làm việc mê mải như để bù lại cho thời gian đã mất đi trong mấy năm qua. Nhưng thật ra, chính là để báo đáp cho cái chế độ mới, đã gây dựng lại cho ông — đúng như lời Nguyễn Huệ đã nói.

Người đứng đầu triều Tây Sơn quả là có con mắt tinh đời và có tài dùng người. Ở lại Thăng Long chỉ một thời gian ngắn để nhanh chóng giải quyết những công việc lớn của Bắc Hà, Nguyễn Huệ ngay sau đấy đã lại dẫn quân về Phú Xuân⁽¹⁾; Đàng trong còn nhiều việc cần thiết đang chờ đợi hơn. Mở tiệc tiễn biệt trước lúc lên đường, Nguyễn Huệ đã cho triệu tập năm viên quan tướng thân tín, cố cựu của mình : Đại tư mã Ngô Văn Sở, Nội hầu Phan Văn Lân, Chưởng phủ Nguyễn Văn Duyệt, Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết, Thị lang bộ Hộ Trần Thuận Ngôn. Và thêm vào đấy là Ngô Thị Nhậm. Chúa Tây-sơn nói với tất cả, giọng tin cậy mà thân thiết:

1. Nay là thành Huế.

— « Sở và Lân là nanh vuốt của ta; Duyệt và Ngôn là tâm phúc của ta; Tuyết là cháu của ta; còn Nhậm thì vừa là bề tôi vừa là khách của ta, lại là dòng văn học Bắc Hà thông thạo việc đời. Nay ta giao cho các người cả mười một trấn trong toàn hạt. Những việc quan trọng trong nước, đều cho tùy tiện mà làm. Mọi việc cùng nhau họp bàn ổn thỏa, chớ vì kẻ cũ người mới mà xa cách nhau. Ai nấy phải đồng lòng hiệp sức, lo chung công việc để xứng đáng với sự trông nom của ta. Các người hãy cố gắng nữa lên! »

Nói rồi, lên đường.

Được đặt vào một vị trí như thế và với một thái độ như thế của chúa Tây Sơn, giữa những người đã bao năm vào sinh ra tử theo Nguyễn Huệ, Ngô Thị Nhậm càng chỉ còn có một cách hết lòng chăm lo công việc, cảm kích mà phấn chấn.

Và việc lớn đã đến. Cùng với những trận gió rét cuối năm tràn về là tin cấp báo từ quan ải: tên vua Lê Chiêu Thống cũng rắn cẳng gà nhà đã rước 29 vạn quân Mãn Thanh vượt qua biên giới!⁽¹⁾

Những bày tôi trung của Nguyễn Huệ chịu mệnh trông nom đất Bắc Hà vội vàng vào cuộc họp bàn. Ý kiến gần như đã thống nhất. Và Chưởng phủ Nguyễn Văn Duyệt là người đầu tiên nói ra ý kiến ấy:

— « Hồi cuối đời Trần, người Minh sang lấn nước ta. Bấy giờ Lê Thái Tổ khởi nghĩa vùng Lam Sơn, thế lực không địch nổi họ. Nhưng hành binh theo cách khôn ngoan, lại hay dùng mưu mẹo giỏi giang, rồi nhờ khéo dùng cách mai phục, nhân lúc quân giặc không

1. Số liệu dẫn theo thư bang giao của Ngô Thị Nhậm với Nhà Thanh.

phòng bị mà đánh úp, cho nên có thể lấy ít quân mà đánh được kẻ nhiều quân. Võ công tuyệt lạ, ngàn thuở ngợi khen.

Nay người Thanh ở xa đến đây, trèo đèo vượt suối, ta lấy quân nghỉ ngơi mà đón đánh quân nhọc mệt, nhắm trước các nơi xung yếu, cho quân nấp sẵn để chờ, cứ làm theo kế ấy, lo gì không thắng? ».

Lập luận thật đã rành mạch; lại có cân nhắc cả kinh nghiệm xưa và tình hình trước mắt, nhất là phản ánh đầy đủ tư tưởng truyền thống quyết đánh của quân Tây Sơn! Bởi vậy, Ngô Thị Nhậm càng thấy bồn chồn không yên. Trách nhiệm của người thông thạo việc Bắc Hà mà Nguyễn Huệ giao cho cũng càng đè nặng trên ông. Và ông quả quyết phản bác ngay:

— « Không phải thế đâu! Việc thiên hạ, tình tuy có giống nhau, nhưng thế lại có khác nhau. Sự được thua do đó cũng khác hẳn. Xưa kia quân Minh buông tuồng làm điều tàn bạo, người trong nước ai cũng muốn đuổi chúng đi, cho nên vua Lê Thái Tổ chỉ gọi một tiếng là xa gần hưởng ứng. Lòng người như thế nên hễ chỗ nào có quân mình mai phục thì người ta đều giấu kín cho, khiến giặc không hề biết. Sở dĩ thắng được giặc, đều bởi có ấy.

Ngày nay, những kẻ bầy tôi trốn tránh của nhà Lê, đầu đầu cũng có, nghe tin quân Thanh sang cứu, họ đều nghênh cổ mà trông. Sĩ dân trong nước giành nhau mà đón chúng. Quân ta mai phục ở đâu, địa thế hiểm hay không, số quân nhiều hay ít, quân giặc chưa biết thì họ đã báo trước với chúng. Quân cơ bị tiết lộ, tự nhiên mất hết mọi việc tiện lợi. Ấy là mình tự hãm mình vào chỗ chết. Còn hòng đánh úp được ai? ».

Tình thế quả là nghiêm trọng. Nhưng đây lại chính là sự thực! Các tướng lĩnh Tây Sơn đều giật mình trước

con mắt nhìn tinh tường của Ngô Thị Nhậm. Ngô Văn Sở gắng hỏi:

— Vậy thì nên làm thế nào?

Ngô Thị Nhậm lúc ấy mới dẫn do cân nhắc:

— « Phép dụng binh chỉ có một đánh, một giữ mà thôi. Nay quân Thanh sang đây, tiếng tăm rất lớn. Những kẻ trong nước lam nội ứng cho chúng, phần nhiều lại phao tin đồn nhảm, làm cho thanh thế của chúng to thêm, dễ cho lòng người sợ hãi, lay động. Số người Bắc Hà thuộc vào sổ quân của ta, hễ gặp dịp sơ hở là bỏ trốn liền. Đem đội quân ấy mà đánh, không khác gì xua bầy dê đi chơi cộp dũ. Không thua sao được?

Đến như việc đóng cửa thành mà cố thủ, thì lòng người đã không vững, ắt thế nào cũng sinh ra mối lo ở bên trong. Thật chẳng khác gì đem một con chạch bỏ vào giỏ cua!

Đánh đã chẳng được, mà giữ cũng không vững. Vậy thì cả hai lược đánh và giữ đều không phải là kế hay... ».

Nhiều khắp một lượt những khuôn mặt căng thẳng vì chăm chú lắng nghe của các tướng lĩnh Tây Sơn, Ngô Thị Nhậm nghỉ một lúc rồi dẫn giọng nói tiếp:

— « Nghĩ cho cùng thì chỉ còn một cách này: sớm truyền cho thủy quân chở đầy các thuyền lương, thuận gió giương buồm, ra thẳng cửa biển, đến vùng Biện Sơn⁽¹⁾ mà đóng. Quân bộ thì sửa soạn khí giới, gióng trống lên đường, lui về giữ núi Tam Điệp⁽²⁾. Hai mặt thủy bộ liên lạc với nhau, giữ lấy chỗ hiểm yếu, rồi cho người chạy giấy về bẩm với chúa công. Thử

1. Vùng biển ở phía nam Thanh Hóa bây giờ.

2. Vùng núi giữa Ninh Bình và Thanh Hóa ngày nay.

xem quân Thanh đến thành, khu xử việc nhà Lê ra sao? Vua Chiêu Thống san khi phục quốc, xếp đặt việc quân việc nước thế nào? Chờ chúa công ra, bấy giờ sẽ quyết chiến một phen, cũng chưa muộn gì!»

Những người dự bàn đều thở ra một hơi nhẹ nhõm. Thật là cả một kế sách vẹn toàn mà thần tình, chủ động! Tuy vậy, Ngô Văn Sở vẫn còn băn khoăn:

— «Chúa công về Nam, đem thành này giao phó cho ta. Giặc đến thì phải sống chết với giặc, còn mất với thành, trên không then là kẻ bề tôi giữ đất, dưới không phụ chức trách cầm quân. Nếu mới thấy bóng giặc mà đã trốn, bỏ thành cho giặc, thì chẳng những mang tội với chúa công, mà người Bắc còn coi ta ra cái gì?».

Đấy chính là điều băn khoăn trước tiên và cũng là cuối cùng của một kẻ cầm quân có trách nhiệm. Cho nên Ngô Thị Nhậm rành rẽ thuyết phục luôn:

— «Tướng giỏi đời xưa, lường thế giặc rồi mới đánh, nắm phần thắng rồi mới hành động, tùy theo tình thế thay đổi mà bày ra chước lạ. Cũng giống như đánh cờ, trước thì chịu thua người: một nước, sau mới được người ta một nước, đừng có đem nước sau làm nước trước thế mới là tay cao cờ,

Nay ta bảo toàn lấy quân lực mà rút lui, không bỏ mất một mũi tên, cho chúng ngủ trọ một đêm rồi lại đuổi đi. Nếu có vì thế mà mắc lỗi, tôi xin sẽ bộc bạch với chúa công, thế nào cũng được chúa công lượng xét. Xin ông chờ nghỉ ngơi».

Lập luận và thái độ như thế của Ngô Thị Nhậm cuối cùng đã hoàn toàn chinh phục được các tướng lĩnh Tây Sơn. Rút khỏi Thăng Long, quân Tây Sơn sau đấy đã chỉnh tề đội ngũ kéo về Tam Điệp, lựa thế hiểm của núi và biển mà chia quân thủy bộ, dựa vào nhau án ngữ...

Từ nơi phòng ngự nghiêm mật ấy, đô đốc Nguyễn Văn Tuyết, rạp người trên lưng ngựa, ngày đêm gấp đường về Phú Xuân cấp báo...

*
**

«Nước cờ Tam Điệp» của Ngô Thị Nhậm quả là lợi hại. Và hiểu được nước cờ ấy, cũng như hiểu được cả người đã đi nước cờ ấy, lại cũng không phải ai khác mà chính là Nguyễn Huệ!

Vào những ngày giáp tết Kỷ Dậu (1789), dẫn đầu 10 vạn tinh binh từ Phú Xuân qua Thanh — Nghệ đi đánh giặc Thanh, Nguyễn Huệ đã ra đến Tam Điệp. Ngô Văn Sở và các tướng lĩnh Tây Sơn đi đón chủ tướng, đều mang gươm trên lưng, xin chịu tội. Nguyễn Huệ rất vừa lòng trước thái độ ấy của những tôi trung của mình. Và chúa Tây Sơn bắt đầu quở trách mà chẳng có chút giận dữ nào trong từng lời:

— «Các người đem thân thờ ta, đã làm đến chức tướng soái. Ta giao cho cả toàn hạt, lại cho tùy tiện làm việc. Vậy mà giặc đến, không đánh nổi một trận, mới nghe tiếng đã chạy trước. Binh pháp dạy rằng: «Quân thua chém tướng». Tội các người đáng chết một vạn lần!».

Nhìn khắp mặt các quan tướng. Nguyễn Huệ nói tiếp:

— «Song ta nghĩ các người đều là hạng vũ dũng, chỉ biết gặp giặc là đánh, còn việc tùy cơ ứng biến thì không có tài. Cho nên ta để Ngô Thị Nhậm ở lại làm việc với các người, chính là lo về điều đó! Bắc Hà mới yên, lòng người chưa phục, Thăng Long lại là nơi bị đánh cả bốn mặt, không có sông núi dễ nương tựa. Năm trước ta ra đánh đất ấy, chúa Trịnh quả nhiên không thể chống nổi, đó là chứng cứ rõ ràng. Các người đóng quân trợ

trội ở đây, quân Thanh kéo sang, người trong kinh kỳ làm nội ứng cho chúng, thì các người làm sao mà cử động được?».

Bốn bề tướng sĩ im phăng phắc. Cặp mắt lấp lánh những tia sáng thích thú của chúa Tây Sơn nhìn thẳng vào Ngô Thị Nhậm. Nguyễn Huệ thông thả nói:

— «Các người đã biết nhìn nhin để tránh mũi nhọn của chúng, chia ra chặn giữ các nơi hiểm yếu, bên trong thì kích thích lòng quân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng. Khi mới nghe nói, ta đã đoán là do Ngô Thị Nhậm chủ mưu. Sau hỏi Văn Tuyết thì quả đúng như vậy...».

Tất cả mọi cặp mắt của các quan tướng đều dồn vào Ngô Thị Nhậm. Bừng bừng như vừa nhấp một ngụm rượu nặng, Ngô Thị Nhậm sụp xuống, lay hai lay tạ ơn, nhưng chính là để tỏ nỗi lòng cảm kích đối với người chủ tướng, đồng thời cũng chính là bậc tri kỷ lớn nhất của mình.

«Nước cờ Tam Điệp» của Ngô Thị Nhậm như thế là đã được phân tích, đánh giá, từ một đầu óc chính trị sắc nhạy và một cặp mắt chiến lược tinh tường. Nước cờ ấy đã tạo ra cái thế thắng quyết định cho toàn bộ ván cờ xuân Kỷ Dậu của Nguyễn Huệ: quét sạch 20 vạn giặc Thanh xâm lược ra khỏi bờ cõi!

Nhưng người anh hùng của phong trào nông dân Tây sơn không chỉ đánh giá và sử dụng Ngô Thị Nhậm ở mức ấy. Dưới chân núi Tam Điệp, chính cũng vào những ngày giáp tết Kỷ Dậu, trước lúc kết thúc ván cờ lịch sử đại thắng 20 vạn quân Thanh, Nguyễn Huệ đã nói với tả hữu:

— «Lần này ta thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn. Chẳng qua mười ngày là có thể đuổi được người Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước

lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua một trận, ắt lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải phúc cho dân, nỡ nào mà làm như vậy?

Đến lúc ấy, chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi binh đao. Việc ấy, phi Ngô Thị Nhậm thì không ai làm được!».

Lại phải có con mắt rất sáng và lòng tin cực mạnh mới có được những lời lẽ phò thác như thế. Và quả nhiên, Ngô Thị Nhậm đã không phụ những lời ấy. Sau đông tổ sấm sét từ thanh gươm của Nguyễn Huệ giáng vào quân Thanh, là dịp tấn công tung hoành bằng ngòi bút của Ngô Thị Nhậm. Thảo thư, viết chiếu, nhiều lúc thay lời Quang Trung, liền trong mấy năm sau chiến thắng xuân Kỷ Dậu, đứng đầu tất cả mọi việc giao thiệp với triều đình nhà Thanh — khôn khéo, kiên trì, linh hoạt và táo bạo, đứng vững trên cái thế cao của cả một cuộc chiến thắng phục hưng và vĩ đại, Ngô Thị Nhậm chẳng những đã phá được mưu lược trả thù của nhà Thanh, mà lại còn xoay chuyển tình hình, buộc nhà Thanh phải chính thức công nhận triều đại Tây Sơn là triều đại chính thống của đất nước! Hơn thế nữa, chủ trương tạo ra một phái đoàn Quang Trung Nguyễn Huệ giả mạo, đi sang tận kinh đô nhà Thanh, Ngô Thị Nhậm còn làm cho cả triều đình Mãn Thanh phải tỏ hết thịnh tình và nghi thức ưu đãi, kính nể và cảm thông với những người làm chủ mới của non sông chiến thắng...

III

Những năm sống với Quang Trung Nguyễn Huệ là những năm đặc ý nhất trong toàn bộ cuộc đời của Ngô Thị Nhậm. Đây cũng chính là những năm mà đất nước

trải qua những cơn sóng gió và chuyển mình lớn lao. Đồng thời, đây cũng là những năm của những chiến công cực kỳ hiển hách của đất nước, gắn liền với sự hưng khởi của phong trào nông dân Tây Sơn. Ngô Thi Nhậm đã được luyện rèn từ trong một thời thế như thế. Và ông, chủ yếu là do vạch được một đường đi thẳng băng giữa thời thế ấy; gắn bó với phong trào Tây-sơn và sự nghiệp cứu nước, nên đã tạo ra được những đóng góp thật xuất sắc đối với thời thế lúc ấy. Từ chức Thị lang bộ Lại, ông đã làm đến chức Thượng thư bộ Binh.

Năm 1792, Nguyễn Huệ, người anh hùng dân tộc, đồng thời là minh chúa, ân nhân và tri kỷ của Ngô Thi Nhậm, đột nhiên trúng một cơn ác bệnh, từ trần giữa lúc còn đang ôm những hoài bão cao cả của mình, và những kỳ vọng lớn lao đặt dờ ở Ngô Thi Nhậm. Triều đại Tây Sơn từ đấy cũng suy dần.

Trong vòng 10 năm, từ sau khi Nguyễn Huệ mất đến khi nhà Tây Sơn sụp đổ, người ta thấy Ngô Thi Nhậm, một lần nữa, lại năng tìm dịp trở về sống ở ngôi nhà cũ trên bờ sông Nhuệ, làng Tả Thanh-oai. Mái tóc đã điểm bạc của ông lại cúi nghiêng trên án thư, Bộ óc lớn của ông, sau một thời gian hoạt động căng thẳng và ghi nhận thêm bao bài học và kinh nghiệm, lại tập trung vào việc trước thuật. Ghi chép, tổng kết việc giao thiệp với nhà Thanh, Ngô Thi Nhậm viết các bộ *Bang giao hảo thoại* và *Bang giao tập*. Những kiến thức về sử học, những kinh nghiệm chính trị, những suy nghĩ triết học, những cảm xúc sáng tạo về văn học, ông dồn vào việc hoàn thành và chỉnh lý các bộ *Xuân thu quán kiến*, *Kim mã hành dư*, *Hoàng hoa đồ phả*, *Yên đài thu vịnh*, *Cúc đường bách vịnh*, *Hán các anh hoa*, *Trúc Lâm tôn chỉ nguyên thoại*.



Một toán linh sắc phục lạ, ập vào nhà Ngô Thi Nhậm giữa lúc ông đang cầm cùi trước án thư. Chúng đóng gong đeo xiềng, đẩy ông vào cũi và khiêng thẳng về Thăng Long.

Từ mấy năm nay, Ngô Thi Nhậm đã lường trước được cơ sự này. Ông rất bình thản, dường như không chú ý đến xung quanh nữa.

Triều Tây Sơn thế là đã sụp đổ. Đương đầu với một kẻ thù gian hiểm là bọn Gia Long Nguyễn Ánh, sau khi Nguyễn Huệ mất, chẳng những nó đã thiếu một người cầm đầu kiệt xuất, mà lại còn đi vào cái róp xấu của những triều đại trước: bè đảng tranh chấp, sao lãng dân tình, ăn chơi sa đọa... Trong khi đó, bọn Nguyễn Ánh ra sức chiêu nạp từ những tên cường hào đến những tên du thủ, lại bám áo bọn người Tây-dương đang dòm ngó đất này, tìm hết cách chiếm lại ngôi chúa tể bằng bất cứ giá nào...

Không còn có cơ cứu vãn tình thế, cũng như không còn có dịp để thi thố tài năng, Ngô Thi Nhậm đành cố tìm cách lãng quên trong việc trước thuật. Và ông bình thản chờ đón việc sẽ phải xảy đến với mình. Sẽ đến lúc, chỉ còn ông với tấm lòng cô trung của ông mà thôi.

Nhưng đến khi bị dẫn vào dinh « Tổng trấn Bắc-thành », nhác trông thấy một hình thù quen, Ngô Thi Nhậm bất giác khẽ giật mình. Đặng Trần Thường! Phải, chính là cậu ấy họ Đặng, ngày trước đã thân đến tận nhà Ngô Thi Nhậm cầu cạnh nhờ vả, dề rồi bị cự tuyệt nhục nhã! Tên Đặng Trần Thường ấy, ngay sau đấy đã tìm đường vào Gia Định⁽¹⁾ theo phò Nguyễn Ánh. Và bây giờ, sau buổi đắc thắng của Nguyễn Ánh, Thường đã leo được đến chức Phó Tổng trấn Bắc-thành⁽²⁾.

1. Nay là Nam-bộ.

2. Bắc Bộ ngày nay.

Tiểu nhân đặc chí, nhớ tới mối hiềm cũ với Ngô Thi Nhậm, Đặng Trần Thường đồng thời tỉnh ngay đến chuyện triệt hậu họa từ một căn thân tài cán của Quang Trung Nguyễn Huệ ngày trước. « Quyền hành mới vào tay y mà đã được dùng vào việc này rồi! » — Ngô Thi Nhậm thoáng nghĩ như vậy, và lập tức, ấy ngay lại trong mình sự bình thản, hơn thế nữa, sự tự tin vững vàng. Điềm đạm, ông nhìn thẳng vào mặt Thường.

Gặp cái nhìn ấy, Đặng Trần Thường mất hẳn vẻ giương giương tự đắc ban đầu. Tuy vậy, khóe miệng giảo hoạt chẳng đổi thay của Thường vẫn nhếch lên, hằn học:

— Thời thế quả là chóng đổi thay, xoay vần! Thấm thoát vậy mà đã 20 năm rồi! Nhưng ta thì chẳng bao giờ quên cái... đầu bài ngày ấy ông đã ra... Vậy nay xin hoàn lại cho ông!

Từ chiếc án cao, một mảnh giấy cuộn tròn được lính hầu mang tới mở sát ngay mép gong của Ngô Thi Nhậm. Và Đặng Trần Thường cố nhếch mép cười. Liếc nhanh vào cuộn giấy rồi lại ngẩng lên, Ngô Thi Nhậm thấy cái cười ấy. Một luồng máu nóng hừng hực bốc thẳng lên mặt, Ngô Thi Nhậm mím chặt môi, ngược mắt nhìn lên cao: « Kể tiểu nhân đặc chí này muốn mượn chuyện cũ để làm nhục ta sao? Được rồi, để xem... ».

Thì ra cuộn giấy vừa mở ra trước mắt Ngô Thi Nhậm đó, chính là một vế câu đối. Và hẳn là Đặng Trần Thường đã mất nhiều công phu để nghiền ngẫm nó:

« Ai công hầu, ai khanh tướng, vòng trần ai, ai dễ biết ai? »

Một vế câu đối mượn ngay ý của Ngô Thi Nhậm ngày xưa. Và chữ nghĩa khá hiểm hóc. Nhất là trong cảnh ngộ như thế này.

Nhưng tất cả nghị lực, tài năng và sức sống kỳ lạ đã cùng một lúc, vụt trỗi ngay dậy trong Ngô Thi Nhậm,

giữa một cơn kích thích cao độ của ý chí chiến đấu. Sự miễn tiếp của ông bắt nhanh ngay lấy những tiếng vừa luận về thời thế của Đặng Trần Thường. Đôi mắt sáng quắc nhìn chăm chăm vào khoảng không ở cao trước mặt, khuôn mặt căng thẳng, Ngô Thi Nhậm lập tức đảo chữ, tìm ý, đón vắn: ông đã chấp nhận cuộc thách đấu, không đắn đo, và coi đó là cuộc chiến đấu cuối cùng của mình!

Gian nhà im phăng phắc. Lũ lính hầu kinh ngạc trước cảnh tượng chưa bao giờ từng thấy. Mấy tên thư lại ngồi trơ như phỗng đá. Và Đặng Trần Thường tắt hẳn khóe cười từ lúc nào. Cuộc giao chiến trên trường văn trận bút này rõ ràng lại có điều gì thất lợi sắp xảy đến cho hẳn rồi!

Đột nhiên, vắn ngẩng cao, Ngô Thi Nhậm vẩy tay ra hiệu đòi giấy bút. Những nét chữ gân guốc, vùn vụt tràn ra ngay dưới bàn tay quan Binh bộ thượng thư của triều Tây Sơn đã thất thế:

« Thế chiến quốc, thế Xuân thu, dù thời thế thế nào cũng thế! »

Hơi vắn đi mạnh như gió. Mà ý vững như thành. Và chữ nghĩa đối lại chan chát! Quả là Đặng Trần Thường đã chọn nhằm cách trả thù!

Kinh hoàng trước tài trí của đối thủ, Thường vội vã đổi thái độ. Đòn giáng quá đau, hơn thế nữa, hậu quả sẽ còn không sao lường hết được. Thường cố gượng gạo chống đỡ. Quát bảo tả hữu tháo gong, cởi xiềng cho Ngô Thi Nhậm, rồi sau đấy, sai đưa ông sang nhà nghỉ, mấy ngày liền, Đặng Trần Thường ra sức dụ dỗ Ngô Thi Nhậm đi theo chúa mới cùng với hẳn, và nhất là... sửa lại vế câu đối! Mảnh khóe của Thường kẻ cũng đã khá gian ngoan. Hẳn chỉ nài Ngô Thi Nhậm đổi cho những chữ « dù thời thế thế nào cũng thế » thành ra « gặp thời thế thế thời phải thế »! Nhưng rõ ràng, giữa

mấy chữ giản đơn ấy, là cả một đại dương về thái độ và tinh thần! Ngô Thi Nhậm trước sau chỉ một mực im lặng hoặc cười nhạt⁽¹⁾.

Ông đã giữ thái độ ấy cho đến lúc chết. Biết không thể nào lay chuyển nổi Ngô Thi Nhậm, lòng khao khát trả thù lại nổi dậy trong Đặng Trần Thường. Tên Phó Tổng trấn Bắc-thành của Gia Long Nguyễn Ánh đã sai lính điệu Ngô Thi Nhậm ra trước Vảo-miếu. Trận đòn thù đúng 100 trượng hằn học giáng xuống tấm thân tuổi tác đã 60 của Ngô Thi Nhậm, theo đúng « thể lệ » trừng phạt của chế độ phản động nhà Nguyễn đối với những người có đạo học mà lại mắc « tội theo giặc » vào lúc ấy.

Và Ngô Thi Nhậm đã bỏ mình sau trận đòn như thế.

VĂN LANG

HỒ XUÂN HƯƠNG

I

*« Giơ tay với thử trời cao thấp
Xoạc cẳng đo xem đất vẫn dài »*

Câu thơ ứng khẩu của Xuân Hương đọc vừa dứt, tiếng cười chế nhạo cũng im bật trong đám bạn học của cô. Xuân Hương phủ sạch quần áo, ung dung đi thẳng, mặc cho các bạn giương mắt nhìn khâm phục. Một cậu học trò lớn tuổi và lém lỉnh nhất trong bọn, ý chừng chưa chịu thua cô bạn gái hay chữ mà ngổ nghịch này, còn trêu tiếp:

— Cô em ngã có đau lắm không? Tội nghiệp cho em, chém cha mảnh đất!

Xuân Hương ngoảnh lại, liếc nhìn các bạn, cười duyên dáng:

— Chị ngã em chẳng nâng, lại ăn nói hỗn. Không chị em gì nữa đâu nhé!

Lại một đòn giáng trả kịp thời và mạnh mẽ, văn hoa mà sâu cay của Xuân Hương. Cả bọn cùng cười vang, trong đó nổi lên giọng cười trong trẻo và giòn tan của Xuân Hương. Mũi nhọn chế giễu quay về cậu học trò lớn tuổi, Xuân Hương tủm tỉm cười.

Đến đường rẽ, Xuân Hương ngả nón chào các bạn. Men theo bờ sông Tô Lịch, Xuân Hương rảo bước về nhà, cô nghĩ đến người mẹ đang ngồi trên khung cửi chờ đợi.

1. Đoạn này viết theo một giai thoại văn học. Nhiều tài liệu khác nói rằng, tất cả và ngay từ đầu về câu đối của Ngô Thi Nhậm đã là: « Thể chiến quốc, thể Xuân thu, gặp thời thể thể thời phải thể » để thanh minh cho việc bỏ triều Lê mà theo Tây Sơn của mình, cho rằng việc đó là đúng đắn, thức thời.

Cô gái gần đến tuổi trăng tròn ấy tung tăng trong đám học trò như chim én mùa xuân. Thầy giáo mến Xuân Hương thông minh và chăm chỉ. Thầy vẫn thầm nghĩ giá là con trai thì Xuân Hương sau này sẽ làm rạng rỡ cho thầy, nhưng tiếc thay, Xuân Hương lại là con gái... Xuân Hương chiếm được tình cảm của các bạn không phải vì cái nét thù mị dịu dàng thông thường của các bạn gái. Trí thông minh, sắc sảo, nhất là tài đối đáp của Xuân Hương đã để lại cho các bạn nhiều ấn tượng sâu sắc. Giới thư sinh ở kinh thành đã đồn đại nhiều về cô học trò duyên dáng và hay chữ ấy.

Người ta không rõ tông tích của cô lắm, chỉ biết cô thuộc dòng dõi thế gia. Qua giọng nói nặng nề miền Nghệ — Tĩnh của Xuân Hương, người ta biết cô không phải sinh ra ở Thăng Long và thường bảo nhau rằng cô là em gái một ông lớn họ Hồ ở Hoàn Hậu Nghệ An⁽¹⁾.

Căn nhà gỗ nhỏ ở phường Khán Xuân, bên dòng sông Tô Lịch, cạnh hồ Tây, là nơi trú ngụ của cô cùng với người mẹ già làm nghề dệt vải. Cuộc sống thanh bần, gần như cô quạnh, của một gia đình neo đơn giữa chốn kinh thành tấp nập không làm cho Xuân Hương kém vẻ hồn nhiên, yêu đời. Ngược lại, người

1. Về lai lịch Xuân Hương, các nhà nghiên cứu từ trước đến nay đều nhất trí cho rằng Hồ Xuân Hương thuộc dòng dõi họ Hồ, một họ lớn ở Hoàn Hậu tức Quỳnh Đôi, Nghệ An bấy giờ và bà sống vào những năm cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19. Nhiều người cho rằng bà là con ông Hồ Phi Diễn. Ông Trần Thanh Mại, trong *Nghiên cứu Văn học* tháng 11-64, căn cứ vào bài tựa tập *Lưu Hương ký*, do Tôn Phong thị, bạn của Hồ Xuân Hương viết, trong đó có câu: « cô ta là em gái ông lớn Hồ, đậu hoàng giáp, người làng Hoàn-hậu, huyện Quỳnh Lưu » mà cho rằng bà là em Hồ Sĩ Đống (1738-1785) con Hồ Sĩ Danh (1706-1783).

Hồ Phi Diễn và Hồ Sĩ Danh là hai anh em họ ngược và trước 10 đời có cùng một ông tổ.

mẹ của Xuân Hương, một người đàn bà tần tảo, hay lam hay làm, rất đối thương con lại trầm lặng ít nói.

Thuở xưa bà cũng từng khao khát yêu đương, ước ao có một tấm chồng để được sớm hôm gần gũi, nâng khăn sửa túi. Nhưng điều đó mãi mãi không đến với bà. Thân phận làm hầu thiếp cho một gia đình quyền thế họ Hồ ở làng Hoàn Hậu đã cướp mất hạnh phúc của bà. Suốt đời bà chỉ là một người đi ở không công. Được một mụn con gái, rồi đức ông chồng già và « xa lạ » qua đời, bà đem con ra ở Thăng Long...

Xuân Hương rất thích nghe kể chuyện. Ngoài thì giờ học văn bài, trong lúc giúp mẹ quay xa, đánh suốt, cô thường hay vói mẹ kể chuyện.

Mẹ Xuân Hương biết rất nhiều chuyện. Nào chuyện chúa Trịnh Sâm say mê Đặng Thị Huệ, chuyện loạn kiêu binh ở kinh thành, chuyện vua Quang Trung hành quân ra Bắc tiêu diệt quân Thanh, chuyện Sầm Nghi Đống thắt cổ tự tử, chuyện vua Chiêu Thống và Tôn Sĩ Nghị chạy tháo thân qua sông, cầu gậy, quân bị cuốn theo dòng nước v.v... Rất những chuyện xảy ra ở kinh thành, mắt thấy tai nghe từ hồi bà còn trẻ. Xuân Hương nghe mẹ kể rất say sưa. Nhưng với cô, hấp dẫn nhất vẫn là những chuyện cổ tích, chuyện vui cười ngộ nghĩnh.

Mỗi khi giọng nói âm ỉm của người mẹ cất lên: « Ngày xưa có anh Trương Chi... » hay « có một người học trò nghèo rớt đi ăn xin tên là Phạm Tải là lúc Xuân Hương ngồi nghe có khi ngừng cả tay xa để theo dõi nét mặt của mẹ. Mắt Xuân Hương sáng lên khi nghe mẹ đọc:

« ... Tóc mây rủ rượi, mực bôi má đào

Trút hài đi đất xem sao

Áo thời xộc xệch vạt cao vạt dài ».

Nghe đến chỗ Ngọc Hoa mặc tang phục đến đầu khâu với tên Trang Vương tàn bạo, không nén được tình cảm của mình, Xuân Hương thốt nên lời:

— Cô Ngọc Hoa chống chế với tên vua độc ác giỏi quá mẹ nhỉ.

Người kể chuyện, nhân vật trong chuyện và người nghe như có mối tình đồng điệu...

★
★★

Cuộc sống thanh bạch, êm đềm không giữ được mãi trong gia đình Xuân Hương. Người mẹ sức ngày càng yếu. Sinh kế ngày càng khó khăn. Cuộc sống tươi vui, dễ chịu, dưới triều vua Quang Trung không còn nữa, sau khi nhà vua đột ngột qua đời ở Phú Xuân. Có tiếng đồn chúa Nguyễn trong Nam đang lăm le ra Bắc. Số đông cự thần nhà Lê rục rịch nổi dậy. Một mối lo sợ chụp xuống kinh thành...

Một hôm bà mẹ nói với Xuân Hương:

— Con ạ, bây giờ kiếm ăn ngày càng khó khăn, mẹ thì già yếu. Con là phận gái có học nhiều cũng chẳng công trạng gì. Con ở nhà giúp đỡ mẹ.

Xuân Hương không nói nên lời, đôi mắt đỏ hoe, cô rất thương mẹ. Xuân Hương phải đau lòng từ giã thầy và bạn, từ giã mọi buổi bình văn giảng sách ở nhà trường. Cái thiết thời của phận người con gái đã trực tiếp giáng xuống đầu Xuân Hương!

2

Còn sông Tô Lịch nhỏ nhỏ chạy dọc theo bờ phía nam hồ Tây đưa nước sông Nhị Hà về tây nam kinh thành. Bên kia sông Tô là Tây hồ mệnh mệnh bát ngát. Du khách khắp nơi thường đến đây ngoạn cảnh,

Và đây cũng là nơi hò hẹn của giai thanh gái lịch chốn kinh thành.

« Nước sông Tô vừa trong vừa mát

Em ghé thuyền đỗ sát thuyền anh.

Dừng chèo muốn tỏ tâm tình

Sông bao nhiêu nước thương mình bấy nhiêu ».

Câu hò của ai vang lên từ bên kia sông Tô. Cô thiếu nữ Xuân Hương hay thơ, yêu đời, thả hồn bay bổng cùng với những ước mơ của tuổi trẻ. Một cuộc sống sôi nổi, tự do và phóng khoáng, một mối tình chung thủy là niềm hy vọng đẹp đẽ của cô. Hạnh phúc đang chờ đợi... Xuân Hương lao vào cuộc đời với cả sức sống mãnh liệt và với một niềm lạc quan của người con gái đến tuổi dậy thì.

Bè bạn văn chương lui tới nhà Xuân Hương ngày càng đông. Biết tiếng Xuân Hương hay chữ lại giao du rộng rãi, họ tìm đến với Xuân Hương. Căn nhà của Xuân Hương tuy không đẹp nhưng có sức hấp dẫn là thường đối với những chàng thư sinh thơ phú.

★
★★

Chiêu Hồ ⁽¹⁾ là người bạn tâm đắc của Xuân Hương thời trẻ trung. Họ gặp nhau trong mối tình bằng bột ban đầu, từ lúc trái tim nhiều khi còn loạn nhịp vì những duyên cớ vu vơ. Tài xướng họa, tính vui đùa, đã đưa đôi bạn trẻ xích lại gần nhau.

1. Có người cho rằng Chiêu Hồ đây là Phạm Đình Hồ (1768 — 1839) người Hải Dương, tác giả nhiều tác phẩm, trong đó có cuốn *Vũ trung tùy bút* nhiều người biết. Giả thuyết trên, chưa chắc đã đúng vì thiếu căn cứ chính xác. Có thể đây là một cậu công tử nào đó trùng tên với Phạm Đình Hồ, Phạm Đình Hồ là người cùng thời với Xuân Hương, cũng hay chữ nên có thể có sự suy đoán gán ghép nhầm sau này.

Có lần Xuân Hương vay Chiêu Hồ năm quan tiền. Chiêu Hồ nhận lời, nhưng đến khi cho vay lại đưa có ba quan. Nhân dịp đó, Xuân Hương đưa thơ giễu Chiêu Hồ là « cuội » bằng những lời lẽ hóm hỉnh mà âu yếm:

« Sao nói rằng năm lại có ba
Trách người quân tử hẹn sai ra
Bao giờ thông thả lên chơi nguyệt
Nhớ hái cho xin năm lá đa ».

Hôm sau, Xuân Hương nhận được bài họa của Chiêu Hồ:

« Rằng gián thì năm, qui có ba⁽¹⁾
Bởi người thực nữ tính không ra
Bao giờ thông thả lên chơi nguyệt
Cho cả cành đa lẫn củ đa ».

Xuân Hương phục tài thơ và đòn văn chương lâu lĩnh của Chiêu Hồ. Hai người giao du ngày càng khăng khít. Xuân Hương chờ đợi ở Chiêu Hồ một người bạn đời tâm đầu ý hợp. Ngược lại Chiêu Hồ cũng phục tài Xuân Hương, cũng tỏ ra triu mến Xuân Hương, một đôi khi đến sớm sở nhưng vẫn còn dè dặt e ngại. Chiêu Hồ vẫn sợ cái « đánh đá » của Xuân Hương. Biết thóp, Xuân Hương làm thơ trêu chọc:

« Những bấy lâu nay luống nhẩn nhe
Nhẩn nhe toan những sự gùn ghè.
Gùn ghè nhưng vẫn còn chưa dám
Chưa dám cho nên phải rụt rè ».

Nhận được thơ, hẳn là tức khi vì tự ái, cậu công tử mang tên Hồ đáp lại:

1. Tiền của ta ngày xưa có hai loại: Cổ tiền và Sủ tiền. 1 quan qui bằng 600 đồng tiền là loại cổ tiền. 1 quan gián bằng 360 đồng tiền là loại sủ tiền.

3 quan qui bằng 5 quan gián bằng 1.800 đồng tiền.

« Hồi hồi có bay, tứ bảo nghe
Bảo nghe không được, gậy ông ghè
Ông ghè chẳng vỡ, ông ghè mãi
Ghè mãi rồi lâu cũng phải rề ».

Lời lẽ mời trịch thượng và hách dịch làm sao? Xuân Hương bắt đầu nhận thấy ở Chiêu Hồ một cái gì xa lạ. Hai người vẫn giao du như thường. Chiêu Hồ ngày càng tỏ ra tầm thường. Một bạn Chiêu Hồ định giờ thói bõm xồm với Xuân Hương trong khi xưởng họa. Thấy đến lúc cần phải cho Chiêu Hồ biết rằng người phụ nữ cũng biết quý trọng giá trị và nhân cách của mình, đồng thời để cho anh ta một bài học về đạo đức, Xuân Hương ứng khẩu đọc luôn:

« Anh đồ tỉnh, anh đồ say
Sao anh ghẹo nguyệt giữa ban ngày.
Này này chị bảo cho mà biết
Chốn ấy hang hùm chớ mó tay ».

Một bản tuyên bố ly khai về tâm hồn, mặc dù hai người vẫn còn giao du với nhau.

Trong số bạn xưởng họa của Xuân Hương, những người như Chiêu Hồ không ít, họ còn dốt nát hơn Chiêu Hồ là khác. Xuân Hương nghi ngờ và khinh bỉ những chàng trai tốt mã rề cùi, xanh vỏ đỏ lòng ấy. Đòn bút của Xuân Hương bắt đầu tung ra để chào đón họ.

Đây là một kiểu mời « khách » xơi trầu của Xuân Hương:

« Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi
Này của Xuân Hương đã quệt rồi.
Có phải duyên nhau thì thăm lại
Đừng xanh như lá bạc như vôi ».

Có chàng công tử tìm đến nhà Xuân Hương. Là con quan nhưng anh ta lại quá dốt nát. Qua vài lần trò

chuyện, anh ta tỏ ra tầm thường nhưng lại luôn luôn khoe mẽ cái địa vị sang giàu của mình. Một hôm thấy bóng anh ta đến, Xuân Hương đi vào nhà trong, cho người mang ra một cơi trầu có quả cau bõ đôi, kèm một mảnh giấy hoa tiên đề hai câu thơ:

*« Mảnh tình vì xẻ làm đôi được
Nửa để trong nhà, nửa để ra ».*

Xem thơ, câu công tử tái mặt, không họa lại được, đành tiu nghỉu ra về và từ đó không đến nhà Xuân Hương nữa.

Lại một buổi chiều Xuân Hương đi dạo mát trên bờ hồ Tây, một bầy khóa sinh thấy cô thiếu nữ có duyên đang thơ thẩn ngắm ánh nắng chiều trải trên mặt hồ, các thầy đến gần buông lời trêu ghẹo. Có thầy lại còn xỏ thơ ra nữa chứ. Xuân Hương mỉm cười, lặng thinh. Họ càng trêu già, tưởng như vợ được món bở nên lại thi nhau đọc thơ. Thấy chương tãi gãi mặt, Xuân Hương ngoảnh lại đọc dồn một mạch:

*« Khéo khéo đi đâu lữ ngẩn ngơ
Lại đây cho chị dạy làm thơ
Ông non ngựa nọc chàm hoa rữa
Đẻ cồn buồn sừng húc giậu thưa ».*

Thôi, vợ phải Xuân Hương rồi! Các thầy khóa nghe thơ nhận ra Xuân Hương, liền bảo nhau lui dần, nhường cho Xuân Hương đi thẳng.

Trên đường về Xuân Hương băn khoăn nghĩ đến thói đời. Bạn bè thì nhiều mà người bạn đời sao khó tìm thế. Rặt những phường ong bướm sẵn hoa. Họ đến với mình chỉ vì mình là con gái! Có thể thôi ư? Xuân Hương nghĩ đến nàng Ngọc Hoa tái sắc là thế, vì phận gái mà bị đọa đầy. Những tên bạo chúa như Trang Vương, Trịnh Sâm nghe mẹ kể từ bé, nay hiện ra trước

mắt Xuân Hương, sau đó là một bầy lau nhau những Chiêu Hồ cho đến các công tử... Mãi mê trong suy tưởng, Xuân Hương về đến nhà lúc nào không hay.

3

Người ta đồn rằng miếu Sầm Công ở phía Nam kinh thành đã mất thiêng từ khi có một bài thơ khá đặc sắc đề bên vách, Bài thơ ấy như sau:

*« Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo
Kìa đền Thái thú đứng cheo leo.
Vì đây đôi phận làm trai được
Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu? »*

Thơ của ai mà không thấy đề tên? Nhân đó mọi người được dịp kể cho nhau nghe về trận đại phá quân Thanh của vua Quang Trung trước đây và cái chết nhục nhã của tên tướng giặc Sầm Nghi Đống. Cũng nhân đó người ta truyền cho nhau nhiều giai thoại về tài thơ và chí ngang tàng của cô gái họ Hồ và cho rằng tác giả bài thơ ấy là Xuân Hương chứ không phải là ai khác. Trong khi đó Xuân Hương vẫn phờng không lạnh lẽo trong căn nhà mới ở làng Tiên Thị gần hồ Hoàn Kiếm.

« Xuân Hương cũng vì mẹ già, nhà túng nên ăn ở không được yên ổn »⁽¹⁾. Mẹ con Xuân Hương đã dời chỗ ở về khu đông đúc cho tiện việc làm ăn. Với nghề dệt, hai mẹ con không đủ nuôi nhau, gia đình Xuân Hương phải mở thêm một ngôi hàng nhỏ. Trong hoàn cảnh mới, Xuân Hương càng có điều kiện tiếp xúc với nhiều tầng lớp người. Câu chuyện Xuân Hương mở

1. Lời Tố Phong thị trong bài tựa Lưu Hương Ký, tài liệu đã dẫn.

ngôi hàng tiếp khách, thử tài thơ đề kén chồng lan ra rất nhanh.

Đêm đã về khuya, Xuân Hương còn trằn trọc vì cái tin đồn đại về mình. Có tiếng trẻ khóc oa oa từ nhà bên đưa lại. Giọng ru con của cô bạn láng giềng cất lên nhẹ nhàng:

*«Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.»*

Câu hát quá quen thuộc đối với Xuân Hương. Ngày xưa mẹ cô cũng đã nhiều lần hát lên câu đó. Nhưng hôm nay cô nghe như mới lần đầu. Sao mà thấm-thía đến thế! Làm thơ mà ví người con gái với tấm lụa đào thì thật là tài tình. Giá biết người làm nên câu hát đó, Xuân Hương tìm đến xin bái phục, nhưng không quên bảo nhỏ với người ấy rằng phải giữ lấy giá, tìm lấy khách hàng, đừng đem ra giữa chợ cho người ta kén chọn...

Rồi một hôm có cô gái ở phường bên «chợ hoang» bị cha mẹ, xóm giềng xỉ vả, đến phải bỏ nhà ra đi. Với Xuân Hương, chuyện ấy cũng «dở dang» chẳng hay ho gì. Nhưng nhà thơ lại trách đời sao lại quá nghiệt ngã, bất công riêng đối với người đàn bà. Thông cảm với cô gái «cả nể» ấy, Xuân Hương đã lên tiếng. Nàng viết:

*«Cả nể cho nên hóa dở dang
Nỗi này chàng có biết không chàng.
Duyên thiên chưa thấy nhô đầu dọc
Phận liễu sao đà nẩy nét ngang⁽¹⁾.
Cái tội trăm năm chàng chịu gánh
Mảnh tình một khối thiếp xin mang.*

1. Tác giả chơi chữ: Chữ «thiên» nếu viết nhô đầu lên là chữ «phu» là «chồng». Chữ «liễu» nếu thêm một nét ngang là chữ «tử» nghĩa là «con».

*Quần bao miệng thể lời chénh lệch
Những kẻ không mà có mới ngoan.»*

Bài thơ được truyền đi, người khen cũng lắm, kẻ chê cũng nhiều, nhưng ai cũng muốn đọc, muốn nghe. Và cô Xuân Hương làm thơ tài tình, bạo miệng, «lẳng lơ», còn đang kén chồng, lại được dịp trở thành câu chuyện đầu lưỡi của mọi người.

Gần 30 tuổi, còn lặn lội về tình duyên, Xuân Hương bần khoản. Đang lúc thấy lòng trống trải, một khách tình tìm đến với nàng. Nghe tiếng Xuân Hương hay chữ người khách lạ tìm đến làng Tiên Thị hỏi thăm nhà Xuân Hương, theo sau là một chú tiểu đồng cấp tráp theo hầu. Trước lạ sau quen, hai người dần dần trở nên thân mật.

Có một bận, người khách lạ lại nhắc lại câu chuyện bài thơ đề miếu Sầm Công mà hỏi đùa Xuân Hương:

— Nữ sĩ muốn đòi phận làm trai, ta sẵn lòng đổi, nữ sĩ nghĩ sao?

Xuân Hương chỉ liếc mắt cười, mà không nói.

Người khách ấy là một chàng thư sinh góa vợ đến dự kỳ thi hương ở Thăng Long. Năm đó chàng thi đậu thủ khoa và được bổ làm tri phủ phủ Vĩnh Tường. Xuân Hương đã kết nghĩa trăm năm với ông thủ khoa hay chữ và đa tình ấy⁽¹⁾.

1. Xung quanh việc Xuân Hương lấy ông Phủ Vĩnh Tường và Tổng Cóc cũng còn nhiều nghi vấn:

— Tri phủ Vĩnh Tường — Tổng Cóc, là ai?

— Quan hệ với hai người, ai trước, ai sau? Những việc này có đúng xảy ra trước khi gặp các ông Nham giác Phu Tôn Phong thì, ông Hiệp trấn họ Trần... hay không?

— Tổng Cóc chết hay Hồ Xuân Hương đoạn tuyệt với ông ta? v.v... »

Trong khi viết về phần này chúng tôi chủ yếu dựa vào những giai thoại được nhiều người sử dụng và quen biết với mọi người

Chuyện kể rằng sau khi đậu thủ khoa, ông tri phủ tương lai cùng với người em đến nhà Xuân Hương để chính thức tỏ tình. Xuân Hương không tiếp, cho người nhà đưa ra một đầu đề bài thơ để thử tài ông tân khoa. Nhận được ba chữ « Thạch liên thiên »⁽¹⁾ ông tân khoa ngồi nhấm bút mãi mới được 4 chữ: « Thiên thạch nguyên lai » rồi tắc tị. Xuân Hương sai người ra bảo với ông tân khoa:

— Nếu không ra thơ thì mời ông về, còn ngồi ngậm bút làm chi nữa?

Ông tân khoa thẹn quá, uất lên, rồi ngắt đi, ngã nhào xuống đất. Thấy vậy người em nổi họ cho thành hai câu thơ:

*« Thiên thạch nguyên lai bản thậm huyền
Nhất triều vân vũ thạch liên thiên ».*

(Những đá do trời sinh ra nguyên lai huyền bí lắm. Một sớm kia trải qua mây mưa thì sắc đá lẫn da trời trông như liền nhau).

Khi tỉnh dậy, ông thủ khoa gắng làm nốt bài thơ. Xuân Hương khen là hay và nhân làm chồng.

Thời gian chung sống với ông phủ Vĩnh Tường là thời gian mãn nguyện nhất trong cuộc đời của Xuân Hương. Hàng ngày sau khi ở công đường về, ông tri phủ lại cùng Xuân Hương trò chuyện xường họa thật tâm đắc. Nhưng hạnh phúc của Xuân Hương không bền. Ông phủ Vĩnh Tường qua đời sau một thời gian ngắn làm bạn với Xuân Hương.

Xuân Hương làm bài thơ khóc chồng, mà cũng là khóc người bạn văn chương:

*« Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ôi!
Cái nợ ba sinh đã trả rồi.*

1. Có nghĩa: Đá liền trời.

*Chôn chặt văn chương ba thước đất
Ném tung hồ thủy bốn phương trời.
Cán cân tạo hóa rơi đầy mắt
Miệng tôi còn khôn thối lại rồi.
Hai bảy thùng trời là mấy chốc
Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ôi!»*

Sau một thời gian xa cách kinh thành, Xuân Hương trở về Thăng Long với bộ tang phục.

Bà mẹ Xuân Hương đã già yếu nay lại càng héo hắt vì thương con. Với một chút vốn liếng nhỏ, hai mẹ con tần tảo nuôi nhau.

Cái buồn không có đất sống lâu trong con người có bản tính vui nhộn và yêu đời như Xuân Hương. Xuân Hương lại trở về với thú vui ngâm vịnh. Trái lại, người mẹ già đã chán chường cuộc sống, nên muốn tìm sự yên tĩnh dưới bóng cửa Phật. Rằm tháng chạp một hàng tháng bà đi lễ chùa. Nhiều lần Xuân Hương theo mẹ lên chùa văn cảnh. Thấy Xuân Hương có nhan sắc và trẻ trung, nhiều nhà sư đưa mắt nhìn trộm. Xuân Hương không nhận được cười cho những kiếp tu hành còn nặng duyên trần tục ấy. Xuân Hương thường làm thơ chế giễu họ:

*« Chẳng phải ngộ, chẳng phải ta
Đầu thì trọc lóc áo không tà.
Oản dâng trước mặt dăm ba phẩm
Vải nấp sau lưng sáu bảy bà.
Khi cảnh, khi tiu, khi chum chọe
Giọng hi, giọng hỉ, giọng hi ha.
Tu lâu có lẽ lên sư cụ
Ngất nguyền lòa sen nợ đó mà. »*

Cuộc sống ngày càng khó khăn. Xuân Hương không thể ở vậy mãi được, đành phải lấy lẽ Tổng Cóc. Cảnh vợ lẽ nàng hầu mới cay đắng làm sao! Xuân Hương có lúc phải chửi đồng cái kiếp lẽ mọn đang dày dọa nàng:

*«Chém cha cái kiếp lấy chồng chung
Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng.
Năm thì mười họa hay chẳng chớ
Một tháng đôi lần có cũng không.
Cổ ấm ăn xôi, xôi lại hãm
Cầm bằng làm mướn, mướn không công.
Thân này vì biết đường này nhỉ
Thà trước thôi đành ở vậy xong.»*

Sau sáu tháng đem thân đi làm lẽ, Xuân Hương thoát khỏi cảnh dọa dày. Tổng Cóc vì thua bạc mà chết.

Người ta không nói nhiều về cái chết của Tổng Cóc, mà lại bàn tán với nhau về người vợ lẽ của ông ta. Người đàn bà ngoài 30 tuổi có nhan sắc, có tài văn chương, hai lần góa chồng ấy sẽ ra sao? Con người ấy không phải tay vừa. Thiên hạ chờ đợi. Góa chồng lần trước Xuân Hương cho người nghe bài thơ khóc chồng khá lâm ly nhưng cũng rất «Xuân Hương». Lần này thì sao?

Ít lâu sau, người ta đọc cho nhau nghe bài thơ khóc Tổng Cóc:

*«Chàng Cóc ơi!
Thiếp bén duyên chàng có thể thôi.
Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé
Ngàn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi!»*

Xuân Hương khóc hay cười? Khó mà biết!

Chỉ biết rằng ngoài 30 tuổi, còn dang dở vì tình duyên, Xuân Hương không sống như nhiều người cùng cảnh ngộ.

Cái tuổi ngoài 30 chưa phải đã già. Với một tâm hồn nồng cháy, luôn luôn có ý thức về một cuộc sống hạnh phúc và sôi nổi như Xuân Hương, ở tuổi ấy, lại còn trẻ trung lắm.

Xuân Hương biết rất rõ đạo lý của thánh hiền. Sách *Nghĩ lễ* đời Hán chẳng dạy người đàn bà «Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử»⁽¹⁾ đó hay sao? Xuân Hương lại càng biết câu châm ngôn «Trung thân bất sự nhị quân, trinh nữ bất canh nhị phu»⁽²⁾ vẫn thường nói ở cửa miệng người đời. Trước tình cảnh này, Xuân Hương theo ai? Xuân Hương không nghe theo ai cả. Như con chim tung bay giữa trời xanh, Xuân Hương nghe theo tiếng gọi của trái tim mình.

Người ta thấy xuất hiện trên bờ hồ Tây một ngôi nhà xinh xắn mang tên là «Cổ nguyệt đường»⁽³⁾. Đó là nhà của nữ sĩ Xuân Hương làm nơi đọc sách ngâm thơ và xướng họa với các văn nhân tài tử.

Yêu thơ, yêu thiên nhiên, yêu đời và yêu con người... Xuân Hương đi tìm cái đáng yêu và mở rộng tâm hồn để chờ đón.

Hơn 30 năm lăn lóc cưỡi cọt với đời, trái tim của Xuân Hương không còn loạn nhịp vu vơ nữa. Người

1. Nghĩa là: Khi còn ở nhà phải theo cha, khi lấy chồng phải theo chồng, khi chồng chết thì theo con.

2. Nghĩa là: Người bầy tôi trung không thờ hai vua, người con gái trinh tiết không lấy hai đời chồng. Lời của Tư Mã Thiên, sử gia đời Hán, viết trong *Sử ký*, «Truyện Điền Đan».

3. Chữ cổ ghép với chữ Nguyệt thành chữ Hồ là họ của Xuân Hương.

ta thấy khách của Xuân Hương không là những chàng thư sinh trai trẻ, những cậu công tử miệng còn hơi sữa, những « dê cón » như xưa. Khách thơ lui tới « Cỏ nguyệt đường » hầu hết là những người đã luống tuổi, đã có chức vị trong xã hội.

Nham Giác Phu Tồn Phong thị⁽¹⁾, trong dịp ở Thăng Long, nghe nói Xuân Hương là bậc tài nữ, lại cùng quê, liền đến thăm « Cỏ nguyệt đường ». Hai người gặp nhau trong niềm vui xướng họa. Họ yêu nhau vì nét, trọng nhau vì tài. Dần dần tình bạn thắm thiết giữa hai người đã bùng lên ngọn lửa của tình yêu đôi lứa.

Sau những ngày gặp gỡ Tồn Phong thị lần đầu, Xuân Hương đã nói với bạn tình.

« Chồn bước may đâu khéo hẹn hò
Duyên chi hay bởi nợ chi ru.
Sương xoa áo lục nhồi hơi xạ,
Gió lọt cánh lê lướt mặt hồ.
Mơ đến chấp chới đào thù trường gấm
Mà đem lá thắm thả dòng Tô.
Trong trần mấy kẻ tình con mắt
Biết ngọc mà trao mới kẻ cho. »

Bảy năm sau, vào năm Giáp Tuất (1814) hai người lại gặp nhau đề rồi mỗi người đi một ngả.

Xuân Hương cũng đã từng họa thơ ông Hiệp Trần họ Trần⁽²⁾.

1. 2. Các ông Phạm Giác Phu, ông Hiệp Trần họ Trần, ông Cần chánh học sĩ họ Nguyễn, tước hầu, làng Tiên Điền (Nguyễn Du?) là ai? hiện nay chưa rõ. Lưu Hương Ký, tập thơ của Hồ Xuân Hương mới phát hiện được sau này chỉ cho chúng ta biết có như thế.

Phần thơ xướng họa của Xuân Hương với các ông này đều căn cứ vào Lưu Hương Ký và bài giới thiệu của Trần Thanh Mại trong tạp chí Nghiên cứu Văn học.

« Ngô châu thanh khí hoàn tương thượng
Ngã bối tài tình chính sở chung.
Ác thủ đàm tâm quân mạc quí
Châu giang nhất khứ thủy thiên trùng. »

(Bạn thanh khí trong tỉnh ta thường biết quý trọng nhau. Tài tình của bọn chúng ta cũng là do nếp đất un đúc.

Cầm tay anh để nói lên nỗi lòng của tôi, anh đừng lấy thế làm quái dị.

Một khi anh rời khỏi chốn Châu Giang này còn có ngàn trùng sông nước ngăn cách chúng ta).

Sau ba năm quen biết ông Cần chánh học sĩ họ Nguyễn, tước hầu, làng Tiên Điền (*), Xuân Hương đã gửi cho người bạn trai tài hoa ấy một bài thơ, khi đã xa nhau:

« Dăm khách muôn ngàn nỗi nhớ nhung
Mượn ai tới đây gửi cho cùng.
Mối tình chốc đã ba năm vẹn
Giấc mộng rồi ra nửa khắc không.
Xe ngựa trộm mừng duyên lấp nấp.
Phấn son càng tủi phận long đong
Biết còn mấy chút sương đeo má?
Lầu nguyệt năm canh chiếc bóng chong! »

★
★★

Khách thơ thì nhiều. Qua chén rượu tiễn đưa lời thơ xướng họa, Xuân Hương mong mỗi một người tình chung. Nhưng các bậc « văn nhân » chỉ đến với Xuân Hương như những khách qua đường. Tất cả đều như

* Xem chú thích 1, 2 trang 190.

con gió thoảng qua trên mặt hồ. Ngọn gió bay đi để lại những gợn sóng lăn tăn trên mặt nước xao xuyến.

Sương đầu đài hoa, ánh trăng giải trên mặt hồ, đã gọi cho Xuân Hương viết lên khúc ca của tâm tình:

«Lộ như châu hề nguyệt như sai (sa)
Thức vãn lai hề chiếu dư hoài.
Uyển cổ nhàn hề thiên nhai
Ái bất kiến hề tâm hồi hồi!»

(Sương như hạt châu, trăng như ngọc sáng
Trăng qua qua lại lại, chiếu rọi xuống tấm lòng tôi.
Ám ước thay người bạn cũ mãi còn ở ven trời
Yêu mà không thấy mặt xiết bao bồi hồi...)

Những lời thơ «đầy vẻ gió mây trăng nước» của Xuân Hương «xuất phát từ mối tình mà biết dừng lại trên lễ nghĩa»⁽¹⁾ đã làm rung động lòng người.

Là một người tài hoa, có nhan sắc⁽²⁾ mà lận đận về tình duyên, Xuân Hương nhiều đêm thao thức.

1. Lời của Phạm Giác Phu Tồn Phong thị trong lời tựa *Lưu Hương ký*.

2. Có người phỏng đoán rằng Xuân Hương có nước da ngăm ngăm đen, mặt rỗ hoa... Tồn Phong thị trong dịp gặp Xuân Hương lần thứ nhất (1807) đã viết về nhan sắc của Xuân Hương như sau:

«Thập phần hoa sắc lai nam quốc».

(Sắc hoa đẹp mười phần, chính từ phương nam đến đây)
hoặc: «Nghe vũ tiên dung vân thượng hiện».

(Dáng người tiên mặt: xiêm rắng áo lông hiện lên trên mây)

Trong lần gặp thứ hai (1814) ông lại cho hay:

«Nhất dạng mai trang thanh triệt cốt
Thập phần xuân sắc hảo liên thiên»

(Dáng người hết như vóc cây mai, thanh lịch thấu đến xương tủy. Sắc trọn vẹn mười phần tươi đẹp khắp cả vùng trời).

Tiếng trống cầm canh xa xa vọng lại như bước thời gian đi vội trong đêm khuya. Tủi cho phận hồng nhan phải chịu thiệt thòi, Xuân Hương viết nên lời:

«Canh khuya vắng vắng trống canh dồn
Trơ cái hồng nhan với nước non.
Chén rượu tiễn đưa say lại tỉnh,
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.
Xiên ngang mặt đất rêu từng đám
Đâm toạc chân mây đá mấy hòn.
Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại
Mảnh tình san sẻ tí con con».

Khách ra vào «Cổ nguyệt đường» không chỉ có các bậc văn nhân. Người ta còn thấy ở đây vang lên tiếng giảng bài trong trẻo của Xuân Hương, và bóng học trò cắp sách đi về. Nhiều người biết Xuân Hương hay chữ, cho con em đến theo học. Xuân Hương còn dành nhiều thời gian để đi du ngoạn, tiếp xúc với những người chung quanh và theo dõi thời cuộc bên ngoài.

Ngọn bút của Xuân Hương không chỉ dừng lại ở tình cảm lứa đôi mà còn có lúc hướng về những điều nóng hổi của cuộc sống đang diễn ra chung quanh.

Chuyện kể rằng một hôm Xuân Hương đang giặt áo bên hồ cùng bà con xóm giềng, trên đường cái có tiếng hò hét om xòm, trẻ con chạy nháo nhác. Thì ra một viên quan lớn của tân triều nghênh ngang vồng điều quạt gấm đi vãn cảnh, có tiền hô hậu ủng để dọn đường. Vốn không ưa bọn hãnh tiến dốt nát và hống hách này, Xuân Hương ứng khẩu đọc ngay:

«Vồng điều ông lớn đi trên ấy
Váy đụp bà con giặt dưới này.»

Hai câu thơ có sức bật mãnh liệt ấy lan đi rất nhanh. Người ta đọc cho nhau nghe một cách say sưa hả hê. Nhân dân kinh thành chờ đợi Xuân Hương thật không uổng.

Vì từ khi lên ngôi vua, sợ nhân dân Bắc Hà không ủng hộ, Gia Long ra lệnh đòi kinh đô Thăng Long thành trấn thành. Một mặt cho phá cung điện chuyên chở các của quý vật lạ về xây dựng kinh đô Huế; mặt khác y lại ra lệnh bắt bớ chém giết cựu thần nhà Tây Sơn cũ, và trấn áp cựu thần nhà Lê có ý ngầm chống lại triều Nguyễn. Việc trả thù man rợ mẹ con Bùi Thị Xuân ở cửa Đông⁽¹⁾ đã làm cho mọi người kinh hãi và căm ghét. Những kẻ bất tài xu thời được dịp ra múa may tác quái. Dưới mắt Xuân Hương, bọn hãnh tiến ấy thật đáng khinh bỉ.

Để đón quan tân triều, nhân dân Thăng Long được lệnh phải làm cổng chào đón viên khâm sai nào đó. Ở một cổng chào nọ xuất hiện đôi câu đối:

*« Thiên tử tinh kỳ đương bán diện
Tướng quân thanh thế áp tam thù »*

1. Bùi Thị Xuân, vợ Trần Quang Diệu, tướng triều Tây Sơn. Chính bản thân bà đã cầm quân chống lại quân của Gia Long đến cùng. Bắt được Bùi Thị Xuân, Gia Long trả thù bà bằng cách quấn bông tằm dầu quanh người mà đốt. Trước khi hành hình, y ra lệnh cho đem con giai còn nhỏ tuổi của bà buộc vào một cây tre chôn đối diện với một bức tường. Khi kéo cây tre ngã xuống rồi buông ra, sức bật của cây tre đập cậu bé vào tường cho đến chết. Trong lúc đó Bùi Thị Xuân không ngớt miêng chửi Gia Long. Câu chuyện xảy ra vào năm 1801 ở cửa Đông thành Thăng Long. (Cũng có thuyết nói bà bị hành hình ở Phú Xuân).

(Cờ xí nhà vua che nửa mặt

Oai phong của tướng quân trấn được ba cõi)⁽¹⁾.

Ai đọc đôi câu đối cũng gật gù khen là thâm thúy và hay. Quan khâm sai đi qua trông thấy cũng đau điếng người, nhưng không thể bắt bẻ vào đâu được.

Có người đem chuyện đến kể lại và hỏi Xuân Hương, tác giả đôi câu đối ấy cười mà nói rằng:

— Người làm câu đối đã biết điều với quan khâm sai lắm rồi.

5

Cuộc sống cùng những ràng buộc khắt khe dường như quá chật hẹp với Xuân Hương. Nhà thơ thường đi tìm thú vui trong cảnh thiên nhiên tươi đẹp.

Đèo Ba Dội ở giáp giới Ninh Bình và Thanh Hóa, một nơi hiểm trở, hai bên núi non trùng điệp, cây cối mọc xanh um. Khách đi qua phải leo nhiều dốc, nhìn xuống dưới chân vực sâu thăm thẳm. Nhân qua đây, rung cảm trước cảnh thiên nhiên hùng vĩ tràn đầy sức sống và hấp dẫn lòng người, Xuân Hương dừng chân bên đèo để làm thơ. Dưới ngọn bút của Xuân Hương hiện ra cảnh đẹp:

*« Một đèo, một đèo lại một đèo
Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo. »*

1. Đôi câu đối này do cụ Hoa Bằng, cán bộ Viện Sử học cung cấp; trong phần bổ sung (còn viết tay) quyển *Hồ Xuân Hương nhà thơ cách mạng* của cụ đã xuất bản năm 1952.

Nội dung hai câu đối ca tụng cái vinh hiển và uy thế lớn lao của viên quan khâm sai, nhưng mặt khác mấy chữ « bán diện » và « tam thù » lại khiến người ta phải liên tưởng đến « nửa mảnh tình », đến cái quạt « ba góc » của Xuân Hương, cho nên nó lại có nghĩa uy thế của quan khâm sai cũng như cờ xí nhà vua chẳng ra « cái gì » cả.

*Cửa son đỏ loét tùm hum nóc
Hòn đá xanh rì lún phún rêu.
Lắt lẻo cành thông cơn gió thổi,
Đầm đìa lá liễu giọt sương gieo ».*

Xuân Hương hạ hai câu kết một cách hóm hỉnh:

*« Hiên nhân quán tử ai là chẳng
Mỗi gối chôn chân cũng muốn treo ».*

Hàng năm vào dịp tháng hai tháng ba, nhân dân khắp nơi nô nức rủ nhau đi trẩy hội chùa Hương. Nhà thơ Xuân Hương tìm đến chùa Hương để văn cảnh. Rồi con đò Suối, Xuân Hương bắt đầu leo lên núi. Hai bên đường có nhiều chùa đẹp đứng cheo leo bên sườn núi, hoặc ẩn mình trong hang. Nhưng đẹp nhất vẫn là chùa trong. Từ ngoài cổng chùa nhìn xuống, một vùng sâu thẳm thẳm, cây cao vút từ lòng sâu vươn lên đón ánh mặt trời. Chùa Hương nằm gọn trong động núi. Nhà thơ Xuân Hương với giọng ồm ồm đã ghi lại bằng mấy vần thơ:

*« Bày đặt vì ai khéo khéo phòm
Nứt ra một lỗ hòm hòm hom
Người quen cảnh Phật chen chân xọc
Kẻ lạ bầu tiên mỗi mắt dòm.
Giọt nước hữu tình rơi thanh thót
Con thuyền vô trạo củi lom khom.
Lâm tuyền quyến cả phần hoa lại
Rõ khéo trời già khéo dở dom »*

Xuân Hương đi đến đâu đều có thơ để lại đến đấy. Người ta theo dõi bước đi của Xuân Hương và truyền đi nhiều bài thơ đặc sắc của nàng, không hết lời khâm phục.

Đòn bút sắc sảo của Xuân Hương tung ra đã làm cho nhiều kẻ rất mặt. Thua Xuân Hương về tài năng⁽¹⁾ nhiều kẻ lên mặt đạo đức để trả thù Xuân Hương. Họ bày đặt ra nhiều chuyện. Có kẻ làm thơ chê bai Xuân Hương:

*« Ngán nổi má hồng mà phận bạc
Nỡ đem yếm thắm dẫu màu son ».*

Cũng có kẻ làm ca dao dè mĩa mai:

*« Trăng xưa (cổ nguyệt) đã khuyết mấy lần
Phẩm tiên trong giá trắng ngần còn chẳng?
Xa xôi ta nhắn chị Hằng
Hồ Tây nước bạc xin đừng có soi ! »*

Nghe đến tai, Xuân Hương càng coi thường và khinh ghét những kẻ tiếng là văn nhân, khoác áo đạo đức mà sự thật thì dốt nát và thấp hèn ấy. Xuân Hương vẫn ngang nhiên giầy xéo lên những điều bày đặt của họ và mỗi khi có dịp là Xuân Hương cho các « ngài văn nhân » ăn đòn.

Ở một ngôi chùa nọ, khách đến thăm cảnh đẹp rất đông. Các văn nhân tài tử đến đấy ai cũng muốn để lại chút kỷ niệm và khoe chữ nghĩa của mình. Họ thi nhau đề thơ trên vách. Một hôm Xuân Hương đến chơi thấy thơ thần nhăng cuội đầy vách. Bực mình vì phường dốt nát làm xấu mặt nàng thơ, Xuân Hương liền viết 4 câu:

*« Dắt diu đưa nhau đến cửa thiền
Cũng đòi học nói, nói không nên
Ai về nhắn nhủ phường lời tói
Muốn sống, đem vôi quét trả đền. »*

1. Một người bạn của Tố Phong thị kể lại cho ông ta về Hồ Xuân Hương: « Học rộng mà thuần thực, dùng chữ ít mà đầy đủ, từ mới lạ mà đẹp dễ, thơ đúng phép mà văn hoa; thực là một bậc tài nữ ». Tố Phong thị nhắc lại trong bài tựa bản Lưu Hương Ký của mình.

Lại một hôm Xuân Hương đi chơi chùa Địch Lộng (Ninh Bình). Có một tốp văn nhân cũng đi văn cảnh. Họ leo lên gác chuông, nói chuyện thơ phú huyền thuyên. Họ kể chuyện Xuân Hương, có kể lại bắt bẻ chê bai. Thấy vậy, Xuân Hương đến gần, tìm cách bắt chuyện, Xuân Hương bảo họ:

— Các thầy hay chữ nghĩa, xin các thầy thử làm bài thơ vịnh cái chuông này, ai làm hay, em xin cấp tráp theo hầu.

Một thầy ra vẻ sành sỏi hỏi:

— Ra thơ thì phải hạn văn chữ!

— Em không biết. Vâng, thì thơ cái chuông xin cứ lấy văn uông cho tiện.

Các thầy vất óc thi nhau trở tài để khoe chữ với người phụ nữ lạ mặt mà cũng thích thơ phú. Nghĩ mãi, không ai làm được. Thấy vậy, Xuân Hương nói:

— Hay để em làm thử vài câu, nhờ các thầy phủ chính cho.

Họ ngạc nhiên. Xuân Hương đọc:

*« Một đàn thẳng ngọng đứng xem chuông
Chúng bảo nhau rằng : ầy ời uông »...*

Nghe thơ, biết gặp phải tay Xuân Hương rồi, các thầy tìm đường lảng tránh. Xuân Hương ra về. Bài thơ còn bỏ dở...

★
★★

Năm tháng cứ trôi đi, những khát vọng về cuộc sống không được bù đắp, con người sôi nổi và yêu đời như Xuân Hương cũng có lúc phải tung ra tiếng cười oán hận:

*« Tiếng gà vắng vắng gáy trên hom
Oán hận trông ra khắp mọi chòm,
Mỡ thấm không khua mà cũng cốc
Chuông sầu chẳng đánh có sao om.
Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ
Sau giận vì duyên đến mồm mòm.
Tài tử văn nhân ai đó tá
Thân này đâu đã chịu già tom »*

Nghĩ đến việc đời và lòng người, Xuân Hương tự than:

*« Nghĩ cùng thể sự lòng như đốt
Trông suốt nhân tình dạ muốn say.
Muôn kiếp biết đã duyên trọn vẹn
Một đời riêng mãi tiếng chưa cay ».*

Xuân Hương nói rằng muốn say, nhưng thực ra Xuân Hương vẫn tỉnh táo để phân xét mọi việc.

Một cô bạn láng giềng có chồng mới chết. Cô khóc vật vã ngày đêm. Ai thấy cũng thương tình, đến thăm hỏi và khuyên nhủ cô phải cố khuây đi, giữ sức để làm lưng, nuôi con, thờ chồng. Xuân Hương đến với người bạn gái ấy bằng những lời khuyên độc đáo:

*« Vắng vắng tai nghe tiếng khóc chồng
Nín đi kéo thẹn với non sông... ».*

Rất thông cảm với bạn, Xuân Hương đã đặt bạn trước một yêu cầu rộng lớn. Vượt qua nếp suy nghĩ chật hẹp

thông thường của nhiều người, Xuân Hương muốn nâng người bạn cùng giới với mình lên đúng tầm phải có của nó.

6

Con chim hót vang trong khi bay ngược dòng bão tố để tìm phương trời nắng đẹp; bông hoa sen tươi thắm vươn lên trên bùn lầy, vẫn thả hương mặc cho gió thu đã sang, hẳn là làm cho mọi người phải chú ý và trân trọng. Cửa chua có hương vị hay hay, đôi khi khó chịu khiến người ta phải nhăn mặt đến buồn cười, nhưng ai thấy cũng thèm. Ở Xuân Hương là như thế.

Trong các cuộc xướng họa, khi vui câu chuyện, có ai hỏi về cuộc đời nhà thơ Xuân Hương lại bắt đầu với họ từ câu chuyện một người đàn bà suốt đời đau khổ—người mẹ yêu quý của Xuân Hương. Người đàn bà ấy chỉ được làm mẹ chứ không được quyền làm người vợ. Bằng cách nói dí dỏm mà hóm hỉnh, Xuân Hương đã dẫn người nghe đến một suy nghĩ sâu sắc về thân phận lệ thuộc của người đàn bà trong xã hội; họ bị mất mát và bị tước đoạt nhiều quá, nhưng có một thứ không kẻ nào tước đoạt được, đó là phẩm chất cao quý và tốt đẹp của mình.

Xuân Hương thường kể cho người nghe những kỷ niệm êm đềm cũng như chua chát của đời mình. Người ta nhận thấy nét mặt nhà thơ bừng lên, trẻ hẳn lại, trong lúc say sưa nói về niềm vui sướng của mình mỗi khi nhận được món quà ưa thích nhất do chính bàn tay người mẹ thân yêu trao cho. Xuân Hương dừng lại sau khi đọc cho họ nghe bài thơ của mình vịnh món quà đó:

«Thân em thì trắng, phận em tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non.
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son»

(Thơ bánh trôi nước)*

NGUYỄN ANH

* Cuộc đời nhà thơ Hồ Xuân Hương được phản ánh qua những giai thoại, truyền thuyết và trong thơ văn của bà còn lưu lại do người sau sưu tập được. Ngoài tập *Lưu Hương Ký* do bạn của nhà thơ là Phạm Giác Phu Tồn phong thị đề tựa, chúng ta hiện chưa có được một nguồn tài liệu thành văn nào của người cùng thời với Hồ Xuân Hương trực tiếp hay gián tiếp viết về cuộc đời của bà. Do đó, trong khi dựng lại cuộc đời nhà thơ, chúng tôi gặp nhiều khó khăn: năm sinh và năm mất của nhà thơ chưa xác định được cụ thể, mức độ không chính xác vốn có của những truyền thuyết và giai thoại; những bài thơ không rõ trình tự và thời gian sáng tác, bên cạnh đó còn có một số bài tồn nghi. Tuy vậy, chúng tôi cũng cố gắng chọn lọc, sử dụng những nguồn tài liệu hiện có để phác họa lại vài nét về cuộc đời của nhà thơ, dù chỉ ở mức độ tương đối. Qua đây chúng tôi hy vọng sẽ giới thiệu được với độc giả những nét cơ bản về nhà thơ (NG.A.).

PHAN BÁ VÀNH

I

Trưa mùa hè đỏ nắng lửa xuống cánh đồng Minh Giám⁽¹⁾.

Thúc trâu đi nốt sá cày cuối cùng, Ba Vành⁽²⁾ bậm môi ấn lút mũi sắt nhọn xuống bùn, lột phăng tấm áo cộc, giật mạnh chiếc nón mê, quật thốc một hồi vào bộ ngực vạm vỡ như đá tảng. Từ đầu bờ xa tít tắp, tiếng cu Vò khàn khàn gọi với tới, giục Vành nghỉ tay ăn trưa. Cái đói âm ỉ giày vò suốt buổi, giờ bỗng dột cồn lên. Ba Vành tháo ách trâu, thuận tay đập luôn một roi cho con vật chạy lồng lên bờ, chỗ người đẩy tở của chủ đất đang đứng đợi. Bóng người và vật nhòa đi trong nắng chói. Ba Vành vớ lấy chiếc bắp cày đẩy chét tay, khẽ nheo mắt, đoạn vươn cánh tay dài như tay vượn, lao đánh vút. Đòn tre nặng bay vù qua hơn một mẫu ruộng, cắm phập ngay trước mặt cu Vò! Bùn nước bắn vung tung tóe, nhưng Vò vẫn đứng nguyên vuốt mặt cười ồ ồ: tài ném lao của anh Vành đã khét tiếng khắp vùng

1. Làng Minh Giám, quê hương Phan Bá Vành, sau đổi thành làng Nguyệt Đức, huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình.

2. Phan Bá Vành, tên dân gian gọi là Ba Vành, còn có tên nữa là Đỗ Hiền Vinh.

này, đích đầu có xa đến mấy cũng chẳng chệch được một phân mà sợ!⁽¹⁾

Ba Vành ào ào lội ruộng đi tới. Nhìn rá cơm vơi bát tương và ấm nước vối, Vành tần ngần một lúc rồi bỗng vớ lấy ấm nước, tu một hơi cạn sạch.

Khuỳnh bấp tay quệt những giọt nước chảy ròng ròng dưới cằm, Vành bảo Vò:

— Mày chạy nhanh về nhà tao, đưa rá cơm này cho mẹ và vợ tao, bảo là phần thắng Vành gửi!

Cu Vò ngo ngác nhìn Vành, nhưng vẫn cứ cầm rá cơm, ré chân bước vội, bởi đã biết cái tính quả quyết mà nóng nảy như lửa sôi của con người này.

Còn lại một mình, Ba Vành đuổi chân ngồi cạnh bóng trâu, đưa mắt nhìn quanh. Cánh đồng Minh Giám quanh quẽ, tiêu điều, vàng vọt hơi nắng trắng khô. Sau lũy tre làng, khói cơm trưa thừa thớt, vạt vò. Đã ba năm liền, cái vựa lúa trấn Sơn Nam Hạ⁽²⁾ này bị thần đói vạt cho như tứ rồi! Dân các làng trong miền, từ những kẻ vong mạng đánh liều tụ tập nhau làm giặc, còn thì chạy đói, bỏ cửa nhà mà phiêu dạt đi các xứ đến quá nửa⁽³⁾. Những người già cả ở nhà còn cố gượng bám lấy xóm làng, vừa lăn hồi sinh nhai, vừa vuốt ngực thở dài, nhắc

1. Theo tài liệu của cụ Hoa Bằng (Tập chí Nghiên cứu lịch sử, số 83-1966): «Phan Bá Vành, tay dài như tay vượn, hai bắp đùi tua tủa những lông đen như sâu róm. Ăn khỏe hơn người, sức lực rất mạnh, chạy rất nhanh. Vành có thể đứng ngoài trăm bộ, phóng cái lao để giết người, trăm lần không sai một. Đứng xa hàng mẫu ruộng, cầm cái bắp cày, ném từ bên bờ này suốt sang bờ bên kia, vẫn trúng đích».

2. Miền Nam Hà, Thái Bình ngày nay.

3. Sử nhà Nguyễn, sách Đại Nam thực lục, chép về vùng Sơn Nam đời Minh Mệnh thứ 6 (1825): chỉ trong 13 huyện, đã phiêu tán mất 108 xã thôn, bỏ hoang mất hơn 12.700 mẫu ruộng.

lại chuyện trăm năm trước: đời Lê mạt, miền này cũng đã từng bị cơn đói kém tàn hại, đất mất người đến nổi ruộng bỏ hoang cho lau cỏ mọc thành rừng rậm, và thú rừng nhan nhản tràn về ngự trị thay người...

Bọn cường hào, ác bá, tham quan, những lại, và cả cái triều đình mục nát của nhà Nguyễn chính là những kẻ đã gây ra tất cả những tai vạ đó. Chúng đục khoét, bòn rút, hà hiếp người nghèo cho đến tàn rụi, kiệt cùng⁽¹⁾. Sức dài vai rộng như Ba Vành, mồ côi cha nhưng may có mẹ hiền vợ thảo đùm bọc, vậy mà cày thuê bừa mướn cho chủ đất khắp vùng, vẫn chẳng đủ miếng cơm nuôi miệng!

Cơn đói lại cuộn lên. Ba Vành uất ức nghiêng răng kèn kẹt. Tài võ nghệ, chí lược thao và sức mạnh tuyệt trần, gần xa đều thán phục như thế này mà đành bó tay chịu cảnh đói khổ mãi sao? Nếu không làm cuộc đổi đời thì bao giờ mới thoát khỏi cảnh đày đoạ này?

Chiều hôm ấy, không trở lại nhà chủ nữa, Phan Bá Vành đánh thẳng con trâu mộng của chủ đất về nhà mình. « Vành tôi cùng với mẹ và vợ, làm đã cật lực mà vẫn sắp chết đói cả. Bây giờ chỉ còn có cách đánh lại chúng nó thì mới sống được mà thôi. Bà con làng xóm ai muốn hết khổ thì đi theo tôi! Sẵn có trâu béo đây, Vành tôi xin mở tiệc khao quân. Rượu thịt no say rồi thì cùng nhau làm cuộc đổi đời... » — Phan Bá Vành vừa sải chân bước giữa xóm nghèo của mình, vừa cất giọng nói oang oang như vậy.

Cu Vò là người đầu tiên, thấy chuyện lạ, vội ngấp nghé tới xem. Được lệnh Ba Vành sai đi mời tìm bà

1. Đại Nam thực lục chép lời tâu của Nguyễn Công Trứ năm 1828: «Cái hại quan lại là một, hai phần mười. Cái hại cường hào đến tám, chín phần mười... Nó làm cho con cái người ta thành mồ côi, vợ người ta thành góa bụa, giết cả tính mạng người ta, làm mất hết gia sản của người ta...»

con xóm giếng và người quen kẻ lạ gần xa lúc đầu Vò còn ngáp ngừng ngần ngại, nhưng rồi cuối cùng cũng hăm hở, tất bật chẳng kém gì Ba Vành. Bữa tiệc thịt trâu hôm ấy thật đủ vẻ náo nức, dữ tợn, bồn chồn, hồi hộp. Kéo dài những người theo mình đi làm cuộc đổi đời, và cũng là để một lần tạ nghĩa mẹ, giã từ vợ, Ba Vành cầm chắc ngọn lao sở trường, ra đi.

Tin Phan Bá Vành đã nổi dậy khởi nghĩa chống triều đình nhà Nguyễn lập tức loan truyền đi khắp ngả. Một đồn mười, mười đồn trăm, miền Sơn Nam-hạ sôi lên sùng sục như con nước vỡ bờ. Bấy giờ là tháng bảy năm Ất-Dậu, đời Minh Mệnh thứ sáu⁽¹⁾. Một đêm quang mây, người vùng Sơn Nam-hạ nhìn lên trời bỗng tròn mắt, ngỡ người đứng sững: phía đông nam, một ngôi sao tua rua⁽²⁾ vụt hiện ra chói lóa, đuôi sao cực lớn kéo dài lê thê về hướng tây bắc như chiếc chổi quái dị. Thế rồi, ồn ào hoặc thầm kín, thành kính mà thích thú, người vùng Sơn Nam truyền cho nhau câu hát kỳ lạ:

«Trên trời có Ông sao tua
Ở làng Minh Giám có Vua Ba Vành...⁽³⁾»

★
★

Phan Bá Vành, theo sau là cu Vò, ung dung bước qua chiếc cổng đồ sộ có chòi canh chắc chắn xây cao bên trên của nhà Tri Đạo. Đây là nhà hào phú lớn nhất làng Cát Già⁽⁴⁾. Và chính cái kho của vựa lúa nhà này

1. Năm 1825.

2. Sao chổi.

3. Một dị bản của câu hát này là:

«Trên trời có ông sao tua
Ở dưới hạ giới có vua Ba Vành».

4. Thuộc huyện Đông Quan, Thái Bình.

đang được người thủ lĩnh nghĩa quân nhằm vào đề toan tính chuyện lương tiền cho đạo quân mới nổi của mình.

Tri Đạo ngả người trên chiếc tràng kỷ, đang phe phẩy chiếc quạt lông tàu thì thấy Ba Vành đột ngột xuất hiện. Cái vôi chiếc áo lụa mỡ gà, Tri Đạo chồm dậy, luống cuống mời Ba Vành ngồi lên sập trên, rồi lập tức, quát bảo gia nhân mở lợn giết gà, làm tiệc ngay.

Mâm rượu thịt đầy có ngọn bày lên, Ba Vành thông thả ăn uống cho đến khi ngà ngà mới nói cho Tri Đạo biết mục đích đến chơi của mình. Ngồi thấp thỏm tiếp rượu con người oai danh đang nổi như sóng cồn ấy, Tri Đạo cũng đã phần nào đoán biết được câu chuyện. Vả chăng, cũng chẳng còn con đường nào khác, viên phú hào bèn mượn hơi men, nói với Ba Vành:

— Cái gia tài cơ nghiệp này giao cả cho tướng quân tôi chẳng hề tiếc. Chỉ tiếc là nghe nói đã nhiều mà vẫn chưa một phen được biết tài võ nghệ của tướng quân.

Ba Vành ngửa mặt cười khà khà, uống tiếp ba chén rượu nữa rồi mới bảo Tri Đạo:

— Ông gọi người nhà chắt cho ta mười gốc tre đực dài độ ba thước⁽¹⁾ — Ba Vành đang rộng hai cánh tay vờn ra hiệu làm cử — rồi mang cả vào đây!

Khi đám gia nhân Tri Đạo lễ mễ khuân đóng gốc tre vào dựng bên sập, Ba Vành khẽ liếc mắt ra hiệu cho cu Vò từ nãy vẫn khoanh tay đứng hầu ở phía sau. Lập tức, Vò rút con dao bên sườn, thoăn thoắt đẽo vạt nhọn hoắt những gốc tre thành ngay những ngọn lao lợi hại, quen thuộc. Gạt mâm thịt đã vơi quá nửa sang một bên, Ba Vành lúc ấy mới vờn người bước xuống sập, chia tay đón lấy ngọn lao đầu tiên từ tay cu Vò

1. Một thước ta bằng 40cm.

đưa tới. Đảo mắt nhìn nhanh ra phía ngoài, Ba Vành vung tay, quát khẽ:

— Coi đây!

Ngọn lao xé gió vút ra cửa, qua chiếc sân lát gạch Bát Tràng thành thang, qua khu vườn rau dài dặc, qua chiếc ao thả cá bát ngát, cắm phập vào một thân cây chuối ngả mình bên kia bờ ao. Cu Vò đã nhanh tay đưa tiếp ngọn lao thứ hai, rồi thứ ba, thứ tư... Cuối cùng, Ba Vành vẫn không đổi sắc mặt, thông thả trèo lên sập, cầm tiếp chén rượu. Tri Đạo và đám gia nhân chạy ủa ra cửa, hấp tấp đi mãi tới bên kia bờ ao. Và tất cả đều lặng người, sợ xanh mặt: đều chần chẹn, thẳng tắp, từ ngọn chuối xuống đến gốc, cứ đứng một gang tay lại một ngọn lao của Ba Vành cắm ngập!⁽¹⁾

Ngay hôm ấy, Tri Đạo đem hết cả gia nhân tài sản, đi theo nghĩa quân Ba Vành.

Chẳng bao lâu, số người tụ nghĩa dưới ngọn cờ Ba Vành đã lên đến trên năm nghìn. Những cánh tay vừa rời cày cuốc nắm lấy giáo gươm ấy Ba Vành tập hợp một phần thành đội Hữu quân, giao cho Nguyễn Hạnh, người từng Đảng với mình làm tướng, còn thì đưa tất cả vào đội Trung quân do chính mình chỉ huy.

Nghĩa quân Ba Vành tiến đánh các huyện Tiên Minh và Nghi Dương⁽²⁾ để làm căn cứ đầu tiên. Và cũng tại căn cứ này, họ đã đánh trận đầu tiên với một lực lượng đàn áp khổng lồ của triều đình thống trị. Nhà Nguyễn đã tung ra cả một đội quân lớn, do Tiền quân Đô

1. Theo tài liệu của Trần Quốc Vượng: *Tìm hiểu truyền thống thượng võ của dân tộc*.

2. Miền nam Hải-hưng ngày nay.

thống chế Trương Văn Minh chỉ huy, Thượng thư Nguyễn Hữu Thân làm phó, có cả thủy đội lấy ở Nghệ An, Thanh Hóa ra phối hợp ngăn chặn nghĩa quân từ mạn biển.

Vừa mới nổi dậy đã gặp phải một đạo quân tiêu phạt đông đảo như thế, nghĩa quân Ba Vành không đương nổi, phải vừa đánh vừa chạy về mạn Nam Định. « Giặc cùng chó đuổi » — Đô thống chế Trương Văn Minh vừa hồi hộp nghĩ tới những ân tứ thưởng lệ của triều đình sau võ công này, vừa làm ra vẻ bình thản nói với tả hữu như thế. Và ra lệnh thu quân.

II

Trần thủ Sơn-nam-hạ Lê Mậu Cúc luôn mấy ngày nhận được mấy tin cấp báo: Phan Bá Vành lại mới nổi dậy, thanh thế rất mạnh; Phan Bá Vành đã liên kết được với chức Thủ ngự sứ⁽¹⁾ Vũ Đức Cát ở cửa Ba Lạt⁽²⁾. Chưa kịp đối phó, tin dữ đã lại tới tấp bay về: các tướng Đặng Đình Miên và Nguyễn Trung Diễn trấn giữ các tấn sở⁽³⁾ Trà Lý và Lân Hải⁽⁴⁾ đã bị Phan Bá Vành đem quân giết chết rồi chiếm lấy tấn sở; đoàn binh thuyền 12 chiếc của triều đình đã bị Phan Bá Vành phục quân ở Cồn Tiên, Bắc Trạch⁽⁵⁾ đánh úp, tước mất toàn bộ lương thảo, quân khí...

Không chậm trễ được nữa, Lê Mậu Cúc vội mở cổng trấn thành, đưa toàn bộ quân lính trong trấn đi tiêu phạt. Hào kiệt hầu Đỗ Hào, tay chân thân tín của

1. Một chức quan võ nhỏ của triều đình nhà Nguyễn.

2. Cửa sông Hồng đổ ra biển.

3. Đồn quân.

4. Thuộc huyện Kiến Xương, Thái Bình.

5. Thuộc huyện Trực Ninh, Nam Hà.

Mậu Cúc, quê ở Trà Lý, được cử làm tiền đạo, đem quân dẫn đường.

Vừa đến Trà Lý thì bỗng gặp ngay Phan Bá Vành cùng mấy thủ hạ đang kéo đi trên đê. Nhác thấy viên chủ tướng nghĩa quân chồm dậy trên mình ngựa, vươn cánh tay vươn nắm lấy cây siêu đao, từ xa, tiền đạo Đỗ Hào đã khiếp đảm hô quân lùi lại. Trần thủ Lê Mậu Cúc lúc ấy vừa dẫn đại quân tới nơi, thấy vậy giận dữ thúc ngựa xông thẳng lên. Phan Bá Vành cũng lập tức phi ngựa tới đón.

Trống trận nổi lên âm âm như sấm động. Con đê Trà-lý bụi cuốn mù mịt. Quân đội triều đình dàn ra dọc đê, nín thở nhìn theo chủ tướng của mình. Đôi ngựa chiến mỗi lúc một lao tới gần nhau. Lê Mậu Cúc xưa nay vốn tự đắc về cái sức khỏe như thần của mình, biết Ba Vành chỉ còn ít quân, liền hăm hở xả ngọn thương, tới tấp tiến đánh ngay từ hiệp đầu. Thấy kẻ địch hùng hổ, viên thủ lĩnh nghĩa quân bỗng nổi cơn lôi đình, vừa găm hết, vừa vung siêu đao đánh trả. Đôi ngựa lúc chồm sát vào nhau, lúc vượt ra xa rồi lại quay vòng trở lại. Giao chiến đến hiệp thứ ba thì Phan Bá Vành đã đâm Lê Mậu Cúc một nhát trúng vai, hất Trần thủ Sơn Nam từ trên mình ngựa ngã nhào xuống chân đê.

Thấy chủ tướng thất trận, Đỗ Hào vội vã hô quân ào ra dìu Lê Mậu Cúc chạy lộn về. Phan Bá Vành cũng giật cương quay ngựa trở lại với đám thủ hạ của mình, lúc này đang nhảy dựng cả lên mà hò reo tưởng đến võ trời trước thắng lợi của chủ tướng.



Tin Trần thủ Sơn Nam-hạ Lê Mậu Cúc, danh tướng đất Bắc, phò mã của Hoàng triều bị tử trận trong khi

đem quân giao chiến với Phan Bá Vành, ồn ào bay đi khắp ngã.

Không, phải Mậu Cúc đã chết ngay sau khi bị Phan Bá Vành đâm ngã ở Trà Lý. Mang vết thương nằm giữa hàng quân, Mậu Cúc lúc ấy toan rút về trấn thánh cố thủ. Nhưng Phan Bá Vành đã đem đại quân đến khiêu chiến. Và Đỗ Hào nói khích Mậu Cúc: «Cứ như oai danh của tướng quân thì các giặc cỏ có mùi mẽ gì mà đáng bần gươm! Nếu tướng quân trước vội chùn lại, chẳng hóa ra bị bọn bộ tướng chế cười sao? Cỏ nhân có khi gượng bệnh, ngồi xe đi trận, huống chi giặc đang ở trước mắt mà tướng quân thì thương tích chưa đến nỗi chết...»⁽¹⁾. Trước tình thế ấy, Mậu Cúc đành gượng gạo tổ chức thủy đội, rồi xuống thuyền chỉ huy quân quan tiến đánh căn cứ của nghĩa quân Ba Vành một lần nữa. Nhưng Ba Vành đã đặt quân phục ở trên bờ, giấu thuyền nhỏ trong đám lau sậy, đợi khi thuyền Lê Mậu Cúc vừa chọt đến thì nhất tề đổ ra công kích dữ dội, chém chết Mậu Cúc giữa vòng vây.

Sau trận đánh lấy lòng danh tiếng ấy, oai danh Ba Vành và thanh thế nghĩa quân ầm ầm vượt lên như triều dâng sóng dậy. Cả một vùng rộng lớn trấn Sơn Nam dường như mất bóng chủ cũ. Dân các làng xóm gần xa đều tìm đến xin Vua Ba Vành che chở. Và được lệnh của viên thủ lĩnh nghĩa quân, không một ai phải nộp thuế cho quan, nộp thóc cho nhà giàu nữa. Những tên cường hào nhiều dân lập tức bị Vua Ba Vành trừng trị thẳng tay. Đời sống tự do no ấm không ngờ lại giành được quá nhanh! Cảm ân nghĩa ấy, dân cây từng đoàn từng đội lũ lượt xin nhập quân ngũ, đông như trảy hội. Và chẳng phải chỉ có người vùng đồng bằng Sơn-nam, mà từ miền thượng đạo Thanh Hóa, cả một cánh quân ba

1. Theo tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 83-1966, trang 52.

nghìn người Mường cũng theo chủ tướng Ba Hùm của họ kéo về hội binh với Ba Vành. Đất võ Trà Lũ⁽¹⁾ cũng cử những tay vật, tay khiên giỏi nhất cùng với tướng Hai Đương⁽²⁾ đi giúp Ba Vành. Dự vào hàng tả hữu của Ba Vành, chẳng bao lâu đã có tới ba chục thủ lĩnh có tài, cả văn lẫn võ. Ngoài Hữu quân Nguyễn Hanh, Thủ ngự sứ Vũ Đức Cát theo về từ trước, Ba Hùm, Hai Đương mới về theo, còn có Chiêu Liễn, Chiêu Văn⁽³⁾, Lang Đình⁽⁴⁾, Tú Ốc⁽⁵⁾, Nho Phương, Hai Hương, Hương Thước, Tuần Trường, Tuần Nghị⁽⁶⁾, Tư Tân, Chấn Diên, Ba Điều, Bất Hựu, Đốc Bồi...

Với cả một lực lượng hùng hậu ấy, Phan Bá Vành mở cờ đóng trống, đánh phá quân triều, giúp đỡ dân chúng khắp cả một vùng từ đồng bằng đến ven biển, và rồi vào năm Canh Tuất⁽⁷⁾, tung ra trận đánh quyết định của mình: tấn công Phủ Bo⁽⁸⁾.

Chiếm được Phủ Bo, Phan Bá Vành đang phân vân không biết nên án binh giữ phủ thành, hay là theo lời khuyên của các tướng, lại tung quân sang đánh thẳng

1. Các xã Xuân Bắc, Xuân Phương huyện Xuân Trường, tỉnh Nam-Hà ngày nay.

2. Còn gọi là Hai Đàng, tên thật là Trần Văn Đàng, tương truyền là tay đánh khiên giỏi nhất vùng Trà Lũ ở thời Nguyễn.

3. Những tên này chỉ người con em nhà quan. Tương truyền Chiêu Liễn là người văn võ kiêm toàn, giữ chức quân sự cho Ba Vành.

4. Tên gọi này là một tên Mường.

5. Tên gọi này chỉ người nho học đã đỗ đạt.

6. Những tên gọi này chỉ người phụ trách việc võ bị ở huyện hoặc tổng.

7. Năm 1826.

8. Tức phủ thành Kiến Xương, nay là thị xã Thái Bình.

lấy tỉnh thành Vị Hoàng⁽¹⁾, thì bỗng được tin Bắc thành⁽²⁾ tổng trấn đã cử Thống chế Trương Phúc Đặng đem đại quân tới đánh. Binh mã triều đình đã qua bến Mỹ Bồng và đang men theo đường Thụ Tri⁽³⁾ xuôi xuống, khi thế rất mạnh. Tướng Hai Đương lập tức xin được ra quân cự địch, rồi, tay khiên tay đao, dẫn ngay cánh quân bản bộ tiến lên phía trước. Gặp quân triều đình, Hai Đương lẫn xả vào giữa hàng trận mà chém giết, Phúc Đặng, Hai Đương tuy đã cố sức tả xung hữu đột. Đây chính là đám quân tiền đạo của Thống chế Trương nhưng quân triều đình vẫn cứ ùn ùn kéo tới ngày một đông. Không cản nổi kẻ địch quá mạnh, Hai Đương phải thu quân chạy lộn trở về. Trương Phúc Đặng thấy trời sắp tối, bèn cũng đóng binh nghỉ lại.

Thấy Hai Đương thua trận, Phan Bá Vành nổi giận đùng đùng, một mặt hạ lệnh đem chém ngay đầu Hai Đương để làm gương, một mặt quát bảo tả hữu đốt đuốc cho mình ra trận tìm Trương Phúc Đặng thách đánh ngay đêm ấy. Chiêu Liên và các tướng phải xúm lại xin mãi tội chết cho Hai Đương, và can mãi mới đành được lệnh ra quân đánh đêm của Ba Vành. Nhưng đến tờ mờ sáng hôm sau thì Ba Vành đã nai nịt gọn gàng, cưỡi ngựa, xách siêu đao, dẫn quân đến trước trại Trương Phúc Đặng rồi.

Lúc bấy giờ, cửa trận bên quân triều đình cũng mở ra, và Thống chế Trương Phúc Đặng cưỡi ngựa hồng, cầm côn sắt xuất hiện! Chẳng nói chẳng rằng, Phan Bá Vành thúc ngựa vung đao xông đến đánh ngay. Hai bên chủ tướng giao đấu một trận thật kịch liệt. Trương Phúc Đặng là tay võ tướng trụ cột của triều đình, vậy mà

đánh mãi cũng không đổ được Phan Bá Vành. Còn viên chủ tướng nghĩa quân thì cũng đã cố hết sức mà vẫn không hạ nổi Trương Phúc Đặng. Cuối cùng, người, ngựa đều đã thấm mệt, đôi bên cùng thu quân về nghỉ.

Ngày hôm sau, hai viên chủ tướng lại cùng nhau giao chiến một trận kịch liệt nữa. Nhưng vẫn bất phân thắng bại.

Đến ngày thứ ba thì cả đôi bên quân tướng đều đã quá hồi hộp, sốt ruột. Trương Phúc Đặng, sau mấy ngày nghiền ngẫm và được lũ mưu sĩ thuộc hạ mách nước, quyết tìm cách ám toán, hạ ngay Phan Bá Vành từ xa. Vừa vào cuộc giao đấu, lựa lúc viên chủ tướng nghĩa quân còn đang gò ngựa chạy tới. Phúc Đặng đem hết sức bình sinh quăng cả cây côn sắt vào mặt Ba Vành. Nhiều tiếng thét thảng thốt hoặc đặc chí bật lên từ hai bên hàng trận. Nhiều người đã chắc mẩm phen này Ba Vành phải trận vong. Không ngờ viên chủ tướng nghĩa quân nhanh mắt đã kịp nhào người nép vào bên kia cõ ngựa để tránh ngọn đòn ám hại: cây côn sắt chỉ đập vỡ tan sọ con vật!

Ngã lăn từ mình ngựa xuống đất, Ba Vành chồm ngay dậy và chạy lùi trở về mười bước. Vừa lúc ấy, cu Vò đã học lên một tiếng, cầm đầu xông tới sát bên cạnh chủ tướng, hai tay ôm khư khư một bó lao nhọn. Ba Vành choãi chân đứng lại: «Được, Phúc Đặng, mi đã buộc ta phải dùng đến ngọn đòn sỏ trường rồi đó!»

— Coi đây! — Ba Vành quát lớn, mắt long lên sòng sọc.

Nhanh như chớp, ngọn lao quen thuộc, như bao lần, vừa truyền từ tay người hầu cận trung thành tới tay Ba Vành đã rít lên, bay vù vù tới chỗ Trương Phúc Đặng. Viên thống chế triều đình cả kinh, bất giác né người, vung tay lên: Phúc Đặng đã chớp gọn được ngọn lao trong tay! Những tiếng ồ kinh ngạc loang ra khắp bãi chiến trường. Nhưng ngọn lao thứ hai đã lại từ tay

1. Tức thành phố Nam Định bây giờ.

2. Đơn vị hành chính thời Nguyễn, bao gồm miền đất đai từ Ninh Bình đổ ra tới biên giới phía Bắc.

3. Nay đều thuộc Thái Bình.

Ba Vành vù vù bay tới. Và Phúc Đặng lại né người, vung cánh tay bên kia lên, bắt được! Tiếng reo hò nổi lên đây đó. Viên thống chế nhà Nguyễn đặc chỉ hai tay giơ cao hai ngọn lao, hai bắp đùi kẹp chặt lấy mình ngựa, vươn thẳng người, xô ngựa xông bừa vào chỗ Ba Vành đang đứng, khí thế thật dữ dội.

Gầm lên một tiếng văng óc, viên chủ tướng nghĩa quân giật lấy ngọn lao cuối cùng trong tay cu Vô, qui rạp xuống, nhắm đúng ngực Trương Phúc Đặng phóng ngược mũi nhọn lên, đà bay như gió bão của miếng phóng lợi hại dội vào cái thế xô tới hùng hổ của viên tướng triều đình, khiến cho ngọn lao của Ba Vành chỉ trong nháy mắt đã xuyên suốt qua người Trương Phúc Đặng ném tung ngược viên thống chế nhà Nguyễn lên trời⁽¹⁾.

Điều kết thúc xảy ra quá đột ngột. Nghĩa quân Ba Vành lập tức ào lên, đánh cho không còn mảnh giáp cả một đạo quân lớn của triều đình.

III

Vua Minh Mệnh từ khu hồ sen, trong cấm cung theo đường hồi lang⁽²⁾ vào nghỉ ở vườn Thư Quang⁽³⁾. Tên vua thứ hai của triều Nguyễn này vừa làm xong cái công việc hàng ngày mùa hè của hoàng đế: bắt cả bầy

1. Trận giao chiến giữa Phan Bá Vành và Trương Phúc Đặng này, viết theo tài liệu của cụ Hoàng Bỉnh, sách đã dẫn. Kiểu chiến trận như thế này, rất cổ, vậy mà vẫn phổ biến ở thời Nguyễn.

2. Đường vòng có lợp mái.

3. Khu vườn này làm vào đời Minh Mệnh nhà Nguyễn (1821 — 1840), ở góc Hoàng-thành tại kinh đô Huế, gồm có lầu, viện, điện, hiên và hồi lang, tốn phí hàng mấy vạn quan tiền.

vợ hàng trăm người của y trần truồng ra tắm ở hồ sen để y ngồi xem.

Minh Mệnh bần thần, có ý không vui: hoàng đế vừa chợt thấy trong đám vợ của y đã nhiều người có dáng quá tuổi đời mười! Loay hoay với điều ám ảnh ấy, chợt thấy quan Thượng bảo khanh Hoàng Quỳnh đã kinh cần chực sẵn ở thềm điện, Minh Mệnh giở giọng truyền phán ngay:

— Hai ba năm nay đại hạn luôn, khiến dân tình cơ cực, lòng người không yên. Các trấn thành hay tàu việc giặc cỏ nổi lên cướp phá... — Hoàng đế ngừng lại, nhấp ngum sâm trong chiếc chén ngọc do viên nội giám vừa qui dâng — « Trẫm nghĩ chưa rõ vì cớ gì! Hay tại đàn bà con gái bị giam hãm ở trong cung nhiều, khí âm uất tắc mà nên thế chẳng? Nay lũ họ ở trong cung cũng không nhiều lắm, song hãy tạm lựa cho ra bớt một trăm người, may ra tai biến giảm đi chẳng? ».⁽¹⁾

Minh Mệnh lại nhấp ngum sâm nữa. Và trong khi chờ cho chức Thượng bảo khanh Hoàng Quỳnh kia lĩnh kỹ thánh ý, trước khi truyền phán tiếp về việc phải chọn thêm con gái trẻ đẹp nhập cung thay thế vào chỗ phi tần sẽ bị thải ra, hoàng đế lơ đãng lật chồng sổ mà quan Cơ mật đã đặt sẵn ở án thư để chờ ngài ngự lãm. Nhưng vừa mới xem lướt qua mấy chữ, Minh Mệnh đã giật mình thất sắc. Mối hiểm họa Ba Vành ở Bắc-thành mà y hằng quan tâm, giờ đã trở nên quá lớn rồi! Tập sở tàu việc phò mã Lê Mậu Cúc, thống chế Trương Phúc Đặng nối tiếp nhau tử trận, nông dân Bắc-thành rầm rộ đi theo Phan Bá Vành... bị vò nát trong các ngón tay run rẩy co quắp từ lúc nào chẳng biết! Minh Mệnh phút

1. Câu nói này của Minh Mệnh, sách *Đại Nam thực lục* chép vào năm 1825.

chốc quên phắt cả việc cung tần mỹ nữ, vội vã hạ lệnh: triệu tập ngay viện Cơ mật!⁽¹⁾

Trong cuộc nghị bàn với viện Cơ mật hôm ấy, lúc đầu, quá hoảng sợ trước phong trào nông dân khởi nghĩa do Phan Bá Vành cầm đầu, hoàng đế nhà Nguyễn đã tính toán đến sự phải thân chinh. Nhưng sau đấy Minh Mệnh lại thay đổi ý kiến: những đại thần cột trụ triều đình phải đi làm việc đó chứ không phải là hoàng đế! Vậy trước hết hãy sai Tiền quân thống quản tiếp kinh thập cơ Phạm Văn Lý làm thống tướng, Binh bộ thị lang Nguyễn Công Trứ làm tham tán, thủy quân đô thống Phan Bá Hùng điều bát Hải đạo binh thuyền. Sau đấy, lại điều Phó đô thống chế, Nghệ An trấn thủ Nguyễn Văn Hiếu làm Sơn Nam kinh lược đại sứ, Hình bộ thượng thư Hoàng Kim Xán, Binh bộ thị lang Thân Văn Duy làm Tham biện Kinh lược sự vụ. Cả một bầy quan tướng ấy đều phải lập tức lên đường, triệt cho kỳ được mối hiểm họa Ba Vành để ngài ngự được thanh thần mà đi dưỡng thân vàng mình ngọc!

★
★★

Phan Bá Vành đứng lên chòi cao của đại đồn Trà Lũ⁽²⁾ nhìn ra cánh đồng trống trước mặt. Bụi đất ở đấy vẫn còn chưa tan. Dư âm của những hồi trống trận vẫn còn chưa ắt. Ánh nắng xiên khoai đục vẩn một màu vàng dữ dội của buổi chiều chiến trường. Nghĩa quân của tướng Hai Đàng lại vừa tay khiên tay đao phá tan một cánh quân triều đình ở đấy.

1. Cơ quan tham mưu và quyền lực tối cao của triều đình nhà Nguyễn.

2. Nay thuộc huyện Xuân Trường (Nam Hà).

Đại quân triều đình mấy trận gần đây dường như đã đổi cách đánh. Hồi mới kéo quân tới Sơn Nam, thống tướng Phạm Văn Lý đã khiến Phan Bá Vành phải khó chịu vì cách đánh của hắn. Văn Lý né tránh tất cả các cuộc giao chiến với nghĩa quân. Cùng với tham tán Nguyễn Công Trứ, có hải thuyền của Phan Bá Hùng hỗ trợ, hắn đóng quân thành những đồn lớn, vây quanh vùng hoạt động của Phan Bá Vành. Quân của Văn Lý chỉ thỉnh thoảng mới đóng súng thần công nã vào trại quân Ba Vành, còn thì chủ yếu là làm vây cánh cho bọn Kinh lược Nguyễn Văn Hiếu, tham biện Hoàng Kim Xán và Thân Văn Duy trị dân, triệt đường lương thảo của nghĩa quân. Những đồn quân của Văn Lý như thế, thường được phòng thủ khá vững. Có lần, chính Phan Bá Vành đã thân đem năm nghìn nghĩa quân, tất cả đều trần trụi, chỉ đóng khố bằng bẹ chuối, giữa ban đêm vác trường đao lẫn xả vào phá đồn của Văn Lý, xung sát đến ba lần mà vẫn không vào được quân doanh của hắn.

Vương quán của Văn Lý, các cánh nghĩa quân của Ba Vành dần dần đều phải tụ về quanh chủ tướng. Và Ba Vành đã phải đưa tất cả về vùng đất võ Trà Lũ này, xây đại đồn, cố thủ. Nhưng đồn được nghĩa quân về vùng này rồi, Văn Lý xem ra lại muốn đổi cách đánh. Hắn bắt đầu tung lực lượng, giao chiến đàng hoàng với nghĩa quân. Mấy trận đánh dữ dội như trận đánh với Hai Đàng chiều nay đã xảy ra. Dân Trà Lũ, từ nhỏ đã học sử dụng khiên đao, khét tiếng đất võ, lần này theo Ba Vành, đã mấy trận làm quân triều đình khiếp vía. Nhưng liệu có đánh mãi được thế không?

Đứng trên chòi cao của đại đồn Trà Lũ chiều hôm ấy, nhìn các thủ lĩnh nghĩa quân đang quây lấy tướng Hai Đàng vừa thắng trận trở về, cặp mắt sắc như gươm của Phan Bá Vành thoáng một nét đăm chiêu. Đôi mày nét mác cau lại, Ba Vành thấy dội lên bên tai lời các tướng

Chiêu Văn, Bất Hựu nói với mình mấy hôm trước: « Giặc đã vào sâu rồi! Ta nên nhân lúc thế lực của giặc chưa dày mà đánh cho mỏng đi! »⁽¹⁾. Đúng, có lẽ phải như thế! Cần đốc toàn lực, nhân lúc Phạm Văn Lý đang còn điều quân tới chưa đủ mà đánh một trận sống mái, nếu không phá được giặc thì cũng mở được vây, kéo đi gây dựng lại cơ đồ ở vùng khác. Nhưng, chỉ mới nghĩ đến đây, Ba Vành đã thấy phân vân ngần ngại... Những giọt nước mắt, rồi những tiếng nói nũng nịu, những bàn tay ve vuốt, những cử chỉ chiều chuộng của người vợ lẽ mới, giờ chắc đang chờ đợi Ba Vành ở nhà, bỗng lái hẳn chiều suy nghĩ của viên chủ tướng nghĩa quân về một hướng khác. Ba Vành xoay người, bước vội xuống chòi.

Quả nhiên, người đàn bà mặt hoa da phấn đã đứng đợi Ba Vành trước thềm nhà. Bị bắt trong trận đánh Phủ Bo ngày trước, Thị Tú, người đàn bà ấy — con gái yêu của tri phủ Trần Thước, may nhờ sắc đẹp và tài khéo, nên chẳng những thoát chết mà còn được Phan Bá Vành dung nạp làm vợ lẽ. Rất biết lợi dụng sắc đẹp và tài khéo của mình, Thị Tú ngày càng khiến được viên chủ tướng nghĩa quân say đắm, đi đâu cũng mang theo bên mình. Và đến bây giờ thì, ngấm thông đồng với Phạm Văn Lý, Thị Tú càng gắng mang sắc đẹp và tài khéo của mình để thi hành kế sách của viên thống tướng triều đình: giữ chặt Ba Vành ở Trà Lũ để quân triều tiêu diệt!

Đón Phan Bá Vành bước qua bậc cửa, Thị Tú vừa phe phẩy quạt và lần tay cởi áo cho viên chủ tướng nghĩa quân, vừa cất giọng ôn thót:

— Thiếp xin kính mừng tướng quân lại thắng trận. Tiệc rượu mừng thiếp đã dọn đây! Lũ quân triều hèn

1. Theo tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 83 — 1966, trang 53.

dồn ấy, xin cứ để chúng kéo đến cho thêm đông, nuôi chúng cho thêm béo, rồi khi ấy tướng quân hãy ra oai một trận sấm sét, chẳng việc gì phải bận lòng nhọc sức...

Quàng cánh tay trần qua vai Ba Vành, kề chén rượu lên môi viên chủ tướng nghĩa quân, con rắn độc của Phạm Văn Lý đang nhả nọc mỹ nhân kế, nổi giáo cho quân triều đình..

*
**

Các tướng của Ba Vành cuối cùng cũng giật được thủ lĩnh của họ ra khỏi mạng lưới mỹ nhân kế.

Một buổi sớm, đưa được Ba Vành đi tuần thám một lượt khắp bốn bề đại đồn Trà Lũ, Chiêu Liễn, Nguyễn Hạnh đã chỉ cho chủ tướng thấy rõ bên quân triều đình, dinh trại cờ quạt la liệt san sát khắp đồng nội, quây chặt lấy nghĩa quân không còn một kẽ hở. Thế trận liên hoàn của Phạm Văn Lý dồn nghĩa quân vào tử địa đã bày xong! Giờ mà tung quân ra đánh phá thì muộn mất rồi — Phan Bá Vành uất nghẹn đến tận cổ, trợn mắt hộc lên một tiếng.

Ngay ngày hôm ấy, lộ rõ chân tướng, Thị Tú bị điệu ra chém đầu. Và nghĩa quân cùng với nghĩa dân Trà Lũ được lệnh sắm sửa mai, cuốc, thùng sọt, sẵn sàng cùng với binh khí của mình. Đợi đêm đến, họ sẽ khơi một con ngòi chạy suốt từ sông Cát Giang thông sang đến sông Ngô Đồng⁽¹⁾ mở đường máu để Ba Vành phá vây.

Con ngòi kỳ lạ đã làm xong chỉ trong một đêm⁽²⁾. Mờ sáng, nghĩa quân Ba Vành theo đường sông đào, ồ ạt đổ ra ngoài. Họ đã liều chết tả xung hữu đột, giao

1. Sông chảy qua huyện Xuân Trường (Nam Hà) ngày nay.

2. Theo truyền thuyết dân gian, người địa phương gọi tên con ngòi này là « Cống Vành » để ghi nhớ người thủ lĩnh nghĩa quân đã chủ trương và đôn đốc đào ngòi.

chiến với quân triều đình suốt cả ngày hôm ấy, máu chảy đỏ cả đoạn sông.

Nhưng rồi vòng vây vẫn không phá được. Quân triều đình, hết lớp này đến lớp khác, kéo tới như kiến cỏ. Và khi chiều đến thì Phan Bá Vành cũng trúng thương ở đùi. Tả hữu tan tác mỗi người một ngả, chỉ còn một mình Cu Vò — vẫn người thủ hạ trung thành ấy — bên mình đeo một ống vầu đựng rượu, xả thân công chủ tướng tháo chạy.

Trong sáu ngày đêm, giấu Ba Vành trong một vạt lau rậm bên bờ tả ngạn sông Đồng Giang, dùng chỗ rượu trong chiếc ống vầu duy nhất còn bên người, Cu Vò nâng giắc, chữa chạy vết thương cho chủ tướng. Sang ngày thứ bảy, rượu hết, Vò lần ra bờ sông mức nước. Vừa vác được ống vầu về rửa vết thương cho Ba Vành thì đã thấy có tiếng động: một người đàn bà bắt cua tỉnh cờ nhác thấy bóng người trong bụi lau hoang dại, đã tò mò theo hút Cu Vò, lần vào đến tận nơi.

Gặp cảnh kinh lạ, người đàn bà vừa hoảng hết toan chạy trốn thì Ba Vành đã ôn tồn gọi lại. Biết đây là người Hoàng Nha⁽¹⁾, viên thủ lĩnh nghĩa quân gọn giọng nói:

— Chị có biết cai tổng Lê Tuấn không? Hắn là con của người môn hạ ta đó! Về bảo hắn đến đây, ta sẽ giao cả thân ta cho hắn... ⁽²⁾

Biết trước mặt mình là *Vua Ba Vành*, người đàn bà sụp xuống lạy ba lạy, và phải đề giục đến mấy lần, mới nước mắt ròng ròng mà quay đi. Rồi cai tổng Lê Tuấn đã hối hả tìm đến ngay sau đấy, đem theo cả vồng lọng.

Rước Phan Bá Vành về nhà, ba ngày liền, Lê Tuấn cung kính thuốc thang, cơm rượu phục dịch hết lòng.

1. Nay vẫn là xã Hoàng Nha, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Hà.

2. Theo tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số đã dẫn, trang 54.

Đến ngày thứ tư, theo lệnh của người thủ lĩnh nghĩa quân, viên cai tổng cho đóng một chiếc cũi lớn, khiêng đến bên sập của Ba Vành.

Chít một chiếc khăn màu đỏ rực lên đầu, Ba Vành ung dung bước vào cũi, để cho tay chân của Lê Tuấn khiêng đi nộp quan lấy thưởng. Người thủ lĩnh nghĩa quân ngồi yên lặng trong cũi suốt một đoạn đường dài. Đến địa phận xã Đồng Phú, huyện Thượng Nguyên⁽¹⁾, những người khiêng cũi đang chạy gần bỗng thấy tay đòn lắc đảo dữ dội và Ba Vành lão đảo ngả vật: người thủ lĩnh nghĩa quân đã móc rốn, moi ruột, tự tử⁽²⁾.

Bấy giờ là năm Đinh-Hợi, đời Minh Mệnh thứ tám⁽³⁾.

IV

Hơn 20 năm sau.

Miền Sơn Nam lại một lần nữa sôi lên sùng sục. Tráng đinh các thôn làng đua nhau sắm khiên, rèn dao, luyện võ. Căm ghét triều đình nhà Nguyễn đến tận xương tủy, trẻ già nơi nơi sôi nổi truyền cho nhau cái tin « Vua châu chấu » đã nổi ở Mỹ Lương⁽⁴⁾, chỉ nay mai sẽ kéo về, kén quân, chọn tướng ở vùng này, làm cuộc đổi đời.

1. Miền đất phía nam huyện Mỹ Lộc (Nam Hà) ngày nay.

2. Bọn phong kiến phản động nhà Nguyễn sau đấy đã phanh thây Ba Vành làm bốn mảnh, còn đầu thì chặt đem bêu khắp các miền đồng bằng, ven biển — địa bàn của cuộc khởi nghĩa do Ba Vành lãnh đạo.

3. Năm 1827.

4. Năm 1854, Cao Bá Quát nổi dậy chống phong kiến nhà Nguyễn ở Mỹ Lương (Mỹ Đức, Hà Tây). Năm ấy có từng đám mây châu chấu bay rợp từng cánh đồng, phá hoại mùa màng. Sử nhà Nguyễn gọi cuộc khởi nghĩa Cao Bá Quát là « giặc châu chấu ».

Vào những ngày ấy, ở các phiên chợ Sơn Nam, thấy xuất hiện một người hát rong. Con người gầy guộc, râu tóc mới chớm hoa râm ấy đã cuốn hút người nghe, người xem, bằng một giọng hát rõ trầm mà nặng, bằng lối hát rất kỳ lạ: cười đấy, khóc đấy, khi thì hào hùng sôi nổi, khi thì lắng đọng xót xa, và nhất là bằng lời hát thật mê say:

« Nghênh ngang một cõi biên thù
Thiếu gì tướng tá, thiếu gì binh lương... »⁽¹⁾

Cuộc khởi nghĩa của Ba Vành đã sống dậy cùng với người chủ tướng kiệt liệt của nó qua những lời hát ấy.

Và con người đang truyền đi những lời hát ấy chính là Cu Vô, người hầu cận trung thành của viên thủ lĩnh nghĩa quân năm xưa...

VĂN LANG

MỤC LỤC

— Lời giới thiệu (Nhà xuất bản Thanh niên)	3
— Tựa (Văn Tân viết)	7
— Hai Bà Trưng (Văn Lang viết)	13
— Đinh Bộ Lĩnh (Nguyễn Anh viết)	34
— Trần Quốc Toàn (Quỳnh Cư viết)	52
— Chu Văn An (Nguyễn Anh viết)	80
— Nguyễn Trãi (Quỳnh Cư viết)	97
— Lương Thế Vinh (Quỳnh Cư viết)	134
— Ngô Thi Nhậm (Văn Lang viết)	153
— Hồ Xuân Hương (Nguyễn Anh viết)	175
— Phan Bá Vành (Văn Lang viết)	202

1. Câu hát dân gian trong bài Về Ba Vành